

QUY HOẠCH XÂY DỰNG

QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Số 74 Năm thứ mười hai - Construction Planning Magazine

Chuyên đề: Không gian công cộng trong đô thị

SỐ 74 NĂM 2015

SỐ 74

ISSN 1859 - 3054

NHA TRANG
THÀNH PHỐ DU LỊCH HẤP DẪN VỚI MÔI TRƯỜNG SỐNG TỐT

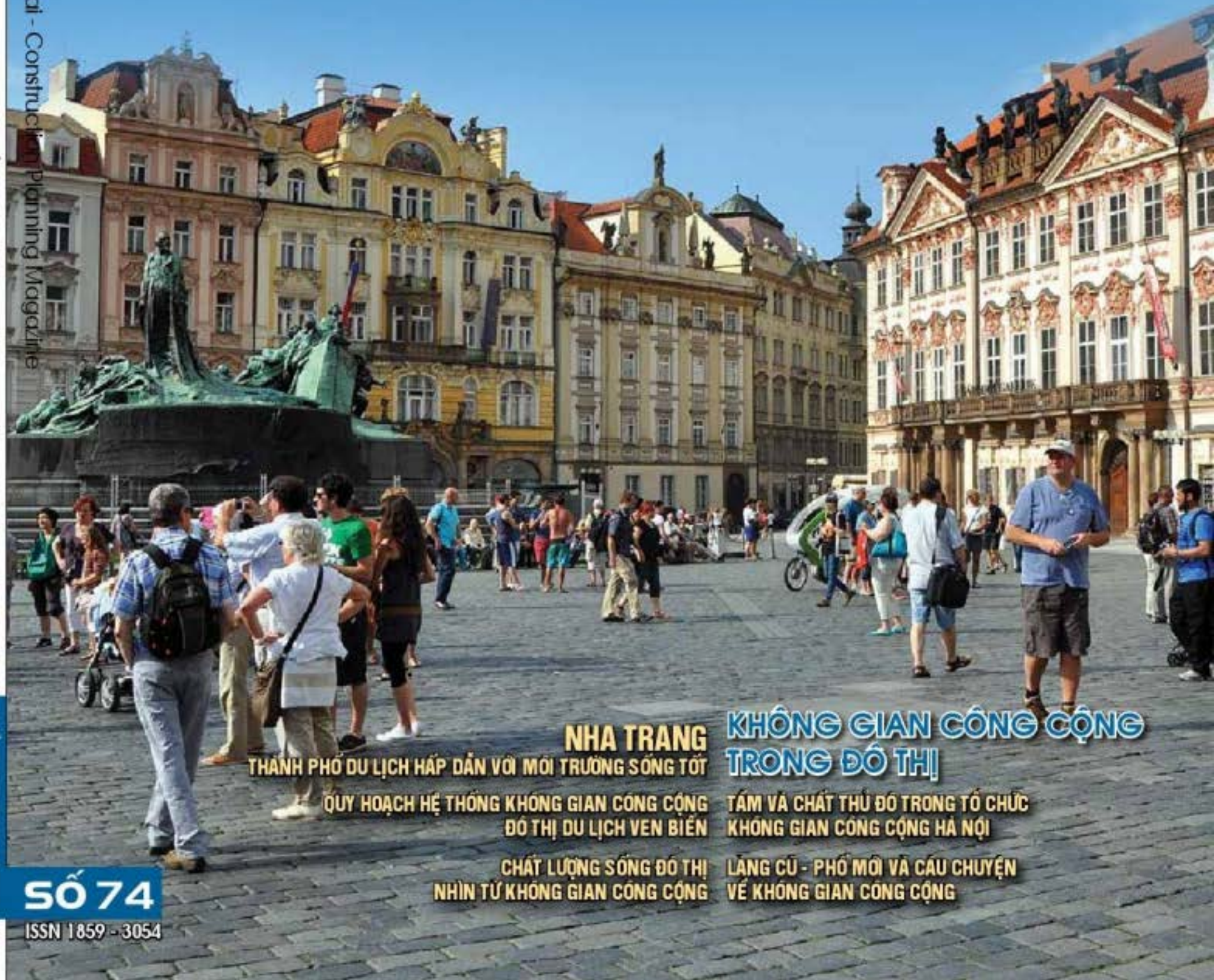
QUY HOẠCH HỆ THỐNG KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG
ĐÔ THỊ DU LỊCH VEN BIỂN

CHẤT LƯỢNG SỐNG ĐÔ THỊ
NHÌN TỬ KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG

**KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG
TRONG ĐÔ THỊ**

TÁM VÀ CHẤT THỦ ĐÓ TRONG TỔ CHỨC
KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG HÀ NỘI

LÀNG CŨ - PHỐ MỚI VÀ CÂU CHUYỆN
VỀ KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG



URBAN DESIGN

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA - BỘ XÂY DỰNG
VIETNAM INSTITUTE FOR URBAN AND RURAL PLANNING - MINISTRY OF CONSTRUCTION

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CUỐN SÁCH

'THIẾT KẾ ĐÔ THỊ' TRONG QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM"

Đơn vị phát hành:

Tạp chí Quy hoạch xây dựng - Tầng 7 số 10 Hoa Lư - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Tel: 04-39741942 * Email: tapchiquyhoach@gmail.com





QUY HOACH
XÂY DỰNG

SỐ 74

Ảnh bìa: G.Net

QUY HOACH

Tổng biên tập/ Editor in Chief
ThS. KTS. **NGÔ TRUNG HẢI**

Phó Tổng biên tập/ Deputy Editor
NB. **PHẠM HOÀNG TỬ**

Hội đồng khoa học/ Editorial Adviser Council
PGS. TS. **NGUYỄN QUỐC THỐNG** (Chủ tịch)
KTS. **TRẦN NGỌC CHÍNH**
PGS. TS. **LƯU ĐỨC HẢI**
PGS. TS. **TRẦN TRONG HẠNH**
GS.TS. **LÊ HỒNG KẾ**
GS. TSKH. NGND. **NGUYỄN THẾ BÀ**
GS.TSKH. **NGÔ THẾ THI**

Ban cố vấn/ Advisory board
TRẦN PHƯƠNG THẢO
LÀ KIM NGÂN ■ ĐỖ TÙNG LAN
NGUYỄN HỒNG TIẾN ■ ĐÀM QUANG TUẤN
TRƯƠNG VĂN QUẢNG ■ LƯU ĐỨC CƯỜNG
PHẠM HUỆ LINH ■ VU CHÍ ĐỒNG

Ban biên tập/ Editorial board
PHẠM HOÀNG TỬ
BÙI CHUNG HẬU ■ NGUYỄN THUY ANH
NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC ■ NINH HOÀNG HẠNH

Thư ký tòa soạn/ Sub Editor
BÙI CHUNG HẬU

Trị sự:
TÀ THU HÀ

Thiết kế mỹ thuật/ Designer
NGUYỄN MINH TỬ

Liên hệ Quảng cáo - Phát hành
tapchiquyhoach@gmail.com
Tel: (04) 3.9741942 - 0989080987

Tòa soạn
Add: **SỐ 10 HOA LƯU - HÀ NỘI**
■ Email: **tapchiquyhoach@gmail.com**
■ Website: **www.tapchiquyhoach.com**
■ Tài khoản: **Tạp chí Quy hoạch xây dựng 10201 00000 8001-5**
Ngân hàng TMCP Công Thương VN chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội
■ Mã số thuế: **0102735395-003**

Giấy phép xuất bản số:
16/GP-BTTTT cấp ngày 10/1/2014
■ In tại: **NHÀ MÁY IN BẢN ĐỒ**

GIÁ: 35.000 VND



Tạp chí QHXD vinh dự đón nhận những lẵng hoa tươi thắm cùng những lời chúc mừng từ Ban lãnh đạo Bộ Xây dựng, VIUP, các nhà quy hoạch, các KTS cùng những độc giả thân thiết nhân kỷ niệm 90 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2015)

Bạn đọc thân mến!

Trong cấu trúc không gian đô thị, không gian công cộng là một thành phần không thể thiếu. Bởi nó giống như những chiếc “van” giúp giảm áp lực cuộc sống đang ngày càng trở nên căng thẳng giữa đô thị đông đúc, chật chội. Trong cái nóng của ngày hè, chúng ta càng cảm thấy cần hơn nữa những không gian như thế!

Câu chuyện đang được các chuyên gia đô thị và cộng đồng hết sức quan tâm sẽ là chủ đề xuyên suốt nội dung tạp chí Quy hoạch xây dựng số 74 – KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG TRONG ĐÔ THỊ.

Các khía cạnh của “Không gian công cộng” sẽ được dẫn dắt từ khái niệm cho tới các phân tích, đánh giá qua loạt bài viết của nhiều chuyên gia trong và ngoài nước về lĩnh vực này.

Sự đa dạng và phong phú trong nội dung của tạp chí Quy hoạch xây dựng còn là việc mở rộng nhiều hình ảnh, thông tin hấp dẫn. Không chỉ đơn thuần là việc giới thiệu những không gian công cộng, mà tạp chí còn đề cập tới các tiện ích, những điều đặc biệt thú vị trong không gian này.

Hòa cùng không khí chung của cả nước chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp, Tạp chí trân trọng giới thiệu sự kiện Đại hội Đảng bộ VIUP nhiệm kỳ 2015-2020.

Hình ảnh của Nha Trang - thành phố du lịch hấp dẫn có môi trường sống tốt là không gian thư giãn mà tạp chí gửi tặng độc giả trong chuyên mục *Đô thị bốn phương* kỳ này.

Giá trị của một cuốn tạp chí chuyên ngành vẫn luôn có những người bạn đồng hành, là những đồ án, những nghiên cứu của giới chuyên môn. Tạp chí tiếp tục gửi tới bạn đọc thành quả của các bạn sinh viên xuất sắc và các tác phẩm của các nhà đô thị.

Trân trọng mời quý độc giả đón đọc!

TẠP CHÍ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

CONTENTS

PUBLIC SPACES IN URBAN

Events

- Gia Bao ■ VIUP Committee of Party: Reserve the highest priority to complete the assigned tasks by the State and the Ministry of Construction 4

Information

- Huy Minh ■ International information 6
 Nguyen Huy ■ In-country information 8
 Hoang Hanh ■ Real estate Information 10

Urban areas everywhere

- Moc Co - Tu Lan ■ Nha Trang evolve constantly for the qualitative and sustainable habita 11
 Phuong Thao ■ Interview 15
 ■ I-resort: Wonderful relaxing space 18
 ■ Bai Duong Park Project 20

Concepts

- Pham Thuy Loan ■ Concept about Public Space 24
 Pham Thuy Loan ■ Public spaces in residential areas from the theoretical view 25

Forum

EXPERTS AND MANAGERS OPINIONS

- Nguyen Minh Hoa ■ The attraction of public space 29
 Nguyen Dang Son ■ Urban living quality from public space view 32
 Stephanie Geertman ■ The friendly public spaces for Hanoi youth 35
 Vu Hiep ■ Pedestrian streets in the context of Vietnamese cities 38
 Nguyen Phu Duc ■ Level and quality of the Capital in urban spaces organization in Hanoi 42
 Pham Thi Thanh Hien ■ Hanoi public spaces mapping – The change between 2000 and 2010: Access to space and quality 46
 Tran Thi Huong Giang ■ Old Village - New city and story about the public space 52
 Truong Van Quang ■ Planning for the public space system of coastal tourism urban 56
 Nguyen Trung Dung ■ Preserve and promote the cultural values of sea in the spatial planning of coastal metropolis 60
 Vu Chi Dong ■ Natural elements with the coastal public spaces planning and development of tourism urban in Vietnam 64
 Vu Tuan Vinh ■ Integrate the solutions to Respond to Climate Change in the public spaces planning of coastal urbans in Vietnam 69
 Hoang Tan Truc ■ International experience in the design of coastal public space planning ensuring access and adapt to climate change 72

Urban design

- Nguyen Hong Diep ■ Urban design with public space 76
 Nguyen Dai Thang ■ Walking Street Bai Chay 80

Planning and worldwide architecture

- Huy Thuc ■ The cool toilets in the world 82

Plans and authors

- Nguyen Trong Hoa ■ Research to handle the challenges in planning and management of urban construction planning in the city. HCM to understand and comply with zoning regulations under the Urban Planning Law 85
 Authors group ■ Planning status and base to suggest some task contents of urban planning deployment of Hanoi National University in Hoa Lac towards sustainable development. 88
 Ngo Le Minh ■ Action Research in Urban Planning - Towards a stronger participation of the community 92

Multi-sectors

- Nguyen Thu Hanh ■ "Breakthrough Thinking" - The new door for development of tourism products in Vietnam 96

For students

- Gia Bao ■ Present the excellent graduation planning projects of University of Civil Engineering 98



Không gian công cộng những góc nhìn từ lý thuyết



Quy hoạch hệ thống KCCC đô thị du lịch ven biển



Tuyến đi bộ trên cao khu du lịch Bãi Cháy - Hạ Long
 Giải pháp thiết kế đô thị cho không gian công cộng



Giới thiệu đồ án tốt nghiệp xuất sắc ngành Quy hoạch
 Đại học Xây dựng



Chuyên đề:
KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG TRONG ĐÓ THỊ

Trong **SỐ NÀY**

Sự kiện

- Gia Bảo* ■ Đăng bộ VIUP: Dành ưu tiên cao nhất cho việc hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước và Bộ Xây dựng giao. 4

Thông tin

- Nguyễn Huy* ■ Tin Trong nước 6
Huy Minh ■ Tin quốc tế 8
Hoàng Hạnh ■ Tin bất động sản 10

Đô thị bốn phương: Nha Trang – thành phố du lịch hấp dẫn với môi trường sống tốt

- Đỗ Tú Lan - Mộc Cỏ* ■ Nha Trang không ngừng phát triển vì môi trường sống chất lượng và bền vững 11
Phương Thảo ■ Phỏng vấn Bí thư thành ủy TP. Nha Trang 15
■ I-resort – Không gian thư giãn diệu kỳ 18
■ Dự án Cổng viên Bãi Dương 20

Khái niệm

- Phạm Thủy Loan* ■ Khái niệm về Không gian công cộng 24
Phạm Thủy Loan ■ Không gian công cộng Những góc nhìn lý thuyết 25

Diễn đàn

Ý KIẾN CHUYÊN GIA & NHÀ QUẢN LÝ

- Nguyễn Minh Hòa* ■ Lực hút của không gian công cộng 29
Nguyễn Đăng Sơn ■ Chất lượng sống đô thị nhìn từ không gian công cộng 32
Stephanie Geertman ■ Những không gian công cộng thân thiện với thanh niên ở Hà Nội 35
Vũ Hiệp ■ Phố đi bộ trong bối cảnh đô thị VN 38
Nguyễn Phú Đức ■ Tầm và Chất Thủ đô trong tổ chức không gian công cộng Hà Nội 42
Phạm Thị Thanh Hiền ■ Quá trình lập bản đồ và khả năng tiếp cận các Không gian công cộng tại Hà Nội. 46
Trần Thị Hương Giang ■ Làng cũ - Phố mới và câu chuyện về không gian công cộng 52
Trương Văn Quảng ■ Quy hoạch hệ thống không gian công cộng đô thị du lịch ven biển 56

Mục lục

- Nguyễn Trung Dũng* ■ Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa biển trong quy hoạch không gian đô thị ven biển 60
Vũ Chí Đồng ■ Yếu tố tự nhiên với quy hoạch và phát triển không gian công cộng ven biển của các đô thị du lịch Việt Nam 64
Vũ Tuấn Vinh ■ Lồng ghép các giải pháp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch không gian công cộng ven biển các đô thị Việt Nam 69
Hoàng Tấn Trúc ■ Kinh nghiệm quốc tế về thiết kế quy hoạch không gian công cộng ven biển đảm bảo tiếp cận và thích ứng với biến đổi khí hậu 72

Thiết kế đô thị

- Nguyễn Hồng Diệp* ■ Thiết kế đô thị với không gian công cộng 76
Nguyễn Đại Thắng ■ Tuyến đi bộ trên cao TP. Bãi Cháy 80

Quy hoạch & Kiến trúc thế giới

- Huy Thục* ■ Những toilet công cộng độc đáo trên thế giới 82

Quy hoạch và tác giả

- Nguyễn Trọng Hòa* ■ Nghiên cứu xử lý những thách thức trong công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị tại TP. HCM với việc hiểu và thực hiện đúng nội quy QHPK theo Luật Quy hoạch đô thị 85
Nhóm tác giả ■ Hiện trạng quy hoạch và cơ sở để xuất một số nội dung nhiệm vụ triển khai quy hoạch đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc theo hướng phát triển bền vững. 88
Ngô Lê Minh ■ Nghiên cứu hành động trong quy hoạch đô thị hướng tới sự tham gia mạnh mẽ hơn nữa của cộng đồng 92

Đa ngành

- Nguyễn Thu Hạnh* ■ “Tư duy đột phá” cánh cửa mới cho phát triển sản phẩm du lịch tại Việt Nam 96

Dành cho sinh viên

- Gia Bảo* ■ Đồ án tốt nghiệp xuất sắc ngành Quy hoạch trường Đại học Xây dựng 98





ĐẢNG BỘ VIUP

DÀNH ƯU TIÊN CAO NHẤT CHO VIỆC HOÀN THÀNH CÁC NHIỆM VỤ DO NHÀ NƯỚC VÀ BỘ XÂY DỰNG GIAO



Ban chấp hành Đảng bộ VIUP nhiệm kỳ 2015-2020

Quan điểm chỉ đạo này của BCH Đảng bộ VIUP đã được Bí thư Đảng ủy Ngô Trung Hải khẳng định tại Đại hội Đảng bộ Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP) nhiệm kỳ 2015-2020. Đại hội diễn ra trong hai ngày 23 (phiên truù bị) và 24/6/2015 (đại hội chính thức).

Trong báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội, đồng chí Ngô Trung Hải - Bí thư Đảng ủy, Viện trưởng VIUP nêu rõ: Nhiệm kỳ vừa qua, do thay đổi bộ máy nhân sự, từ một Đảng bộ có 23 chi bộ trực thuộc với gần 130 Đảng viên, đến tháng 3/2014, đảng bộ VIUP được thành lập với 18 chi bộ trực thuộc và 90 đảng viên. Để thuận lợi trong sinh hoạt và chỉ đạo, lãnh đạo mọi mặt công tác của Viện và của các đơn vị, BCH Đảng bộ đã chỉ đạo quyết tâm xóa các đơn vị "trắng Đảng viên", đến nay đã tổ chức được 19 chi bộ trực thuộc.

Mỗi chi bộ chỉ đạo nhiệm vụ chuyên môn của một đến hai đơn vị hành chính, nên các nhiệm vụ chính trị của Viện được chỉ đạo kịp thời, cùng với sự cố gắng phấn đấu của toàn thể cán bộ, đảng viên, Đảng ủy và Lãnh đạo Viện, và đặc biệt được sự chỉ đạo sát sao của các đồng chí lãnh đạo Bộ, Đảng Ủy Bộ Xây dựng, VIUP đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ và vượt các mục tiêu mà Nghị quyết đại hội Đảng bộ Viện nhiệm kỳ 2010-2015 đã đề ra. Công tác quy hoạch, kiến trúc do Viện thực hiện đã đạt được nhiều kết quả tốt đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc, đóng góp nhiều thành tích trong sự lớn mạnh của Ngành và cả dân tộc. Đảng bộ VIUP đã chỉ đạo đơn vị đạt được các thành tích đáng kể.



Tới dự và chỉ đạo tại đại hội có đồng chí Lê Quang Hùng – Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Xây dựng và đồng chí Nguyễn Hồng Khải – Phó bí thư thường trực Đảng ủy BXD, Vụ trưởng, Chánh VP ban cán sự Đảng.

- Cờ thi đua của Chính phủ năm 2010
- Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 2011
- Cờ thi đua của Bộ Xây dựng các năm 2012, 2013, 2014.

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ Viện luôn được bình xét đánh giá là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Một số kết quả trong công tác Đảng của Đảng bộ Viện đã được Đảng bộ cấp trên đánh giá và ghi nhận: Cờ cho tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền (2010); Bằng khen cho 7 Đảng viên đạt tiêu chuẩn Đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm; Bằng khen cho 01 chi bộ đạt tiêu chuẩn chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền...

3 nhiệm vụ và 06 nội dung cần thực hiện trong nhiệm kỳ 2015-2020

Báo cáo chính trị của Đảng bộ cũng khẳng định, từ nay đến 2020 Đảng bộ VIUP tiếp tục chỉ đạo thực hiện mục tiêu hoàn thiện cơ cấu tổ chức, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của một viện nghiên cứu chiến lược cấp Quốc Gia trong lĩnh vực quy hoạch với 03 nhiệm vụ trọng tâm gồm: Quản lý nhà nước trong lĩnh vực QHXD; Nghiên cứu cơ bản, lý thuyết và nghiên cứu triển khai, ứng dụng nghiên cứu trong công tác quy hoạch, thiết kế và công tác quản lý nhà nước; Đào tạo, chuyển giao, đấu thầu thông tin về quy hoạch và phát triển đô thị của Bộ Xây dựng.

Để thực hiện được mục tiêu trên, Đảng bộ, các Đảng viên và toàn thể cán bộ nhân viên VIUP trong nhiệm kỳ tới cần tập trung vào 6 nội dung trọng tâm:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn trong lĩnh vực quy hoạch từ đó xây dựng các chiến lược mới về đô thị - nông thôn, lồng ghép hoàn thiện hệ thống văn bản, quản lý nhà nước
- Nghiên cứu phát triển các loại hình quy hoạch về thiết kế cảnh quan, thiết kế đô thị theo mục tiêu dân tộc, bản sắc, hiện đại và bền vững
- Nghiên cứu bổ sung các quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật và môi trường theo hướng hiện đại, phát triển bền vững, tiết kiệm và thích ứng với BĐKH
- Nghiên cứu quy hoạch, thiết kế phát triển nhà ở, đặc biệt là NOXH đảm bảo an sinh xã hội và phát triển theo hướng văn minh, hiện đại và bền vững
- Đẩy mạnh các ứng dụng công nghệ trong công tác nghiên cứu, thiết kế
- Phát huy, nâng cao các nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, đào tạo

Ngoài ra, trong nhiệm kỳ tới Đảng bộ tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng.

Phát biểu tại đại hội, Bí thư Đảng ủy Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Lê Quang Hùng ghi nhận vai trò lớn của VIUP - Viện đầu ngành về quy hoạch trên cả nước và đánh giá cao thành tích của Viện đã cố gắng đạt được. Bên cạnh đó, ông đóng góp một số ý kiến giúp Viện xác định nhiệm vụ trọng tâm sắp tới phục vụ cho sự phát triển tiếp theo như sau:

- Viện tiếp tục đẩy mạnh công tác tham gia phục vụ quản lý Nhà nước giúp Bộ trong soạn thảo, đề ra cơ chế chính sách, giúp Bộ thống nhất quản lý trong lĩnh vực quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch phát triển nông thôn, quy hoạch phát triển hạ tầng, phát triển bền vững ứng phó với BĐKH...
- Thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên, đẩy mạnh công tác tư vấn gắn với tăng thu nhập cho cán bộ, đảm bảo phần chia đóng đều giữa các đơn vị
- Có đề xuất định hướng phát triển mô hình Viện để Bộ rà soát
- Thực hiện tốt công tác tổ chức cán bộ, đào tạo nâng cao năng lực
- Phát triển Viện bền vững, đoàn kết, lành mạnh
- Trong công tác Đảng, tiếp tục làm tốt công tác phát triển Đảng, thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết Trung ương. Đảng ủy khóa tới phối hợp chỉ đạo với lãnh đạo Viện để đạt được sự phát triển bền vững, đưa Viện phát triển đi lên.

Đại hội đã tiến hành bầu Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020 theo đúng quy trình. Báo cáo để án nhân sự, thảo luận tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu cấp ủy, biểu quyết số lượng, bầu ban kiểm phiếu và hướng dẫn cách thức bỏ phiếu và tiến hành bầu cử và ra mắt BCH mới gồm 9 đồng chí. Đại hội đã bầu ra 10 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự bị tham dự đại hội cấp trên.



**TRUNG QUỐC****Giá nhà Bắc Kinh đạt mốc 500.000 Nhân dân tệ/m²**

Theo thống tin từ Nhật báo kinh tế của Trung Quốc, giá nhà tại Bắc Kinh đã lập một kỷ lục mới với mức 500.000 nhân dân tệ/m² dành cho những căn nhà có sân vườn.

Có 2004 căn nhà tại Thượng Hải đã được bán trong 5 tháng đầu năm 2015 với mức giá hơn 10

triệu nhân dân tệ, tăng đến 109% so với cùng kỳ năm trước. Dự kiến, trong năm 2015, sẽ có khoảng 5000 căn nhà cao cấp ở các thành phố lớn giao dịch thành công, tạo nên một kỷ lục mới. Trong khoảng 15 ngày đầu của tháng 6, riêng tại Bắc Kinh, đã có hơn 52 căn nhà với giá hơn 20 triệu nhân dân tệ được bán hết. Dự kiến trong tháng 6, số lượng căn nhà cao cấp được bán hết sẽ là hơn 90 căn. Đỉnh điểm của tháng 5 tại thị trường Bắc Kinh, doanh số phần khúc nhà cao cấp đã vượt hơn 60.000 nhân dân tệ/m² với 240 căn giao dịch thành công.

COLOMBIA**Thủ đô Bogota xây dựng tuyến tàu điện ngầm trị giá tới 31 tỷ USD**

Tổng thống Colombia Juan Manuel Santos đã trao cho Thị trưởng thủ đô Bogota Gustavo Petro tấm séc tượng trưng biểu thị sự cho phép và ủng hộ tài chính của chính quyền trung ương đối với "siêu dự án" tàu điện ngầm tại Bogota có chi phí ước tính lên tới 31 tỷ USD.



Theo Giám đốc Viện Quy hoạch quốc gia Colombia Simón Gaviria, trung bình mỗi km của tuyến giao thông chiến lược tương lai này sẽ có chi phí xây dựng 332 triệu USD. Dự án đã được đề ra từ cách đây 70 năm nhưng đã trì hoãn qua nhiều nhiệm kỳ chính quyền trung ương cũng như thủ đô. Trong tổng kinh phí trên, chính phủ trung ương sẽ đóng góp 70% và chính quyền thủ đô sẽ đảm nhiệm 30% còn lại, trong đó có cả các khoản vay ngân hàng.

Dự kiến, hệ thống tàu điện ngầm Bogota trong tương lai gồm 3 tuyến, với khả năng vận chuyển 1,8 triệu lượt người/ngày. Tuyến đầu tiên sẽ chạy xuyên qua thành phố theo trục Bắc - Nam, hai tuyến còn lại sẽ được thi công trong các giai đoạn sau và sẽ nối hai đầu Bắc và Nam của tuyến 1 với các thành phố vệ tinh xung quanh thủ đô và trong địa phận bang Cundinamarca.

CUBA - MỸ**Cuba và Mỹ bắt tay xây cây cầu dài 143km nối hai đất nước**

Một hợp đồng trị giá 120 triệu USD vừa được ký kết trong thỏa thuận xây dựng do chính quyền Mỹ đề xuất vào năm ngoái. Cây cầu dài 143km này sẽ hỗ trợ thương mại và đoàn tụ của những gia đình có thân nhân đang cư trú tại Mỹ.

Dự tính, nếu khởi công vào năm sau, cây cầu sẽ hoàn thành xây dựng vào năm 2021. Các vị trí được chọn làm đầu cầu là thành

phố đảo Key West, thuộc bang Florida và bờ biển Camarioca tại Matanzas - Cuba. Hai địa điểm được coi là sẽ tạo nên "đường thẳng hoàn hảo" với khoảng cách ngắn nhất có thể cùng các tiêu chuẩn an toàn khác. Cuba cũng đang làm việc với đại sứ quán để đưa ra một vài điều luật với khách du lịch để tránh nhập cư bất hợp pháp. Người lưu thông cũng có thể sử dụng xe con và xe bán tải, trừ những xe tải lớn. Các nhà đầu tư đang đặt rất nhiều hy vọng vào dự án này.

SERBIA**Serbia ký hợp đồng cải tạo thủ đô trị giá 3,5 tỷ Euro với UAE**

Vừa qua, Serbia đã ký với nhà đầu tư của Các tiểu vương quốc Arab thống nhất (UAE) hợp đồng trị giá 3,5 tỷ Euro nhằm xây dựng quận Savamala, khu vui chơi về đêm nằm ngay trung tâm thủ đô Belgrade, thành tổ hợp nhà ở và trung tâm thương mại rộng lớn trên diện tích lên tới 2 triệu m².

Theo hợp đồng được ký kết, Eagle Hills có quyền khai thác khu đất trong 99 năm với điều kiện không di dời các tòa nhà được chính phủ bảo vệ, mà chỉ được cải tạo và phải bảo tồn các giá trị văn hóa.

Hơn 1 triệu m² không gian nhà ở sẽ được xây dựng trên diện tích khoảng 177ha, cùng với khoảng 750.000m² diện tích kinh doanh, thương mại, 62.000m² địa điểm công cộng (nhà trẻ, trường học, các trung tâm văn hóa, các cơ sở phúc lợi và y tế...) và 242.000m² dành cho không gian xanh.

Dự án này còn tạo điểm nhấn cho quận Savamala với một tòa tháp cao 200m, được thiết kế tương tự như kiểu dáng của tòa tháp ở Dubai.

Dự án dự kiến sẽ được hoàn thiện và đưa vào sử dụng vào năm 2045 này được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy đáng kể tình hình kinh tế, công nghiệp xây dựng, cũng như đáp ứng chỗ ở cho hơn 17.000 cư dân và tạo thêm cơ hội việc làm mới cho khoảng 13.000 lao động tại Serbia.

PHÁP

Paris chấp thuận kế hoạch xây tòa nhà chọc trời Tour Triangle

Hội đồng thành phố Paris vừa qua đã chấp thuận triển khai dự án xây dựng tòa nhà chọc trời Tour Triangle.

Tòa nhà trên được xây dựng bằng nguồn vốn tư nhân với chi phí 500 triệu Euro (554 triệu USD), là ý tưởng của Herzog & De Meuron - hãng kiến trúc Thụy Sĩ đã thiết kế sân vận động Tổ chim ở Bắc Kinh - Trung Quốc. Tòa nhà gồm 42 tầng, cao 180m, bằng chiều cao của tòa nhà "Gherkin" ở trung tâm London - Anh, song thấp hơn so với Tòa nhà Empire State ở New York - Mỹ.



NHẬT BẢN

Thi thiết kế nhà vệ sinh

Lần đầu tiên, chính phủ Nhật Bản sẽ tổ chức một cuộc thi cấp quốc gia thiết kế nhà vệ sinh dành cho phụ nữ, từ các mẫu bình thường tới cầu kỳ nhất. Cuộc thi này nằm trong khuôn khổ chính sách thúc đẩy vị trí của nữ giới do Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đề ra.

Cuộc thi được tổ chức để chuẩn bị cho Đại hội Thể thao Thế giới và Đại hội Thể thao Người khuyết tật sẽ diễn ra tại Tokyo vào năm 2020. Các thiết kế phải nhằm tạo điều kiện thoải mái cho phụ nữ khi sử dụng dịch vụ này và để thể hiện lòng hiếu khách truyền thống của Nhật Bản. Ban giám khảo gồm bảy chuyên gia, trong đó có các kiến trúc sư và một đại diện của Hội Nhà vệ sinh Nhật Bản. Bài dự thi phải đạt năm tiêu chí tuyển chọn: Sạch, bền, an toàn, tiện nghi và sáng tạo. Thời hạn dự thi tới cuối tháng này và những thí sinh thắng cuộc sẽ được Bộ trưởng phụ trách về phụ nữ thông báo vào tháng 9 tới.



ẤN ĐỘ

Tháp dân cư cao nhất thế giới đang hình thành



Việc xây dựng tháp dân cư cao thế giới World One tại Ấn Độ đang tiến triển với tốc độ chóng mặt, với 70% cấu trúc tòa nhà đã được hoàn thành.

ACC nhận được hợp đồng xây dựng World One tại Mumbai - Ấn Độ, liên doanh với một nhà thầu Ấn Độ - Simplex. Khi công trình hoàn thành vào năm 2016, tháp World One sẽ đạt độ cao 442m, trở thành tòa nhà dân cư chọc trời cao nhất thế giới. Ông Ani Ray - Giám đốc quản lý của ACC Ấn Độ trao đổi với Construction Week, cho biết: "Chúng tôi hy vọng cấu trúc thượng tầng của World One sẽ được hoàn thành vào quý 1 năm 2016".

Công ty ACC cũng cho rằng việc xây dựng tòa tháp đã lên đến tầng thứ 83. Nội thất của tòa tháp được thiết kế bởi Giorgio Armani. Trong tháp bố trí phòng tập thể dục, hồ bơi và câu lạc bộ sức khỏe, đạt tiêu chuẩn với hầu hết các khối căn hộ sang trọng. Tòa tháp 117 tầng đã được xây dựng bởi nhà phát triển Lodha với chi phí hơn 321 triệu USD và sẽ có hơn 300 căn hộ sang trọng, một số nhìn ra biển Ả Rập.

Công ty hiện đang tiến hành các dự án khác nhau ở vùng Vịnh và Ấn Độ. Ông Ray kết luận: "Tại vùng Vịnh, chúng tôi hiện đang thực hiện hai dự án siêu cao tầng ở Downtown Dubai. Fountain View gồm ba tháp dân cư và khách sạn phức hợp cao 65 tầng. Sky Views gồm hai tháp dân cư và khách sạn phức hợp, trong đó tòa tháp cao nhất có độ cao 61 tầng".

SINGAPORE

Vườn thực vật Singapore trở thành di sản thế giới UNESCO



Vườn thực vật Singapore (Singapore Botanic Gardens) đã trở thành địa điểm Di sản Thế giới của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), sau khi được xướng danh tại phiên họp thứ 39 của Ủy ban Di sản Thế giới diễn ra tại Bonn (Đức).

Đây là lần đầu tiên Singapore có một Địa điểm Di sản Thế giới của UNESCO và là vườn thực vật thứ ba trên thế giới

được ghi nhận danh hiệu này, sau Vườn Kew ở Anh và Vườn Padua của Italy. Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long khẳng định sự kiện này là một món quà chúc mừng cho người dân Singapore bởi năm nay đánh dấu 50 năm đảo quốc Sư tử tuyên bố độc lập. Ông khẳng định Vườn thực vật Singapore, được ra đời cách đây 156 năm, đã đóng một vai trò quan trọng trong nỗ lực đưa Singapore trở thành Thành phố - Vườn cây thực sự.

Vườn thực vật Singapore trải dài trên khuôn viên 74ha, trong đó có Vườn lan quốc gia, nơi trưng bày hơn 1.000 giống lan gốc và 2.000 giống lan lai. Tọa lạc ở vị trí trung tâm của Singapore, Vườn thực vật Singapore là vườn kiểu Anh duy nhất ở vùng nhiệt đới và cũng là một trung tâm hoạt động xã hội của Singapore, khi vào dịp cuối tuần, rất nhiều gia đình và người dân đã đến đây để đi dạo hay xem trình diễn ca nhạc tại Hồ Giao hưởng - một truyền thống có từ năm 1861 đến nay.



Thủ tướng phê duyệt chủ trương xây đường bộ ven biển qua 6 tỉnh thành

Chủ trương xây dựng tuyến đường bộ ven biển đi qua 6 tỉnh, thành phố vừa được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phê duyệt, đó là Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh.



Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố có tuyến đường đi qua phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông Vận tải cùng các bộ, ngành có liên quan tiến hành nghiên cứu, lập, phê duyệt, thực hiện dự án đối với các đoạn tuyến thuộc địa phận đúng với Quyết định số 129/2010 đã được Thủ tướng phê duyệt và quy định của pháp luật về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Bộ Giao thông Vận tải cũng được Thủ tướng yêu cầu phối hợp cùng Bộ Kế hoạch & Đầu tư lên kế hoạch để xuất nguồn vốn để trình Thủ tướng xem xét và quyết định. Tại Quyết định số 129 trước đó về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết đường bộ ven biển, tuyến đường đi qua 6 tỉnh, thành nêu trên được xác định đầu tư với quy mô cấp 3; thời gian đầu tư chủ yếu trong giai đoạn trước năm 2020, trừ một số đoạn đi qua tỉnh Thái Bình với 7,50km và Nam Định với 29/73,5km được xác định đầu tư ở giai đoạn sau năm 2020.

HẢI PHÒNG



Bổ sung sân golf tại đảo Vũ Yên vào quy hoạch

Trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung Dự án sân golf 36 lỗ tại đảo Vũ Yên vào Quy hoạch sân golf Việt Nam đến năm 2020.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu UBND thành phố Hải Phòng chỉ đạo việc triển khai thực hiện Dự án sân golf này theo đúng quy định hiện hành. UBND thành phố Hải Phòng cập nhật nội dung Dự án sân golf này trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ có ý kiến tại Công văn số 740/TTg-KTN ngày 28/5/2015.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Khu vực quy hoạch sân golf 36 lỗ tại đảo Vũ Yên có diện tích gần 1,6 triệu m², thuộc phường Đông Hải 1, quận Hải An và xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Dự án sân golf nằm trong Khu vui chơi giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

HÀ NỘI

Lập quy hoạch đô thị khu vực Hồ Gươm và các tuyến phố xung quanh



Thư trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã có buổi làm việc với UBND quận Hoàn Kiếm về công tác triển khai đồ án nghiên cứu quy hoạch đô thị khu vực Hồ Gươm và tuyến phố xung quanh gồm Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường, Đồng Xuân, Hàng Giấy.

Tại cuộc họp, lãnh đạo Bộ Xây dựng yêu cầu các bên liên quan khi lập đồ án cần quan tâm đến nội dung thiết kế không gian kiến trúc cảnh quan tuyến phố cũ, trong đó thiết kế đồ thị cần tập trung vào các tuyến phố Đinh Tiên Hoàng, Lê Thái Tổ, Hàng Khay, Tràng Tiền cùng với đó có đánh giá hiện trạng kiến trúc trên tuyến phố; xác định mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao. Đặc biệt tại các khu di tích, các công trình di sản văn hóa cần khoanh vùng bảo vệ theo Luật Di sản, kiểm soát việc xây dựng các công trình xung quanh. Dự kiến, đồ án nghiên cứu quy hoạch đô thị khu vực Hồ Gươm và tuyến phố xung quanh sẽ được hoàn thành vào năm 2015.

Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết Công viên hồ điều hòa Nhân Chính



UBND TP.Hà Nội vừa có quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết Công viên hồ điều hòa Nhân Chính, tỷ lệ 1/500.

Theo quyết định, khu vực nghiên cứu Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết Công viên hồ điều hòa Nhân Chính, tỷ lệ 1/500 thuộc địa giới hành chính phường Nhân Chính (Thanh Xuân) và phường Trung Hòa (Cầu Giấy).

Tổng diện tích khu đất nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 18,23ha, trong đó diện tích khu đất lập quy hoạch khoảng 13,23ha nhằm cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các Quy hoạch chi tiết đã được UBND thành phố phê duyệt, xây dựng đồng bộ khu công viên cây xanh, hồ điều hòa phục vụ khu vực.

Xây dựng khu công viên cây xanh, vui chơi giải trí kết hợp các hoạt động thể thao ngoài trời phục vụ cộng đồng dân cư, góp phần nâng cao điều kiện sống, môi trường cảnh quan, tạo bộ mặt đô thị, đóng góp vào cảnh quan kiến trúc chung của khu vực.

Giữ nguyên ranh giới, quy mô diện tích khu đất theo Quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Tổ chức lại không gian kiến trúc các công trình trong các lô đất nhằm hoàn thiện không gian kiến trúc cảnh quan của khu đô thị, gắn kết hài hòa với các dự án phát triển đô thị lân cận như: Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng, Trung tâm văn hóa thể thao quận Thanh Xuân đảm bảo không làm ảnh hưởng tới hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung khu vực.

TP. HỒ CHÍ MINH

Chuyển đổi 150ha đất lúa để làm dự án

Phương án chuyển đổi mục đích sử dụng của gần 150ha đất trồng lúa để thực hiện một số dự án, công trình xây dựng của TP. HCM vừa được Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

Các dự án, công trình xây dựng được thực hiện từ việc chuyển đổi từ đất trồng lúa gồm: Dự án xây dựng khu công nghiệp; dự án bãi thải, xử lý chất thải; dự án đường giao thông; dự án xây dựng khu nhà ở tại đô thị. Theo đó, UBND TP. HCM cũng được Thủ tướng Chính phủ yêu cầu cần phải chỉ đạo thực hiện chuyển mục đích sử dụng của đất trồng lúa như đã nêu theo đúng với quy định đã được đưa ra tại Nghị định số 42/2012 và số 43/2014 của Chính phủ.

Đồng thời, để ngăn chặn được tình trạng diện tích đất trồng lúa đang có xu hướng bị thu hẹp nhanh ở một số địa phương trên cả nước, Quốc hội đã đề ra nghị quyết, đến năm 2020, nước ta phải giữ được khoảng 3,81 triệu ha đất trồng lúa.

Trước đó, Chính phủ cũng đã quyết định sử dụng nguồn ngân sách của Nhà nước để hỗ trợ các địa phương sản xuất lúa. Cụ thể, phí hỗ trợ đối với nguồn đất chuyển trồng lúa nước là 1 triệu đồng/ha/năm, đối với đất trồng lúa khác là 500.000 đồng/ha/năm, trừ nguồn đất lúa nương được mở rộng một cách tự phát không theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất trồng lúa.

Quyết định mới nhất được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký có nội dung sẽ bổ sung hơn 470 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Trung ương năm 2015 cho 9 địa phương nhằm thực hiện tốt chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2014.



CÓN ĐẢO

Quy hoạch Côn Đảo thành Khu du lịch sinh thái quốc tế

Quy hoạch Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trở thành khu du lịch sinh thái biển đảo và văn hoá, lịch sử, tâm linh chất lượng cao, tầm cỡ quốc tế đến 2030 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Diện tích quy hoạch của Khu sinh thái là khoảng 10km², bao gồm 16 hòn đảo lớn nhỏ. Trong đó, các phân khu phát triển du lịch Côn Đảo gồm có: Trung tâm thị trấn Côn Sơn, khu phố Pháp, khu vực lịch sử - văn hoá - tâm linh, cảng biển Bến Đầm, bãi bờ biển hoang sơ, cảnh quan, vùng núi Côn Đảo và hệ thống các đảo nhỏ.



Sẽ phát triển ngành du lịch theo các tuyến tham quan nội đảo được xuất phát từ Thị trấn Côn Sơn đến các điểm tham quan như: Mũi Chim Chim - Cỏ Ống - vịnh Đầm Tre, bãi Ông Đụng - bãi Ông Cầu - núi Thánh Giá, mũi Cá Mập - vịnh Bến Đầm. Bên cạnh đó, chiến lược phát triển du lịch cũng vạch ra cần khai thác các tuyến đường đi bộ, tuyến đi xe đạp trên hòn Bảy Cạnh.

THÁI BÌNH

Thủ tướng phê duyệt nguyên tắc xây dựng Trung tâm Hành chính tỉnh Thái Bình

Theo đó, Thủ tướng đã yêu cầu UBND tỉnh Thái Bình tiến hành rà soát kế hoạch sử dụng đất cũng như hiện trạng cơ sở vật chất của hệ thống trụ sở làm việc ở các cơ quan; căn cứ vào tiêu chuẩn định mức sử dụng trụ sở, định hướng biến chế của cơ quan hành chính Nhà nước để xác định được quy mô của Trung tâm Hành chính - Chính trị cho phù hợp.



Từ đó, sẽ thực hiện công tác chỉ đạo chuẩn bị đầu tư dự án theo đúng quy định, từng bước triển khai sao cho phù hợp với hiện trạng nguồn lực và luật định. UBND tỉnh Thái Bình cho biết, mục tiêu chung của việc xây dựng Dự án Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh Thái Bình là hoàn thành 3 công trình xây dựng của Trung tâm và đưa vào khai thác sử dụng, đảm bảo được không gian làm việc tập trung cho các Sở, ban ngành cũng như các cơ quan Đảng, đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội. Đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả của công tác điều hành quản lý và đẩy mạnh việc cải cách hành chính, tạo được những thuận lợi cho người dân cũng như các doanh nghiệp và nhà đầu tư khi đến liên hệ công việc và tạo được điểm nhấn cho kiến trúc cảnh quan đô thị của tỉnh.

KIÊN GIANG

Vị trí xây casino tại Phú Quốc được chuyển đổi



Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trong đó, Khu du lịch, dịch vụ và vui chơi giải trí tổng hợp có cả casino sẽ được điều chỉnh và chuyển vị trí từ khu đất bãi Đá Chông, xã Bãi Thơm sang khu du lịch sinh thái Bãi Dài, xã Gành

Dấu. Cùng với đó, Thủ tướng cũng quyết định bổ sung quy hoạch thêm tuyến cáp treo nối từ thị trấn An Thới đến đảo Hòn Thơm thuộc xã Hòn Thơm, đồng thời, chuyển đổi chức năng của 1.718ha đất nông nghiệp và 372ha diện tích đất rừng phòng hộ sang chức năng dịch vụ du lịch giải trí phục hợp và sân golf có quy mô 2.090ha ở khu vực Đồng Cây Sao và Bắc sông Cù Cạn thuộc xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc.



Bộ Xây dựng: Chương trình phát triển Nhà ở xã hội đạt kết quả tích cực

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng về kết quả triển khai gói tín dụng hỗ trợ Nhà ở xã hội 30.000 tỷ đồng, tính đến thời điểm này, tổng số tiền đã cam kết là 13.078 tỷ đồng, đạt 43,3%, trong đó đã giải ngân là 7.155 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ cho khoảng 17.000 hộ được cải thiện nhà ở.

Hiện cả nước đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng 102 dự án Nhà ở xã hội (NOXH), trong đó có 38 dự án dành cho người thu nhập thấp, quy mô xây dựng 19.680 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 6.810 tỷ đồng; 64 dự án cho công nhân, quy mô xây dựng 20.270 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 4.440 tỷ đồng. 150 dự án đang được tiếp tục triển khai, trong đó có 91 dự án dành cho người thu nhập thấp, quy mô xây dựng khoảng 55.830 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 28.500 tỷ đồng; 59 dự án dành cho công nhân với quy mô xây dựng khoảng 66.753 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 18.100 tỷ đồng.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực sau gần 4 năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia, nhưng theo Bộ Xây dựng, công tác phát triển NOXH tại khu vực đô thị chưa đạt được mục tiêu đã đề ra trong khi nhu cầu về NOXH của các đối tượng là còn rất lớn. Theo tính toán, từ nay đến năm 2020 nhu cầu NOXH tại khu vực đô thị ước tính khoảng 1 triệu căn hộ (trung bình 50m² sàn/căn hộ), trong đó tập trung một lượng lớn tại Hà Nội, TP. HCM... Thực tế này đòi hỏi các ngành, các cấp phải cố gắng nhiều hơn nữa. Bộ Xây dựng nhận định: *"Để phát triển NOXH, một trong những yếu tố quan trọng là hình thành nguồn vốn trung và dài hạn do Nhà nước cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội"*.

Giao dịch bất động sản tăng mạnh 6 tháng đầu năm

Thị trường bất động sản sôi động tại một số phân khúc như căn hộ diện tích nhỏ, các dự án có vị trí tốt dễ cho thuê, dự án của các chủ đầu tư uy tín, triển khai đúng tiến độ. Lượng giao dịch thành công liên tục tăng và đạt mức tăng trưởng khá. Đáng chú ý, một số dự án căn hộ chung cư trung, cao cấp đang triển khai với tiến độ nhanh được nhiều khách hàng quan tâm, các đợt mở bán của những dự án này có khá nhiều khách hàng đặt mua như dự án GoldMark City - 136 Hồ Tùng Mậu, Tràng An Complex - Nghĩa Đô...

Còn tại TP. HCM, trong tháng 5/2015 đã có khoảng 1.600 giao dịch thành công, tăng gần 6% so với tháng trước. Con số giao dịch thành công trong 6 tháng đầu năm 2015 lên khoảng 7.050 giao dịch, tăng gấp 2,8 lần lượng. Phân khúc đất nền, biệt thự, nhà liền kề tại TP. Hồ Chí Minh những tháng gần đây cũng có tăng trưởng hơn so với cùng kỳ năm 2014, lượng giao dịch thành công chủ yếu ở các dự án có hạ tầng tốt, vị trí đi lại thuận tiện như dự án Mega - Quận 9 của Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền. Hiệp hội bất động sản Việt Nam cũng đưa ra dự báo, thị trường bất động sản 2015 sẽ tiếp tục sôi động khi hàng loạt các dự án mới được khởi công, các dự án hoàn thiện và chào bán do tình hình kinh tế vĩ mô tiếp tục xu thế ổn định, lạm phát được duy trì ở mức thấp.

Dư nguồn cung văn phòng cho thuê khu vực châu Á

Theo báo cáo của CBRE về thị trường văn phòng cho thuê quý I/2015 khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cho thấy, hoạt động cho thuê trầm lắng và một lượng lớn nguồn cung mới dự kiến hoàn thành vào năm nay, tỉ lệ trống trên toàn thị trường Châu Á tăng tới 9%, mức tăng mạnh nhất trong vòng hai năm qua.

Tình trạng dư thừa cung sẽ còn tái diễn tới hết năm nay và diện tích văn phòng trống sẽ tiếp tục tăng. Tại khu trung tâm Manila, tỉ lệ diện tích trống tăng tới 5,1% so với quý trước, trong khi tại Bangkok, tỉ lệ diện tích trống tăng 8,1%. Trong quý I/2015, nhu cầu thuê văn phòng tại Châu Á - Thái Bình Dương giảm do yếu tố ngắn hạn (kì nghỉ lễ đầu năm) và yếu tố dài hạn (kế hoạch tiết kiệm chi phí, giảm 35% diện tích thuê văn phòng). Tại Việt Nam, giá thuê văn phòng hạng A ở TP. Hồ Chí Minh giảm 3,4% so với quý trước do động thái thu hút khách thuê từ nhiều chủ tòa nhà. Tại Hà Nội, giá thuê văn phòng sẽ còn giảm mạnh do một lượng lớn nguồn cung sẽ hoàn thành trong năm nay và đầu năm tới.

Công bố danh sách ngân hàng được phép bảo lãnh dự án BĐS: bảo vệ quyền lợi người mua nhà

Tại buổi tọa đàm "Bảo lãnh BĐS - Liệu có rủi ro" do Cổng Thông tin điện tử Chính phủ tổ chức mới đây, ông Đoàn Thái Sơn - Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho biết, từ tháng 6/2015, Thông tư thay thế Thông tư số 28/2012/TT-NHNN sẽ được NHNN ban hành để hướng dẫn Điều 56 Luật Kinh doanh BĐS. Trong đó, điểm nổi bật của Thông tư mới là công bố danh sách ngân hàng (NH) thương mại đủ năng lực thực hiện bảo lãnh dự án BĐS.

Theo Điều 56 Luật Kinh doanh BĐS, kể từ ngày 01/7/2015, chủ đầu tư dự án BĐS trước khi bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai phải được NHTM có đủ năng lực thực hiện bảo lãnh nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư đối với khách hàng. Đây là quy định được người dân và doanh nghiệp rất quan tâm. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có nghị định, thông tư nào hướng dẫn việc thực hiện luật.

Hiện tại, NHNN đã xây dựng và đang hoàn thiện lần cuối dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 28. Để hướng dẫn rõ hơn nội dung quy định về bảo lãnh bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai, dự thảo Thông tư đã bổ sung thêm một số hướng dẫn về hoạt động này. Việc Luật Kinh doanh BĐS quy định bắt buộc phải có bảo lãnh NH khi bán, cho thuê nhà ở hình thành trong tương lai là quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của người mua nhà, thuê mua nhà ở. Đảm bảo việc thực hiện đúng cam kết giữa chủ đầu tư đối với khách hàng.

Về trách nhiệm của NH bảo lãnh, khi chủ đầu tư vi phạm nghĩa vụ bàn giao nhà theo thỏa thuận, thì người mua nhà, thuê mua nhà có quyền yêu cầu NH bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho chủ đầu tư, cụ thể là hoàn trả tiền mua, thuê mua nhà mà khách hàng đã trả cho chủ đầu tư. Như vậy, người mua nhà ở có bảo lãnh sẽ không phải chịu rủi ro do chủ đầu tư không thực hiện đúng thỏa thuận về bàn giao nhà. Trong trường hợp, dự án chậm tiến độ, chủ đầu tư vi phạm thời hạn giao nhà, phía ngân hàng thương mại sẽ phải dùng ra bồi thường hoặc hoàn trả tiền góp vốn thay thế chủ đầu tư. Điều đó có nghĩa khung pháp lý này sẽ giúp người dân mua nhà tránh được mọi rủi ro trong những tình huống xấu nhất xảy ra vi phạm, tranh chấp.

NHA TRANG - THÀNH PHỐ DU LỊCH HẤP DẪN VỚI MÔI TRƯỜNG SỐNG TỐT

THÀNH PHỐ ĐANG PHÁT TRIỂN ĐI LÊN VỚI CHIỀU HƯỚNG NGÀY Càng TỐT ĐẸP HƠN!



Ông TRẦN AN KHÁNH

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Nha Trang

Đó là lời khẳng định của Bí thư Thành ủy Nha Trang khi nhận định về sự phát triển của thành phố. Chúng ta hãy cùng gặp gỡ ông để biết rõ hơn về những gì Nha Trang đã đạt được cũng như những ý tưởng mới trong công tác chỉ đạo phát triển, quản lý, để Nha Trang trở thành thành phố du lịch an toàn, hấp dẫn và giàu sức cạnh tranh.

Thực hiện: PHƯƠNG THẢO

Thưa Bí thư, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2010 - 2015, ông đánh giá thế nào về sự phát triển của thành phố trong năm năm qua, đặc biệt về phương diện tạo dựng hình ảnh thành phố du lịch hấp dẫn và một môi trường sống tốt lành, bền vững cho người dân?

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015, trong bối cảnh đất nước tiếp tục sự nghiệp đổi mới và đạt được những thành tựu to lớn, thành phố Nha Trang luôn được sự quan tâm đầu tư của tỉnh về mọi mặt, tạo điều kiện để Nha Trang tiếp tục phát triển.

Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ qua, thành phố gặp không ít khó khăn do khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới đã tác động mạnh đến tình hình sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, việc làm và đời sống của người lao động. Trong hoàn cảnh đó, với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng bộ và nhân dân thành phố Nha Trang đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XV đề ra. Có thể khái quát một số thành tựu nổi bật như là:



Thành phố có nền kinh tế phát triển tương đối toàn diện về mọi mặt, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 7,2%; GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 3.600USD, tăng 6,5%. Tổng thu ngân sách trên địa bàn luôn đảm bảo nhiệm vụ chi. Năm 2015 ước đạt 2.200 tỷ đồng, tăng bình quân 8%/năm.

Cùng với những thành tựu đạt được trong lĩnh vực kinh tế, sự nghiệp văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, thành phố đã có những thành công bước đầu trong việc tạo dựng hình ảnh thành phố - là một đô thị du lịch hấp dẫn, văn minh, hiện đại với môi trường sống tốt. Với mục tiêu phát triển hiện đại đi đôi với việc giữ gìn sinh thái đô thị bền vững, nâng cao chất lượng sống cho người dân, Thành phố đã tập trung cho công tác quy hoạch đô thị, đặc biệt là việc thực hiện phát triển đô thị theo định hướng quy hoạch. Thực tế 5 năm qua đã chứng minh cho vấn đề này. Diện mạo và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của thành phố đã phát triển khá đồng bộ, cảnh quan môi trường được chú trọng với từng không gian từ nhỏ đến lớn. Cùng với đó là nhiều sự kiện chính trị, văn hóa tầm cỡ quốc gia, quốc tế được tổ chức thành công, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Nha Trang - Khánh Hòa với bạn bè trong nước và quốc tế.

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Đặc biệt, do huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội và sự chỉ đạo đúng hướng nên công tác giảm nghèo, chăm lo các đối tượng chính sách... đã đạt được những kết quả tích cực, đến nay, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới chỉ còn 1,25% tổng số hộ.

Có nhiều ý kiến cho rằng với tốc độ phát triển nhanh chóng như hiện nay sẽ có nguy

cơ phá hỏng các giá trị về mặt cảnh quan dẫn đến mất đi bản sắc. Đây là vấn đề mà thành phố đang phải đối mặt. Chính vì vậy, tôi nghĩ cần có cách chỉ đạo, điều hành hợp lý nhất trong việc cải tạo, xây dựng hình ảnh cho thành phố nhằm tạo lập không gian đô thị mang bản sắc đặc trưng nhưng vẫn hòa nhập vào bối cảnh phát triển chung của đô thị. Tôi tin rằng Nha Trang đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển bền vững trong tương lai.

Chuẩn bị triển khai nhiệm vụ chính trị của nhiệm kỳ mới 2015 - 2020, ông có thể cho biết những ý tưởng và tư duy đối mới trong công tác chỉ đạo để Nha Trang phát triển hài hòa, giàu sức cạnh tranh cả về kinh tế - xã hội lẫn môi trường đô thị bền vững?

Với những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2010-2015 là tiền đề để thành phố tiếp tục nỗ lực nhiều hơn nữa so với những năm trước, để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện, đồng bộ xây dựng thành phố Nha Trang trở thành vùng kinh tế động lực trong điểm phát triển của tỉnh Khánh Hòa trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trong giai đoạn 2015-2020, thành phố phải triển khai mạnh các giải pháp mang tính trung hạn, dài hạn, đặc biệt là các giải pháp thúc đẩy nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, coi trọng phát triển bền vững trên cơ sở khai thác tối mọi tiềm năng, lợi thế của thành phố, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng với chiều sâu theo hướng: dịch vụ - du lịch, công nghiệp, nông nghiệp, tạo lợi thế cạnh tranh để đầu tư phát triển, xây dựng hình ảnh và thương hiệu đô thị. Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị kiến nghị đầu tư nâng cấp Cảng Nha Trang thành cảng du lịch quốc tế; khởi động khu vực sân bay Nha Trang thành trung tâm đô

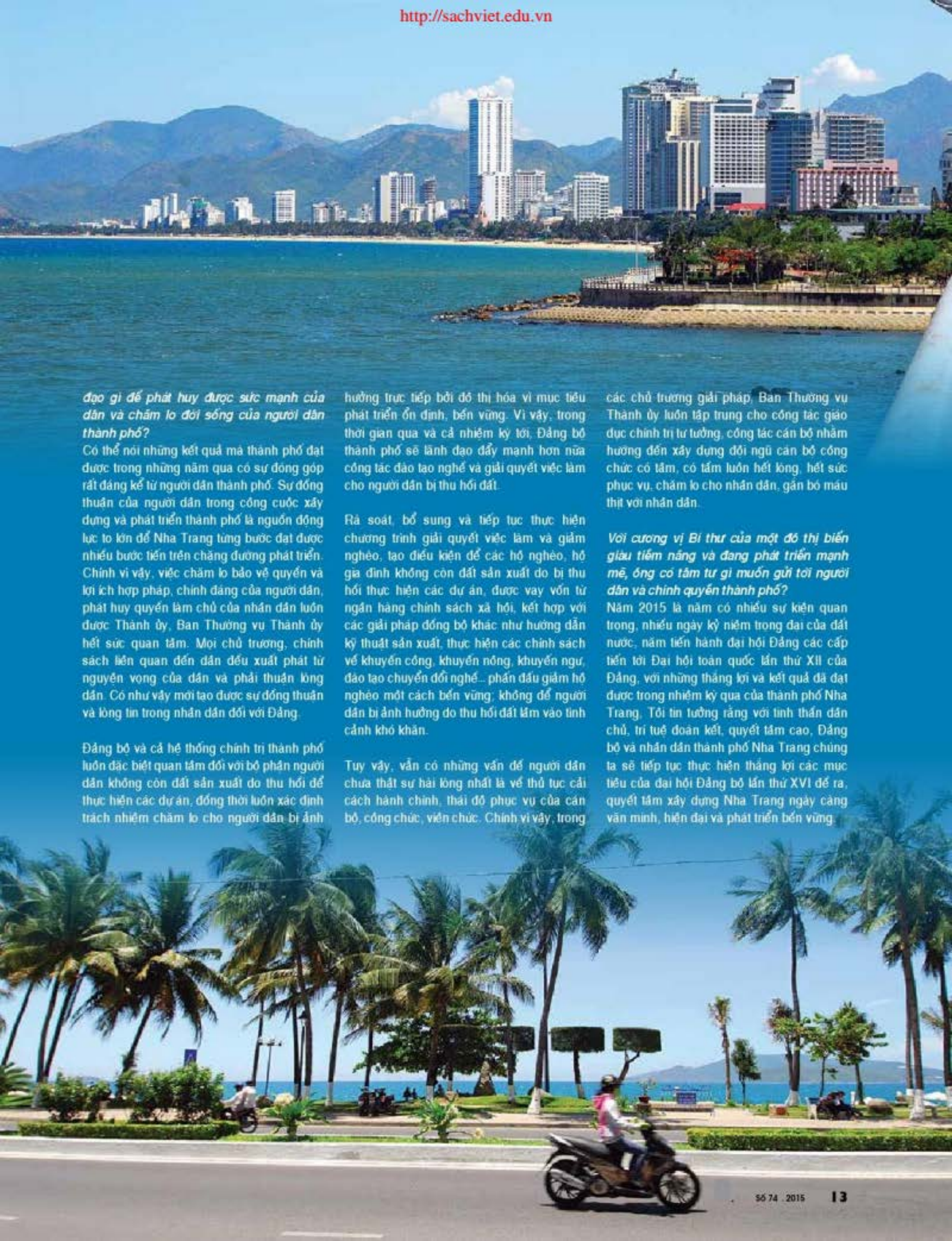
thị thương mại - dịch vụ - tài chính - du lịch; xây dựng trung tâm hội trợ - triển lãm quốc tế; xây dựng các bãi đỗ xe - phục vụ nhân dân trong tỉnh và du khách.

Bên cạnh đó, thành phố phải tập trung chăm lo đời sống của người dân, thực hiện tốt an sinh xã hội, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố tạo sự đồng thuận xã hội trong công cuộc xây dựng và phát triển thành phố.

Nằm bên bờ vịnh đẹp thuộc hạng đầu thế giới, là vùng di sản quốc gia, Nha Trang có lợi thế lớn để phát triển du lịch mang tầm quốc tế. Vậy theo nhận định của ông, liệu thành phố có gặp khó khăn gì trong việc phát triển đô thị song hành cùng việc gìn giữ không gian cảnh quan thiên nhiên hay không?

Sự phát triển mạnh mẽ của thành phố trong những năm qua ai cũng thấy rõ. Thế nhưng, thành phố phải luôn đối mặt với những vấn đề phức tạp nhất là việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển đô thị gắn với bảo tồn phát huy hiệu quả các giá trị tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa cũng như vấn đề về bảo vệ môi trường. Có người nhận xét, Nha Trang đang phải đối mặt với những vấn đề về áp lực giao thông đô thị, môi trường cảnh quan đang bị phá vỡ, quyền lợi của người dân đang bị nhường bước trước mục tiêu kinh doanh của các dự án đầu tư. Đúng là khi nhìn vào một vài biểu hiện thì có thể nhận định như vậy. Có thể sự phát triển của thành phố còn một số mặt hạn chế, nhưng xét về tổng thể, có thể khẳng định rằng thành phố đang phát triển, đang đi lên với chiều hướng ngày càng tốt đẹp hơn.

Phương châm của Đảng ta luôn lấy dân làm gốc, vậy Thành ủy Nha Trang có chỉ



đạo gì để phát huy được sức mạnh của dân và chăm lo đời sống của người dân thành phố?

Có thể nói những kết quả mà thành phố đạt được trong những năm qua có sự đóng góp rất đáng kể từ người dân thành phố. Sự đồng thuận của người dân trong công cuộc xây dựng và phát triển thành phố là nguồn động lực to lớn để Nha Trang từng bước đạt được nhiều bước tiến trên chặng đường phát triển. Chính vì vậy, việc chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân luôn được Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy hết sức quan tâm. Mọi chủ trương, chính sách liên quan đến dân đều xuất phát từ nguyện vọng của dân và phải thuận lòng dân. Có như vậy mới tạo được sự đồng thuận và lòng tin trong nhân dân đối với Đảng.

Đảng bộ và cả hệ thống chính trị thành phố luôn đặc biệt quan tâm đối với bộ phận người dân không còn đất sản xuất do thu hồi để thực hiện các dự án, đồng thời luôn xác định trách nhiệm chăm lo cho người dân bị ảnh

hưởng trực tiếp bởi đô thị hóa vì mục tiêu phát triển ổn định, bền vững. Vì vậy, trong thời gian qua và cả nhiệm kỳ tới, Đảng bộ thành phố sẽ lãnh đạo đẩy mạnh hơn nữa công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân bị thu hồi đất.

Rà soát, bổ sung và tiếp tục thực hiện chương trình giải quyết việc làm và giảm nghèo, tạo điều kiện để các hộ nghèo, hộ gia đình không còn đất sản xuất do bị thu hồi thực hiện các dự án, được vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội, kết hợp với các giải pháp đồng bộ khác như hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, thực hiện các chính sách về khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, đào tạo chuyển đổi nghề... phấn đấu giảm hộ nghèo một cách bền vững; không để người dân bị ảnh hưởng do thu hồi đất lâm vào tình cảnh khó khăn.

Tuy vậy, vẫn có những vấn đề người dân chưa thật sự hài lòng nhất là về thủ tục cải cách hành chính, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Chính vì vậy, trong

các chủ trương giải pháp, Ban Thường vụ Thành ủy luôn tập trung cho công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác cán bộ nhằm hướng đến xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có tâm, có tầm, luôn hết lòng, hết sức phục vụ, chăm lo cho nhân dân, gần bó máu thịt với nhân dân.

Với cương vị Bí thư của một đô thị biển giàu tiềm năng và đang phát triển mạnh mẽ, ông có tâm tư gì muốn gửi tới người dân và chính quyền thành phố?

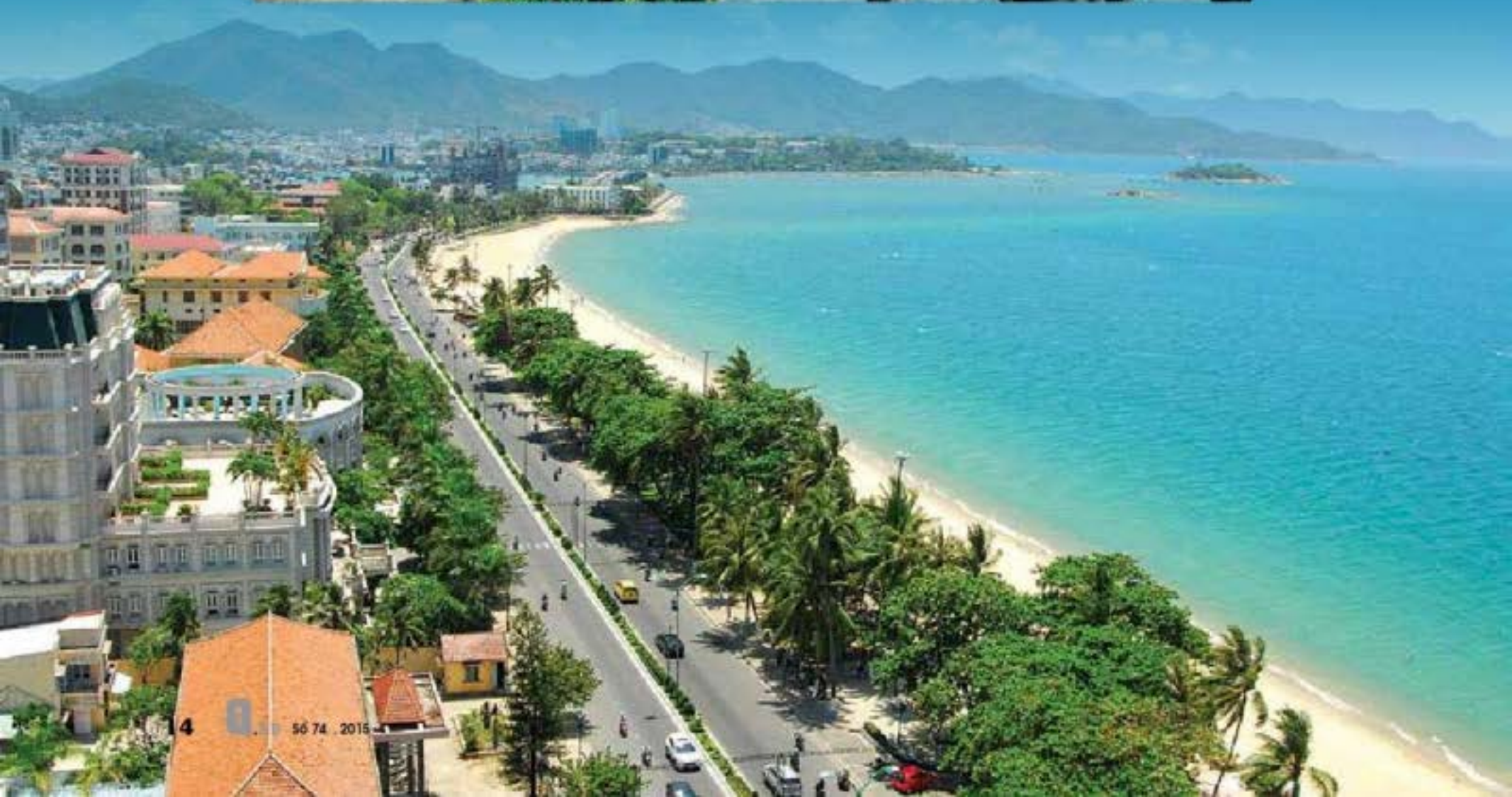
Năm 2015 là năm có nhiều sự kiện quan trọng, nhiều ngày kỷ niệm trọng đại của đất nước, năm tiến hành đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng, với những thắng lợi và kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ qua của thành phố Nha Trang. Tôi tin tưởng rằng với tinh thần dân chủ, trí tuệ đoàn kết, quyết tâm cao, Đảng bộ và nhân dân thành phố Nha Trang chúng ta sẽ tiếp tục thực hiện thắng lợi các mục tiêu của đại hội Đảng bộ lần thứ XVI đề ra, quyết tâm xây dựng Nha Trang ngày càng văn minh, hiện đại và phát triển bền vững.

NHA TRANG - THÀNH PHỐ DU LỊCH H

Nha Trang, thành phố nằm bên bờ vịnh biển được mệnh danh “Viên ngọc xanh của biển cả”, đang dần hoàn thiện công cuộc phát triển đô thị để hướng tới hình ảnh thành phố du lịch quốc tế hấp dẫn. Với những di sản lịch sử, văn hóa và cảnh đẹp tự nhiên thiên phú, Thành phố luôn phấn đấu trong việc gìn giữ, phát huy những giá trị tiềm năng để tạo dựng một đô thị giàu bản sắc, có sức cạnh tranh mạnh mẽ và một môi trường sống chất lượng, bền vững.

Dẫu rằng sự phát triển đô thị Nha Trang là một chặng đường dài, với nhiều cơ hội xen lẫn khó khăn và thách thức trong việc giải quyết các vấn đề mâu thuẫn giữa phát triển và bảo tồn, giữa lợi ích trước mắt và lâu dài. Song với chuyên đề này, Nha Trang hiện ra trước mắt chúng ta một cách tự tin về những gì thành phố đã làm được cho đô thị bền vững và cuộc sống tốt đẹp cho cộng đồng.

Phóng sự ảnh: **MỘC CỎ**



ẤP DẪN VỚI MÔI TRƯỜNG SỐNG TỐT

Nha Trang



KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN VÌ MÔI TRƯỜNG SỐNG CHẤT LƯỢNG & BỀN VỮNG

| PGS. TS. KTS. ĐỖ TỨ LAN

Nha Trang, thành phố nằm bên bờ biển xanh với nhiều giá trị về cảnh quan tự nhiên hấp dẫn và các giá trị văn hoá lịch sử độc đáo. Đây là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá để Nha Trang không ngừng phát huy trong việc tạo dựng cảnh quan cho một đô thị du lịch tầm cỡ quốc tế và một môi trường sống ngày càng chất lượng, bền vững cho người dân

Nha Trang - Thành phố của những cảnh sắc đặc biệt

Có thể nói Nha Trang là thành phố hấp dẫn du lịch bậc nhất của Việt Nam - một quốc gia biển với hơn 3200km dài bờ biển, đã hình thành nên nhiều đô thị du lịch từ Bắc đến Nam. Mỗi đô thị đều có những cảnh sắc khác nhau, trong đó thành phố Nha Trang được thiên nhiên ưu đãi với rất nhiều khung cảnh nên thơ, quyến rũ.

Đó là thành phố nằm bên bờ vịnh Nha Trang, một vịnh biển đẹp long lanh, mênh mông uốn lượn suốt từ Cù Hin đến Bãi Tiên với làn nước xanh thẳm và bờ cát trắng trải dài... Cửa sông Cái của Thành phố, nơi hội tụ đầy đủ các yếu tố: núi, sông, biển cuốn nổi giữa sông đã tạo nên bản sắc riêng cho đô thị Nha Trang. Thêm vào đó là những cây cầu bắc qua sông càng làm cho cảnh quan trở nên lung linh hiếm có. Đứng từ cầu Trần Phú trông lên là Tháp Bà nguy nga trên núi Tháp bên sông. Đi sang phía bờ biển, Hòn Chồng nhô lên trên nước. Núi ven biển thấp thoáng ẩn hiện hoà quyện với mây trời, sông biển tạo nên một bức tranh thiên nhiên hữu tình.

Những cảnh sắc thiên nhiên kỳ thú ấy là nền tảng và cũng có thể coi là cảm hứng, là chất xúc tác tạo đà cho đô thị Nha Trang phát triển cảnh quan thân thiện với môi trường.

Đô thị từng bước được chuyển mình theo hướng phát triển xanh, văn minh - hiện đại

Những năm thập kỷ 80 của thế kỷ trước, đường Trần Phú chỉ có khoảng hơn một cây số có đèn điện. Bãi bờ cát ven đường còn rất hoang sơ, chỉ có hàng phi lao với thân gốc xù xì nghiêng ngả là có vẻ tạo được ấn tượng về một Nha Trang yên bình nhưng nhỏ bé...

Qua một chặng đường dài xây dựng, phấn đấu không ngừng, đặc biệt là năm năm gần đây, thành phố biển nhỏ bé ngày nào giờ đã đổi thay tích cực cả về diện mạo lẫn chất lượng sống của người dân. Hình ảnh của đường Trần Phú giờ đây là hình ảnh của một đô thị du lịch quốc tế văn minh, hiện đại, vừa sang trọng lịch lãm bởi những khách sạn đẳng cấp thế giới, vừa thân thiện gần gũi cộng đồng nhờ dải công viên cây xanh và không gian giao lưu ven biển. Tại nơi đây, mỗi sớm sớm, chiều chiều, người dân và du khách nườm nượp tụ về để thỏa thích vẫy vùng tắm biển, chơi thể thao, hay thư thả dạo bước ngắm cảnh, chụp ảnh...





Đường Trần Phú đã được cải tạo mở rộng, đóng bộ hiện đại dài hơn 10km, có vỉa hè đi bộ được lát đá sạch đẹp. Hàng phi lao đặc trưng của thành phố vẫn được giữ gìn, chăm sóc, được cắt tỉa như những chiếc ô khổng lồ, đan xen với nhiều loại cây hoa, thảm cỏ. Công viên ven biển càng ngày càng được hoàn thiện hơn, không gian được rộng mở, xanh, sạch đẹp hơn nhiều. Cầu Trần Phú được xây dựng với hình dáng mềm mại cùng hệ thống đèn màu nổi hai bờ sông Cái, nơi cửa biển, mở thêm không gian trục đường Phạm Văn Đồng với biển, thành phố càng ngày càng rộng dài hơn.

Suối chằng đường từ sân bay Cam Ranh về Nha Trang là cả một dải hoa và cát, như hứa hẹn một sự hấp dẫn mời chào của Thành phố. Với con đường kang trang uốn lượn ven núi Cù Hin, ta có thể thưởng ngoạn khung cảnh vịnh Nha Trang từ trên cao mệnh mông sóng nước xanh biếc hoà với mây trời. Xa xa những con tàu du lịch và thuyền đánh cá êm đềm lướt sóng, thành phố hiện đại thấp thoáng trước biển. Biệt thự Bảo Đại ngự trị trên ngọn đồi cao với “*khu vườn Thượng uyển*” hấp dẫn khách du lịch. Từ trên cao có thể ngắm bãi tắm biển “*Lê Xuân*”, bãi tắm riêng của biệt thự Bảo Đại xưa, và xa xa là cảng du lịch lấp ló trên tàu ngược xuôi ra đảo.

Vịnh Nha Trang với vẻ đẹp tự nhiên của một vùng bờ biển cồn cát trắng nước xanh trong, có Hòn Tre như bức án che chắn bảo, tạo cho sóng biển trong vịnh vừa nhịp, để du khách có thể tắm biển và thư giãn. Môi trường ven biển được quản lý rất sạch sẽ, góp phần cho Vịnh Nha Trang được đánh giá là một trong những Vịnh biển đẹp nhất Thế giới. Những năm vừa qua, hàng loạt các khách sạn, khu du lịch hiện đại được hoàn thiện, các phố du lịch ẩm thực, chợ đêm, với hệ thống cây xanh đèn trang trí được quan tâm đầu tư đáng kể, tạo thêm cho Nha Trang những không gian

cảnh quan mới như khu Amiana Resort, Mia Resort Nha Trang, Diamond Bay Resort & Spa, Vinpearland Nha Trang...

Định hướng giữ gìn môi trường cảnh quan thành phố Nha Trang phát triển xanh, sạch đẹp, hiện đại, giàu bản sắc và hài hòa cùng thiên nhiên bền vững

Về quy hoạch chiến lược

Trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội tỉnh Khánh Hòa đã định hướng Nha Trang là một đô thị du lịch, với trọng tâm là du lịch kết hợp với hội nghị, hội thảo quốc tế.

Về tầm nhìn và các chiến lược phát triển đô thị

Theo định hướng điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tầm nhìn và định hướng phát triển quan trọng nhất là phát huy được tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của thành phố để xây dựng Nha Trang xứng đáng là thành phố trọng điểm vươn lên tầm quốc tế với các chiến lược phát triển đô thị như sau:

Chiến lược 1: Tập trung vào phát triển đô thị du lịch, vươn lên tầm quốc tế

- Tập trung dịch vụ lưu trú tại thành phố Nha Trang, biến Nha Trang thành trung tâm du lịch chính của cả tỉnh. Những điểm du lịch khác trong tỉnh Khánh Hòa cần tôn tạo và giữ lại tối đa cảnh quan tự nhiên, nâng cao giá trị du lịch chung của toàn tỉnh;
- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản vịnh Nha Trang, đảm bảo chức năng công cộng và khả năng phục vụ đa dạng các tầng lớp nhân dân và du khách ở mức tối đa;
- Khai thác hợp lý và hiệu quả dải đô thị ven biển;
- Phát huy tối đa tình hướng biển của thành phố Nha Trang, nhấn mạnh bản sắc chính là Nha Trang – thành phố biển.

■ Phát triển dải đô thị dọc sông Cái, tạo thành đô thị du lịch ven sông nước, đưa yếu tố biển vào sâu trong đất liền;

■ Nâng cấp cảng Nha Trang thành cảng du lịch quốc tế kết hợp với việc quy hoạch những khu vực dành cho thuyền cá nhân.

Chiến lược 2: Tạo bản sắc đô thị từ đặc điểm cảnh quan thiên nhiên

- Tôn tạo và khai thác cảnh quan sông Cái;
- Tôn tạo và khai thác cảnh quan sinh thái nông nghiệp phía Tây Thành phố;
- Tôn tạo và khai thác cảnh quan sinh thái đồng rừng tại khu vực sông Quán Trường và sông Đồng Bò;
- Tôn tạo và khai thác cảnh quan cửa sông Cái, sông Quán Trường và sông Lô;

Tôn tạo và khai thác cảnh quan các vùng đồng bằng với đặc thù địa hình khác nhau, do vị trí tương quan với cảnh quan núi bao bọc quanh phía Tây, phía Bắc và phía Nam thành phố, cũng như trong vị trí tương quan với các dòng sông (sông Cái, Sông Quán Trường, sông Lô...).

Để có thể đề xuất các cấu trúc đô thị phù hợp với cảnh quan thiên nhiên khu vực, trước hết cần xác định những giá trị cảnh quan cơ bản trong khu vực thành phố Nha Trang và lập sơ đồ phân bố những giá trị này. Có phương án tổ chức không gian đô thị phù hợp với từng mục đích, mục tiêu phát triển đô thị.

Chiến lược 3: Phát triển đô thị phù hợp với điều kiện văn hóa xã hội

- Chú trọng nâng cấp, cải tạo các khu đô thị hiện hữu;
- Tăng cường khả năng giao lưu thông qua hệ thống không gian công cộng, quảng trường;
- Khai thác các cấu trúc đô thị gắn với cấu trúc đô thị hiện hữu cũng như cấu trúc văn hóa, xã hội hiện hữu.



Về quản lý phát triển đô thị

Với tốc độ đô thị hóa như hiện nay, các dự án đầu tư chủ yếu tập trung vào khu vực trung tâm đô thị hiện hữu, đang có nguy cơ xâm hại cảnh quan thiên nhiên, phá vỡ thế cân bằng sinh thái sẽ tác động xấu trực tiếp đến việc phát triển đô thị và đời sống dân cư đô thị. Từng bước đổi mới công tác quản lý xây dựng, đất đai, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo thống nhất và hiệu quả. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy hoạch đảm bảo không gian kiến trúc của thành phố hiện đại và có bản sắc.

Hiện nay, du lịch Nha Trang chủ yếu dựa vào tham quan vịnh. Tuy nhiên môi trường sinh thái vùng vịnh rất nhạy cảm, nhất là những sinh thái đặc hữu như rạn san hô, hang yến. Vì thế việc phát triển du lịch vịnh cần đi từng bước, thận trọng, đảm bảo không ảnh hưởng đến sự thay đổi hệ sinh thái tự nhiên trong vịnh.

Phát triển đô thị phù hợp với điều kiện văn hóa xã hội

- Chú trọng nâng cấp, cải tạo các khu đô thị hiện hữu; tăng cường khả năng giao lưu thông qua hệ thống không gian công cộng, quảng trường.
- Khai thác các cấu trúc đô thị gắn với cấu trúc văn hóa, xã hội hiện hữu.

Trong quá trình quản lý và phát triển đô thị cần có sự kiểm soát đánh giá dựa trên các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho từng giai đoạn.

Lộ trình thực hiện quy hoạch – các dự án chiến lược:

Trong cơ chế thị trường, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế trong phát triển đô thị, mọi hoạt động cải tạo và xây dựng đô thị sẽ được xem xét, quản lý đảm bảo phù hợp với các chiến lược quy hoạch đã đề ra.

Bên cạnh việc dự kiến phân đợt xây dựng

theo khu vực, đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư - mang tính chất chiến lược, cần được thúc đẩy thực hiện như sau:

- Xây dựng các đơn nguyên của trạm xử lý nước thải và hệ thống thoát nước thải phục vụ phát triển đô thị theo dự báo phát triển của từng giai đoạn;
- Tồn tạo cảnh quan sinh thái khu vực đồng trũng Đồng Bò, xây dựng các khu chức năng đô thị và công viên sinh thái công cộng;
- Các dự án phát triển đô thị du lịch dọc sông Cái, chú trọng tạo không gian đô thị có bản sắc, gắn với yếu tố sông nước và cấu trúc làng xóm hiện hữu, tạo nhiều không gian công cộng ven sông;
- Cải tạo khu vực Chợ Đầm đến Sông Cái, tạo các hướng liên thông từ Chợ Đầm ra đến không gian ven sông, ven biển và các tuyến trục chính đô thị lân cận, tạo dựng khu vực này thành trung tâm thương mại đi bộ gắn với khu đô thị cổ nhất của Nha Trang;
- Các dự án phát triển đô thị mới tại khu vực sân bay Nha Trang hiện nay;
- Các dự án cải tạo các khu đô thị Vĩnh Thọ, Vĩnh Phước, Vĩnh Hòa, Vĩnh Hải, khai thác các trục cảnh quan và dịch vụ du lịch dịch vụ đô thị hướng biển, hướng sông, tạo dựng hệ thống trung tâm khu vực;
- Các dự án cải tạo các khu chức năng thuộc phường Phước Tiến: nâng chiều cao công trình, tạo nhiều không gian trống, quảng trường công cộng;
- Các dự án hoàn thiện công viên ven biển theo hướng tạo nhiều không gian quảng trường với nhiều cây xanh bóng mát, hạn chế các bồn hoa cây trang trí ở mức độ tối thiểu, tổ chức không gian từng đoạn công viên bờ biển phù hợp với chức năng đô thị phía Tây đường Trần Phú, tăng cường đan xen các dịch vụ tại các vị trí phù hợp trong công viên ven biển theo chiến lược quy hoạch đã xác định, chuyển đổi một số đoạn đường Trần Phú thành quảng trường và đường đi bộ, hạn chế giao thông cơ giới;
- Các dự án chuyển đổi chức năng các công

trình hành chính, văn phòng, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, quốc phòng và các chức năng chưa hợp lý khác trong khu đô thị trung tâm sang chức năng du lịch và dịch vụ, đặc biệt ưu tiên là các quỹ đất dọc theo các tuyến đường quy hoạch hướng biển;

■ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, hỗ trợ và hướng dẫn cộng đồng dân cư trên đảo Trí Nguyên xây dựng đảo thành trung tâm du lịch, khai thác điều kiện địa hình để tạo cấu trúc đặc trưng của đảo du lịch với số lượng tối đa các công trình có tầm nhìn hướng biển, chú trọng tạo các quảng trường nhỏ, không gian công cộng trong các nhóm công trình, ven bãi biển, trên sườn núi và đỉnh núi;

■ Khôi phục rừng ngập mặn tại khu vực Đầm Báy;

■ Phát triển khu bảo tồn sinh cảnh tại Đầm Tre;

■ Cải tạo và nâng cấp cảng Nha Trang và xây dựng tổ hợp công trình dịch vụ có liên quan;

■ Kết hợp với các dự án phát triển đô thị để hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, đảm bảo nâng cao giá trị cảnh quan môi trường;

■ Cải tạo hệ thống vỉa hè đường phố, đặc biệt là các tuyến hướng biển, các tuyến gần biển và trong khu vực xung quanh chợ Đầm;

■ Nghiên cứu tổ chức một số tuyến phố thành phố đi bộ, có thể xem xét giải pháp thu hẹp lòng đường, mở rộng vỉa hè tại các vị trí hợp lý.

Những định hướng và chiến lược phát triển này đều bám sát mục tiêu xây dựng Nha Trang thành trung tâm du lịch biển quốc tế - một thành phố có chất lượng sống cao, cảnh quan môi trường phát triển xanh, sạch đẹp, hiện đại, giàu bản sắc và hài hòa cùng thiên nhiên bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Phòng Quản lý đô thị, Báo cáo tình hình phát triển thành phố Nha Trang.
- Sở Xây Dựng, QHCLĐ thành phố Nha Trang



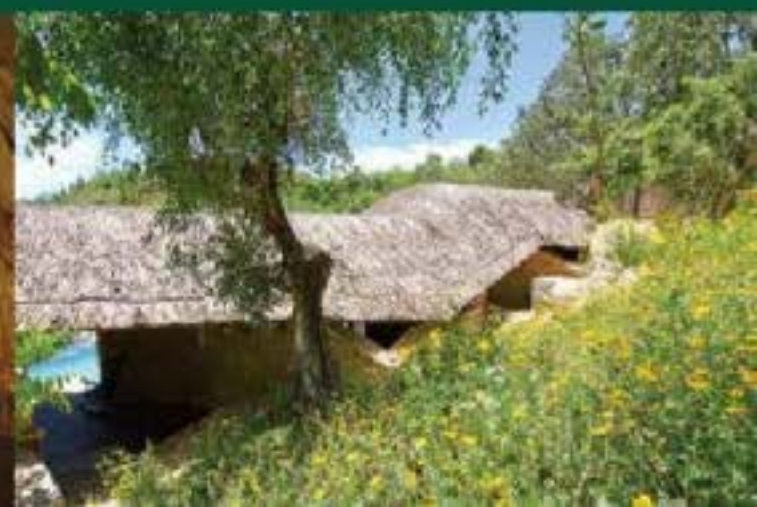
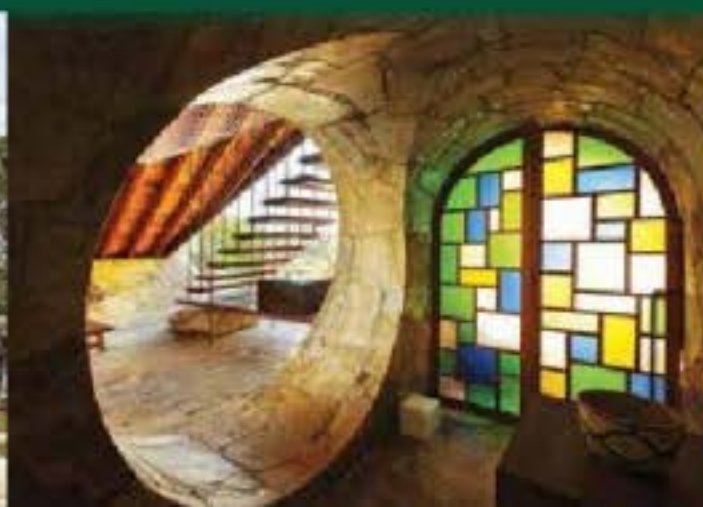
KHÔNG GIAN THƯ GIÃN DIỆU KỲ

Giữa muôn vàn những danh lam thắng cảnh và các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp vô cùng hấp dẫn, du khách đến Nha Trang vẫn không thể không một lần ghé thăm Khu du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng I-resort để thưởng ngoạn một không gian xanh kỳ thú và thư giãn trong làn nước khoáng nóng tuyệt hảo ở nơi này.

Nằm cách trung tâm thành phố khoảng 4km, Khu du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng cao cấp I-resort là một trong những lựa chọn hàng đầu của du khách khi đến với thành phố biển Nha Trang xinh đẹp. Người ta tới đây không chỉ để tận hưởng những dịch vụ đặc biệt từ việc tắm bùn khoáng, mà còn bởi tại đây, người ta có thể trút sạch mọi bức bối, bộn bề của cuộc sống để hoàn toàn hòa mình vào một không gian xanh mát, vô cùng thần thiện với thiên nhiên.

Khu I-resort nằm trên khuôn viên rộng hơn 6ha, được thiết kế độc đáo, lấy ý tưởng chính từ thiên nhiên và nét quê thuần Việt. Những kiến trúc trong khu được xây dựng bằng gỗ, đá và lá dừa nước, tạo ấn tượng vừa dân dã thần thuộc, vừa tinh tế, đẳng cấp. Cả không gian này được bố trí, sắp đặt trong một lồng thể hài hòa, cho con người cảm giác đang được đắm mình giữa thiên nhiên xanh lý thú.

Những vật dụng và cây cối quen thuộc của làng quê Việt truyền thống được bài trí rất tinh tế từ không gian trong nhà cho đến sân vườn bên ngoài. Những mái nhà được lợp bằng lá dừa nước, trải dài từ khu lễ tân đến ngôi nhà tròn xinh xắn che nắng che mưa cho khu hồ ngắm khoáng. Những



ao sen, khu vườn quê với giàn bầu, bí, những luống cải đang đơm hoa vàng rực rỡ... Khung cảnh ấy đã tạo sự độc đáo rất hấp dẫn cho I-Resort và chính điều đó đã thu hút du khách đến với I-Resort ngày một đông và làm cho khu du lịch này trở nên nổi tiếng với những giải thưởng danh giá về kiến trúc. Đó là Giải thưởng "Kiến trúc xanh năm 2012" do Hội Kiến trúc sư Việt Nam trao tặng. Giải thưởng kiến trúc Châu Á năm 2013 - một trong những giải thưởng cao quý dành cho các Dự án Khách sạn và Thiết kế Nội thất mang phong cách sang trọng tại Châu Á, do hội đồng thành viên gồm các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực thiết kế, tư vấn và quản lý dự án khách sạn cao cấp trên thế giới bình chọn.

Dịch vụ tắm bùn khoáng và nước khoáng nóng từ lâu đã trở thành sản phẩm nổi tiếng của Nha Trang - Khánh Hòa. Nhưng điều đặc biệt ở I-resort Nha Trang là cách tổ chức các khu tắm kết hợp với khung cảnh thiên nhiên để tạo nên một khu vực cảnh quan hấp dẫn với dịch vụ cực kỳ tiện nghi và chất lượng. I-resort được chia thành nhiều khu: Khu tắm bùn gia đình, khu tắm bùn khoáng ngoài trời, khu spa, hồ bơi, nhà hàng... Du khách có thể chọn cho mình những loại hình dịch vụ tắm bùn khoáng nóng khác nhau, từ tắm khoáng tại các thác nước khoáng hoành tráng, hùng vĩ, đến các hồ bơi khoáng nóng thủy lực dành cho người lớn và trẻ em, trải nghiệm các dịch vụ bùn khoáng cao cấp trong không gian hoàn toàn riêng biệt. Bên cạnh đó, tại đây còn có dịch vụ spa, chăm sóc sức khỏe bằng phương pháp kết hợp giữa y học cổ truyền và hiện đại. Đặc biệt, khu cao cấp nhất hiện nay của I-Resort là Nine spa với một hệ thống những căn nhà được xây dựng uốn lượn theo đường đồng mức từ lưng chừng lên đến tận đỉnh núi.

Sau 3 năm hoạt động, I-Resort đã thu hút hàng trăm ngàn lượt du khách trong và ngoài nước tới đây, tạo cho doanh nghiệp có một nguồn thu lớn, nộp ngân sách hàng tỷ đồng và giải quyết việc làm ổn định cho gần 400 lao động địa phương.

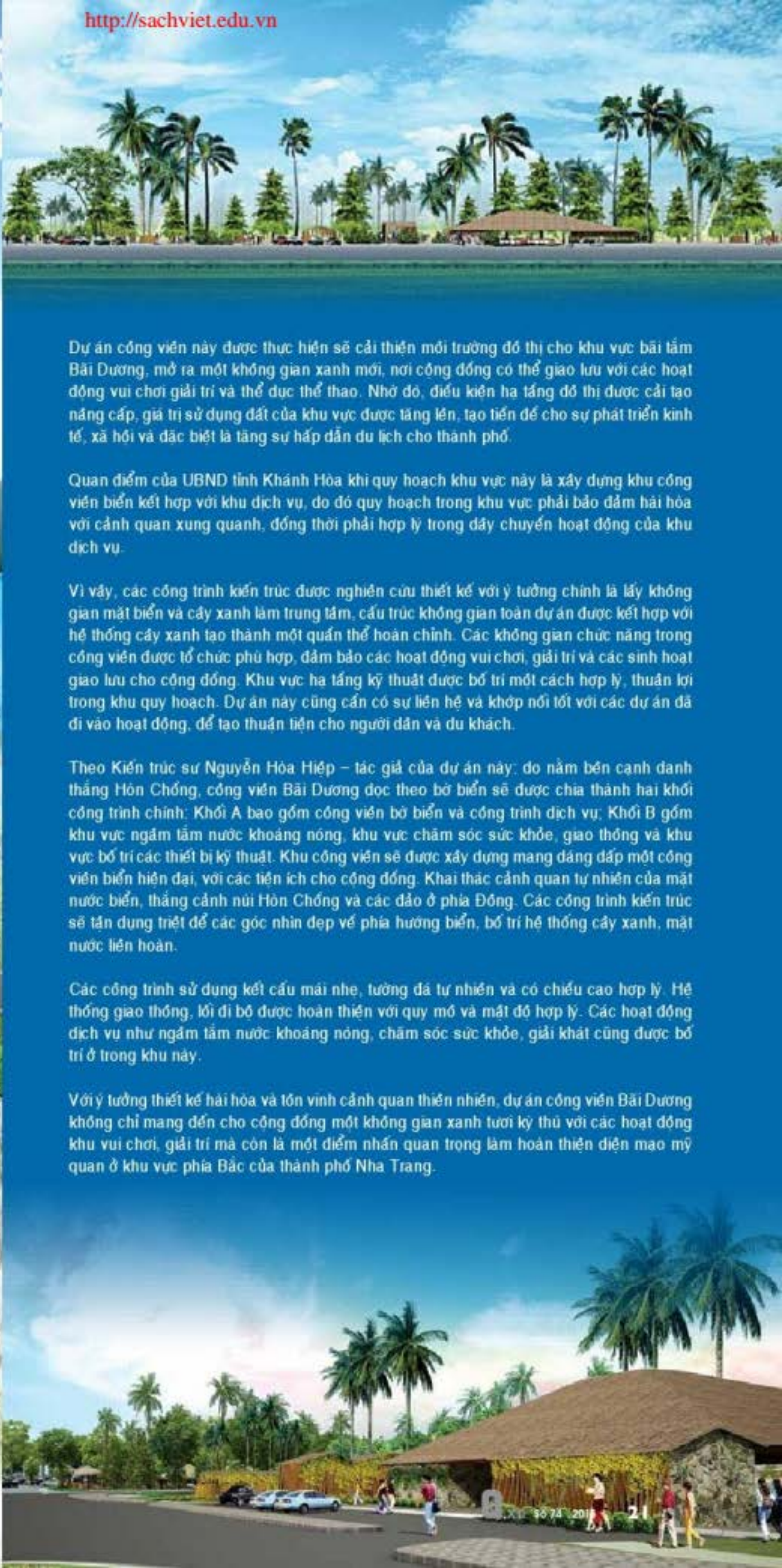
Với cảnh quan đặc sắc và dịch vụ tắm bùn khoáng tuyệt hảo, I-resort đang là một trong những điểm đến không thể thiếu đối với người dân và du khách trong, ngoài nước. Điều quan trọng hơn nữa là I-Resort đã góp phần làm tăng trưởng thêm không gian xanh cho thành phố, đồng thời làm cho Nha Trang xứng danh đô thị du lịch đẳng cấp quốc tế với môi trường sống tốt.

Công viên Bãi Dương

Dự án Công viên Bãi Dương được thực hiện sẽ mang đến cho thành phố Nha Trang thêm một không gian xanh hấp dẫn, làm cải thiện đáng kể cảnh quan và chất lượng cuộc sống đô thị.

Dự án Công viên Bãi Dương, TP. Nha Trang do Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 làm chủ đầu tư, đã được UBND Tỉnh thống nhất phương án điều chỉnh quy hoạch kiến trúc. Theo quy hoạch, Công viên Bãi Dương sẽ được xây dựng tại khu đất phía Đông đường Phạm Văn Đồng, thuộc phường Vĩnh Hải, nhằm tạo cảnh quan văn minh, sạch đẹp không những cho khu vực Bãi Dương, mà còn cải thiện cảnh quan môi trường du lịch cho thành phố.

Việc hình thành dự án công viên Bãi Dương có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội và trong việc thực hiện các chiến lược phát triển đô thị Nha Trang. Dự án được xây dựng ở khu vực phía Bắc Nha Trang sẽ góp phần hoàn thiện dải công viên bờ biển và các công trình dịch vụ du lịch, làm giảm tải cho khu vực công viên bờ biển ở phía Nam, đồng thời kết nối với dải công viên bờ biển phía Nam cầu Trần Phú theo quy hoạch xây dựng TP. Nha Trang đến năm 2025.



Dự án công viên này được thực hiện sẽ cải thiện môi trường đô thị cho khu vực bãi tắm Bãi Dương, mở ra một không gian xanh mới, nơi cộng đồng có thể giao lưu với các hoạt động vui chơi giải trí và thể dục thể thao. Nhờ đó, điều kiện hạ tầng đô thị được cải tạo nâng cấp, giá trị sử dụng đất của khu vực được tăng lên, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế, xã hội và đặc biệt là tăng sự hấp dẫn du lịch cho thành phố.

Quan điểm của UBND tỉnh Khánh Hòa khi quy hoạch khu vực này là xây dựng khu công viên biển kết hợp với khu dịch vụ, do đó quy hoạch trong khu vực phải bảo đảm hài hòa với cảnh quan xung quanh, đồng thời phải hợp lý trong đầy chuyển hoạt động của khu dịch vụ.

Vì vậy, các công trình kiến trúc được nghiên cứu thiết kế với ý tưởng chính là lấy không gian mặt biển và cây xanh làm trung tâm, cấu trúc không gian toàn dự án được kết hợp với hệ thống cây xanh tạo thành một quần thể hoàn chỉnh. Các không gian chức năng trong công viên được tổ chức phù hợp, đảm bảo các hoạt động vui chơi, giải trí và các sinh hoạt giao lưu cho cộng đồng. Khu vực hạ tầng kỹ thuật được bố trí một cách hợp lý, thuận lợi trong khu quy hoạch. Dự án này cũng cần có sự liên hệ và khớp nối tốt với các dự án đã đi vào hoạt động, để tạo thuận tiện cho người dân và du khách.

Theo Kiến trúc sư Nguyễn Hòa Hiệp – tác giả của dự án này: do nằm bên cạnh danh thắng Hòn Chồng, công viên Bãi Dương dọc theo bờ biển sẽ được chia thành hai khối công trình chính: Khối A bao gồm công viên bờ biển và công trình dịch vụ; Khối B gồm khu vực ngâm tắm nước khoáng nóng, khu vực chăm sóc sức khỏe, giao thông và khu vực bố trí các thiết bị kỹ thuật. Khu công viên sẽ được xây dựng mang dáng dấp một công viên biển hiện đại, với các tiện ích cho cộng đồng. Khai thác cảnh quan tự nhiên của mặt nước biển, thắng cảnh núi Hòn Chồng và các đảo ở phía Đông. Các công trình kiến trúc sẽ tận dụng triệt để các góc nhìn đẹp về phía hướng biển, bố trí hệ thống cây xanh, mặt nước liên hoàn.

Các công trình sử dụng kết cấu mái nhẹ, tường đá tự nhiên và có chiều cao hợp lý. Hệ thống giao thông, lối đi bộ được hoàn thiện với quy mô và mật độ hợp lý. Các hoạt động dịch vụ như ngâm tắm nước khoáng nóng, chăm sóc sức khỏe, giải khát cũng được bố trí ở trong khu này.

Với ý tưởng thiết kế hài hòa và tôn vinh cảnh quan thiên nhiên, dự án công viên Bãi Dương không chỉ mang đến cho cộng đồng một không gian xanh tươi kỳ thú với các hoạt động khu vui chơi, giải trí mà còn là một điểm nhấn quan trọng làm hoàn thiện diện mạo mỹ quan ở khu vực phía Bắc của thành phố Nha Trang.

VIUP VÀ NHỮNG GIẢI T

GIẢI NHÌ (Không có giải nhất)

Cuộc thi Ý tưởng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500

Khu trung tâm hành chính mới tỉnh Khánh Hòa

Khu trung tâm hành chính tỉnh Khánh Hòa tọa lạc tại cửa sông Quán Trường - xã Vĩnh Thái - thành phố Nha Trang, có diện tích 126ha, với tổng mức đầu tư 7.000 tỉ đồng. Khu trung tâm Hành chính tạo điểm nhấn bằng không gian mở hướng ra biển và các khối chức năng hành chính bố trí linh hoạt. Ý tưởng này có nhiều công trình hướng đến cộng đồng như: Trung tâm sinh hoạt cộng đồng, thư viện, khách sạn...

Ý tưởng quy hoạch Trung tâm hành chính tỉnh Khánh Hòa được VIUP xây dựng trên cơ sở nghiên cứu chi tiết đặc điểm của Nha Trang, cũng như rút kinh nghiệm từ các khu trung tâm hành chính của các địa phương khác đã triển khai. Đặc biệt, toàn bộ khu vực được thiết kế trên cơ sở đảm bảo được các yếu tố về linh hoạt, uy nghiêm, thân thiện, hiện đại theo tiêu chí thân thiện với môi trường người dân.



HƯỞNG TẠI NHA TRANG

GIẢI NHẤT

**Cuộc thi Ý tưởng quy hoạch phân khu
Khu trung tâm đô thị Thương mại - Dịch vụ
- Tài chính - Du lịch Nha Trang**

Khu trung tâm Đô thị - Thương mại - Dịch vụ - Tài chính - Du lịch Nha Trang (khu đất sân bay Nha Trang cũ) được định vị là một thành phố du lịch đa chức năng với các thành phần du lịch, thương mại, nhà ở đáp ứng được nhu cầu toàn cầu về đầu tư, du lịch và giải trí, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mang lại sự thịnh vượng cho Nha Trang và làm tăng thêm vẻ đẹp của thiên nhiên, đồng thời nâng các giá trị độc đáo của khu vực lên tầm vóc quốc tế. Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch kiến trúc: 460ha. Diện tích lập ý tưởng quy hoạch kiến trúc: 238ha.

Các tác giả đã tận dụng cảnh quan thiên nhiên được tạo hóa ưu đãi, kết hợp hài hòa với Vịnh Nha Trang, dải bờ biển tuyệt đẹp, hệ thống đảo và sinh cảnh đồng trùng để tạo nên một không gian giao thoa của Nước - Gió - Ánh sáng. Sự giao hòa này là ý tưởng chính của Quy hoạch, hình thành nên một khu đô thị tuôn chảy và phát triển bên bờ vịnh Nha Trang - một không gian sống với gió, nắng - vùng đất của ánh ngọc trai tỏa sáng lợi ích kinh tế trong hiện tại, cho tương lai và là nơi sống tốt cho cộng đồng.



KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG

Không gian công cộng là một khái niệm phức tạp, đa chiều và không có một định nghĩa chung, phổ quát toàn cầu về nó. “Không gian công cộng” được tạo ra, được sử dụng, được gán nghĩa, được quản lý, và được tái sinh do các nhu cầu chính trị - kinh tế - xã hội của các thể chế xã hội khác nhau, ở các không gian và tại thời gian khác nhau, bị chi phối bởi các hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội khác nhau.

Nguồn gốc của KGCC, theo cách nhìn của phương Tây, liên quan đến khái niệm “quyền tiếp cận và loại trừ” tới các không gian đó. Trong các mô hình xã hội dân chủ, nhà nước cần thiết lập những không gian mà ở đó tất cả mọi người đều có quyền tiếp cận bất luận địa vị xã hội hay điều kiện kinh tế, và quyền này được bảo vệ bởi hiến pháp và pháp luật.

PGS. TS. KTS. Phạm Thúy Loan

Phó Viện trưởng Viện Kiến trúc Quốc gia





KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG

Những góc nhìn lý thuyết

PGS. TS. KTS. PHẠM THÚY LOAN

Phó viện trưởng Viện Kiến trúc Quốc gia



Công viên Cầu giấy - Nguồn: Internet

Không gian công cộng (KGCC) là một trong những thành phần cấu trúc thiết yếu, quan trọng để đáp ứng những nhu cầu xã hội cộng đồng của đô thị, là nơi nghỉ ngơi thư giãn, vui chơi giải trí, sinh hoạt cộng đồng và tương tác xã hội của người dân. Trong lĩnh vực học thuật, khái niệm KGCC ở Việt Nam chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng như ở các nước trên thế giới, đặc biệt là phương Tây. Trên thực tế, KGCC nói chung và không gian vui chơi giải trí trong các khu dân cư nói riêng đang thiếu thốn trầm trọng. Trẻ con, thanh niên phải chơi đùa trên đường phố, người già không có chỗ đi dạo an toàn, bố mẹ không dám cho con ra ngoài vì không có chỗ chơi đảm bảo với nhiều nguy cơ rình rập, những không gian rèn luyện thể chất đúng nghĩa cũng không có trong khi nhu cầu đi bộ, tập thể dục, khiêu vũ, vận động của người dân rất lớn. Số lượng còn thiếu thốn như vậy thì khoan hãy bàn đến chất lượng của các KGCC. Các vườn hoa, sân chơi, nếu có, chỉ là những khoảng trống với vài khuôn cỏ trồng cây sơ sài, với vài chiếc ghế đã đục sẵn gãy chần hoặc mất chỗ tựa, hết sức nhạt nhẽo buồn tẻ thiếu sức sống.

Bài viết này tiếp cận chủ đề KGCC trước tiên từ góc độ lý thuyết, từ đó phân tích những khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn ở Việt Nam và chỉ ra những hướng điều chỉnh cần thiết nhằm nâng cao cả chất và lượng KGCC ở Việt Nam.

Tiếp cận từ góc độ chính trị - xã hội - KGCC là một loại “cơ sở hạ tầng”

Bản thân KGCC là một khái niệm phức tạp, đa chiều và không có một định nghĩa chung, phổ quát toàn cầu về nó. KGCC được tạo ra, được sử dụng, được gán nghĩa, được quản lý, và được tái sinh do các nhu cầu chính trị - kinh tế - xã hội của các thể chế xã hội khác nhau, ở các không gian và tại thời gian khác nhau, bị chi phối bởi các hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội khác nhau.

Nguồn gốc của KGCC, theo cách nhìn của phương Tây, liên quan đến khái niệm “quyền tiếp cận và loại trừ” tới các không gian đô. Trong các mô hình xã hội dân chủ, nhà nước cần thiết lập những không gian mà ở đó tất cả mọi người đều có quyền tiếp cận bất luận địa vị xã hội hay điều kiện kinh tế, và quyền này được bảo vệ bởi hiến pháp và pháp luật (Tùng P.Đ. 2012). Đó là những không gian thực sự là của chung, của tất cả mọi người – các KGCC. Agora trong cấu trúc đô thị Hy Lạp cổ đại là ví dụ đầu tiên về loại KGCC này. KGCC vì vậy, có thể coi là một “công cụ vật lý” để nhà nước dân chủ thực hiện trách nhiệm của họ với xã hội và cũng thông qua đó tương tác với xã hội. đương nhiên, các thể chế xã hội khác nhau, thuộc các giai đoạn lịch sử khác nhau thì các “quyền” tiếp cận đến các KGCC này cũng bị giới hạn và quy định theo cách thức và mức độ khác nhau: ai được vào, vào lúc nào, được phép làm gì trong các không gian đó. Các KGCC vì vậy cũng được thiết kế, gán chức năng, gán nghĩa và quản lý

K h á i n i ệ m



Sân chơi “đồng nát” tại phố Đền Duyệt Tử - Nguồn: Internet

tiếp cận theo cách thức riêng biệt, tương ứng. Quảng trường nơi diễn ra những sự kiện chính trị, xã hội quy mô lớn, với nghi thức chuẩn mực, hoành tráng là ví dụ điển hình của loại KGCC chính thống này. Công viên cũng được xem là một KGCC chính thống để đảm bảo quyền lợi được nghỉ ngơi thư giãn, tiếp cận thiên nhiên của các đối tượng xã hội.

Như vậy, khi tiếp cận khái niệm KGCC từ góc độ thể chế, một cách đơn giản nhất, chúng ta có thể xem KGCC là một đối tượng không gian chính quy, thiết yếu trong cấu trúc không gian đô thị, một dạng “cơ sở hạ tầng” với hai ý nghĩa: cơ sở hạ tầng chính trị và cơ sở hạ tầng xã hội. CSHT chính trị (thực hiện chức năng củng cố sự vận hành của nhà nước và thể chế, là “công cụ không gian” duy trì mối quan hệ tương tác vật lý giữa nhà nước và xã hội (thông qua các sự kiện chính trị có tổ chức chính thống) và (hoặc) CSHT xã hội (thực hiện chức năng đảm bảo các “quyền tiếp cận cơ bản” đến các dịch vụ đô thị của người dân được pháp luật quy định, và vì vậy thuộc trách nhiệm của nhà nước. Ở khía cạnh thứ hai này, nó tương tự nước sạch, y tế, giáo dục... là những tiện ích thiết yếu cơ bản của đời sống người dân mà nhà nước cần phải chịu trách nhiệm cung ứng.

Việc tạo lập các KGCC chính quy này được thực hiện thông qua công tác quy hoạch chính thống và được đầu tư quản lý bởi nhà nước. Theo nguyên lý quy hoạch của các nước phương Tây, các KGCC này thường được tổ chức thành hệ thống, có tầng bậc và quy mô, được cung ứng từ cấp độ vùng, đến thành phố, đến khu vực, đến khu dân cư, và cho đến tận các nhóm nhà. Hai hình thức phổ biến nhất của hệ thống KGCC này là các quảng trường (quy mô khác nhau) và các công viên vườn hoa (cũng với quy mô khác nhau). Nguyên lý thiết kế cho các KGCC này cả về hình thái, thẩm mỹ, công năng đã được đúc kết thành những pho tri thức quy hoạch và TKĐT kinh điển, được vận dụng...

Tiếp cận từ góc độ xã hội: KGCC là một “sân khấu” của đời sống xã hội

Khác với cách tiếp cận về KGCC từ góc độ thể chế, KGCC tiếp cận từ góc độ xã hội được xem là các không gian cho phép thỏa mãn nhu cầu tương tác, chia sẻ, gặp gỡ, giải trí, tìm kiếm sự thư giãn thoải mái của các cá thể trong xã hội trong sự hoà mình vào xã hội. Sự tụ tập ở đây là do các cá thể tự nguyện đến và gặp nhau. Các KGCC này có thể nhận bất cứ hình thức gì, nó có thể là một công viên, một quán trà hoặc café dân dã hay thậm chí là một vỉa hè, một khoảng trống giữa các công trình và không liên quan đến hình thức sở hữu cũng như hình

hài của không gian đó. Ở đây, vấn đề không phải là “quyền” mà là “sự thỏa mãn” nhu cầu của người sử dụng. Với loại KGCC này, yếu tố “xã hội” trở thành cốt tủy của không gian: là môi trường cho các sinh hoạt, tương tác của đời sống xã hội được diễn ra. Những KGCC có tính chất này có thể gọi là các không gian dân sự, hay không gian xã hội, hay các KGCC phi chính quy để phân biệt với các KGCC chính quy theo nghĩa “cơ sở hạ tầng” như trong cách tiếp cận thể chế ở trên. Việc phát triển các KGCC loại này không bắt buộc theo pháp luật, nhưng rất đáng khuyến khích vì nó làm tăng sức sống, độ hấp dẫn của đô thị.

“Đời sống xã hội” là phần quan trọng nhất của KGCC loại này, cho nên việc quy hoạch và thiết kế những KGCC này không đơn giản là đảm bảo chỉ tiêu diện tích và tạo hình 3D cho không gian mà phải tạo ra một môi trường cho đời sống xã hội thực sự diễn ra.

Yếu tố thúc đẩy sự ra đời của các KGCC phi chính quy này là do nhu cầu xã hội, nên có một loạt các vấn đề cần được đặt ra cho công tác quy hoạch và thiết kế:

- Thứ nhất, hiểu về nhu cầu của người sử dụng, hiểu được tâm lý người sử dụng và tương tác xã hội – không gian là cơ sở cho việc thiết kế
- Thứ hai, các nhóm xã hội khác nhau sẽ có nhu cầu khác nhau và không thể có sự đồng nhất về nhu cầu, đương nhiên sẽ có những “tranh chấp và thương lượng” giữa các nhóm sử dụng trong không gian. Và vì vậy nhiệm vụ chính của quy hoạch và thiết kế là lường trước được vấn đề, dung hòa và đảm bảo phân bố “quyền” sử dụng không gian một cách công bình cho các đối tượng
- Tính cộng đồng, tính xã hội của không gian do người sử dụng tạo ra chứ không phải do người thiết kế. Vì vậy, người thiết kế chỉ tạo ra các “tiềm năng” còn người sử dụng – cộng đồng – mới thực sự là người mang lại hiệu quả của không gian. Ở đây, sự tham gia của người sử dụng trong quá trình hình thành và vận hành không gian sẽ quyết định đến thành công của không gian

Đã có vô số những nghiên cứu lý thuyết rất có giá trị về lĩnh vực tâm lý môi trường, và tương tác con người – không gian. Những nghiên cứu thực chứng này xoay quanh các câu hỏi đơn giản

- Con người có những nhu cầu gì (đối với không gian)?
- Tâm lý của con người (trong KGCC) ra sao?
- Quan hệ, tương tác Con người - Không gian là mối quan hệ như thế nào?

Xét về nhu cầu, có thể bắt đầu với tháp nhu cầu của nhà tâm lý học





Maslow với cấu trúc 5 tầng liệt kê trật tự thứ bậc các cấp độ nhu cầu chính của con người. Những nhu cầu cơ bản ở phía đáy tháp phải được thỏa mãn trước khi nghĩ đến các nhu cầu cao hơn. Các nhu cầu bậc cao sẽ nảy sinh và mong muốn được thỏa mãn ngày càng mãnh liệt khi tất cả các nhu cầu cơ bản ở dưới (phía đáy tháp) đã được đáp ứng đầy đủ.

■ Tầng thứ nhất: Các nhu cầu về căn bản nhất thuộc "thể lý" (physiological) - thức ăn, nước uống, nơi trú ngụ, tình dục, bài tiết, thở, nghỉ ngơi.

■ Tầng thứ hai: Nhu cầu an toàn (safety) - cần có cảm giác yên tâm về an toàn thân thể, việc làm, gia đình, sức khỏe, tài sản được đảm bảo.

■ Tầng thứ ba: Nhu cầu được giao lưu tình cảm và được trực thuộc (love/belonging) - muốn được trong một nhóm cộng đồng nào đó, muốn có gia đình yên ấm, bạn bè thân hữu tin cậy.

■ Tầng thứ tư: Nhu cầu được quý trọng, kính mến (esteem) - cần có cảm giác được tôn trọng, kính mến, được tin tưởng.

■ Tầng thứ năm: Nhu cầu về tự thể hiện bản thân (self-actualization) - muốn sáng tạo, được thể hiện khả năng, thể hiện bản thân, trình diễn mình, có được và được công nhận là thành đạt.

Vấn đề đặt ra là, KGCC cần có những điều kiện gì để thể thỏa mãn các nhu cầu của con người trong không gian.

Tầng nhu cầu đầu tiên rất dễ được thỏa mãn khi KGCC là nơi thoáng mát, sạch sẽ, có các tiện ích cơ bản như chỗ ngồi nghỉ có bóng mát, chỗ đi vệ sinh, rửa tay chân, chỗ bỏ rác, khi khát và mệt có thể tiếp cận với nước uống và đồ ăn. Thiếu khu vệ sinh và chỗ rửa chân tay là một thiếu sót phổ biến ở các KGCC ở Việt Nam. Nước uống và đồ ăn thì rất dễ được thỏa mãn nhờ lực lượng bán hàng rong, một cách thức tuyệt vời. Có những quan niệm tiêu cực về hàng rong do khó quản lý về mặt vệ sinh, môi trường và tạo một hình ảnh nhếch nhác. Nhưng hàng rong là kênh đáp ứng những nhu cầu xã hội trong KGCC hết sức nhân văn và hiệu quả, chưa nói đến khía cạnh tạo sinh kế cho một bộ phận lớn người dân tự do. Vì vậy, việc tổ chức hoạt động bán hàng rong quy củ, có sự chuẩn bị tốt hơn về cơ sở hạ tầng là cần thiết và không hề khó đối với nhà thiết kế và nhà quản lý.

An toàn và an ninh cũng là yếu tố quan trọng khi thiết kế KGCC: xe máy, ô tô không được phép đe dọa sự an toàn của KGCC, nhưng việc

ngăn chặn xe máy, ô tô không nhất thiết sử dụng hàng rào sắt – ngăn chặn cả tiếp cận của người sử dụng. Cổng viên vườn hoa cần được thiết kế càng đồng người vào sử dụng càng tốt vì càng đồng vui thì an ninh càng cao với nhiều "con mắt quan sát" trong không gian. Buổi tối cần có đủ đèn chiếu sáng để đảm bảo an ninh, vì tội phạm thường xảy ra ở chỗ vắng và chỗ tối.

KGCC có tiềm năng đặc biệt trong việc thỏa mãn nhu cầu giao lưu chia sẻ của con người trong xã hội. Nếu trẻ em có thể chơi đùa với nhau, nếu người lớn cho chỗ ngồi quan sát trẻ em chơi và trò chuyện, nếu thanh niên có chỗ đá bóng và đá cầu, người già có chỗ chơi cờ, đi dạo, ngồi thư giãn ngắm cảnh, nếu chị em phụ nữ có không gian tập thể dục nhịp điệu, các nhóm trung niên có thể tập thái cực quyền hay khiêu vũ trong KGCC ở các khu dân cư thì chắc chắn mối quan hệ cộng đồng ở khu dân cư sẽ rất gần gũi, khăng khít, và bản thân họ sẽ rất gần gũi với KGCC đó. Cảm giác thuộc về cộng đồng ấy, nơi chốn ấy sẽ dần được hình thành.

Ở phương Tây khi thiết kế các KGCC người ta luôn tạo cơ hội cho người sử dụng chủ động bộc lộ mình: những không gian thách thức cho những người ưa mạo hiểm, những không gian tương tác với nước cho trẻ em, những bề mặt được phép graffiti cho những người yêu hội họa đại chúng, các không gian cho phép các nghệ sĩ đường phố biểu diễn và cho phép mọi người thưởng thức... tất cả là nhằm tạo điều kiện cho người sử dụng "bộc lộ" mình, thỏa mãn nhu cầu cao nhất là được "thể hiện" bản thân (tầng nhu cầu thứ 5) và nhận được sự tán thưởng, ngưỡng vọng từ người khác (tầng nhu cầu thứ 4). Trong cách thiết kế KGCC ở phương Tây, việc tạo cơ hội và lôi kéo người sử dụng hoạt động (tham gia chủ động) và cơ hội quan sát, theo dõi (tham gia thụ động) được đặc biệt chú trọng. Do vậy, các giải pháp thiết kế thường là phức hợp, đa năng, linh hoạt: các bậc cấp vừa có thể là chỗ ngồi vừa có thể là lối đi lên xuống. Các không gian không bao giờ chỉ là đơn năng mà luôn được tính đến yếu tố đa năng.

Xét về khía cạnh tâm lý, khi ở trong một KGCC, "cái tôi" và "cái chúng ta" của mỗi người sẽ luôn tìm đến một ranh giới phù hợp, cân bằng. Người ta ra KGCC để hòa cái tôi vào thiên nhiên, vào cái chúng ta; nhưng nếu cái tôi bị ảnh hưởng quá mức, họ sẽ không còn cảm thấy thoải mái. Câu hỏi đặt ra là

■Đầu là ranh giới tâm lý giữa cái TÔI và cái CHÚNG TA và hai cái đó



K h á i n i ệ m

tồn tại như thế nào trong cùng một KHÔNG GIAN?

■ Cái TÔI hoà nhập thế nào vào cái CHÚNG TA và ngược lại?

Mặc dù điều này rất khó xác định rõ rệt và mạch lạc, nhưng bản chất thành công của mọi KGCC là cho phép nhiều hoạt động, giao tiếp xã hội diễn ra, đồng thời bảo tồn được phạm vi cá thể của từng người. Bởi vậy, thiết kế KGCC có hai hướng chính: một là làm sao tăng tới mức tối đa các giao tiếp xã hội, cảm nhận về cộng đồng, về chúng ta, mặt khác làm sao đảm bảo tới mức tối đa phạm vi cá nhân của mỗi người trong cộng đồng. Vì vậy một KGCC cũng cần có đa dạng các khu vực không gian với mức độ cộng đồng và riêng tư khác nhau, động – tĩnh khác nhau.

Ở đây, việc quan sát các nhóm sử dụng không gian, tìm hiểu nhu cầu sử dụng không gian của họ, kể cả những nhu cầu tiềm ẩn, vẫn là cơ sở để tạo ra các KGCC hiệu quả, có sức sống xã hội.

Một nghiên cứu khác của Jan Gehl, một nhà nghiên cứu nổi tiếng thế giới trong lĩnh vực TKĐT về hoạt động ngoài trời và chất lượng không gian đã chỉ ra rằng: hoạt động ngoài trời của con người có thể chia thành 3 nhóm, trong đó:

- Hoạt động thiết yếu: là những hoạt động bắt buộc trong chừng mực nào đó; không phụ thuộc vào điều kiện; người tham gia không có lựa chọn
- Hoạt động tự chọn: là những việc người ta thích làm nếu thời gian và địa điểm cho phép; chỉ diễn ra khi điều kiện bên ngoài thuận lợi, thời tiết, địa điểm thuận rù. Tất cả hoạt động vui chơi giải trí ngoài trời đều xếp vào loại này
- Hoạt động xã hội: là những hoạt động phụ thuộc vào sự hiện diện của những hoạt động khác trong KGCC: Nhìn ngắm, nghe người khác (thụ động)/Làm quen nói chuyện, chào hỏi/Trẻ em nô đùa với nhau, kết bạn.

Những nghiên cứu thống kê của ông đã khẳng định rằng, tần suất hoạt động bắt buộc gần như không thay đổi không phụ thuộc vào điều kiện thời tiết hay chất lượng không gian, trong khi đó các hoạt động tự chọn sẽ tăng đáng kể khi thời tiết tốt và không gian hấp dẫn, phù hợp, và ở những không gian đó tần suất xuất hiện các hoạt động xã hội cũng tăng theo. Và chất lượng không gian ngoài trời (KGCC) được cải thiện sẽ làm gia tăng số lượng, tăng thời gian, tăng phạm vi hoạt động ngoài trời của con người.

Những khoảng trống giữa lý luận và thực tiễn:

Có rất nhiều bài học có thể được rút ra để thu gọn những khoảng trống lớn giữa công tác lý luận về KGCC trên thế giới và ở Việt Nam, giữa công tác lý luận và công tác thực hành quy hoạch - thiết kế không gian, giữa sản phẩm không gian thực thể và sinh hoạt xã hội trong không gian.

Do có nhiều cách tiếp cận khái niệm KGCC, và khái niệm này liên tục được định nghĩa và tái định nghĩa dưới nhiều góc độ. Mỗi xã hội có cách nhìn nhận, tái sinh và sử dụng KGCC theo những cách rất khác nhau, nên việc tổ chức, thiết kế, tạo dựng KGCC vì vậy không đơn giản và không thể theo khuôn mẫu. Ở Việt Nam, thứ nhất, cần có những nghiên cứu sâu hơn và toàn diện hơn về KGCC từ các cách tiếp cận khác nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa để cung cấp các cơ sở lý

thuyết cho công tác quy hoạch và thiết kế thực tiễn.

Ở cấp độ tổng thể:

Trong hệ thống quy hoạch đô thị chính quy, cần xác định và củng cố vai trò của hệ thống KGCC chính quy như một loại cơ sở hạ tầng chính trị - xã hội thiết yếu, có chỉ tiêu và nguyên lý thiết kế phù hợp, và các loại KGCC phi chính quy nhằm đảm bảo yếu tố đầu tiên là "lượng" đối với KGCC. Cần lưu ý: Không gian cây xanh là KGCC nhưng KGCC không chỉ là không gian cây xanh, vườn hoa, mặt nước. Vì vậy cần thoát ly khỏi nếp tư duy hẹp trong quy hoạch và thiết kế KGCC ở nước ta: cứ KGCC là tổ màu xanh và khi xây nên thì thành các ô trống cỏ không mấy tác dụng.

Chúng ta có thể biến KGCC và hệ thống KGCC trở thành một bộ phận không thể thiếu, tạo thành bản sắc của đô thị. Khi đó, chúng sẽ được bảo tồn cho tất cả mọi người bởi tất cả mọi người. Hướng đi này mở ra xu hướng nghiên cứu rất rộng, đa ngành và linh hoạt về KGCC. Điều quan trọng nhất là phải nắm được cái thần, cái tổng thể của cả đô thị chứ không bị chia xẻ vụn vặt ra thành những không gian rời rạc.

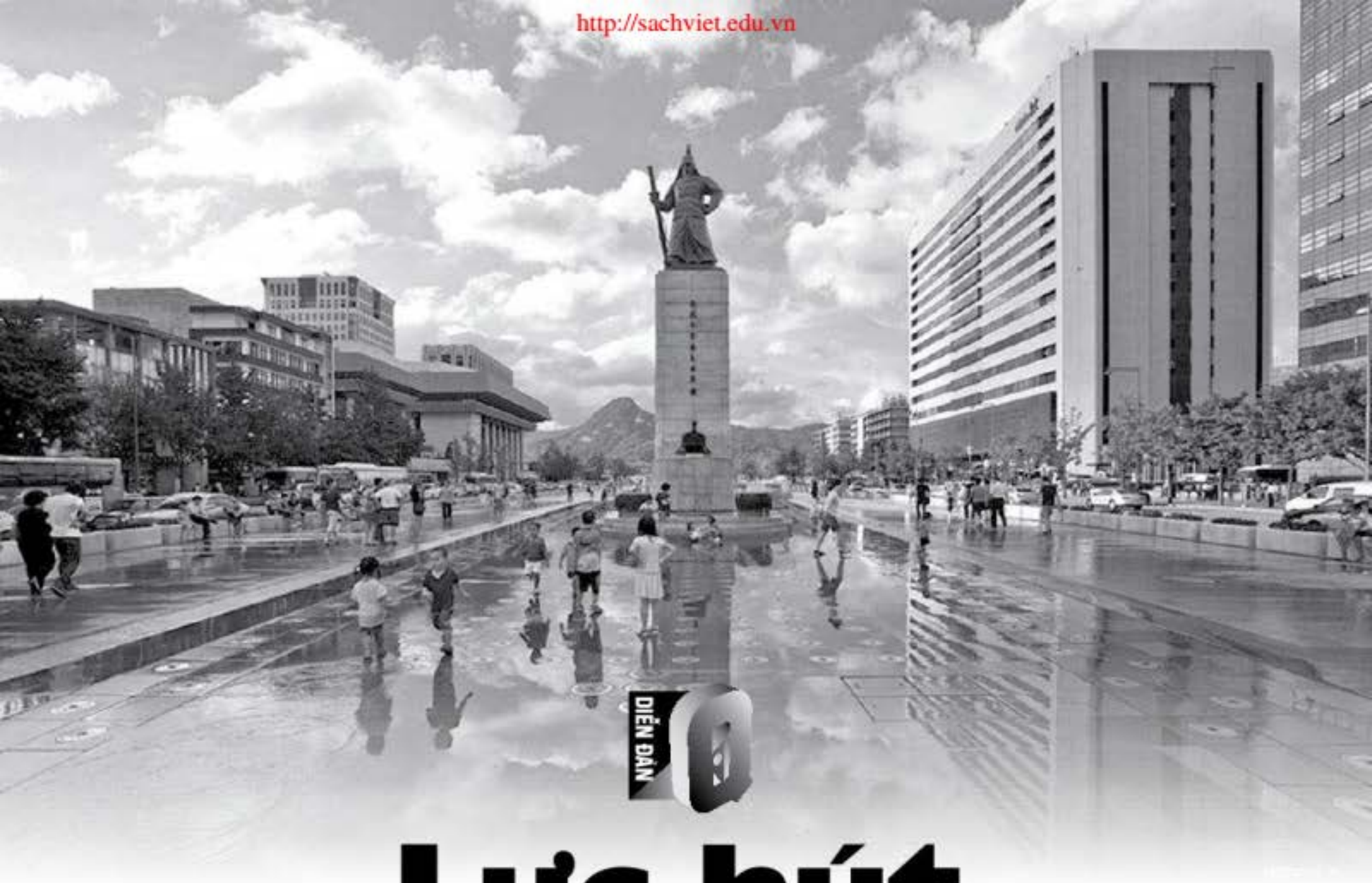
Ở cấp độ cụ thể:

Để cải thiện "chất lượng" KGCC và xóa bỏ những bất hợp lý trong các KGCC, để KGCC phục vụ tốt nhất cho xã hội, cần có một sự thay đổi tư duy thiết kế, lấy việc nghiên cứu phân tích khảo sát nhu cầu đa dạng của các nhóm người sử dụng không gian và các sinh hoạt của họ trong không gian làm cơ sở thiết kế. Việc thiết kế cũng cần thỏa mãn các nhu cầu cơ bản và các nhu cầu bậc cao của con người.

KGCC không chỉ là những không gian vật chất cố định với các chức năng cụ thể được thiết kế có chủ đích, mà còn là không gian do người sử dụng tạo ra (Koh 2007). Trên thế giới cũng đang có một cuộc cách mạng trong tư duy và cách tiếp cận vấn đề để khai thác tính xã hội, sinh động, linh hoạt, bền vững... trong không gian đô thị. Cho nên chúng ta cần thay đổi tư duy từ thiết kế không gian sang tạo dựng nơi chốn (place-making). Khi đó, nguồn lực cho KGCC không chỉ trông chờ ở nhà nước mà có thể huy động ý tưởng, tài chính, vật tư và công sức của cộng đồng cùng với trách nhiệm và sự gắn bó của họ với không gian nữa, đó chính là cơ sở để hình thành nên các "nơi chốn".



Gồng viên Nghĩa Đô - Nguồn: Internet



Lực hút CỦA KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG

PGS.TS. NGUYỄN MINH HÒA

Khoa Đô Thị Học, Trường Đại học KHXH và NV TP. HCM

Cấu trúc không gian đô thị, từ thời cổ đại đến thời hiện đại có nhiều thay đổi, nhưng về cơ bản có ba không gian chức năng. Không gian riêng tư (nhà ở tư gia, dòng họ như “gia trang”); không gian làm việc (cổng sở, nhà xưởng) và không gian công cộng (công viên, quảng trường, vườn hoa, và kể cả hệ thống giao thông công cộng). Không gian công cộng từ rất xa xưa cho đến nay được mặc định là nơi dành cho mọi người và mọi người đến để thoả mãn các nhu cầu cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng vì thế mà khái niệm “public space” được sử dụng trong nhiều ngôn ngữ khác nhau, nhất là ở châu Âu và Bắc Mỹ để chỉ không gian này. Tuy nhiên không phải cứ một địa điểm được quy định trong văn bản hành chính hay quy ước bất thành văn là không gian công cộng thì tự nhiên nó sẽ là nơi mà mọi người đến để giao lưu, thụ hưởng.

Trên thực tế có rất nhiều công viên, vườn hoa, quảng trường, vườn dạo bị bỏ hoang không ai ngó ngàng cho dù được đầu tư với kinh phí cao. Hiện tượng này không chỉ diễn ra ở các thành phố lớn như Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng mà còn ở cả các thành phố, thị trấn vừa và nhỏ. Bài viết này bàn về lực hút toả ra từ các không gian công cộng và các cách thức để gây dựng nên “linh hồn” của không gian công cộng. Tuy nhiên khái niệm không gian công cộng ngày càng được mở rộng ra, chẳng hạn vỉa hè, chợ, tụ điểm hình thành ngẫu nhiên như quán cà phê cóc vỉa hè, chõm hẻm,... do vậy để tránh hiểu nhầm, tác giả bài viết này chủ yếu bàn đến các công viên, vườn hoa, vườn dạo ở ba cấp cấp quản lý: thành phố, quận, và cộng đồng dân cư.

Vị trí của không gian công cộng

Vị trí xác định không gian công cộng rất quan trọng. Một không gian công cộng đặt ở nơi này thì đông đúc người đến, ở nơi khác thì lại vắng vẻ và hoang tàn. Một địa điểm được coi là tốt khi mà mọi người dễ tiếp cận xét về khoảng cách và phương cách, nhất là người già và trẻ em. Nó không quá xa khu dân cư để mọi người có thể đi bộ thông thả đến được, trừ các công viên chuyên đề và các rừng cây sinh thái ở khu vực ngoại thành. Nó không được gần những nơi nguy hiểm và mất an toàn như gần đường giao thông nhanh, gần các nhà máy sản xuất gây ô nhiễm, gần bãi rác, gần trường bắn,...

Có một thực tế là nhiều chủ đầu tư, và kể cả những nhà quản lý có quan niệm không gian công cộng là *"phần thêm vào"*, là phần *"có cũng tốt, mà không có cũng chẳng sao"* cho nên nếu không triệt tiêu được trong thực tế (trong bản quy hoạch 1:500 được phê duyệt có thể là có) thì đất nó ở những nơi không ai muốn đến để rồi một ngày đẹp trời nào đó thanh toán luôn bằng một công trình xây dựng lấp khoảng trống đó. Ở TP. HCM, Hà Nội và cả ở Đà Nẵng có những vườn hoa đặt ngay sát đường quốc lộ, xe cộ chạy ào ào, khói bụi mù mịt cho nên những công viên đó tự nó không mang ý nghĩa nào cả.

Tổ chức không gian công cộng: bên trong và bên ngoài.

Công tác tổ chức để một không gian công cộng sống được là điều rất khó. Không gian công cộng được hiểu là một không gian đa chiều. Nó được hiểu là *"nhiều không gian trong một"*, bao gồm: Không gian kiến trúc, không gian Mỹ thuật, không gian cảnh quan, không gian quy hoạch - chức năng, không gian cộng đồng và không gian văn hoá - xã hội. Không gian kiến trúc là không gian mà nó chứa đựng các công trình kiến trúc mang ngôn ngữ riêng được thể hiện ra ở các công trình như cổng ra vào, các toà nhà, các công trình điểm nhấn.

Không gian quy hoạch chức năng là việc thiết kế và phân chia không gian công cộng ra thành các ô mang chức năng khác nhau như: vườn dạo, hồ bơi, khu vực trò chơi trẻ con, khu ăn uống, khu vệ sinh. Không gian mỹ thuật là việc tạo ra hình khối, đường nét, màu sắc nghệ thuật của tượng đài, tượng trang trí, phù điêu, đài, vòi

phun nước,... Những không gian này phải được hoà quyện vào nhau, hài hoà để tạo ra sự hấp dẫn hút mọi người *"muốn, cần và phải đến"*. Điều này giống như những con ong, bướm tìm đến một vườn hoa, những con cò, con sếu tìm đến những cánh rừng. Những địa điểm đó nó phải toả ra được sức hấp dẫn mọi người, mọi giới. Để một không gian trống không (physical place) trở thành một không gian công cộng rõ ràng phải có ý tưởng (concepts) của nhà quy hoạch, của kiến trúc sư, nhà điêu khắc, họa sĩ, có bàn tay thi công của kỹ sư xây dựng, công nhân, những người trồng và chăm sóc cây xanh, thảm cỏ.

Ở TP. HCM hiện nay những công viên thu hút được lượng người đông đảo hầu hết là được xây dựng từ thời Pháp thuộc như công viên Tao Đàn, Thảo cầm viên, công viên 30-4 (trước 1975 gọi là công viên nhà thờ Đức Bà)... Một số công viên xây sau 1975 cũng là điểm đến của người dân thành phố như công viên Lê Văn Tám (trước 1975 là nghĩa trang Mạc Đình Chi), công viên 23-9, công viên Gia Định, công viên Đầm Sen (cần xem xét lại vì công viên là nơi ra vào tự do không thu phí)... Tuy nhiên có rất nhiều công viên không có người đến cho dù được xây dựng từ lâu với nhiều lý do khác nhau. Công viên Sài Gòn - Safari đặt tại huyện Củ Chi được đầu tư tới hàng trăm tỷ đồng nhưng không hấp dẫn người dân cho nên đang trong tình trạng hoang phế; Ở Hà Nội cũng có một tình trạng tương tự, chẳng hạn như làng văn hoá các dân tộc Việt tại Đống Mốt, Sơn Táy; Công viên Hoà Bình (công trình chào mừng 1.000 năm Thăng Long-Hà Nội).

Rất chí lý khi mà GS.TS.KTS. Jan Gehl người Đan Mạch phát biểu rằng *"bản thân khuôn khổ vật chất có thể được thiết kế khiến các hình thức tiếp xúc bị cản trở,... và cũng có thể được thiết kế để mở rộng các khả năng giao tiếp"*. Ông nổi tiếng với tác phẩm *"Cuộc sống giữa những công trình kiến trúc"*, tác phẩm này được dịch sang tiếng Việt và Nhà Xuất bản Xây dựng ấn hành 2009.

Bầu không khí xã hội ở không gian công cộng

Một trong các yếu tố quan trọng nhất làm nên không gian công cộng là bầu không khí xã hội. Điều này quan trọng hơn nữa

nếu ở các không gian công cộng của khu dân cư (phường, thị trấn), của chung cư hoặc của một cộng đồng, bởi ở họ thường là biết nhau (có thể không thân nhau), do vậy nếu không gian công cộng không toát lên được sự thân thiện, gần gũi mà chỉ có sự nghi kỵ, hằn thù, sợ hãi, mất an ninh, an toàn thì một không gian công cộng dù có được đầu tư nhiều tiền, nhiều cây xanh cũng không mấy người tới. Ở TP. HCM có một vài công viên như công viên Phú Lâm, công viên dạ cầu Tham Lương trở thành nơi trú ngụ, làm ăn của đám mại dâm, ma tuý, trộm cướp, lẫn trong cỏ là các ống tiêm của dân chơi ma tuý. Những nơi chốn như thế cho dù là công viên cũng trở thành nỗi sợ hãi của người dân. Tuy nhiên cũng có những không gian công cộng được người dân ưa thích cho dù rất dỗi sài. Trong khi cải tạo xong kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, ban quản lý dự án đã dành ra một dải cây xanh, thảm cỏ rất hẹp chỉ rộng chừng 0,6-1,2m chạy dọc theo tuyến kênh giống như cái thắt lưng, bà con dân cư hai bên dòng kênh rất thích, tự đặt cho nó là *"công viên bờ kênh"*, ở những đoạn phình rộng ra hơn một chút độ chừng 1,5-2m, Thành phố cho đặt vài cái ghế đá, một số dụng cụ thể thao đơn giản, vậy thôi mà chiều nào bà con cũng kéo nhau ra công viên bờ kênh rất đông để thư giãn, trò chuyện.

Với những không gian công cộng ở những nơi nhiều khách du lịch từ nơi khác đến thì yếu tố thân thiện, hữu nghị, và *"mở"* lại được đề cao hơn. Dải công viên dọc sông Hàn của Đà Nẵng, phố đi bộ Nguyễn Huệ ở TP. HCM, vòng xuyên đi bộ quanh Hồ Gươm cho thấy đó thực sự là không gian giao tiếp quốc tế, rất nhiều người ở các vùng miền khác nhau, và cũng có rất nhiều người nước ngoài đến đây. Họ không biết nhau, thậm chí là xa lạ, khác ngôn ngữ, màu da, nhưng họ lại đến một khu (hay một dải) đất có giới hạn để được thoả mãn *"cái tôi"* và được thư giãn bởi những địa điểm này đảm bảo được tính *"mở"*, có nghĩa là nó không chỉ mở về không gian vật lý, không có hàng rào, không có cách ngăn cứng, không có sự đe dọa, không có theo dõi và mà còn *"mở"* theo nghĩa nhân văn, tức là mọi người được tự do thể hiện mình (tất nhiên không vi phạm pháp luật và thuần phong mỹ tục địa phương) mà không bị phân biệt đối xử, coi thường, ném đá, chính do vậy mà Công

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

viên bờ sông Hàn, hay đường phố đi bộ Nguyễn Huệ vào các buổi tối diễn ra rất nhiều các hoạt động rất phong phú và đa dạng. Chỗ này, những thanh niên chơi nhạc Flamenco, chỗ kia mọi người hào hứng với các tiết mục ảo thuật, các cậu trẻ trượt patin, chỗ nọ các ông bà già nhảy cặp đôi theo nhạc, nhưng cũng có những chỗ các cặp đôi tình tự nắm tay nhau chỉ để... nhìn sông. Chính vì vậy mà Jacobs có viết *"Có rất nhiều lý do khác nhau để người ta đến các công viên vào những thời điểm khác nhau. Đôi khi đến để ngồi cho đỡ mệt mỏi, đôi khi để vui chơi, để nhìn ngắm các trò chơi, đôi khi để tìm tình yêu, để hẹn hò, để thư giãn, đôi khi hy vọng gặp được người quen, đôi khi để gần gũi với thiên nhiên, cũng đôi khi để trông con trẻ, đôi khi chỉ đơn giản là xem ở đó có gì, và hầu như luôn luôn được thư giãn bởi cảnh tượng diễn ra ở những người khác"*

Tuy vậy, cũng cần mở ngoặc một chút, những năm gần đây đang có một cuộc tranh luận không quá ấm i nhưng cũng không có hồi kết giữa một bên là cơ quan an ninh, tổ chức chống khủng bố muốn gắn camera theo dõi khắp các nơi, nhất là không gian công cộng như quảng trường, công viên (ban đầu từ Mỹ, sau lan qua châu Âu) với mục đích bảo đảm an ninh cho đất nước và cá nhân, một bên là những người đại diện cho các tổ chức nhân quyền đòi gỡ bỏ vì như thế là vi phạm nguyên tắc cổ điển của không gian công cộng là *"không thu tiền, không biên giới và không bị theo dõi"*.

Yếu tố văn hoá truyền thống và tâm lý bản địa của không gian công cộng

Thiết kế không gian công cộng là điều không dễ, trong không ít trường hợp không gian công cộng ra đời một cách rất ngẫu nhiên, và tự phát bởi người dân lại sống rất lâu, ngược lại có những không gian công cộng đầu tư lớn công phu lại chết yểu. Một trong số đó là cần phải quan tâm đến văn hoá truyền thống và tâm lý của người bản địa. Ở đây cần nhắc lại một điều rất quan trọng là không gian công cộng (public space) không phải là sản phẩm của nền nông nghiệp lúa nước.

Ở xã hội nông nghiệp truyền thống của tất cả các nước Đông Nam Á (có thể cả châu Á), trong đó có Việt Nam thì ngoài không gian riêng tư ra (khuôn viên hộ gia đình, dòng họ) là không gian cộng đồng (community space) như Đình, Chùa, miếu, nơi mà không gian vật lý có sự can thiệp của con người tạo dựng nên công trình (khác với thửa ruộng làm xới vật sau mùa gặt) và là nơi con người đến gặp gỡ trong các dịp cần thiết (lễ, hội, đám).

Không gian công cộng (public space) như mọi người đang thấy ngày hôm nay như quảng trường (Agora: khu đất làm quảng trường dành cho các hoạt động công cộng lần đầu tiên xuất hiện ở Hy Lạp cổ đại vào TK 9 trước CN), công viên, vườn hoa, vườn dạo, vườn trên cao ở các thành phố như Hà Nội, TP.HCM và các thành phố khác là sản phẩm của châu Âu, Địa Trung Hải do người Pháp lần đầu tiên mang đến Việt Nam, qua năm tháng đã trở thành một phần không thiếu của đô thị Việt Nam, nhưng chính vì điều này mà các nhà quy hoạch, các KTS Việt Nam có xu hướng copy nguyên bản vào các thiết kế không gian của mình. Trong nhiều trường hợp một số công viên, không gian công cộng bị thất bại.

Một lý thuyết rất quan trọng cần được nhắc đến ở đây là "chủ nghĩa

chức năng đô thị" (urban functionalism) ra đời khoảng 1950, có nghĩa là nhà quy hoạch và thiết kế không gian có chủ trương phân định rạch ròi không gian đô thị ra làm nhiều vùng và mỗi loại vùng như thế mang một chức năng khác nhau và chúng được thiết kế khác nhau với nhiệm vụ và mục đích khác nhau, và cố nhiên người sử dụng và thụ hưởng khác nhau. Nhưng xã hội dần phát triển, những nhà quy hoạch không gian các thế hệ sau nhận thấy không nên tuyệt đối hoá hay cực đoan hoá chủ nghĩa chức năng mà một số không gian công cộng có thể trộn chung vào với nhau (mixture).

Ở TP. HCM, có một số nhà đầu tư xây dựng những tụ điểm vui chơi giải trí rất lớn dành duy nhất cho trẻ em, khi các con cháu vào chơi thì cha mẹ ông bà phải ngồi ngoài nhiều tiếng đờ đờ mà không biết làm gì, trong khi luôn lo lắng sau cánh cửa kia điều gì sẽ xảy ra với con cháu mình, chính vì sự "chức năng hoá" này mà mô hình thất bại, chủ đầu tư chỉ có lời khi nhận ra sai lầm này và tiến hành tổ chức không gian chơi cho người lớn ở gần ngay chỗ trẻ em với các trò đơn giản như xem tivi, đọc sách, báo, tó tượng, đánh cờ, xếp hình. Tương tự như thế, TP. HCM dự tính xây dựng công viên dành riêng cho người già như ở các nước phát triển, nhưng sau khi nghiên cứu mới thấy các cụ già chỉ đi chơi cùng con cháu thì mới bền, có các cháu nhỏ mới vui và mới có việc, còn chỉ các cụ với nhau thì rất mau chán. Rất may đề xuất này đã kịp ngưng lại. Nếu để ý thì sẽ thấy ở Trung Quốc, Đài Loan, ở các sân chơi của chung cư, bao giờ cũng có một góc của người già với những bàn cờ tướng, các cặp ghế đá xếp quay vào nhau, nhưng các góc này không nằm biệt lập mà ở chung trong sân tập thể của chung cư.

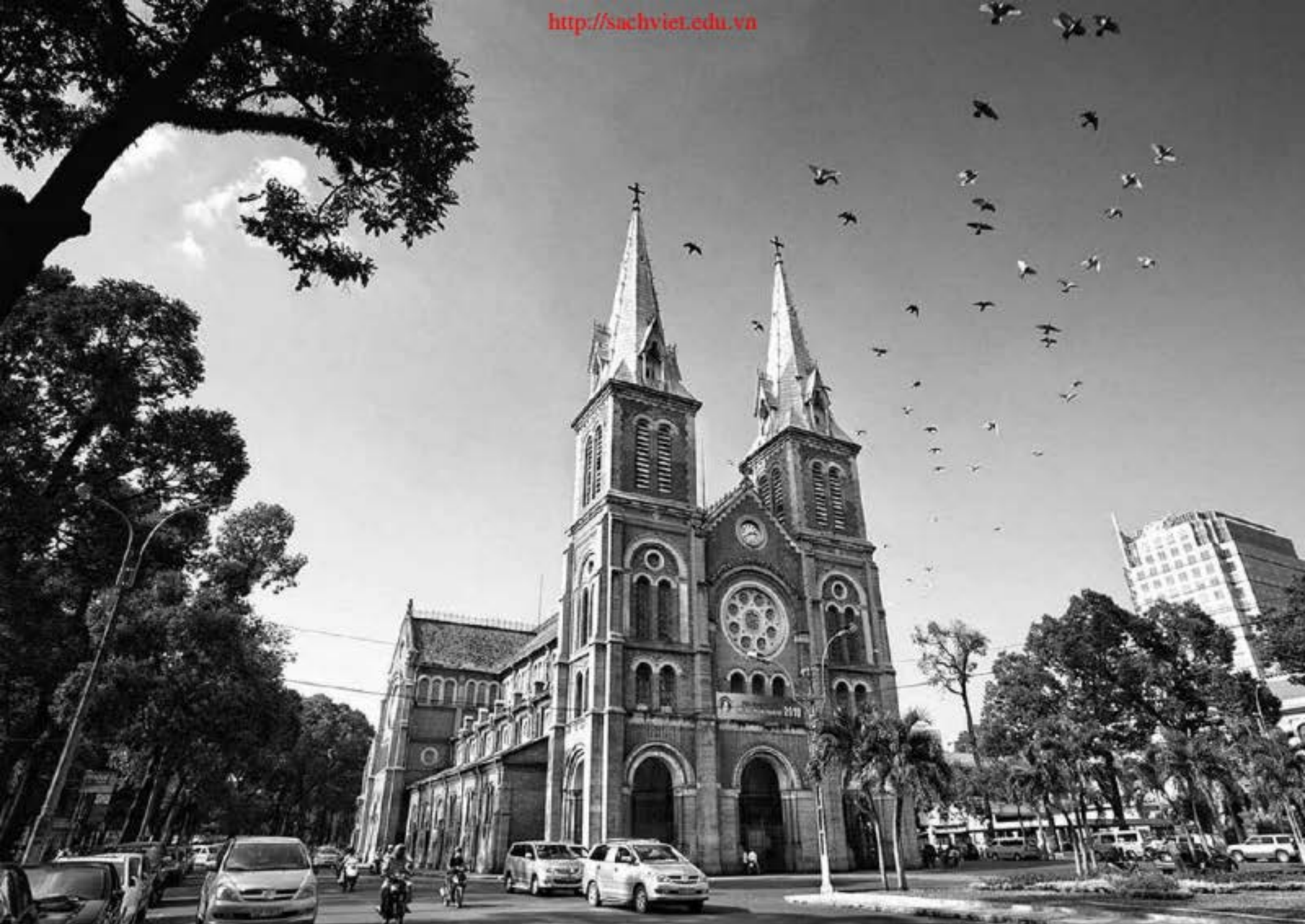
Kết luận

Ở các thành phố lớn và hiện đại, không gian công cộng là một phần rất quan trọng và không thể tách rời trong cơ thể đô thị. Ngày nay, người Việt Nam càng thấy giá trị của công viên, cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa, vườn dạo. Trong thời gian thị trường bất động sản bị đóng băng thì những dự án có không gian công cộng hoàn thiện vẫn bán được tốt, thậm chí với giá không giảm như Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng ở Nam Sài Gòn. Lúc này không gian công cộng chính là giá trị gia tăng của bất động sản.

Tuy nhiên để không gian công cộng thu hút được mọi người thì nhà quy hoạch và nhà thiết kế phải biết "cấy" vào nó những công trình, những giá trị (nhân văn, văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật), những hoạt động chức năng để người dân thấy được ích lợi của nó. Những khoảng đất giữa hai toà chung cư, khoảng sân trước chung cư, những công viên miễn phí (hay có thu phí), những vườn dạo được mọi người quan tâm chỉ khi nào họ thấy được lợi ích trong đó: thư giãn, giao tiếp với nhau, giao tiếp với thiên nhiên, thiết lập quan hệ xã hội, vui chơi, giải trí, xả stress, rèn luyện thân thể nâng cao sức khoẻ,... Chính vì thế, không gian công cộng được coi là một chỉ số quan trọng trong hệ thang đo chất lượng sống của một thành phố.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Debra Etroymson, Trần Thị Kiều Thanh Hà. Không gian công cộng làm nên cuộc sống thành phố. NXB Xây dựng, 2010.
2. Nguyễn Minh Hoà. Đô Thị học: Những vấn đề lý thuyết và thực tiễn. NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2012.
3. Jan Gehl. Cuộc sống giữa những công trình kiến trúc. NXB Xây dựng, 2009.



Chất lượng sống đô thị

NHÌN TỪ KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG

NGUYỄN ĐĂNG SƠN

Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu đô thị và Phát triển Hạ tầng



Không gian công cộng quyết định chất lượng sống đô thị

Làm thế nào để nâng cao lợi ích của xã hội dân sự trong toàn cầu hóa? Ta có thể nhận thấy ngay ở trong không gian công cộng (KGCC) của thành phố. Đó là không gian dân sự, là năng lượng gắn với thế giới công cộng, là nơi mở rộng giao tiếp cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng sống đô thị.

Theo Mike Douglass: Các thành tố của một thành phố sống tốt:

1-Sự phát triển của cá nhân:

- Sinh kế
- Sức khỏe

- Giáo dục
- An toàn, an ninh

2- Môi trường sống tốt:

- Không khí
- Đất
- Cấp nước
- Chất thải rắn
- Khu nhà ở chuột

3- Đời sống văn hóa, xã hội, cộng đồng

- Cộng đồng năng động và xã hội dân sự
- Quản lý đô thị có sự tham gia của dân cư
- Tập quán và tiện nghi văn hóa
- Cộng đồng và không gian công cộng với không gian chung của thành phố

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Có thể nói “Đời sống văn hóa, xã hội và cộng đồng” là “Thế giới sống” (Lifeworld) trong đó có KGCC hay còn được gọi là không gian dân sự (Civic Spaces), do vậy thành phố cần đảm bảo có mạng lưới mảng xanh, không gian mở xung quanh khu ở và đảm bảo yếu cầu vui chơi giải trí của người dân, không gian mở của đô thị chính là nơi thể hiện “sự vui vẻ” (conviviality) của cộng đồng nhân văn và nơi nghỉ ngơi giải trí bao gồm các khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao, các trung tâm văn hóa, khu du lịch sinh thái.

Không gian công cộng (KGCC) có nhiều giá trị đặc biệt: (1) Về chính trị, nó là nơi mọi người có thể tập hợp thể hiện ý chí chung như bảo vệ môi trường, chống các tệ nạn xã hội...; (2) Về kinh tế-xã hội, nó thể hiện nền tảng của hệ của hệ thống dịch vụ nuôi dưỡng sự vận động của toàn thành phố; (3) Về văn hóa, nó là nền tảng cho các hoạt động của cộng đồng giúp gia tăng sự gắn kết giữa người với người và tạo ra nét đặc trưng của thành phố.

Do vậy có thể nói, chính không gian công cộng quyết định chất lượng sống đô thị.

Chất lượng sống đô thị TP. HCM nhìn từ không gian công cộng

KGCC là những không gian mở, nơi cộng đồng dân cư có thể đến mà không phải trả tiền.

Tiếp cận từ góc độ không gian, nếu tập trung vào mối quan hệ giữa KGCC với các không gian khác trong đô thị thì KGCC “nối chung” bao gồm có không gian giao thông và KGCC. Như vậy phố xá, vỉa hè, công viên, quảng trường mặt nước đều thuộc KGCC.

Cách tiếp cận từ góc độ sử dụng KGCC thì quan tâm chủ yếu đến các hoạt động của nơi này. Với ý nghĩa như trên thì phòng đọc công cộng, nhà chờ xe, chợ và các công trình tương tự cũng có thể xem là KGCC. Tuy nhiên không nên lẫn lộn mọi công trình với KGCC.

Jane Jacobs cũng cho rằng “Đường phố và vỉa hè, là không gian công cộng chính, là phần quan trọng của thành phố. Nếu đường phố trông có vẻ thú vị thì thành phố cũng thú vị, ngược lại nếu buồn tẻ thì thành phố cũng tẻ ngắt”, cũng theo Jacobs “Đường trong thành phố phục vụ nhiều mục đích hơn việc chứa đựng xe cộ, và vỉa hè phần dành cho người đi bộ thì phục vụ nhiều mục đích hơn ngoài việc chứa đựng khách bộ hành”.

Tuy nhiên trên góc độ không gian đặc thù của TP. HCM, không gian công cộng cũng có thể xem như sự xếp chồng của 3 lớp không gian chính quy và một lớp không gian không chính quy.

Ba lớp không gian chính quy là: (1) Lớp không gian xanh (Green spaces): công viên, vườn dạo, vườn cộng đồng; (2) Lớp không gian dân sự (Civic Spaces): quảng trường, phố đi bộ; (3) Lớp không gian mặt nước và bờ (Water Bodies and Waterfront) là hệ thống sông ngòi, kênh rạch và dải không gian dọc bờ. Lớp không gian này thường bao hàm trong lớp không gian xanh, nay được tách ra thành lớp riêng vì Sài Gòn – TP. HCM là thành phố có đặc trưng sông nước - kênh rạch nếu tách ra có thể đem lại cho không gian này chức năng mở rộng hơn.

Nhìn chung, ba lớp không gian công cộng chính quy ở TP. HCM không tạo thành một mạng lưới hoàn chỉnh nên cũng hạn chế chất lượng sống đô thị. Thứ nhất mạng lưới không gian công cộng không đạt yêu cầu về số lượng và diện tích, có nghĩa là không gian công cộng không đủ phục vụ cho sự phát triển dân số rất nhanh, phần lớn các không gian công cộng hiện hữu đang xuống cấp và không được khai thác đúng mức như: sự xâm chiếm, cho thuê kinh doanh.

Đặc biệt là sự thiếu vắng KGCC làm chỗ chơi cho trẻ em. LHQ đã đề ra ý tưởng xây dựng “Thành phố thân thiện với trẻ em” (Child Friendly Cities-CFC) mà nội dung quan trọng là có KGCC dành cho trẻ em, đây cũng là quyền của trẻ em.

Mặt khác có một khoảng cách lớn trong sự phân bố và sử dụng KGCC ở các tiểu vùng đô thị khác nhau trong thành phố. Trong khi không gian công cộng ở trung tâm thành phố được đầu tư chăm sóc và được sử dụng nhiều với mật độ cao thì các không gian công cộng ở các khu vực khác đang xuống cấp nặng nề.

Riêng ở Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, KGCC phong phú, đa dạng đã góp phần nâng cao chất lượng sống của cư dân và là nơi chốn hình thành cộng đồng nhân văn.

Thứ hai đó là sự thiếu vắng quảng trường trung tâm và phố đi bộ trong thành phố đã dẫn tới sự kết nối lỏng lẻo giữa các không gian công cộng và biến chúng thành những không gian rời rạc. Gần đây thành phố đã xây dựng quảng trường tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh đối diện với trụ sở UBNDTP và đường Nguyễn Huệ đã trở thành quảng trường nổi dài và trở thành phố đi bộ. Trong tương lai không xa khi xây hầm ở giao lộ Tôn Đức Thắng - Nguyễn Huệ, phố đi bộ có thể kéo dài tới công viên Bạch Đằng qua cầu đi bộ vượt sông Sài Gòn tới công viên bờ sông Thủ Thiêm vào quảng trường trung tâm nơi sẽ tổ chức các lễ hội, mít tinh, diễu hành.



Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Thứ ba là việc hưởng dụng mặt nước và bờ bị mờ nhạt vì khó tiếp cận với mặt nước do bờ thiết kế không hợp lý, sự ngăn cách các hoạt động văn hóa xã hội gần với mặt nước, mặt khác kênh rạch cũng còn bị lấn chiếm, ô nhiễm nghiêm trọng.

TP. HCM là thành phố sông nước, kênh rạch, tại quyết định điều chỉnh quy hoạch TP. HCM đến năm 2025 của Chính phủ ký năm 2010 có quy định “*Bố trí trục cây xanh cảnh quan, mặt nước, kết hợp với du lịch giải trí dọc hai bên bờ sông Sài Gòn, Đồng Nai, Nhà Bè có diện tích khoảng 7000ha. Sau khi di dời Tân Cảng, nhà máy Ba Son và cảng Sài Gòn để phát triển các dự án cao ốc thì cần phải dành đất để làm công viên bờ sông phục vụ đời sống của cộng đồng vì diện tích cây xanh hiện nay ở trung tâm chỉ khoảng 2m²/người, trong khi đó theo yêu cầu của quy hoạch phải từ 10-15m²/người. Phía Thủ Thiêm đối diện cũng sẽ xây dựng công viên bờ sông.*”

Lớp không gian công cộng không chính quy: Trong khi những không gian công cộng chính quy đã hiện rõ trong đời sống thị dân, một không gian phi chính quy trên thực tế đã được tồn tại từ trước, phát triển song song và cực kỳ phong phú, thường những không gian không chính quy, không được thiết kế và không có chức năng chính là KGCC như là các khu đất trống chưa được xây dựng, đường phố và vỉa hè. Đặc biệt là “vỉa hè”, nó không chỉ mang chức năng đi bộ mà còn tập nập những quán cóc, những người ngồi thư giãn ngắm phố phường... Trên khắp các ngõ, góc nhỏ nhất của thành phố, không gian công cộng được kết nối với không gian riêng tư bằng những vỉa hè như thế.

Có thể đường phố và hệ phố luôn gắn với nhau và cũng gắn liền với cuộc sống của cư dân thành phố. Cuộc sống trên đường phố và hệ phố chưa bao giờ nhàm chán và nó làm cho bộ mặt thành phố trở nên sinh động hơn.

Trên cơ sở khảo sát các vỉa hè tại 6 phường trung tâm ở TP. HCM, TS Annette Kim, Viện Công nghệ Massachusetts (Mỹ) cho rằng: “*Không gian đô thị sống động của TP. HCM có thể có nhiều điều cho thế giới học hỏi. Và phần lớn sự sống động đó diễn ra trên vỉa hè. Các thành phố trên thế giới đang bối rối với việc quy hoạch và quản lý không gian công cộng như thế nào khi có quá nhiều người nhập cư và các đô thị trở nên đông đúc. Cho tới nay hầu hết các nhà quy hoạch tập trung vào không gian công cộng hoành tráng như quảng trường. Tuy nhiên chính những vỉa hè khiêm nhường mới là không gian công cộng quan trọng nhất, nơi mà mọi người sử dụng gặp gỡ tương tác với nhau hàng ngày. Vỉa hè cũng là nơi giúp rất nhiều người kiếm sống, đồng thời mang lại lợi ích cho xã hội.*”

“*Vỉa hè ở TP. HCM còn dạy cho các nhà quy hoạch về chiều thời gian trong quy hoạch không gian công cộng vốn cho phép sự linh hoạt và*

chia sẻ không gian đặc biệt là ở những thành phố chật chội.” “*Tôi mong rằng TP. HCM sẽ tổ chức quản lý vỉa hè cho tốt hơn, phù hợp với văn minh đô thị chứ đừng quét sạch các hàng quán, gánh rong. Mỗi hàng quán gánh chiếm một chỗ khiêm tốn trên vỉa hè là một cuộc đời thậm chí là nhiều cuộc đời.*” Có thể nói “*Vỉa hè Sài Gòn là không gian công cộng sống động, nhân bản và hợp tác*”; “*Thật kỳ diệu khi ta nhìn thấy rằng bao nhiêu phần của cuộc sống có thể được nuôi dưỡng trong không gian công cộng khiêm nhường này*” và “*Ta tìm thấy ở vỉa hè TP. HCM bình dị những phẩm chất để tạo nên một đô thị sống tốt.*”

Hiện nay ở TP. HCM vỉa hè, không gian công cộng không chính quy lại chính là nơi diễn ra các hoạt động của nền “*kinh tế không chính thức*”, để nâng cao chất lượng sống cho người nghèo đô thị, người nhập cư.

Còn Susan & Norman Fainstein thì cho rằng: “*Ở TPHCM trên phố có nhiều hoạt động, điều đó là rất tốt. Nhưng điều quan trọng là duy trì được nếp sống đó cùng lúc chấp nhận những dấu tư để kinh tế phát triển và cải thiện nó để không hủy hoại thành phố. Những đường phố (có nhiều hoạt động như thế này) là những phố làm cho thành phố trở nên thú vị khiến mọi người muốn sống ở đó.*” Có thể nói, giữ gìn và phát triển KGCC đô thị là một vấn đề quan trọng trong phát triển đô thị vì nó liên quan trực tiếp tới chất lượng cuộc sống tới sức khỏe thể chất và tinh thần của người dân đô thị. KGCC còn là yếu tố tạo nên nét độc đáo và bản sắc của một thành phố, là yếu tố nối kết cộng đồng và làm cho người dân gắn bó với thành phố, với nơi ở của mình hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Không gian công cộng ở TPHCM hướng đến tính bền vững - Lý Khánh Tâm Thảo, tháng 8/2005
2. Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị - Nguyễn Đăng Sơn, NXB Xây Dựng, năm 2005, tập 2 năm 2006
3. Thành phố sống tốt, quá trình toàn cầu hóa, cuộc sống thành thị và KGCC ở Châu Á - TBD - Mike Douglass, Ashui.com, tháng 7/2009
4. Sống tốt tiêu chí quan trọng trong phát triển bền vững - Nguyễn Đăng Sơn, năm 2009
5. Đất công cộng quyết định chất lượng đô thị - Trần Ngọc Chính, tháng 12/2009
6. Vai trò của không gian công cộng trong đô thị ở nước ta - Phạm Sỹ Liêm, tháng 12/2009
7. Vỉa hè - không gian công cộng làm nên cuộc sống thành phố - Health Bridge Canada, tháng 12/2009
8. Vỉa hè Sài Gòn là không gian công cộng sống động, nhân bản và hợp tác - Annette Kim (thực hiện Nguyễn Đỗ Dũng & Đỗ Quỳnh Như), Báo Tuổi trẻ 15/1/2014
9. Châu Á đang lặp lại sai lầm của phương Tây - Susan & Norman Fainstein, (Anh Nguyễn thực hiện), TTCT, tháng 3/2015
10. Sông nước với công viên cây xanh hai bờ, cảnh quan bản sắc của Sài Gòn - TP. HCM, năm 2015





NHỮNG KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG THÂN THIỆN VỚI THANH NIÊN Ở HÀ NỘI

STEPHANIE GEERTMAN*

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi đô thị và xã hội và thanh niên là thành phần dân số quan trọng sẽ định hình tương lai của sự chuyển đổi này. Năm 2009, gần 30% dân số khu vực đồng bằng Sông Hồng (bao gồm thủ đô Hà Nội) ở lứa tuổi dưới 18 (Tổng cục Thống Kê, 2009). Năm 2012, những người trẻ tuổi 15-24 chiếm gần 16% dân số Hà Nội^[1]. Đây là thế hệ được tiếp cận với dòng chảy về tư tưởng, chiều hướng và chất liệu văn hóa toàn cầu, tác động đến những nhu cầu và mong muốn của họ về tương lai. Thanh niên xuất hiện nhiều ở các không gian công cộng (KGCC), ngày nay đã trở thành những sân khấu trình diễn các hoạt động mới của thanh niên ở Hà Nội. Việc thanh niên sử dụng KGCC đang tăng lên nhanh chóng và sẽ tiếp tục tăng trong tương lai gần. Đây là một thách thức đối với Hà Nội, một trong những thành phố có mật độ dân cư cao nhất thế giới (tới 404 người/ha) nhưng chỉ có rất ít KGCC. Các KGCC chỉ chiếm 0,3% diện tích thành phố và ít hơn 1m²/người. So với các thành phố Châu Á có mật độ xây dựng đô thị cao tương tự, Hà Nội là một trong những thành phố có ít diện tích không gian xanh bình quân nhất: 11,2m²/người^[2], so với mức trung bình của Châu Á là 39m²/người. Theo Chỉ số Thành Phố Xanh Châu Á^[3], Hà Nội là thành phố duy nhất, trong số 22 thành phố được khảo sát, xếp hạng “dưới trung bình” về sử dụng đất và công trình xây dựng.



Nhận thức thanh niên là thành phần dân số sẽ định hình tương lai Việt Nam, việc tìm hiểu nhu cầu, hành vi và mong muốn của thanh niên là rất quan trọng. Từ góc độ quy hoạch đô thị, điều này đặc biệt liên quan đến việc thanh niên sử dụng KGCC. Một dự án nghiên cứu hợp tác giữa Canada và Việt Nam lần đầu tiên đã tìm hiểu việc cung cấp và sử dụng các KGCC chính thức ở Hà Nội liên quan đến việc sử dụng, nhu cầu và mong muốn của thanh niên tuổi 18–25. Bài viết này bàn về những phát hiện chính trong một cấu phần của nghiên cứu tập trung vào việc thanh niên sử dụng KGCC tại ba địa điểm mà thanh niên Hà Nội rất ưa thích: Công viên Lê Nin, sân tòa nhà 34T và công viên Hòa Bình. (Hình 1)

Các KGCC đóng vai trò quan trọng trong đời sống hàng ngày của thanh niên



Hình 1: Bản đồ vị trí 3 địa điểm KGCC được nghiên cứu

- 1: Công viên Lê Nin
- 2: Sân tòa nhà 34T Trung Hòa Nhân Chính
- 3: Công viên Hòa Bình

Thanh niên đang thực hiện rất nhiều hoạt động đa dạng tại ba điểm KGCC được nghiên cứu, khoảng 35% thực hiện các hoạt động tình như chuyển trò, giao tiếp hay thư giãn, học bài, nhìn ngắm mọi người. 55% là các hoạt động tích cực như tập thể dục, chơi thể thao bao gồm các môn thể thao thông thường như đá bóng hay cầu lông và cả các môn thể thao phong cách mới mà thanh niên Hà Nội gọi là thể thao đường phố và nghệ thuật đường phố - những hoạt động như trượt ván, nhảy hip hop, hoặc trượt patin. Những thanh niên chơi các môn thể thao đường phố này cho biết những môn này không chỉ là vận động thể lực mà còn đem lại những quan điểm khác biệt về cuộc sống như sự vui vẻ, độc lập, tự khẳng định bản thân và sống cho hiện tại.

Một thanh niên chơi môn parkour (nhảy qua các chướng ngại vật trên đường phố) cho biết “nếu bạn hiểu triết lý của bộ môn này, bạn sẽ thấy nó giúp tinh thần của bạn rất thoải mái”. Một số thanh niên khác cũng nói KGCC giúp họ cảm thấy “sự tự do” và “thoải mái”.

Nhìn chung, việc đến một KGCC là một hoạt động tham gia xã hội của thanh niên Hà Nội, 75% người được phỏng vấn đến KGCC với bạn bè và 20% tham gia một nhóm bạn gặp nhau thường xuyên để



Hình 2: Một thanh niên trượt ván tại Công viên Lê Nin

tập luyện (ví dụ như trượt ván, chơi bóng đá, đá cầu, nhảy) tại công viên. Nghiên cứu cũng phát hiện thanh niên đến các điểm KGCC này thường xuyên và ở lại đó lâu: 68% thanh niên được phỏng vấn đến ít nhất 3 lần mỗi tuần, trong đó 38% đến mỗi ngày. Và 62% thanh niên đến mỗi lần lâu hơn 2 giờ đồng hồ, 10% ở lại 3-4 giờ mỗi lần và 7% ở lâu hơn 4 giờ mỗi lần đến KGCC.

Khảo sát của chúng tôi cũng cho thấy, nhiều thanh niên phải đi rất xa mới đến được địa điểm KGCC ưa thích: 60% thanh niên phải mất đến hơn 20 phút để đến Công viên Lê Nin, 27% mất hơn 20 phút để đến sân tòa nhà 34T trong khi chỉ có 1% mất cùng đó thời gian để đến công viên Hòa Bình. Điều này cho thấy, công viên Hòa Bình tuy là công viên thành phố nhưng người sử dụng lại hầu hết là người dân sống gần đó (hầu hết là sinh viên các trường đại học lân cận) và công viên khu dân cư là công viên Lê Nin thì lại có nhiều thanh niên đến từ những khu vực rất xa trong thành phố. Điều này dẫn đến một câu hỏi: “Vây, ngoài yếu tố là khoảng cách gần, còn những yếu tố nào gây trở ngại và tạo thuận lợi cho thanh niên tiếp cận và sử dụng các KGCC?”.

Tại sao những KGCC lại được thanh niên sử dụng nhiều?

Bên cạnh yếu tố về khoảng cách gần, nghiên cứu định tính tại ba địa điểm nghiên cứu đã cho thấy những yếu tố thuận lợi cho việc sử dụng KGCC của thanh niên, đó là: Những KGCC này miễn phí, không có hàng rào hoặc kết nối với các trục đường chính. Ngoài ra, ở đó có những bề mặt phẳng rộng tạo không gian cho việc sử dụng tự do và dễ dàng cho nhiều hoạt động của thanh niên. Đồng thời, các KGCC cũng có những khu vực khuất với các không gian yên tĩnh và riêng tư hơn cho các hoạt động như chơi nhạc, học, gặp người yếu (đặc biệt với trường hợp công viên Hòa Bình). Yếu tố cuối cùng mà các thanh niên cho biết là tiện ích chiếu sáng vào buổi tối. Tất cả các điểm KGCC nghiên cứu đều được chiếu sáng vào buổi tối, tuy nhiên, thanh niên nói rằng họ muốn đèn chiếu sáng tốt hơn. Họ thích sử dụng KGCC muộn vào buổi tối để tránh cái nóng và sự đông đúc.

Những yếu tố nào gây trở ngại đối với việc sử dụng KGCC của thanh niên?

Mặc dù các điểm KGCC trong nghiên cứu này được thanh niên sử dụng rất nhiều, đặc biệt là Công viên Lê Nin, tuy nhiên vẫn còn có

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

những yếu tố khiến thanh niên thấy khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng những KGCC này. Việc quá đông đúc là trở ngại lớn đối với thanh niên khi sử dụng các KGCC này. Thanh niên cũng cho biết các chuẩn mực xã hội khiến họ khó có thể giành chỗ với những nhóm lớn tuổi hơn cũng như hạn chế các hoạt động của nữ thanh niên tại các KGCC và khiến các môn thể thao/ nghệ thuật đường phố ít được chấp nhận. Ngoài ra, thanh niên cũng cho biết quản lý và bảo vệ các KGCC cũng phần nào hạn chế hoặc không chấp nhận các hoạt động của thanh niên ở KGCC.

Ở Công viên Lê Nin, thanh niên thấy các nội quy và việc thực hiện nội quy trên thực tế có sự không rõ ràng và nhiều cấm đoán. Các bảo vệ ở sân tòa nhà 34T thường chỉ thực hiện yêu cầu và những lời phản nản của cư dân sống ở đó và không bảo vệ những người sử dụng khác như là thanh niên, đến từ những nơi khác. Ở công viên Hòa Bình, có những nhóm thanh niên cho biết họ bị bảo vệ yêu cầu trả tiền để được sử dụng KGCC. Các thanh niên cũng than phiền về việc có các quán hàng rong lấn chiếm KGCC để kinh doanh nhưng lại cũng cho rằng các quán hàng này đem lại những dịch vụ cần thiết (giải khát...) với giá phải chăng. Sau cùng, khi được hỏi về việc thu phí vào cửa ở những công viên khác, thanh niên đều cho rằng phí vào cửa là một yếu tố gây trở ngại cho việc tiếp cận công viên, do mức phí này đắt, và phiền phức vì họ phải đi qua cửa soát vé khiến họ cảm thấy không được chào đón và thoải mái.

Những cách để thanh niên hòa hợp với những người sử dụng KGCC khác.

Tại ba địa điểm nghiên cứu, thanh niên tránh xung đột với những người sử dụng khác bằng sự thỏa thuận khéo léo và dựa trên nhận thức rõ ràng về nhu cầu của những người khác về không gian. Thanh niên chọn cách "*chiếm hữu không gian tạm thời*" - đến các KGCC vào những giờ cố định theo nhóm khi KGCC vắng người sử dụng hơn, tạo thành thói quen và lịch thường xuyên trên cơ sở tôn trọng thỏa thuận ngầm với các nhóm khác cùng sử dụng KGCC. Điều này giúp thanh niên có thể cùng sử dụng KGCC với những người khác một cách hòa bình. Vì vậy, dường như không có xung đột xảy ra tại các địa điểm KGCC nghiên cứu. Mặc dù vậy, những người sử dụng KGCC vẫn cảm thấy rất không hài lòng vì việc thiếu không gian. Vấn đề này sẽ ngày càng gay gắt hơn trong tương lai, bởi sự phổ biến hơn của các môn nghệ thuật đường phố (trượt patin, parkour, nhảy đường phố...) và nhu cầu về KGCC ngày càng tăng của thanh niên nói chung.

KGCC đóng vai trò quan trọng đối với sức khỏe thể chất và tinh thần của thanh niên

KGCC mang lại nhiều lợi ích về sức khỏe và tinh thần cho thanh niên. Những thanh niên được phỏng vấn đều cho biết họ đánh giá cao việc tiếp xúc với các không gian tự nhiên (cây cỏ, mặt nước) và họ sử dụng KGCC để thực hiện lối sống tích cực như thế nào. Bên cạnh những lợi ích

về sức khỏe, tinh thần và sự giao tiếp xã hội cũng được tăng thêm thông qua việc gặp gỡ những người khác (không chỉ là thanh niên) ở KGCC. Tại KGCC họ cũng nhận được sự hỗ trợ từ bạn bè, như học thi cùng nhau, giúp nhau tìm việc làm, giúp đỡ nhau giải quyết các vấn đề ở trường hay ở nhà. Đặc biệt đối với thanh niên nhập cư, KGCC giúp họ giảm bớt cảm giác cô đơn và tách biệt. Thanh niên thích thư giãn ở KGCC, điều này giúp họ tránh xa những cách giải tỏa stress nguy hiểm khác như tìm đến ma túy và bia rượu.

Những KGCC thân thiện với thanh niên là gì?

Từ những phát hiện của nghiên cứu, có thể tóm tắt: Để trở nên thân thiện với thanh niên ở Hà Nội, các KGCC cần ở trong khoảng cách tối đa 900m từ nhà ở, không có hàng rào hoặc phải có nhiều cổng vào, không thu phí vào cửa. Những KGCC này cần được trồng cây xanh chăm sóc tốt và đa dạng (cây, thảm cỏ, bồn hoa...) để tạo cảnh quan tự nhiên, các khu vực có bóng mát và tiếng ồn. Các KGCC cần có những bề mặt phẳng rộng, mở và các bề mặt cứng hỗ trợ các hoạt động tự do. Tuy nhiên, những KGCC này cần được thiết kế cho đa dạng đối tượng sử dụng hơn là chỉ cho thanh niên. Và sau cùng, các KGCC này nằm trong hệ thống không gian công cộng hỗ trợ đa dạng và có nhiều lựa chọn cho thanh niên.

Làm thế nào để tạo dựng những KGCC thân thiện hơn cho thanh niên ở Hà Nội?

Trên cơ sở những hiểu biết về tầm quan trọng của KGCC với sự phát triển của thanh niên cũng như của toàn xã hội, việc nâng cao vai trò của KGCC cần được thêm vào trong chương trình phát triển thanh niên của thành phố, đặc biệt để nâng cao sức khỏe và tinh thần của thanh niên (cũng như của người dân đô thị).

Thứ hai là cần đánh giá lại hệ thống quản lý KGCC ở Hà Nội trong đó đặc biệt lưu ý vai trò của đội ngũ cán bộ bảo vệ, xây dựng cơ chế đảm bảo họ đang bảo vệ công bằng đối với tất cả những người sử dụng KGCC (chứ không chỉ bảo vệ lợi ích của một vài nhóm người). Thứ ba là xây dựng quy chế để tổ chức lại các hoạt động bán hàng tại các KGCC, với quy định nghiêm ngặt hơn và các hướng dẫn về bảo trì. Thứ tư là khuyến khích việc đi bộ, xe đạp và sử dụng các phương tiện giao thông công cộng đến các KGCC và các công viên bằng việc đánh giá lại các mạng lưới giao thông kết nối tới các công viên và KGCC.

* Stephanie Geertman là nhà nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến đô thị hóa, văn hóa và xã hội, làm việc tại Hà Nội, tham gia vào dự án nghiên cứu này theo chương trình Sau tiến sĩ tại Đại học INRS, Montreal, Canada

[1] Số liệu chưa công bố do Viện Xã Hội Học cung cấp năm 2014.

[2] Từ này có thể thay đổi tùy theo định nghĩa về "không gian công cộng".

[3] Economist Intelligence Unit (2011) Asian Green City Index. www.thecrystal.org

[4] Đây là dự án hợp tác nghiên cứu giữa trường đại học Viện Nghiên cứu Khoa Học Quốc Gia Canada (INRS), Viện Xã Hội Học thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Quốc Gia Việt Nam, và tổ chức HealthBridge Canada.



Phố đi bộ

TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ VIỆT NAM



KTS. VŨ HIỆP

Đại học Giao thông vận tải

PEDESTRIAN STREETS IN THE CONTEXT OF VIETNAMESE CITIES

Compared to cities in the developed countries, Vietnamese cities has little pedestrian streets, and quality of the walking places is not high. So, what are the causes and solutions of this problem? This paper will contribute to answer that question.

Em ơi! Hà Nội - phố
Ta còn em đường lượn mái cong
Ngôi chùa cổ.
Năm tháng buồn xô lệch ngôi âm dương...
Người nghệ sĩ lang thang hoài trên phố,
Bỗng thấy mình không nhớ nổi con đường,
Một mình giữa bóng chiều sa,
Tha hương ngay trước cổng nhà mẹ cha...
(Hà Nội phố - trích thơ Phan Vũ)

Liệu một bài thơ giàu cảm xúc về đường phố như thế này có thể viết ra bởi một người đi xe máy hoặc ô tô không? Chắc chắn là không. Đi bộ, không chỉ là một cách vận động hay tham gia giao thông, nó còn là một cách đánh thức cảm xúc, tinh thần của con người.

Trong các không gian đô thị, người dân có thể đi bộ trên vỉa hè, công viên, vườn hoa, và đặc biệt là những phố dành riêng cho đi bộ. Một đô thị sống tốt không thể thiếu những không gian đi bộ hấp dẫn vì đó là những nơi mà cảm xúc và sự chia sẻ của người dân được khơi gợi, là những nơi mà cửa hiệu kinh doanh thu hút được nhiều khách hàng, là những nơi mà văn hóa nghệ thuật của đô thị được thể nghiệm và quảng bá ra thế giới.

Sự hồi sinh phố đi bộ trên thế giới

Từ thế kỷ 19 trở về trước, bất cứ con đường nào trong đô thị trên toàn thế giới đều có thể đi bộ. Nhưng từ khi ô tô được sử dụng, kèm theo đó là các tai nạn giao thông ngày một gia tăng, người ta buộc phải phân chia ra thành các loại đường và làn đường dành cho ô tô, cho tàu điện, cho xe buýt, cho xe đạp... và đi bộ. Cùng với sự bùng nổ về số lượng xe hơi, xe máy, đồng thời với việc mở rộng diện tích đường dành riêng cho chúng, những con đường dành riêng cho đi bộ ít đi dần. Những đô thị khoe khoang sự giàu có và nhộn nhịp của mình bằng những dòng xe cơ giới đi lại như mắc cửi. Thế giới của vật chất và tốc độ chiếm lĩnh các không gian đô thị.

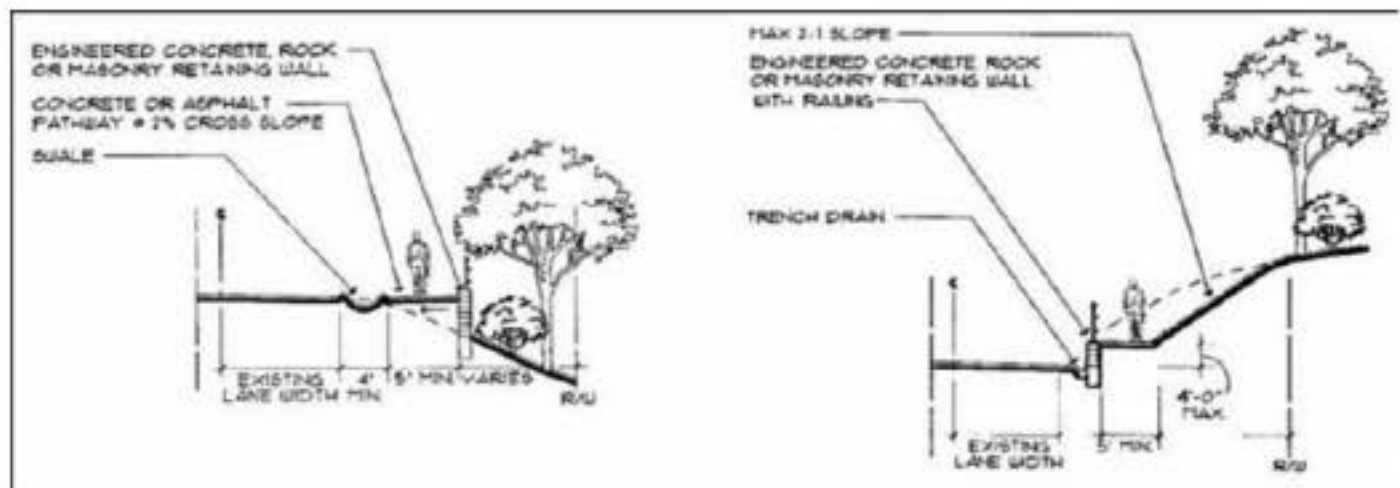
Nhưng từ những năm 1960 trở đi, các nhà xã hội và đô thị bắt đầu phê phán sự thiếu vắng không gian đi bộ trong đô thị hiện đại. Jane Jacobs, một trong những người tiên phong kêu gọi mở rộng diện tích đi bộ và gia tăng các giá trị sử dụng chúng, đã cho rằng, đường đi bộ tạo cảm giác an toàn, thân thiện, tăng cường sự kết nối của người dân với cộng đồng. Những ý tưởng này nhanh chóng được các thành phố chấp nhận. Các tuyến phố đi bộ không ngừng gia tăng về diện tích cũng như được thiết kế và sử dụng ngày một đa dạng, hấp dẫn. Ví dụ, năm 1962 Copenhagen có 1 tuyến đi bộ với diện tích là 15.800m², nhưng đến năm 1996 thành phố đã có gần chục tuyến đi bộ với tổng diện tích đạt 95.750m². Cũng trên các tuyến phố đi bộ này đã hình thành và phát triển văn hóa cafe ngoài trời, trở thành một bản sắc của thành phố Copenhagen.



Sự gia tăng diện tích phố đi bộ ở Copenhagen

Trên các tuyến đường đi bộ ở Copenhagen, nhất là mùa xuân và mùa hè, cuộc sống cộng đồng được diễn ra nhộn nhịp, vui vẻ, say mê với những tách cà phê, những chiếc bánh ngọt, những cốc bia, những ly rượu vang... Người ta tính rằng, có hơn 5000 chiếc ghế trên các tuyến phố đi bộ dành cho người dân muốn thưởng thức cà phê ngoài trời trong bầu không khí trong lành, ấm áp, thân thiện. Các hoạt động cộng đồng đặc biệt nhộn nhịp và hấp dẫn ở trên phố Stroget và cảng Nyhavn. Để mô tả phong cách sống trên những tuyến phố đi bộ đó, người ta sử dụng từ "hygge", một từ có nghĩa rơi vào quãng giữa của "ấm áp", "thân thiện" và "thư giãn".

Ngày nay, những đô thị sống tốt trên thế giới đều có hệ thống không gian đi bộ phát triển và được thiết kế đẹp, đáp ứng mọi đối tượng cư dân (kể cả người già, trẻ em, người tàn tật). Chính quyền các thành phố cũng đưa ra bộ tài liệu khuyến nghị và hướng dẫn thiết kế không gian đi bộ cho các cơ quan tư vấn. Các cuốn sổ tay hay cẩm nang thiết kế này trình bày đủ các quy cách về kích thước, màu sắc, biển hiệu, vật liệu... liên quan tới việc xây dựng các không gian đi bộ trong đô thị như phố đi bộ, vỉa hè hoặc các lối đi bộ trong các không gian cộng đồng.



Quy cách thiết kế một số kiểu đường đi bộ của thành phố Portland

Cảm xúc đô thị và tính cộng đồng từ đi bộ

Chúng ta cảm nhận đô thị bởi các giác quan. Nếu như bạn cầm tay lái ô tô hoặc xe máy, và cả xe đạp, thị giác của bạn phải tập trung vào việc lái xe và sự cảm nhận đô thị của bạn bị hạn chế đi rất nhiều. Hơn nữa, tốc độ nhanh của các phương tiện giao thông cơ giới không cho phép bạn có thể quan sát kỹ những hình ảnh và hoạt động của đô thị. Ngược lại, khi đi bộ, bạn có thể quan sát mọi chi tiết kiến trúc cảnh quan, mọi hoạt động xung quanh mình; bạn có thể thư thái thưởng thức mọi mùi vị của cuộc sống đô thị.

Một giá trị quan trọng của việc đi bộ trong đô thị là tính kết nối cộng đồng. Rõ ràng, bạn không thể liếc mắt, bắt tay, hay trò chuyện khi đang lái xe. Với khả năng tạo ra sự tương tác giao tiếp giữa những người dân với nhau, đi bộ là một trong những yếu tố quan trọng để xây dựng môi trường sống đô thị thân thiện và tin cậy. Jane Jacobs viết rằng: *"Sự tin cậy của đường phố được tạo ra bởi nhiều và rất nhiều những giao tiếp công cộng trên đường đi bộ. Đó là một người đứng cạnh quầy bar ngoài trời uống bia, nhận lời khuyên từ một bà lão bán tạp phẩm, nói lời chào xã giao với thanh niên khác đang cầm chai cô ca, đưa mắt nhìn cô gái xinh đẹp đang mua bánh ngọt, lắng nghe hai người đàn ông khác trò chuyện về công việc và thời sự... Thiếu vắng sự tin cậy sẽ là một thảm họa đối với đô thị."*

Văn hóa sử dụng phương tiện cá nhân ở Việt Nam có ảnh hưởng lớn đến sự thân thiện và tin cậy trong cộng đồng. Ở thành phố, người ta sáng ra khỏi nhà là ngồi lên xe máy, ô tô, tới về cũng vội vàng cơm nước nghỉ ngơi trong nhà, không mấy khi trò chuyện, thậm chí chả kịp chào nhau với người sống cùng trong ngõ hay cùng phố. Nếu như đi bộ, người ta có nhiều cơ hội để giao lưu với hàng xóm, cộng đồng cư dân hơn.

Phố đi bộ ở Việt Nam

Trong các đô thị nước ta hiện nay, việc đi bộ được thực hiện chủ yếu trên hè phố (dù cho diện tích đi bộ trên vỉa hè cũng chỉ chiếm phần nhỏ, phần lớn là để xe máy và kinh doanh).

Theo nghiên cứu của A.M.Kim tại TP.HCM, diện tích vỉa hè dành cho để xe máy là 41,87%, trong khi diện tích dành cho đi bộ chỉ là 2,31%. Hiện chỉ có một vài phố đi bộ thường xuyên trên cả nước, còn lại là một số ít các tuyến đi bộ không thường xuyên. Việc quy hoạch, thiết kế, tổ chức và quản lý phố đi bộ cũng chưa thể hiện được những giá trị mà phố đi bộ mang lại một cách rõ nét. Ví dụ như các phố đi bộ ở khu vực quảng trường Ba Đình chỉ đảm bảo an toàn và yên tĩnh là chính chứ không phải là phố đi bộ để gia tăng giá trị sống cộng đồng cho người dân.

Các tuyến phố đi bộ ban đêm không thường xuyên ở khu phố cổ Hà Nội giống như là khu chợ để kinh doanh hàng thời trang giá rẻ chứ chưa thể hiện rõ nét văn hóa đặc trưng của Hà Nội. Mới đây, đường Nguyễn Huệ ở TP.HCM được xây dựng lại với thiết kế hiện đại và tương đối hấp dẫn. Tuy vậy, các giá trị văn hóa lịch sử vẫn chưa được chú trọng và việc gửi xe máy của người dân gặp nhiều khó khăn.

Rõ ràng, việc xây dựng các phố đi bộ ở Việt Nam hiện nay còn rất nhiều điều phải bàn. Kinh nghiệm của thế giới đã có rất nhiều, nhưng việc áp dụng vào Việt Nam không hề đơn giản bởi hoàn cảnh văn hóa đô thị Việt Nam có những đặc trưng riêng của mình. Sau đây, chúng tôi xin trình bày một số lưu ý khi quy hoạch, thiết kế, tổ chức và quản lý phố đi bộ Việt Nam.

Thứ nhất, kết nối với hệ thống giao thông công cộng

Ở các đô thị nước ta, hệ thống giao thông công cộng vẫn còn lạc hậu và chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại nhanh và thuận tiện của người dân. Các phương tiện giao thông cá nhân (xe máy, ô tô, xe đạp điện) hầu như là lựa chọn

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

số một của người dân mặc dù chúng tốn nhiên liệu, gây ra ô nhiễm không khí và tắc đường. Với một thói quen sử dụng phương tiện giao thông cá nhân như vậy, các tuyến đường đi bộ chỉ phục vụ mục đích vui chơi cuối tuần là chính chứ không có vai trò gì đối với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người dân. Chúng ta hãy so sánh với các đô thị có hệ thống giao thông công cộng phát triển, ở đó người dân đi bộ từ nhà ra ga metro, chen lấn trong các khoang tàu, rồi đi bộ từ ga metro đến cơ quan.

Ngoài giờ làm việc hoặc cuối tuần, khi người ta có nhu cầu đến các không gian công cộng như quảng trường, công viên, trung tâm thương mại, khu giải trí... thì hầu hết chúng đều được đặt gần ga metro, bến xe bus, tàu điện tramway.

Rõ ràng, phố đi bộ chỉ thực sự hiệu quả nếu hệ thống giao thông công cộng phát triển. Khi người dân có thể đi đến mọi nơi trong thành phố bằng các phương tiện giao thông công cộng và thời gian đi bộ để tiếp cận các phương tiện đó tối đa là 15 phút, thì lúc đó nhu cầu mở rộng và làm đẹp các tuyến đường và làn đường đi bộ sẽ là nhu cầu tự nhiên của người dân.

Chúng ta không thể cải tạo lại các vỉa hè theo đúng các quy chuẩn quốc tế về an toàn cho người đi bộ khi trên vỉa hè toàn là xe máy. Chúng ta chưa thể tăng diện tích phố đi bộ được chừng nào vẫn chưa có metro, vẫn chưa có chỗ gửi xe máy, ô tô khi bắt đầu tới phố đi bộ. Trong những ngày đầu mở cửa phố đi bộ Nguyễn Huệ, người dân TP.HCM háo hức đến đây ngắm cảnh đẹp hoành tráng lung linh bao nhiêu, thì họ chán nản bấy nhiêu khi mỗi mất tìm chỗ gửi xe. Giả như các nhà quy hoạch có tính đến chỗ gửi xe (ví dụ như các tầng hầm để xe dưới phố) thì giá trị của con phố này mới thực sự dành cho người dân.

Thứ hai, phố đi bộ phải là phố

Quan điểm về phố đi bộ ở Việt Nam ta hiện nay có vẻ như đó là một khu đất có chức năng đi bộ chứ không phải là một con phố như bao con phố khác (chỉ có điều xe cơ giới không được phép hoạt động). Khi chúng ta đi vào các tuyến phố đi bộ ban đêm ở khu phố cổ Hà Nội thì ta có cảm giác là đi vào một khu chợ nhộn nhịp xô bồ.

Khi chúng ta đi vào các tuyến phố đi bộ ở khu vực Quảng trường Ba Đình thì ta có cảm giác đang ở một trung tâm hành chính uy nghiêm, vắng vẻ. Khi chúng ta đi vào phố Nguyễn Huệ thì ta có cảm giác đang ở một quảng trường hơn là đang ở trên một con phố (nếu vậy chúng ta có thể đổi tên thành quảng trường Nguyễn Huệ, nghe có vẻ phù hợp vì trước UBND Thành phố cũng cần có một quảng trường đẹp như vậy).

Nếu như phố có tính "động" (chuyển động của dòng người) thì quảng trường hay vườn hoa có tính "tĩnh" (người dân dừng lại nghỉ ngơi, ngắm nhìn, trao đổi...). Còn phố đi bộ nằm ở khoảng giữa tính chất của hai không gian đó. Dòng người đi bộ vẫn phải qua lại trên nó để tới một nơi nào đó, đồng thời những ai đến đây chỉ để nghỉ ngơi, hẹn hò, mua sắm, uống cà phê, chụp ảnh... thì vẫn có những không gian dành cho họ.

Đầu phố và cuối phố đi bộ có gì để nhận biết? Nó kết nối giao thông với các tuyến phố khác ra sao? Hai đầu con phố này dẫn ta đi đâu?

Trên con phố này, ta sẽ mua được cái gì, cảm nhận được cái gì? Tuyến phố này có gì đặc trưng?... Đã là phố thì những người thiết kế phải trả lời các câu hỏi của phố.

Thứ ba, khơi gọi và kiểm soát các hoạt động

Đã là phố thì hoạt động mua sắm và ẩm thực phải là số một. Ở đâu chả vậy, nhất là ở Việt Nam, nhu cầu ăn bao giờ cũng được ưu tiên hàng đầu. Tuy vậy, việc sắp xếp các quán ăn và café trên phố phải hợp lý để các cửa hàng không lấn át mùi nhau, hoặc phải phù hợp với trình tự ăn uống (ví dụ ăn bát phở xong thì phải có quán trà, café gần đó). Các nhà quản lý phải kiểm soát được ở một mức độ nhất định vị trí, khoảng cách, hương vị của các quán ăn trên phố đi bộ.

Bên cạnh đó, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật đường phố cần được phát huy, bởi không nơi đâu trong đô thị có thể trình diễn tốt hơn trên phố đi bộ. Đặc biệt, ở một số phố đi bộ trên thế giới, nghệ thuật đường phố trở thành bản sắc của nó, ví dụ như phố Third ở Los Angeles. Trên phố Third, không chỉ có các ban nhạc nghiệp dư phục vụ người dân, mà còn có những ban nhạc nổi tiếng đã từng đi lên từ sân khấu đường phố, tiêu biểu nhất là ban nhạc rock Linkin Park.

Công tác quản lý và kiểm soát ở đây cũng là một kinh nghiệm cho Việt Nam học hỏi. Ai muốn trình diễn trên phố Third đều phải có giấy phép biểu diễn do chính quyền thành phố cấp sau khi đóng 37USD/năm. Mỗi nhóm nhạc khi hát cũng phải cách nhau tối thiểu 150m để đảm bảo không gây ra trở ngại cho người đi bộ.

Kết luận

Như vậy, ở các đô thị nước ta hiện nay không có thói quen, văn hóa đi bộ bởi hạ tầng giao thông công cộng chưa đáp ứng được. Trong tương lai, khi các tuyến đường metro ở Hà Nội và TP.HCM đi vào khai thác, hy vọng nhiều người dân sẽ chuyển sang đi bộ thay vì sử dụng các phương tiện giao thông cá nhân quá nhiều như hiện nay. Lúc đó, văn hóa đi bộ của người dân hình thành và chúng ta sẽ có những tuyến phố đi bộ giàu cảm xúc cũng như dần thay đổi mối quan hệ cộng đồng cư dân đô thị.

Mặt khác, để quảng bá thương hiệu một con phố đi bộ thì cách tốt nhất vẫn là tạo ra những hình ảnh và hoạt động đặc trưng mà không con phố nào khác trên thế giới có. Để làm được điều đó, sự phối hợp và tương tác giữa người dân và nhà quản lý rất quan trọng, làm sao để tuyến phố vừa tự do phát triển các nội lực nhưng vừa có sự quản lý và kiểm soát cần thiết theo mục tiêu chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Gehl and Gemzoe (2000). *New city spaces*. The Danish architectural press, Copenhagen
- (2) J. Jacobs (1992 (1961)). *The death and life of great American cities*. Vintage Books
- (3) A.M. Kim (2015). *Sidewalk city. Remapping public space in Ho Chi Minh City*. University of Chicago Press
- (4) *City of Portland – Office of Transportation (1998). Portland Pedestrian Design Guide*

Tâm & Chất Thủ đô

TRONG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG HÀ NỘI

KTS. NGUYỄN PHÚ ĐỨC



Không gian công cộng Hà Nội không đơn thuần chỉ là chốn sinh hoạt cộng đồng mà còn phải là nơi thể hiện Chất - Tâm của đô thị với đặc tính Thủ đô: Đại diện, tiêu biểu và tinh tế văn hóa Việt.

Không gian công cộng là không gian dành cho các hoạt động nhiều người, bao gồm hai thể loại chính: Không gian vật thể (không gian trống: quảng trường, đường phố, công viên cây xanh, mặt nước...) và Không gian phi vật thể (các diễn đàn trên các phương tiện thông tin: Internet, báo chí, tivi...).

Không gian công cộng (vật thể) không chỉ có giá trị về chức năng là đáp ứng nhu cầu của cư dân trong sinh hoạt, giao tiếp văn hoá, thể thao, thương mại... một cách thuận tiện, nhằm phục hồi sức khoẻ, tinh thần người lao động mà còn giá trị về cảnh quan đô thị vì đây chính là những không gian mở, một phần cấu trúc đô thị, nếu kết hợp tốt với việc tổ chức không gian cây xanh, mặt nước sẽ tạo thành những "khoảng thở", góp phần tái tạo môi trường đô thị vốn đã chật chội. Hệ thống các không gian công cộng này là một bộ phận không thể thiếu, cấu thành và góp phần tạo nên đặc trưng của bộ mặt đô thị. Điều đó cũng lại là yêu cầu lớn hơn đối với đô thị đặc biệt và mang tính chất Thủ đô như Hà Nội. Trong khuôn khổ bài viết xin đề cập đến quy hoạch - kiến trúc và tổ chức Không gian vật thể.

Khái quát thực trạng không gian công cộng Hà Nội

Tính đến thời điểm này, không gian công cộng Hà Nội chưa đáp ứng đủ nhu cầu của cộng đồng dân cư và yêu cầu đối với Thủ đô phát triển và bản sắc:

1. Thiếu về số lượng: Không gian công cộng chủ yếu tại các khu chức năng tập trung (chính trị, kinh tế, văn hoá) hoặc đầu mối giao thông. Ngoài các công viên thì không gian công cộng hiện nay đa phần là không gian trống trước các công trình lớn, một số được xác lập trong quy hoạch thời kỳ Pháp xâm chiếm và đều nằm trong trung tâm lịch sử của Hà Nội ngày nay.

Nếu tính riêng quảng trường, dù với vị thế là Thủ đô, dân số nội thành từ Ngày giải phóng Thủ đô hơn 60 năm đã tăng gấp 60 lần nhưng đến nay Hà Nội mới chỉ có 04 quảng trường (QT) được đặt tên chính thức: QT Cách mạng Tháng 8 (khu vực Nhà hát Lớn, quận Hoàn Kiếm); QT Quốc tế Lao động 1-5 (khu vực Cung Hữu nghị Hà Nội, quận Hoàn Kiếm); QT Ba Đình (Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, quận Ba Đình) và QT Mỹ Đình (Khu liên hiệp TDTT Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm).

Khi cần thiết, một số không gian được sử dụng chức năng như quảng trường như: Công viên (công viên Lý Thái Tổ, công viên Lê Nin...) hoặc không gian trống trước các công trình: Hồng Vân - Long Vân (Đông Kinh Nghĩa Thục), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đền Bà Kiệu,... và các không gian trống tại trung tâm các quận huyện... Nhưng nhìn chung, số lượng quảng trường Hà Nội không những thiếu mà còn phân bố không đều.

2. Yếu về cấp độ: Các quảng trường hiện là không gian công cộng được sử dụng chủ yếu phục vụ theo kỳ cuộc: lễ hội, sự kiện lớn của Trung ương và Thành phố. Ngoài khu vực Ba Đình với chức năng trung tâm chính trị (cấp độ Trung ương) thì 03 quảng trường còn lại cùng với các không gian trống khác vẫn chưa tạo dựng được chức năng riêng, kể cả khu Mỹ

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Đình nằm trong khu TDTT quốc gia. Một loại không gian công cộng khác, diễn ra các sinh hoạt cộng đồng cư dân thường xuyên hơn, đó là không gian công cộng trong khu đô thị mới, các đơn vị ở.

Sự không rõ ràng về cấp độ sử dụng trong hệ thống quy hoạch quảng trường - không gian trống, một số không gian hiện đang sử dụng với chức năng đảo giao thông, các không gian công cộng không thay thế sử dụng khi có sự kiện (ví dụ như Quảng trường Ba Đình chỉ phục vụ các ngày đại lễ của đất nước, không được sử dụng trong các sự kiện của Thủ đô)... đã làm cho không gian công cộng Hà Nội vốn thiếu về lượng lại càng yếu về chất lượng sử dụng. Đây là chưa tính đến việc tổ chức, bố trí các thiết yếu dịch vụ, phục vụ trong cấu trúc của quảng trường nói riêng, không gian công cộng nói chung.

3. Không gắn kết giữa không gian, địa danh và sinh hoạt cộng đồng:

Giống đa phần các đô thị Việt Nam, Hà Nội bắt nguồn từ làng xóm với nhu cầu giao tiếp cộng đồng xuất phát từ bối cảnh sống - sinh hoạt quần cư, chung tộc hệ họ hàng, ruộng đồng sản xuất và các hoạt động giao tiếp với nhau. Ví như hát chèo, quan họ, lễ hội, lễ tế thần, hội họp việc làng, xóm, lễ hội Tết với các hoạt động mang tính tập thể, liên kết với nhau như kéo co, múa rồng... hay giao thương hàng hoá, sản phẩm... đều được diễn ra tại các không gian công cộng tiêu biểu như Đình - Chợ làng xưa, nay vẫn tồn tại trong làng thuộc các huyện Hà Nội trước mở rộng và đặc biệt là trong tỉnh Hà Tây cũ, một số xã của Hòa Bình, Vĩnh Phúc được sáp nhập vào Hà Nội. những thiết chế làng, cấu trúc không gian này cần được gìn giữ và phát huy.

Đối với các quần nội thành cũ, trừ quảng trường Ba Đình nằm trong khu vực có chức năng trung tâm chính trị của đất nước ra, các quảng trường, không gian công cộng còn lại đều không gắn kết với địa danh, giá trị truyền thống nổi trội của khu vực hoặc không được tổ chức, kết nối trong tổng thể (công viên Thống nhất không có chủ thể đặc trưng ở vị trí kết thúc trục chính từ cổng phía phố Trần Nhân Tông). Chính vì thế, trong thời gian qua, các công viên, không gian trống việc thay đổi tên (công viên Thống Nhất - công viên Lê Nin rồi lại dịch chuyển đến Vườn hoa Canh Nông nơi có tượng đài

Lê Nin) hoặc không phát huy tác dụng như Tượng đài 3 mũi tên tại Ngọc Hồi (Thanh Trì) không cùng chung không gian chùa liên kế mà lại cổng rào kín, tách riêng ranh giới.

Giao thoa, hội tụ tinh hoa - Đặc trưng văn hóa không gian công cộng Hà Nội

Xã hội phát triển, yếu tố thương mại kinh tế có thể thay đổi nhưng yếu tố văn hoá thì ngày càng được gìn giữ ổn định và phát huy các giá trị một cách bài bản và vững chắc. Điều này được thể hiện qua quá trình phát triển Thủ đô Hà Nội:

1. Là khu vực hội tụ của văn hóa các dân tộc, vùng miền

Với tính chất kinh đô từ Lý Công Uẩn lựa chọn đến nay vùng đất này luôn là trung tâm giao thương không chỉ là kinh tế mà còn là nơi hội tụ văn hóa các vùng miền, dần tạo dựng văn hóa Tràng An. Những di tích còn lại đến nay đã chứng minh điều đó. Nay mở rộng, xứ Đoài Hà Tây xưa cũng đã đem lại cho Hà Nội một hương sắc khác với cái nếp sinh hoạt gần sản xuất, công việc nhà nông, việc làng, tổ chức tại không gian công cộng đình truyền thống, cần được lưu giữ, phát huy thành bản sắc.

2. Là nơi được tiếp cận với nhiều loại hình văn hóa thế giới

Cũng do tính chất kinh đô, trung tâm và đầu mối nên từ xưa đã có sự buôn bán của người Hoa (phố Mã Mây, Hàng Buồm), người Pháp (phố Tràng Tiền, Lê Thái Tổ), Hà Lan, Nhật Bản... là những cách thức mới, giao thoa với văn hóa Việt. Điều này cũng được thể hiện trong tổng thể cấu trúc đô thị cũng như các chi tiết trong công trình kiến trúc công trình lớn, công trình tín ngưỡng: đền Bạch Mã với hình tượng nghệ trên xà ngang, lồng đèn hình hoa sen trên đầu bốn xà nạch, mái vòm hình vỏ cua liên kết giữa phương đình với đại bái mang phong cách kiến trúc của các phương đình tại Hội Quán Hội An của người Hoa, Nhật Bản xây dựng.

Trong thời đại phát triển, giao lưu nhanh và mạnh, những sinh hoạt mới nảy sinh tại các đô thị lớn: thể dục nhịp điệu, khiêu vũ thể thao cổ điển, hiphop đường phố, dưỡng sinh, tập ski, xe đạp địa hình... thuộc mọi tầng lớp, lứa tuổi và cách thức ăn mặc, thể hiện... cũng trở thành thách thức, đòi hỏi không gian công cộng đáp ứng.

3. Hà Nội - Đô thị Thủ đô với lịch sử hơn 1000 năm tuổi gắn bó sứ mệnh trọng trách và tự hào là kinh đô, thủ đô của đất Việt. Các công trình, sự kiện quốc gia được xây dựng, tổ chức tại đây. Thời phong kiến có Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Trường Thi... đến giai đoạn Pháp xâm chiếm, quy hoạch Hà Nội mang cấp độ thủ phủ của Liên bang Đông Dương với các công trình chủ thể, có ý nghĩa quyết định đến không gian đô thị như Nhà hát Lớn, Ngân hàng Nhà nước, Nhà thờ Lớn, Ga Hà Nội, Cung Đấu xảo... đều có những khoảng không gian phía trước. Các không gian xanh quy mô lớn như hồ Gươm, công viên Lý Thái Tổ, vườn hoa Chí Linh, Cổ Tấn... đều được xác định và bổ sung thêm bằng các tuyến phố phụ trợ không gian.

Đến giai đoạn thực hiện chính sách Mở cửa, hội nhập, Hà Nội phát triển, xây dựng mới các công trình tầm cỡ quốc gia, quốc tế như Khu liên hiệp TDTT Mỹ Đình phục vụ SEAGAME 23, Trung tâm Hội nghị Quốc gia phục vụ Hội nghị APEC, Bảo tàng Hà Nội chào mừng Đại lễ kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Nhà Quốc hội... với sự tham gia thi tuyển và thiết kế của các tổ chức, cá nhân nước ngoài đã thể hiện được tính đại diện, tiêu biểu, văn hóa và thời đại đối với mỗi công trình - Tầm và Chất của Thủ đô trong các không gian công cộng.

Vì thế, việc tiếp tục phát huy tính đại diện, tiêu biểu trong sự nghiệp phát triển đô thị nói chung, không gian công cộng nói riêng thì Hà Nội mới tiếp tục có được những khu vực, công trình ý nghĩa. Đó cũng là tính nhân văn của Thủ đô ngàn năm văn hiến.

Nâng tầm không gian công cộng thủ đô Hà Nội

1. Về Quy hoạch

Hệ thống, phân cấp phân loại không gian công cộng: Không gian công cộng được hình thành liên quan mật thiết với sự phát triển của xã hội và các yếu tố văn hóa, địa danh. Xã hội càng phát triển, áp lực công việc càng lớn, nhu cầu giao tiếp cộng đồng ngày càng cao và phong phú nhiều loại hình. Vì vậy, chúng phải được định vị từ quy hoạch tổng thể thành phố đến quy hoạch hệ thống không gian công cộng các cấp nhằm đem đến sự tiện ích tối đa cho cộng đồng và góp phần xây dựng hình ảnh của một Thủ đô phát triển văn minh và bản sắc.

Thời kinh tế tập trung, lý tưởng và giá trị tinh thần được chú trọng nên các không gian công cộng phát triển mạnh, đủ cấp độ: tiểu khu (phường, xã), khu (quận, huyện), thành phố (ở Hà Nội còn thêm là cấp quốc gia) với đủ các loại hình: Văn hoá (Nhà văn hoá, Rap chiếu phim, Bãi chiếu bóng...), TDTT (Sân vận động), không gian mở (công viên, quảng trường...) được quy hoạch, xây dựng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của các tầng lớp nhân dân cũng như hoạt động của các cấp ngành.

Bước vào thời kỳ Đổi mới, các thành phần kinh tế tham gia quy hoạch, đầu tư xây dựng, quan niệm và cách thức làm quy hoạch cũng khác nhưng đa phần chủ đầu tư quan tâm đến lợi nhuận, tập trung khai thác xây dựng nhà ở kinh doanh, hoặc nếu đầu tư không gian công cộng thì mới chỉ dừng ở một vài chức năng trên tuyến đường trục chính, có hệ rộng, sân vườn làm trung tâm sinh hoạt cộng đồng của cả khu ở, chứ chưa đầy đủ các loại hình, công trình đáp ứng nhu cầu hoạt động, kể cả đối với khu đô thị mới mà dân số tương đương cấp phường. Việc xã hội hóa là cần thiết để huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia đầu tư, khai thác sử dụng, trong đó có không gian công cộng, nhưng cần kiểm soát để vừa đạt hiệu quả kinh tế nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc cảnh quan, quy hoạch đô thị phục vụ cộng đồng dân cư. Đồng thời cũng cần quản lý tránh bị lấn chiếm hoặc bị vây quanh bởi các loại hình dịch vụ tư phát, tạm bợ..., mất đi hình ảnh không gian cảnh quan nguyên gốc.

Vì thế, đối với Hà Nội cần xác định các không gian công cộng ở cấp độ Quốc gia để xây dựng các tiêu chí tương xứng vị thế của Thủ đô nhằm đầu tư trọng điểm và thích đáng. Cần nhanh chóng nghiên cứu và hoàn chỉnh Quy hoạch hệ thống không gian công cộng kết hợp tổ chức hệ thống tượng, tượng đài đô thị ở mọi cấp độ: quốc gia, thành phố và khu đô thị mới hay làng xóm (thành phố - quận huyện - phường xã) đúng tiêu chuẩn quy hoạch (phạm vi, loại hình, chức năng, quy mô, diện tích).

Phân cấp rõ thì mới phân loại đầu tư và đầu tư có trọng điểm; các cấp ngành từ Trung ương, Thành phố đến các quận huyện, làng xã và cộng đồng dân cư mới cùng chung tay gánh vác, tham gia để xuất các khu vực, trục, điểm không gian công cộng thiết yếu

và kêu gọi đầu tư dùng mục đích mà cộng đồng dân cư đang cần và hướng tới, tránh tình trạng đầu tư lãng phí rồi bỏ hoang. Sự đồng bộ, thống nhất, phối hợp, bổ sung trên-dưới đã tạo dựng các không gian công cộng mang nhiều ý nghĩa thiết thực: Bảo tồn các không gian cũ, tôn trọng các giá trị văn hoá lịch sử đồng thời xây dựng trung tâm mới, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá phát triển bền vững. Việc phân tán này cũng góp phần tránh tập trung quá tải vào các không gian công cộng trong các trung tâm cũ vào những ngày lễ, hội lớn.

Rà soát, hiệu chỉnh, bổ sung các loại hình không gian công cộng hiện có: Trên cơ sở hệ thống không gian công cộng thành phố mà xác định các khu vực trọng yếu đầu tư nghiên cứu, xây dựng. Qua kinh nghiệm nghiên cứu tổng thể trong cách làm của thành phố Hồ Chí Minh xây dựng đại lộ đi bộ trên phố Nguyễn Huệ trong khu trung tâm cũ. Hà Nội cũng đã từng tổ chức cuộc thi thiết kế đô thị Khu vực hồ Gươm.

Đây là việc làm đúng hướng nhưng nếu đầu bài xác định linh bất biến của khu trung tâm lịch sử - giá trị di sản đô thị với các tiêu chí cụ thể nhằm nhấn mạnh cảnh quan, bổ sung các chức năng trong đó có các không gian công cộng, phục vụ cộng đồng thì kết quả cuộc thi sẽ được tập trung, rõ nét và khả thi với yếu tố nào bảo tồn, loại bỏ hay khu vực nào có thể khai thác phát triển, thậm chí để xuất chính sách để Nhà nước hay Thành phố mua lại sở hữu tư nhân tại các không gian trọng điểm, tiêu biểu, khu vực có giá trị (trung tâm), phục vụ mục đích chung đô thị.

■ Đối với khu phố cổ, cũ: Khai thác tối đa không gian trống trước các công trình lớn: Chợ Đồng Xuân, Vườn hoa Vạn Xuân, khu vực Đài phun nước - Đồng Kinh Nghĩa Thục, cổng Công viên Thống nhất (phố Trần Nhân Tông)... kết hợp các dịch vụ tại chỗ.

■ Đối với các không gian công cộng hiện có: Nghiên cứu điều chuyển chức năng các công trình chức năng chủ đạo như chuyển vị trí Trụ sở UBND Thành phố đến vị trí Ngăn hàng Nhà nước hiện nay (Ngăn hàng di dời ra khu trung tâm tài chính Tây Hồ Tây đang xây dựng, giảm tải ách tắc trung tâm cũ); kết hợp với công viên Lý Thái Tổ sẽ hoàn thiện trục quy hoạch và có được một tổng thể quảng trường hành chính Thành phố tương xứng.

■ Đối với các không gian có thể mở rộng: Bổ sung thêm chức năng, hoàn thiện các công trình dịch vụ. Ví dụ như Quảng trường Mỹ Đình tăng cường chức năng bên cạnh chức năng thi đấu TDTT, nhằm thu hút các hoạt động cộng đồng.

■ Đối với các không gian sinh hoạt mang dáng dấp làng xã: Tiếp tục tu bổ, khai thác không gian Đình làng, Nhà văn hóa bằng các hoạt động, sinh hoạt của các đoàn thể của nhân dân, các hoạt động như Tòa án lưu động... Cách làm này sẽ duy trì nếp làng, đồng thời tiết kiệm ngân sách xây dựng hội trường, phòng họp.

Đầu tư xây dựng mới không gian công cộng đồng bộ, hoàn chỉnh:

■ Các trung tâm mới của Hà Nội: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các Khu vực mang tính chất hạt nhân, kích thích sự phát triển khu vực như khu Tây Hồ Tây với quy mô tương xứng vị thế, tầm thời đại của Thủ đô, góp phần giảm tải tập trung vào các không gian công cộng trong trung tâm cũ những ngày lễ hay sự kiện lớn của quốc gia, thành phố. Các không gian công cộng hiện đại này sẽ được tạo dựng với loại hình đa chức năng để thu hút bộ phận lớn thanh niên với nhiều "sân chơi", giao lưu cho cộng đồng chung cũng như cho các hoạt động chuyên biệt, loại hình mới.

Để có không gian công cộng đa năng, đáp ứng cộng đồng và mang tính tiêu biểu của Thủ đô, cũng cần có quy định, tiêu chuẩn bắt buộc trong thiết kế từng loại hình, cấp độ, tổ chức không gian, thiết kế đô thị cũng như trong khai thác, quản lý, ứng xử, sử dụng.

■ Các khu đô thị mới: Xây dựng đồng bộ, kết hợp tiết kiệm đất bằng cách kết nối các không gian sinh hoạt cộng đồng, tổ chức đơn vị hành chính UBND Phường (nếu đủ quy mô), các cơ sở văn hoá, thương mại dịch vụ, đầu mối giao thông, TDTT... như một chỉ tiêu bắt buộc để đánh giá chất lượng khu đô thị mới, khu ở, bất kể loại hình nhà ở: cao cấp hay nhà ở chính sách, xã hội, tái định cư với mục tiêu xây dựng khu ở văn minh, chất lượng, phục vụ cho con người. Đồng thời phải xây dựng chế tài, kiểm tra, kiểm soát, cơ chế bắt buộc chủ đầu tư khi xây dựng các khu đô thị mới phải triển khai đồng bộ, chất lượng việc xây dựng không gian công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

2. Về kiến trúc: Xác định không gian công cộng thành phố, đặc biệt là quảng trường hình thành do sự vẩy hợp hoặc hạn định của công trình kiến trúc và ngược lại. Không gian này kết nối những thành tố độc lập tạo thành một tổng thể. Vì vậy, mỗi không gian công cộng, tùy theo vị trí, cảnh quan khu vực; cấp độ và công năng hoặc chủ đề để tạo dựng 3 thành tố quán hợp quanh chủ đề đó: Tiểu phẩm tiêu chí của chủ đề, những không gian kiến trúc và không gian hoạt động công cộng; có tác dụng mở rộng nối tiếp ra bên ngoài và đồng thời không gian bên ngoài lại tác động tương hỗ, bổ sung cho không gian bên trong của không gian công cộng.

Hoàn thiện không gian công cộng:

■ **Ổn định và hoàn thiện tổng thể không gian công cộng,** đặc biệt là các khu vực trọng yếu, các khu vực trung tâm thành phố, có ảnh hưởng lớn trong không gian đô thị như Khu trung tâm Chính trị Ba Đình, Khu Quảng trường Cách mạng tháng 8, Quảng trường Lao động 1-5... Mỗi khu vực không gian công cộng cần có quy định kiểm soát cụ thể trong việc tổ chức không gian: Xác định công trình kiến trúc có giá trị tiêu biểu, độ cao, quy mô, khoảng lùi, tầm nhìn, độ vươn ban công, phong cách kiến trúc, màu sắc, quảng cáo, chiếu sáng... của các công trình vẩy hợp hay dẫn hướng nhằm nhấn mạnh chủ thể của không gian.

Đối với không gian quảng trường: Khác với quảng trường châu Âu, không gian quảng trường Hà Nội là không gian mở, không vây kín. Vì vậy, cần có quy định rõ kích thước và quy mô quảng trường trên cơ sở kích thước, quy mô và hình thể của kiến trúc bao quanh quảng trường, với công năng, tỷ xích giữa con người và những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới hình thái không gian của quảng trường như:

Kiến trúc xung quanh, tổ hợp hình thể, hoàn cảnh kiến trúc hình thành từ mặt đứng; Quan hệ giữa quảng trường và đường phố; Kích thước và hình thức kỷ hà của quảng trường; Phương thức và mức độ vẩy hợp của công trình xung quanh; Quan hệ giữa quảng trường với kiến trúc chủ thể, giữa quảng trường với các tiểu phẩm tiêu chí chủ thể; Công năng của quảng trường.

■ **Điều chuyển, loại bỏ chức năng không phù hợp:** Tổ chức, sắp xếp lại giao thông để các không gian công cộng, đặc biệt là

quảng trường không biến thành đảo giao thông, nhằm đảm bảo an toàn cho công đồng tiếp cận sử dụng và mở rộng không gian sử dụng; Tổ chức liên kết phương tiện di chuyển du lịch (xe điện) với giao thông công cộng tiếp cận dễ dàng không gian công cộng. Ví dụ như Nhà hát Kịch Việt Nam phía sau không gian Quảng trường Cách mạng tháng Tám nên phá bỏ, thay thế vào đó là tuyến giao thông nhằm phân luồng các phương tiện giao thông cơ giới không đi qua khu vực quảng trường Cách mạng tháng 8, hoặc tổ chức giao thông ngầm kết hợp ga ra ngầm dưới không gian trước Ngân hàng Nhà nước và Công viên Lý Thái Tổ, kết hợp tổ chức các tầng ngầm thương mại từ phố Đinh Tiên Hoàng vào sẽ tạo thành một không gian liên hoàn tăng cường chức năng cho khu trung tâm Hồ Gươm.

Phá bỏ các công trình tạm bợ, mái che mái vẩy, biển quảng cáo gây mất mỹ quan quanh khu vực. Hướng sự tham gia của các công trình tư nhân xung quanh không gian công cộng bằng sự khuyến khích giảm thuế kinh doanh hay cùng hưởng lợi ích như cách làm của Hội An.

■ **Tăng cường chức năng mới:** Bổ sung chủ thể hoặc hệ thống phù điều phụ trợ cho tính chất, chức năng của tượng đài chính như dây phù điêu phía sau tượng đài Quang Trung tại Công viên Đồng Đa; Bổ sung cây xanh, bồn hoa, thống nhất vật liệu lát phù hợp cảnh quan; nghiên cứu hình thức và cách thức dịch vụ, huy động cộng đồng cư dân khu vực tham gia (có hướng dẫn và kiểm soát): ăn uống, vệ sinh, phòng chống cháy, thu gom rác; Thiết kế mẫu đèn, cột đèn chiếu sáng, nơi nghỉ chân, mái hiên, biển hiệu... Định hình các khu vực chức năng và lựa chọn nội dung triển lãm tranh, tượng như cách làm của thành phố Huế; Tạo dựng không gian kết nối địa danh như tượng vua Lê, đến Bà Kiệu sang bên phía hồ...

Tăng cường chức năng di bộ trên toàn khu vực, đặc biệt là tại khu vực liên kế quảng trường; Tổ chức các hoạt động văn hóa hè phố, biểu diễn nghệ thuật tại không gian công cộng như cách làm thành công trong Khu phố Cổ Hà Nội vào mỗi cuối tuần.

Kiểm soát chức năng khu vực lân cận: Đồng bộ việc nhấn mạnh công trình chủ

thể, chỉnh trang mặt đứng các công trình vẩy hợp và ổn định lại các công trình dẫn hướng từ các tuyến phố hướng tới không gian công cộng.

Xác định rõ chức năng quy hoạch của từng công trình để chỉnh trang lại kiến trúc phù hợp theo hướng nhấn mạnh hay làm đồng chất bộ mặt bên ngoài; Sắp xếp ổn định, có văn hóa các loại hình kinh doanh dịch vụ dọc phố... Ví dụ: tuyến phố Điện Biên Phủ cần di chuyển các chức năng như buôn bán xe máy, điện thoại, quần áo cười...

Các cơ quan, công trình xung quanh các khu vực công cộng lớn như hồ Gươm, nên phá bỏ hàng rào để góp phần mở rộng không gian sinh hoạt công cộng cũng như không gian thụ cảm thẩm mỹ công trình, đóng góp cho hình ảnh đô thị văn minh (như cách làm của Ngân hàng ANZ phố Lê Thái Tổ).

Gắn kết sinh hoạt cộng đồng với không gian công cộng: Sự tham gia của cộng đồng vào công tác quy hoạch là cần thiết và có như vậy thì quy hoạch mới khả thi, đi vào cuộc sống và thực sự đáp ứng yêu cầu của cư dân.

Các tổ dân phố, tổ chức xã hội, chính quyền cấp cơ sở phải là những người để đạt nguyện vọng của dân trong công tác quy hoạch, đề xuất, lựa chọn giải pháp tối ưu cho không gian công cộng đô thị. Đồng thời cũng là tổ chức có trách nhiệm phổ biến, thông tin năng cao nhận thức cộng đồng, xây dựng lối sống văn minh đô thị từ cách ăn mặc, ứng xử văn hóa, xứng đáng là cư dân thanh lịch của Thủ đô văn hiến.

Đối với các khu vực di tích như Hoàng thành, Đình làng: Cần khôi phục lại các hoạt động lễ hội, sinh hoạt đã gắn liền với không gian công cộng từ lúc hình thành hay gắn với lịch sử của địa danh đó để công trình kiến trúc truyền thống xưa đó được sống, hòa quyện với hồn, tinh thần thời đại nay.

Không gian công cộng cần được nhìn nhận như một yếu tố quyết định trong việc mang lại chất lượng cuộc sống đô thị để thực sự trở thành một môi trường sống tốt, góp phần tăng sự gắn bó với con người và nơi chốn, quê hương.



MỘT CÔNG VIÊN CÁCH BAO XA?

VỀ BẢN ĐỒ SỰ PHÂN BỐ VÀ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG TẠI HÀ NỘI



PHẠM THỊ THANH HIẾN*

DANIELLE LABBÉ** ÉTIENNE PELLETIER***

Giới thiệu

Không gian công cộng nói chung và các công viên đô thị nói riêng có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng cuộc sống của người dân đô thị, cũng như sự bền vững của các thành phố (Chiesura 2004). Do vậy, điều quan trọng là hiểu được các không gian công cộng thay đổi như thế nào trong quá trình đô thị hóa và xem xét liệu người dân có thể tiếp cận những không gian này hay không. Mục tiêu của bài viết này gồm hai phần: i) xem xét sự phát triển phân bố của các không gian công cộng trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến 2010; ii) hiểu được các mức độ tiếp cận không gian (nói cách khác, liên quan đến vùng phục vụ của các công trình này) vào năm 2010 của Hà Nội.

Trong bài viết này, chúng tôi xem xét ba loại không gian công cộng tại Hà Nội: công viên, vườn hoa và khu mặt nước vì chúng có vai trò quan trọng đối với cuộc sống của người dân.

Bản đồ	Nguồn	Tỷ lệ bản đồ
Các công viên năm 2000, 2010	Bản đồ địa hình (Bộ TN&MT) Hình ảnh của Google Earth năm 2000 và 2010	Bản đồ địa hình: 1:2000 Hình ảnh của Google Earth
Vườn hoa năm 2000, 2010	Bản đồ địa hình (Bộ TN&MT) Hình ảnh của Google Earth năm 2000 và 2010	Bản đồ địa hình: 1:2000
Khu mặt nước năm 2000, 2010	Bản đồ địa hình (Bộ TN&MT) Hình ảnh của Google Earth năm 2000 và 2010	Bản đồ địa hình: 1:2000
Lối đi dạo và đường đi bộ xung quanh khu mặt nước năm 2010	Hình ảnh của Google Earth năm 2010	
Số liệu dân số: Các nhóm tuổi năm 2000, 2010	Điều tra dân số năm 1999 và 2009 (Tổng cục Thống kê)	Xã/phường
Ranh giới xã/phường năm 2000 và 2010	Bản đồ địa hình (Bộ TN&MT)	Bản đồ địa hình: 1:2000
Đường phố năm 2000 và 2010	Bản đồ địa hình (Bộ TN&MT)	Bản đồ địa hình: 1:2000

Bảng 1: Các bản đồ và mô tả số liệu - Nguồn: Các tác giả

Ảnh trên:
Khả năng tiếp cận công viên
bằng đi bộ và xe đạp là quá thấp
khi nhiều người dân ở HN
phải đi đến công viên bằng xe máy.
- Nguồn: Tác giả

Phương pháp luận

Các bản đồ và số liệu dân số

Công viên và vườn hoa được xác định theo bản đồ của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN & MT). Khu mặt nước (hồ, ao và đầm lầy) được xác định từ hình ảnh của Google Earth. Chi tiết kỹ thuật của các số liệu được trình bày trong Bảng 1.

Đo lường khả năng tiếp cận không gian

Để đo lường khả năng tiếp cận của các không gian công cộng, chúng tôi vẽ vùng phục vụ của chúng, tương đương với các vùng đệm xung quanh chúng từ các khoảng cách khác nhau. Phương pháp này cho phép các cán bộ địa phương có thể dễ dàng giải thích kết quả, tạo thuận lợi cho việc công tác vận động chính sách và các hành động có thể trong tương lai do các cơ quan chức năng thực hiện (Lotfi và Koohsari, 2009), phù hợp với các mục tiêu chính của báo cáo này. Với những lý do này, đây là một phương pháp đo lường khả năng tiếp cận công viên ở qui mô địa phương được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng (Lotfi và Koohsari, 2009; Jones et al., 2009).

Chúng tôi xem xét 3 khoảng cách xung quanh mỗi không gian công cộng: 500m (khoảng cách được đề xuất đến các không gian công cộng địa phương, theo các quy định của Việt Nam), khoảng cách đi bộ (từ khảo sát của chúng tôi) và khoảng cách di chuyển bằng xe đạp (tính từ cuộc khảo sát của chúng tôi). Mặc dù xe máy là một trong các phương tiện đi lại phổ biến nhất của người dân Hà Nội, chúng tôi quyết định xem xét khoảng cách đi bộ và đi xe đạp bởi vì chúng là hình thức di chuyển mà mọi người có thể sử dụng bất kể thu nhập (hoặc tình trạng sức khỏe, đối với người đi bộ). Hơn nữa, chúng được coi là một phương tiện giao thông thuận tiện, lành mạnh theo các tổ chức y tế công cộng như Tổ chức Y tế Thế giới (Edwards và Tsouros, 2006), và điều này cũng phù hợp với các mục tiêu của HealthBridge, đối tác của chúng tôi trong nghiên cứu này.

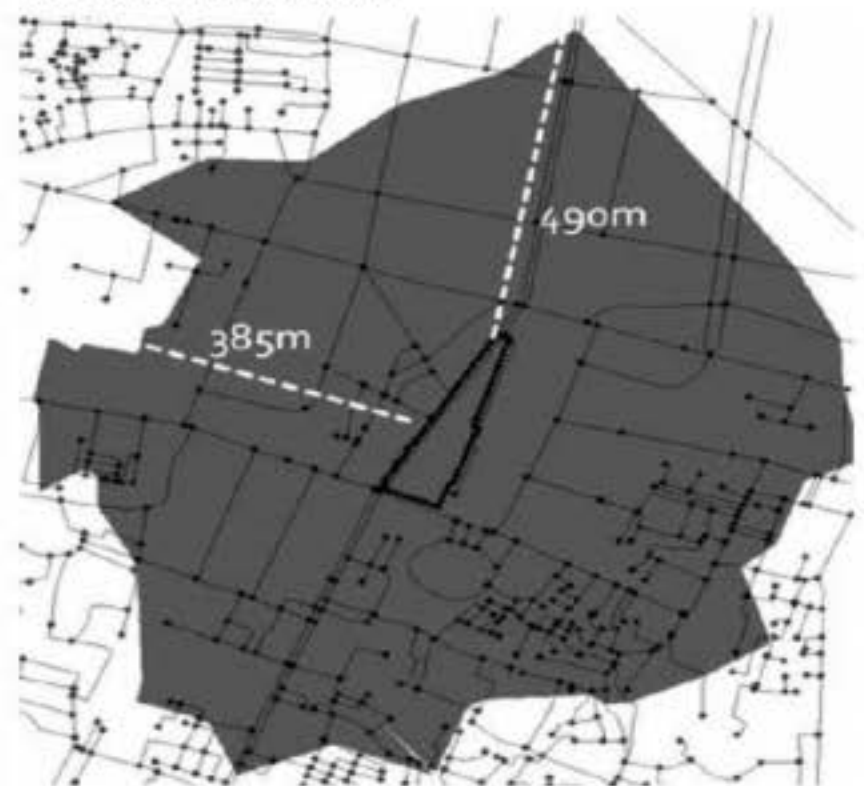
Trong một cuộc khảo sát được nhóm nghiên cứu của chúng tôi thực hiện về khả năng tiếp cận bốn công viên, chúng tôi có được thời gian di chuyển (nhưng không có khoảng cách) đến công viên. Trong phần tích sau đây của chúng tôi, khoảng cách đến các công viên được tính theo tốc độ di chuyển trung bình bằng xe đạp và đi bộ dựa trên các báo cáo về di chuyển tại các thành phố châu Á. Theo một báo cáo của Ngân hàng Phát triển châu Á, tốc độ đi bộ trung bình trong các thành phố châu Á dự kiến thay đổi từ 1,2m đến 1,5m mỗi giây, hoặc 72m đến 90m mỗi phút (Leather et al., 2011). Giả thiết rằng thời gian đi bộ đến công viên trong cuộc điều tra của chúng tôi là 12 phút, vì thế khoảng cách đi bộ ước tính thay đổi từ 864m đến 1080m, sau đó được làm tròn đến 900m để dễ giải thích.

Khi sử dụng xe đạp, tốc độ trung bình tại Đài Loan thay đổi từ 10 đến 14km/h (Chang et al., 2008). Giả thiết rằng thời gian đi đến công viên bằng xe đạp trong cuộc khảo sát của chúng tôi là 17 phút, khoảng cách đi lại bằng xe đạp được ước tính là từ 2800m đến 4000m. Tuy nhiên, trong một thành phố đông đúc như Hà Nội, chúng tôi giả định tốc độ đi xe đạp thậm chí còn thấp hơn 14km/h, sau đó chúng tôi làm tròn khoảng cách đi lại bằng xe đạp là 3000m. Con số này cũng có vẻ hợp lý khi so sánh với thời gian trung bình chuyển đi ở các thành phố châu Á, ví dụ dưới 4000m ở Singapore (Barter, 2008), dưới 5000m ở các thành phố Ấn Độ (Tiwari và Jain,

2008) và trong khoảng 4000m và 6000m tại Đài Loan (Chang et al., 2008).

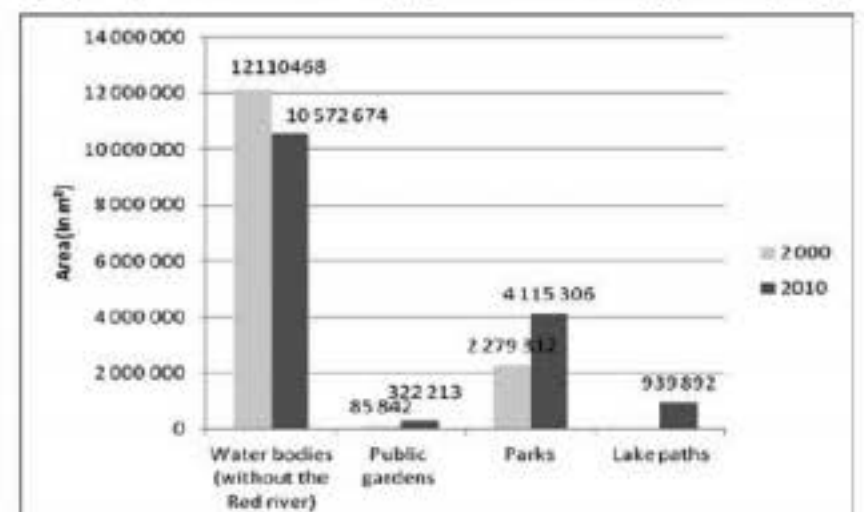
Khả năng tiếp cận không gian đã được tính toán bằng ArcGIS với phần mở rộng Phân tích Mạng lưới và sử dụng mạng lưới đường phố của Hà Nội. Đối với mỗi một trong ba loại không gian công cộng (vườn hoa, công viên và các khu mặt nước), chúng tôi đã tính toán vùng phục vụ tại ba khoảng cách: 500m, 900m (khoảng cách đi bộ) và 3000m (khoảng cách đi xe đạp). Một minh họa về một vùng phục vụ trong Hình 1. Điều này cho phép chúng tôi dễ dàng xác định các khu vực trong thành phố mà khả năng tiếp cận với không gian công cộng có khả năng bị hạn chế.

Những phát hiện chính



Hình 1. Vùng phục vụ ở khoảng cách tối đa 500m, căn cứ vào mạng lưới đường phố xung quanh một vườn hoa - Nguồn: Các tác giả.

Sự phát triển của không gian công cộng từ năm 2000 đến năm 2010
Là hệ quả của mối quan tâm ngày càng nhiều tới không gian công cộng trong các chính sách công, phân bố của không gian công cộng



Hình 2. Thay đổi trong tổng diện tích các khu mặt nước, vườn hoa, và công viên từ năm 2000 đến năm 2010 và tổng diện tích đường bên hồ năm 2010 - Nguồn: Các tác giả

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Thứ ba, và nổi bật nhất, là sự suy giảm đáng kể diện tích bề mặt của các khu mặt nước trong thành phố, từ hơn 1.211 ha năm 2000 xuống còn 1.057 ha năm 2010. Điều này thể hiện sự sụt giảm 15% trong vòng chỉ có một thập kỷ. Trong khi một số yếu tố đã góp phần vào sự sụt giảm này, chúng tôi nhận thấy một sự giảm diện tích bề mặt của các hồ lớn và sự mất đi những hồ nhỏ hơn, nhiều hồ bị lấp và xây dựng trong những năm 2000. Điều này lý giải cho sự giảm mạnh của tổng số các khu mặt nước trong thành phố (hồ, ao, đầm lầy). Thật sự thì hơn một nửa số khu mặt nước của Hà Nội không còn, con số từ 224 vào năm 2000 giảm xuống còn 123 trong năm 2010 (Hình 4 bản đồ các hồ). Ví dụ về sự biến mất của các khu mặt nước không chỉ ở khu vực có nhiều hồ như Đống Đa, Khương Trung, mà còn ở các khu vực đang đô thị hóa nhanh như quận Long Biên (Hình 6).

Mặc dù mất đi nhiều hồ nhỏ, thành phố Hà Nội đã tích cực làm đẹp đường quanh hồ thông qua việc xây dựng các lối đi dạo và đi bộ mới xung quanh một số hồ của thành phố, ví dụ xung quanh Hồ Tây, hoặc thậm chí những hồ nhỏ hơn như Hồ Xã Đàn và Hồ Ngọc Khánh (Hình 7).

Những nỗ lực này dường như là một phần của chương trình cơ sở hạ tầng lớn nhằm cải thiện hệ thống thoát nước của Hà Nội. Việc lắp đặt các ghế ngồi, tiện ích thể thao, lối đi bộ, cây xanh và vườn hoa quanh nhiều hồ cho phép các không gian công cộng này đóng một vai trò quan trọng hơn trong đời sống của người dân ở gần đó, đặc biệt là vào buổi sáng khi mọi người sử dụng nhiều nhất. Tuy nhiên cần lưu ý rằng những lối đi dạo ven hồ thường bị chiếm dụng bởi các cửa hàng cà phê và các hoạt động thương mại khác vào buổi tối.

Khi phân tích số liệu dân số, điều đáng nói là người dân sống tại các phường của Hà Nội tăng gấp đôi trong thập kỷ 2000-2010 (tăng tuyệt đối hơn 1 triệu người). Số lượng những người trẻ tuổi đang sống tại các phường nội thành (từ 18 đến 25 tuổi) tăng theo hệ số 1,5 (thể hiện một sự bổ sung khoảng 125.000 người) (Hình 8).

Tổng diện tích vườn hoa trên đầu người được cải thiện đôi chút, tăng từ 0,08m² lên 0,10m². Tuy nhiên, tổng diện tích công viên trên đầu người giảm từ 2,09m² xuống 1,48m². Trong cùng thời gian này, thành phố cũng đã chứng kiến sự sụt giảm đáng kể diện tích các khu mặt nước trên đầu người (từ trên 11m² xuống dưới 5m² mỗi người) (Hình 9).

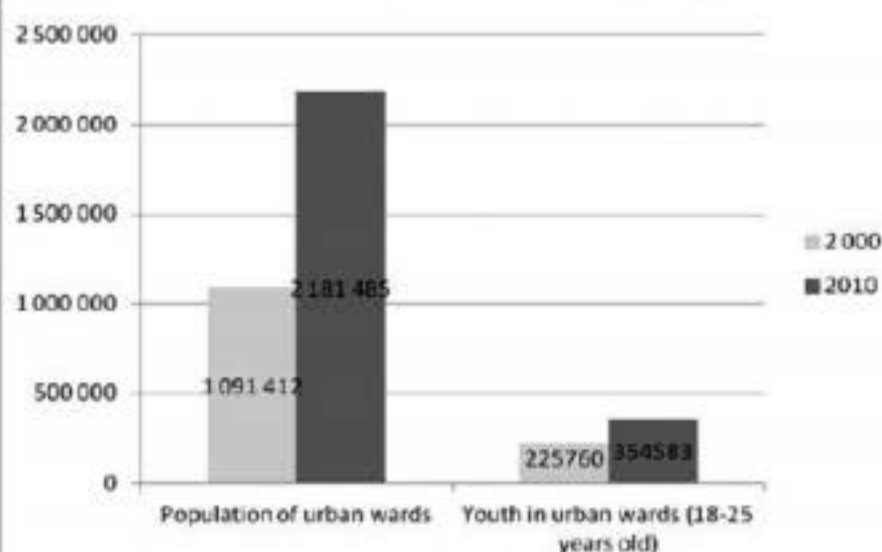


Khu vực Trích Sài gần hồ Tây

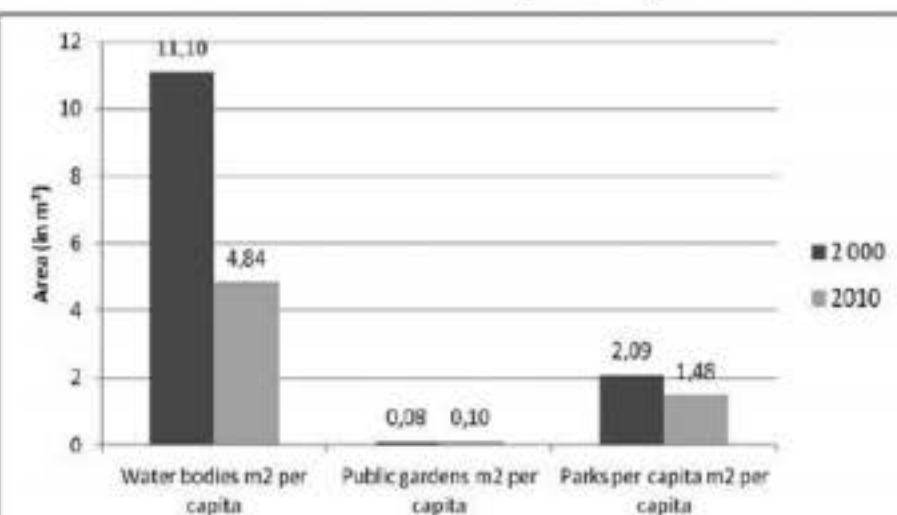


Hồ Xã Đàn

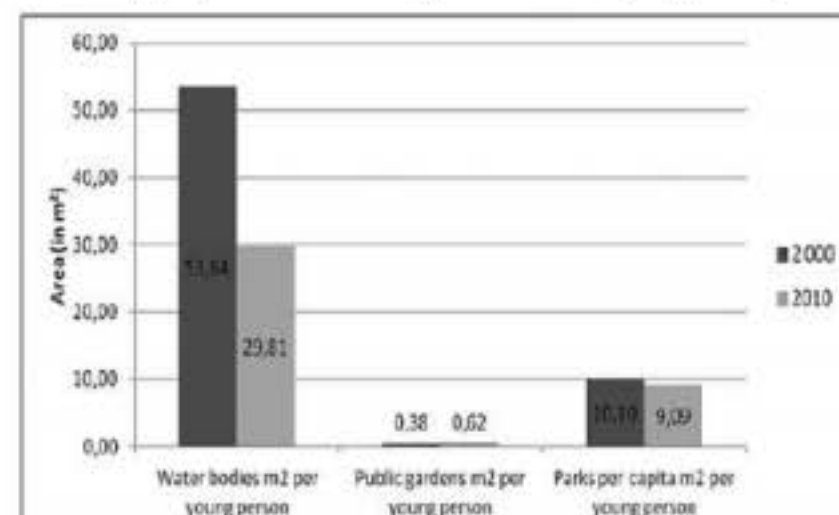
Hình 7. Minh họa làm đẹp và lối đi dạo trong những năm 2000.



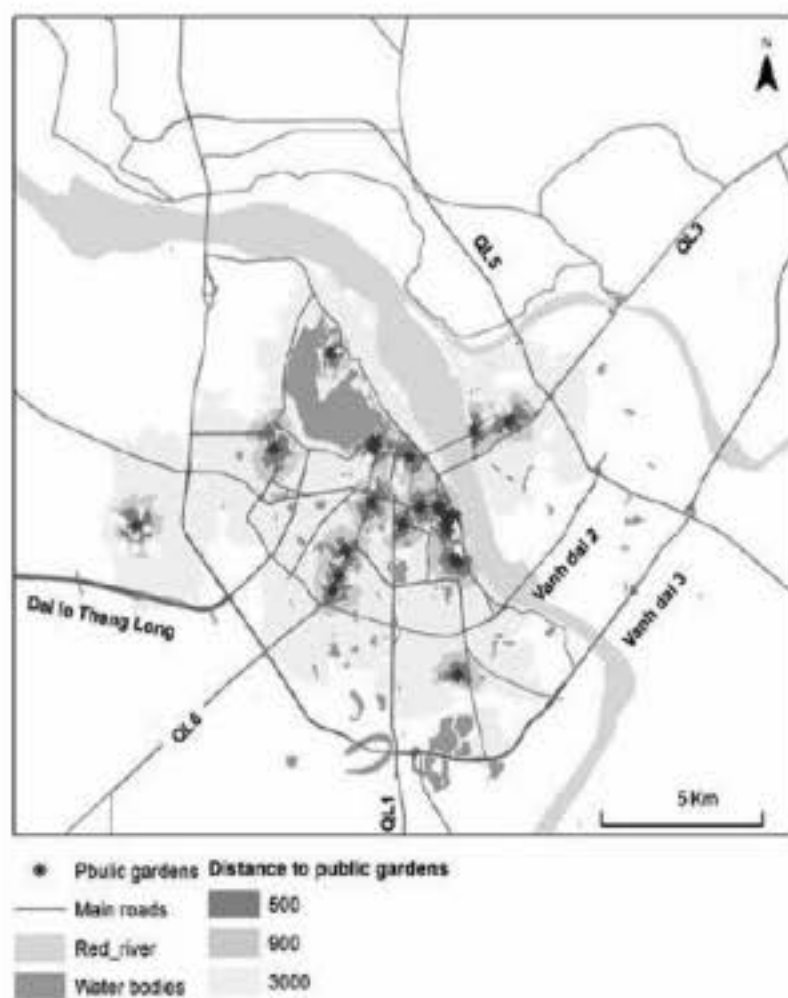
Hình 8. Tổng dân số và dân số trẻ tại các phường nội thành năm 2000 và 2010 - Nguồn: Tác giả.



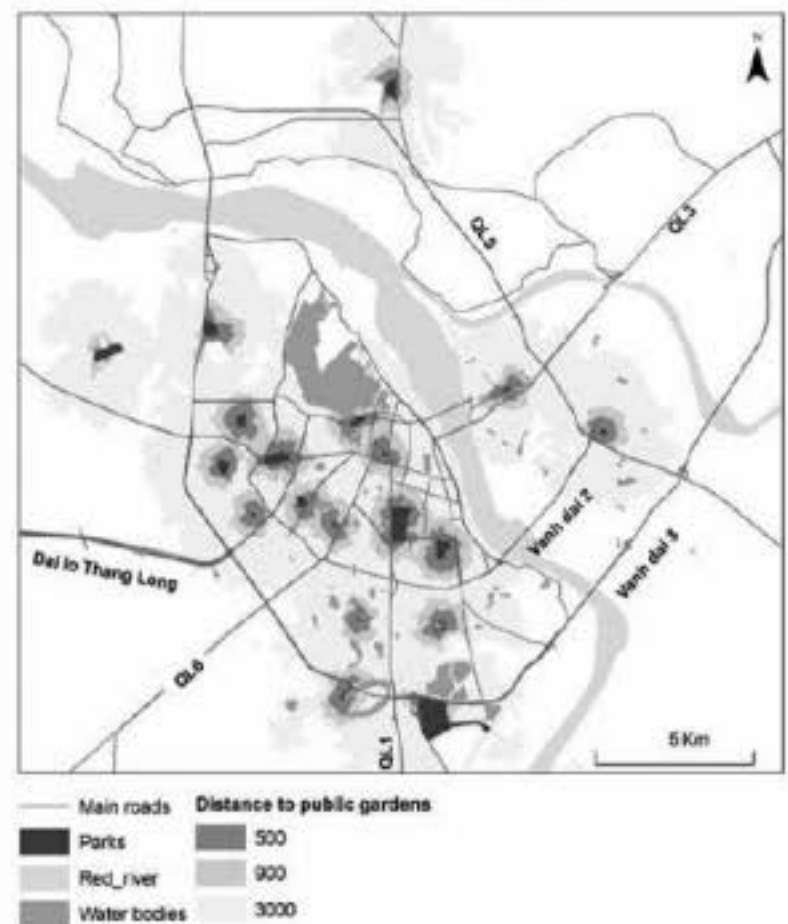
Hình 9. Tổng diện tích ba loại không gian công cộng trên đầu người trong năm 2000 và 2010 - Nguồn: Tác giả



Hình 10. Tổng diện tích ba loại không gian trên một người trẻ tuổi năm 2000 và 2010 - Nguồn: Tác giả



Hình 11. Bản đồ khả năng tiếp cận không gian năm 2010: Vùng phục vụ trong phạm vi 500m, 900m và 3000m xung quanh các vườn hoa - Nguồn: Tác giả.



Hình 12. Bản đồ tiếp cận không gian năm 2010: Vùng phục vụ trong phạm vi 500m, 900m và 3000m xung quanh các công viên. - Nguồn: Tác giả

Khi chỉ xem xét những người trẻ tuổi, tổng diện tích khu mặt nước giảm đáng kể mỗi người trẻ (từ 53,94m² xuống 29,82m²), tổng diện tích vườn hoa tăng trên mỗi người trẻ tuổi tăng (từ 0,38m² lên 0,62m²), và giảm nhẹ trong tổng diện tích công viên trên mỗi người trẻ tuổi (từ 10,10m² lên 9,09m²) (Hình 10).

Liên hệ kết quả này với những thay đổi chính sách về không gian công cộng ở Việt Nam (xem thêm trong Boudreau et al 2015), mức tăng tổng thể về số lượng và tổng diện tích của không gian công cộng phản ánh nhận thức ngày càng tăng về các vấn đề này của các nhà hoạch định chính sách, các nhà quy hoạch và chính quyền địa phương và báo hiệu một sự hiểu biết mới về sự đóng góp quan trọng mà những nơi này mang lại theo hướng hiện đại hóa và cải thiện khả năng sống của các thành phố tại Việt Nam.

Tuy nhiên, thủ đô Hà Nội còn một chặng đường dài nữa để đạt con số 7m² "không gian xanh bên ngoài các khu dân cư" bình quân đầu người theo quy định của Bộ Xây dựng đối với đô thị loại đặc biệt như Hà Nội (theo Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam năm 2008, Điều 1.4.2). Để giải quyết việc thiếu các không gian mở cho các hoạt động, nhiều không gian - đôi khi được gọi là công viên hoặc khu sinh thái - đã được xây dựng và do tư nhân quản lý, những khu sinh thái nổi tiếng nhất là công viên nước Hồ Tây và công viên Mặt trời Mới (cả hai đều nằm bên bờ Hồ Tây). Những không gian công cộng mới khác đã được xây dựng do tư nhân quản lý trong vài năm qua, chẳng hạn như công viên Vĩnh Hoàng (ở Tân Mai) và Eco-park và khu sinh thái Vĩnh Hưng nằm sâu trong quận Long Biên. Việc xây dựng các không gian như vậy được đánh giá cao bởi tầng lớp trung lưu và những gia đình giàu có, nhưng những khu vực này vẫn còn đắt đối với nhiều người dân có thu nhập thấp của thành phố.

Khả năng tiếp cận các không gian công cộng năm 2010

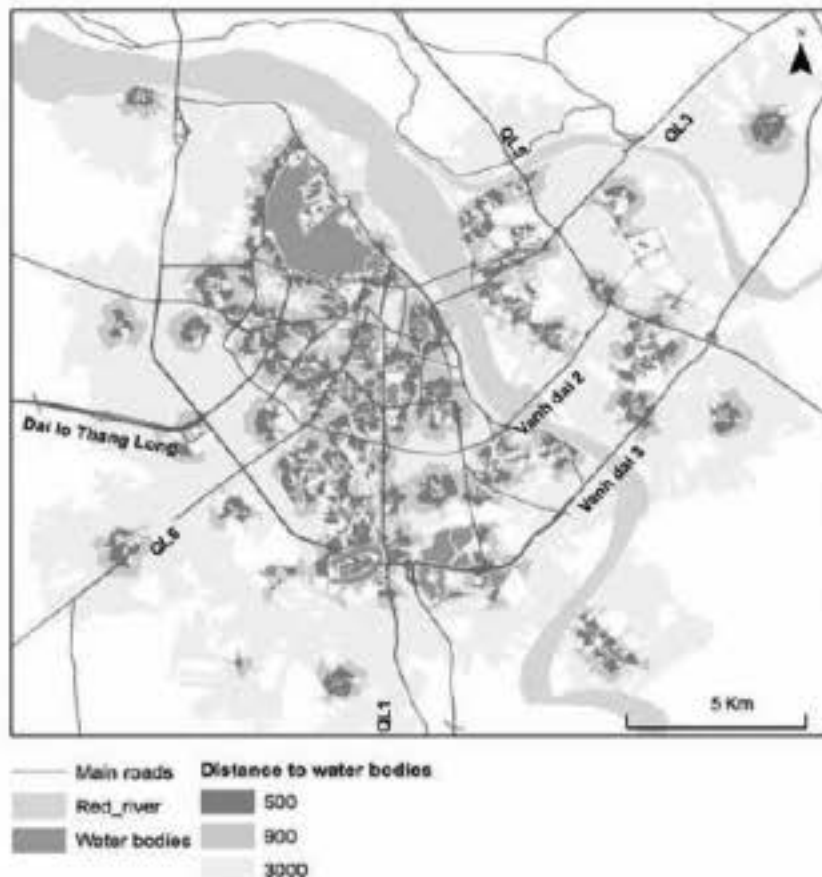
Các vườn hoa của Hà Nội chủ yếu là nằm trong khu vực trung tâm thành phố. Trong khu vực này, khoảng cách đến các vườn hoa đối với một số người dân là từ 500m đến 900m. Trong khi người dân ở một số khu vực sống ở một khoảng cách đi bộ hợp lý tới các vườn hoa, thì người dân ở rất nhiều khu vực không thể tiếp cận vườn hoa bằng đi bộ (Hình 11) không có một khoảng cách đi bộ hợp lý đến các vườn hoa. Hơn nữa, do số lượng hạn chế các vườn hoa ở khu vực ngoại vi của Hà Nội, nhiều người dân sống ở khu vực này không có một khoảng cách đi bộ tới các vườn hoa. Người dân sống ở khu vực ngoại vi Hà Nội có mức tiếp cận các vườn hoa rất khác nhau, nhiều người dân phải đối mặt với khoảng cách vượt quá 900m.

Tương tự như vườn hoa, nhiều công viên của Hà Nội được phân bố ở những quận trung tâm của thành phố, nhưng việc tiếp cận một công viên trong khoảng cách đi bộ 500m, hoặc nhiều nhất là 900m hiện không có, ngay cả đối với hầu hết người dân ở trung tâm thành phố. Những khu vực rộng lớn của thành phố bị nằm ở khoảng cách hơn 900m tới công viên, cho thấy việc tiếp cận công viên bằng đi bộ là rất hạn chế (Hình 12). Toàn bộ khu vực giữa tuyến đường Vành đai 2 và Vành đai 3 không có công viên có thể tiếp cận được trong vòng 900m. Hơn nữa, một số khu vực của Hà Nội, ví dụ phía Bắc hồ Tây và khu vực xung quanh Linh Nam, nằm ngoài ngưỡng 3.000m mà chúng tôi xem như ít nhiều có thể tiếp cận bằng xe đạp hoặc xe máy.

Đi đối với việc tiếp cận công viên bằng đi bộ (từ khoảng cách 900m) rất hạn chế, mức độ tiếp cận công viên cũng khá thấp với những người có phương tiện di chuyển nhanh hơn (xe đạp, từ khoảng cách 3000m). Việc này trở nên nghiêm trọng hơn cho những đối tượng có khó khăn về tài chính và không có khả năng mua và dùng xe máy, ví dụ như thanh niên, người thu nhập thấp.

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Đôi khi được gọi là “thành phố của các hồ nước”, Hà Nội đặc trưng bởi nhiều khu vực mặt nước trên toàn bộ địa giới. Do vậy mà người dân có nhiều khả năng tiếp cận các hồ nước so với mức độ tiếp cận vườn hoa và công viên (Hình 13).



Hình 13. Bản đồ tiếp cận không gian năm 2010: Vùng phục vụ trong khoảng cách 500m, 900m và 3000m xung quanh các khu mặt nước. - Nguồn: Tác giả.

Xung quanh Hồ Tây và phía Nam đến đường Vành đai 3, nhiều người dân có thể tiếp cận các hồ trong vòng 900m, chỉ một vài khu vực của thành phố nằm ở những khoảng cách lớn hơn 900m. Mức độ tiếp cận các hồ nước cao hơn này là rất quan trọng bởi vì các hồ nước cung cấp, trong một số trường hợp, không gian để giải trí và là nơi rèn luyện sức khỏe cho người dân không ở gần các vườn hoa hoặc công viên. Đường mòn hay lối đi dạo chạy quanh nhiều hồ nước tại Hà Nội và người dân thường sử dụng những không gian này vào buổi sáng và buổi tối cho các hoạt động thể chất như chạy bộ và thể dục nhịp điệu. Đây cũng là những điểm đến phổ biến cho các cuộc gặp mặt và giao lưu với bạn bè.

Mặc dù sự phân bố của các hồ nước trên khắp địa bàn Hà Nội là lớn hơn nhiều so với sự phân bố của các công viên và vườn hoa, phía Tây thành phố nằm giữa đường Vành đai 2 và Vành đai 3, khó tiếp cận các hồ hơn những nơi khác của thành phố. Khó tiếp cận với các hồ, công viên và các vườn hoa, khu vực này thiếu nghiêm trọng không gian công cộng. Khả năng tiếp cận trong vòng 900m đến một trong các không gian nói trên là rất hiếm, cho thấy có vấn đề tiềm ẩn đối với người dân ở đó.

Kết luận

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ rõ khả năng quá tải và sự bão hòa của các không gian công cộng, đặc biệt là ở những khu vực nơi không tiếp cận được các công viên hay vườn hoa trong khoảng cách

đi bộ hoặc đi xe đạp. Hơn nữa, do thiếu các công viên và vườn hoa ở nhiều khu vực của thành phố (trong các Hình 11 và 12), chúng tôi nhấn mạnh vai trò quan trọng của các khu mặt nước đối với chất lượng sống của người Hà Nội. Những phát hiện của chúng tôi chỉ ra nhu cầu cấp thiết để bảo vệ, giữ gìn và cải thiện các khu mặt nước ở Hà Nội.

Như vậy chúng tôi khuyến nghị: i) tiếp tục xây dựng các không gian công cộng cho một số lượng lớn hơn người sử dụng trong nội thành và không chỉ ở khu vực ngoại vi của thành phố; ii) áp dụng các biện pháp cưỡng chế để giám sát chặt chẽ và gìn giữ tất cả các không gian công cộng hiện có (vườn hoa, công viên, hồ nước...); iii) và hình thành các không gian công cộng mới ở các khu vực của thành phố được xác định là có mức độ tiếp cận kém với một không gian công cộng (khoảng cách xa hơn 900m).

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được Hội đồng Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn Ca-na-đa tài trợ (Viện trợ phát triển quan hệ đối tác, Dự án “không gian công cộng thân thiện với thanh niên trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng, 2013-2015).

* Giáo sư, Khoa Nghiên cứu Đô thị và Du lịch, Đại học Quebec, Montreal (Canada)

** Giáo sư, Viện Đô thị, Đại học Quebec tại Montreal (Canada)

*** Thạc sĩ, Viện Đô thị, Đại học Montreal (Canada)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Barter, P. 2008. “The Status of Bicycles in Singapore”. In Tiwari G., Arora, A. and Jain, H. (eds.) *Bicycling in Asia*. Delhi: Innovative Transport Solutions (iTrans), TBIU, Indian Institute of Technology Delhi, Transport Research & Injury Prevention Programme (TRIPP).
- Boudreau J.-A. et al. 2015. “Youth-friendly public spaces in Hanoi” Report. Institut national de la recherche scientifique- Centre Urbanisation Culture Société, Montréal (Canada). 173 pages.
- Chang, S. K. J., et al. 2008. “The Status of Cycling in Taiwan”. In Tiwari G., Arora, A. and Jain, H. (eds.) *Bicycling in Asia*. Delhi: Innovative Transport Solutions (iTrans), TBIU, Indian Institute of Technology Delhi, Transport Research & Injury Prevention Programme (TRIPP).
- Chiesura, A. 2004. The role of urban parks for the sustainable city. *Landscape and Urban Planning*, 68, 129-138.
- Edwards, P. and Tsouros, A. 2006. “Promoting Physical Activity and Active Living in Urban Environments: The Role of Local Government”. *The solid facts*. World Health Organization Europe.
- Hanson, S. and Giuliano, G. 2004. *The Geography of Urban Transportation*. Guilford Press.
- Jones, A. P., Brainard, J., Bateman, I. J., & Lovett, A. A. (2009). Equity of access to public parks in Birmingham, England. *Environmental Research Journal*, 3(2), 237-256.
- Lau J. C. Y. and Chiu, C. C. H. 2003. “Accessibility of Low-Income Workers in Hong Kong”. *Cities* 20 (3): 197-204.
- Leather, J., et al. 2011. “Walkability and Pedestrian Facilities in Asian Cities: State and Issues”. ADB Sustainable Development Working Paper Series. Metro Manila: Asian Development Bank.
- Lotfi, S., & Koohtari, M. J. (2009). Measuring objective accessibility to neighborhood facilities in the city (A case study: Zone 6 in Tehran, Iran). *Cities*, 26(3), 133-140.
- Ribot, J. C., & Peluso, N. L. (2003). A Theory of Access”. *Rural sociology*, 68(2), 153-181.
- Talen, E. (2002). Pedestrian access as a measure of urban quality. *Planning Practice and Research*, 17(3), 257-278.
- Tiwari, G. and Jain, H. 2008. “Bicycles in Urban India”. In Tiwari, G., Arora, A. and Jain, H. (eds.) *Bicycling in Asia*. Delhi: Innovative Transport Solutions (iTrans), TBIU, Indian Institute of Technology Delhi, Transport Research & Injury Prevention Programme (TRIPP).

LÀNG CŨ - PHỐ MỚI

VÀ CÂU CHUYỆN VỀ KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG

HỆ THỐNG KGCC TẠI KHU VỰC TRUNG HÒA NHÂN CHÍNH – NGHIÊN CỨU & ĐỀ XUẤT

DIỄN ĐÀN

TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG*

Sự ra đời của các khu đô thị mới (KĐTMT) tại vùng ngoại biên thành phố chủ yếu xảy trên đất nông nghiệp, kế cận các làng cũ là một xu hướng tất yếu của sự đô thị hóa. Trong quá trình thiết kế và xây dựng, các KĐTMT hầu như không tính đến sự tồn tại và phát triển của những khu làng kế cận. KĐTMT thường có hệ thống giao thông nội bộ riêng, liên hệ rất ít với hệ thống giao thông của đường làng xung quanh. Từ đó tạo ra hai hình thái đô thị tồn tại cạnh nhau nhưng lại có rất ít kết nối về hạ tầng dẫn đến sự xa cách về mặt xã hội. Dân phố mới và dân làng cũ vốn đã khác nhau về nhiều mặt, từ nguồn gốc đến nghề nghiệp, đến văn hóa, đến lối sống, nay lại càng xa cách hơn bởi sự thiếu vắng của những kết nối về hạ tầng. Trong quan điểm thiết kế của chúng tôi, mỗi cộng đồng có một văn hóa, một phong cách sống khác nhau, nhưng họ chia sẻ một không gian chung đó là các KGCC, cụ thể ở đây là vườn hoa, sân chơi quy mô khu ở và hệ thống đường giao thông. Nếu chúng ta thiết kế được những KGCC này một cách hiệu quả và gắn gũi, chúng sẽ là nơi gặp gỡ, trò chuyện và giao lưu giữa các nhóm người khác nhau, từ đó tạo ra một cộng đồng gắn kết khăng khít hơn.

Nhằm xác minh lại quan điểm thiết kế này và dùng nó để cải thiện thực trạng kết nối của các cộng đồng cấu thành bởi KĐTMT và khu làng cũ mới đô thị hóa, chúng tôi đã nghiên cứu hệ thống KGCC của KĐTMT Trung Hòa Nhân Chính và khu làng Trung Hòa nằm trong ranh giới các trục đường Trần Duy Hưng, Nguyễn Ngọc Vũ, Lê Văn Lương và Hoàng Minh Giám. Chúng tôi so sánh các KGCC của hai khu vực với cách quản lý, xây dựng và sử dụng tương đối khác nhau và từ đó đưa ra các đề xuất về thiết kế nhằm cải thiện chất lượng các KGCC đồng thời kết nối chúng với nhau làm nền tảng cho sự giao lưu xã hội giữa hai phía.

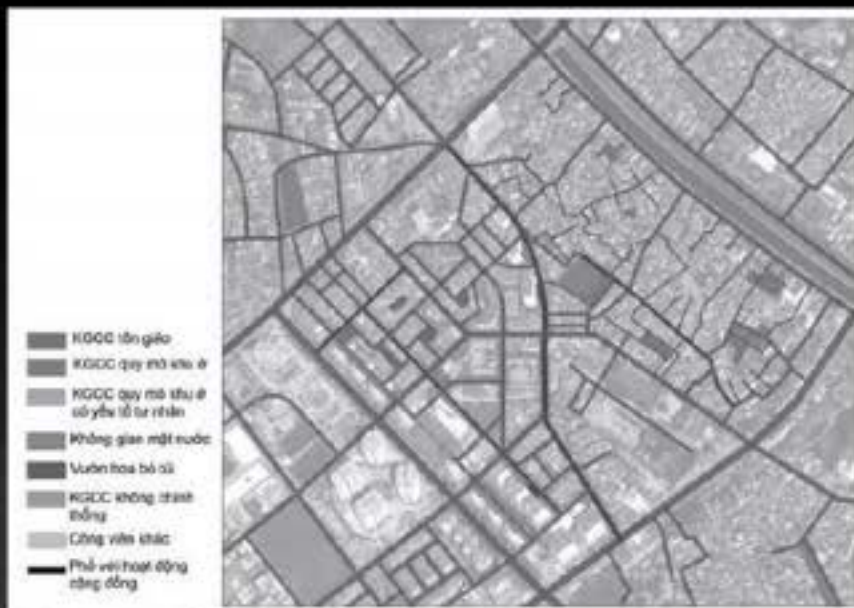
Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý



Giới hạn nghiên cứu

Về bản đồ và phân loại KGCC

Nhằm có được một cái nhìn tổng quan, chúng tôi đã tiến hành phân loại KGCC và vẽ bản đồ nhằm định vị chính xác từng loại hình KGCC trong khu vực nghiên cứu.



Bản đồ phân loại các KGCC trong khu vực nghiên cứu

Trong bản đồ này, chúng tôi tính đến các KGCC chính thống và cả các KGCC không chính thống như vỉa hè, những góc phố và con đường được người dân sử dụng thường xuyên như chợ, phố thương

mại. Bản đồ cho thấy KGCC được phân bố khá đồng đều trong khu vực. Mặc dù KGCC trong KDTM được quy hoạch rất bài bản với quảng trường, công viên và các vườn hoa bố trí trong khu ở, các không gian nhỏ hầu hết bị lấn chiếm làm bãi đỗ ô tô. Hiện tại chỉ còn lại sân tòa nhà 34T, Vườn Phúc Thanh là những KGCC được sử dụng đúng mục đích cùng một số KGCC tự phát khác như vỉa hè, lòng đường, sân trước chung cư. Bên cạnh đó, khu vực làng không có các KGCC tự phát ngoài trục chợ cũng là đường làng cũ. KGCC chủ yếu tập trung tại các khu đến, đình làng và ba sân chơi được phường và dân đầu tư nâng cấp bao gồm sân nhà văn hóa, sân chơi tổ 27 và vườn hoa phường Trung Hòa. Tuy quy hoạch kém quy củ hơn phía KDTM, nhưng KGCC của làng do phường xây dựng lại được quản lý chặt chẽ hơn, không có tình trạng lấn chiếm làm dịch vụ thương mại.

Các KGCC tiêu biểu

Nhằm tìm hiểu rõ hơn và so sánh thiết kế cũng như cách sử dụng của các KGCC, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu bốn không gian thuộc hai vùng phố mới và làng cũ. Trong đó Vườn Phúc Thanh CX2 và Vườn hoa Phường Trung Hòa là hai điển hình của KGCC cùng quy mô nhưng khác nhau về thiết kế cũng như cách thức quản lý.



Vườn Phúc Thanh



Vườn hoa Phường Trung Hòa

Về mặt sở hữu và quản lý, hai KGCC này rất khác nhau. Vườn Phúc Thanh do tập đoàn Phúc Thanh đầu tư và quản lý nằm trên lô đất CX2 thuộc KDTM THNC được chỉ định làm công viên giải trí cho người dân. Hiện tại phần lớn khu đất được sử dụng làm nhà hàng, bể bơi, còn lại một phần được đầu tư làm vườn hoa. Bên cạnh đó, vườn hoa Phường Trung Hòa trước đây là ao làng và đất ruộng, khi làng đô thị hóa, phường chủ động quyết định giữ lại làm KGCC cho người dân. Trong quá trình phát triển làng thành phố, người dân trong làng cũng như phường sở tại đã chung tay xây dựng nên vườn hoa, dần dần cải tạo và cung cấp các thiết bị sân chơi, rất phù hợp với nhu cầu của dân. Đến nay việc bảo trì vườn hoa do Trung tâm văn hóa, thể thao Phường Trung Hòa phụ trách với sự đóng góp công sức của người dân địa phương. Với sự khác nhau rất rõ nét về đầu tư và bảo trì, hai vườn hoa này cũng có không ít sự khác nhau về thiết kế và sử dụng.

Trước tiên phải nói đến cách tiếp cận hai KGCC này. Hai KGCC này đều có phần khó tiếp cận, nhưng theo một cách riêng. Vườn Phúc Thanh, tuy được bao quanh bởi các đường nội bộ KDTM Trung Hòa Nhân Chính, rất tiện lợi, tuy nhiên thiết kế của vườn hoa lại chỉ có một lối vào duy nhất, những mặt đứng tiếp cận xung quanh đều được thiết kế với bậc cao, tường chắn, khiến cho không gian khó tiếp cận và bị chắn tầm nhìn. Ngược lại, vườn hoa Phường

Trung Hòa rất khó tiếp cận từ các trục đường chính, lối vào chỉ là một ngõ nhỏ trên đường Nguyễn Thị Định kết thúc bằng một ngõ cụt cho xe máy và chỉ có lối tiếp cận cho người đi bộ. Nhưng những mặt xung quanh của vườn hoa được tiếp cận tốt, mở rộng với đường nội bộ của khu làng, người dân có thể tiếp cận được vườn hoa từ ít nhất ba phía.

Thoạt đầu có thể thấy việc khó tiếp cận với đường chính dường như là một điểm yếu của vườn hoa Phường Trung Hòa, tuy nhiên, sau khi nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy việc khó tiếp cận lại là một điểm mạnh của vườn hoa. Chính sự khó tiếp cận này đã bảo vệ vườn hoa khỏi sự xâm lấn của các dịch vụ thương mại, quán hàng đang lấn chiếm hè phố xung quanh và cũng vì

mẹ trẻ cho biết “chỗ này nó cũng có nhiều chỗ chơi cho trẻ, ở chỗ khác thì hầu hết chỉ là sân chơi chứ không có”. Cách đó không xa, ở khu xà đơn xà kép, nam thanh niên chia sẻ “mình đến tập xà đơn, xà kép xong rồi đi ra kia đá cầu... ở đây có đông người tập nên cảm giác nó có khí thế, tập nó hào hứng hơn”. Vào buổi sáng sớm, các bà các cô nội trợ cũng rất hài lòng sau khi tập thể dục thẩm mỹ “Tắm này tuổi các cô đây thì hài lòng thử nhất là xã, phường đã bớt lại cái công viên này thử nhất là cho các cô, các cụ già thể dục thể thao buổi sáng sớm, các cháu tí nữa nó sẽ ra vui chơi. Nói chung là phường quan tâm, đầu tư ra. Trước thì chỉ có vườn hoa, công viên không thôi, bây giờ, từ năm ngoài đến giờ bắt đầu xoay ra là làm lại, làm thêm cả công viên cho các cháu ra chơi, đông lắm.”

KGCC	Tổng diện tích	Tỷ lệ thương mại hóa	Sân chơi	Tiếp cận			Sân chơi	Thiết kế			Đánh giá	Cơ sở vật chất
				Tiếp cận với trục đường chính	Hướng tiếp cận	Hàng rào xung quanh		Chất lượng thiết kế	Độ linh hoạt của thiết kế	Tỷ lệ bề mặt trên tổng bề mặt vườn hoa		
Vườn hoa Phường Trung Hòa	7200 m ²	9%	Công		Sân chơi		☹☹☹	☹☹	☹☹☹		☹☹☹	Cơ sở vật chất: sân chơi, xà đơn, xà kép, cây cảnh và bồn hoa
Vườn Phúc Thanh	3700 m ²	50%	Sân chơi	✓	Một bên có công viên	✓	☹☹☹	☹☹☹☹	☹		☹☹	Cơ sở vật chất: tường nghệ thuật, cây cảnh, bồn cỏ và bồn nước

 Cây xanh ở vườn hoa
 Sân chơi
 Bồn nước

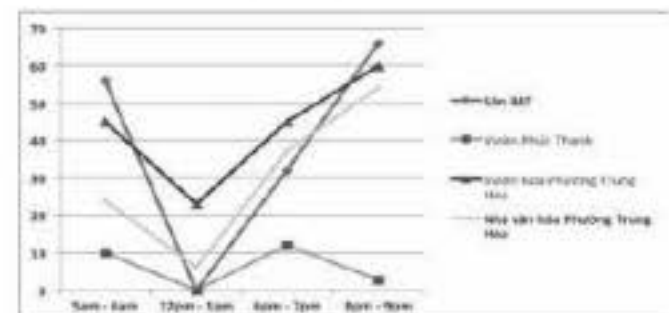
Bảng so sánh về thiết kế của hai KGCC được lựa chọn nghiên cứu

thế, vườn hoa thực sự tồn tại như một không gian dành cho người dân trong khu ở.

Khi so sánh về mặt thiết kế của hai KGCC trên, ta có thể thấy một sự đối lập hoàn toàn về quan điểm thiết kế. Trong khi vườn Phúc Thanh được đầu tư thiết kế với chất lượng cảnh quan và thẩm mỹ rất cao, “Nơi đây tiểu cảnh rất đẹp, thiết kế hài hòa... cây ở đây sử dụng cũng rất có ý đồ, hoàn toàn là cây bản địa, rất hay” (Phỏng vấn người đi bộ trong vườn Phúc Thanh). Thì vườn hoa phường Trung Hòa có thiết kế khá đơn thuần với bốn khối tiểu cảnh, sân chơi, bồn non bộ ở trung tâm và trục đi bộ hình chữ thập. Mặt khác, khi nói giá trị sử dụng, những tiểu cảnh, những tác phẩm điêu khắc, hồ sen, nhà chòi của vườn Phúc Thanh chỉ có một công năng duy nhất là thắng cảnh, người dân đến đây có thể có hai hoạt động chính là ngồi nghỉ và đi dạo bộ xung quanh vườn. Các hoạt động vui chơi, thể thao khác đều không được khuyến khích. Hơn nữa, Vườn Phúc Thanh, được thiết kế như một phần mở rộng của quán café Phúc Thanh với một cổng vào duy nhất khiến cho người dân không cảm thấy được chào đón. “Rất nhiều lần tôi đi qua đây, nhưng không dám vào vì tưởng đây là đất thuộc một công ty nào đó chứ không phải là vườn hoa công cộng” (Phỏng vấn người đến thăm vườn Phúc Thanh).

Ngược lại trong vườn hoa Phường Trung Hòa, cũng với diện tích sử dụng tương đương (trừ phần hồ), người dân được tạo điều kiện để sử dụng không gian cho nhiều hoạt động khác nhau phù hợp với nhiều lứa tuổi. Một bà

Những khác nhau về thiết kế và công năng trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng người sử dụng hai KGCC này. Với lợi thế về diện tích sử dụng thoáng và thiết kế linh hoạt, ưu tiên cho trẻ em, Vườn hoa Phường Trung Hòa có số lượng người sử dụng lớn hơn gấp bốn đến sáu lần Vườn Phúc Thanh. Hơn nữa, với ưu điểm là có cây xanh che bóng mát, Vườn hoa Phường Trung Hòa có người sử dụng vào cả buổi trưa nắng, từ 12h trưa đến 1h chiều trong khi tất cả các không gian khác được nghiên cứu đều có số lượng người sử dụng trong khung giờ này xấp xỉ bằng không.



Biểu đồ số lượng người sử dụng KGCC vào các thời điểm khác nhau trong ngày

Sau khi quan sát, nghiên cứu và phỏng vấn người dân trong khu vực, chúng tôi nhận thấy, Vườn hoa Phường Trung Hòa thực sự là một không gian tiềm năng có thể trở thành một KGCC mẫu chốt, làm nền tảng cho sự giao thoa văn hóa giữa hai cộng đồng cư dân phố mới và làng cũ. Chúng tôi nhận thấy rằng, việc bảo trì và quản lý vườn hoa hiện đã được làm rất tốt, và người dân hết sức trân trọng cũng như đánh giá cao nỗ lực của phường. Trong khuôn khổ dự án chúng tôi chỉ đề

xuất một số thay đổi nhỏ về cơ chế quản lý có thể làm ngay nhằm tăng khả năng tiếp cận cho KGCC này. Cụ thể là mở rộng tầm nhìn vào hồ và vườn hoa từ đường Nguyễn Thị Định bằng cách dẹp bỏ các biển quảng cáo, mái vĩa, nhà tạm xây lấn ra hồ, cấm đỗ xe máy khu vực ngõ vào nhằm tạo ra một mặt tiền thoáng, giúp người dân, nhất là người dân từ phía KĐT M nhận biết được sự tồn tại của vườn hoa này. Xây đường đi bộ xung quanh hồ, nhằm hỗ trợ hoạt động đi bộ thể dục của người dân.

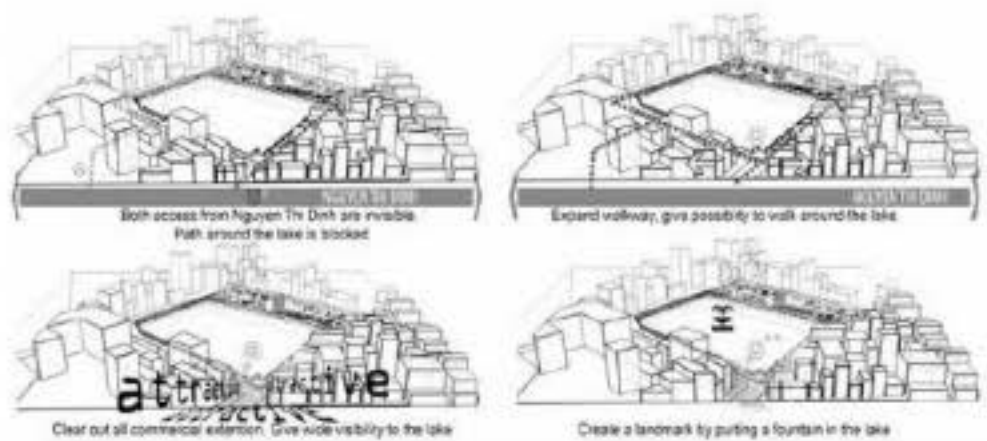
Trong thời gian dài hạn hơn, khi có ngân sách đóng góp của người dân hoặc từ phía phường, chúng tôi đề xuất thiết kế lại một góc tiểu cảnh đang bỏ phí không có tác dụng phục vụ hoạt động của người dân thành một khoảng sân trống, mở nhằm khuyến khích các hoạt động đa dạng hơn, nhất là các hoạt động thể thao của các bạn trẻ như đá cầu, cầu lông và các hoạt động theo nhóm lớn như tập dưỡng sinh, tập thể dục thẩm mỹ.

Với những sự thay đổi nhỏ nhưng cốt yếu này, chúng tôi tin rằng vườn hoa Phường Trung Hòa sẽ phục vụ tốt hơn nữa cho người dân ở các độ tuổi khác nhau, với các hoạt động khác nhau. Khi có một KGCC hoạt động tốt như vậy, người dân sẽ sử dụng nhiều và từ đó khoảng cách về xã hội của hai vùng phố mới và làng cũ sẽ dần được xóa mờ. Các hoạt động văn hóa cộng đồng tiềm năng có thể tổ chức ở nơi đây sẽ trở thành hạt nhân để gắn kết họ thành một cộng đồng duy nhất.

Khi nghĩ bao quát hơn về những vườn hoa trên địa bàn thành phố Hà Nội, sự đối lập giữa Vườn Phúc Thanh và Vườn hoa Phường Trung Hòa cũng chính là điển hình của hai xu hướng thiết kế đô thị của các vườn hoa hiện nay. Một xu hướng thiết kế để cao thẩm mỹ với quan điểm vườn hoa chỉ là nơi nghỉ chân, ngắm cảnh trong thời gian ngắn và xu hướng thiết kế thiết thực dựa trên nhu cầu của người dân, biến vườn hoa thành một nơi vui chơi, tập luyện thiết thực cho người dân.

Thực tế nghiên cứu điều tra đã cho thấy tính ưu việt và sự gắn gũi của loại hình vườn hoa mở kết hợp với các thiết bị sân chơi trẻ em, tập thể thao. Do vậy chúng tôi khuyến nghị nhân rộng mô hình của Vườn hoa Phường Trung Hòa trên toàn thành phố để tận dụng tối đa những vườn hoa có sẵn, làm cho chúng không những đẹp mà còn linh hoạt, phục vụ nhu cầu tập luyện của người già, thanh niên và nhu cầu vui chơi của các cháu nhỏ. Những can thiệp về thiết kế dù rất nhỏ, như một hai chiếc như xà đơn, xà kép, vài chiếc cầu trượt, một khoảng sân nhỏ để đá cầu sẽ có những lợi ích hết sức to lớn cho sức khỏe và sự giao tiếp cộng đồng.

* Bài viết trích từ Bài nghiên cứu chuyên đề chương trình Thạc sĩ Thiết kế đô thị Trường đại học Montreal, Canada: Trần Thị Hương Giang (chủ đề tài); Phạm Thủy Linh; Chu Thị Ngọc Huyền.



Đề xuất tăng tính tiếp cận cho hồ và vườn hoa



Đề xuất thiết kế lại một phần của vườn hoa nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân

Quy hoạch hệ thống không gian công cộng ĐÔ THỊ DU LỊCH VEN BIỂN²



TS. KTS. TRƯƠNG VĂN QUẢNG
Phó Viện trưởng VIUP

Vị trí quy hoạch không gian công cộng đô thị du lịch ven biển

Trong hai giá trị vật chất căn bản tạo dựng chất lượng môi trường sống trong đô thị: Thiên nhiên (địa hình, khí hậu, mặt nước, cây xanh...) và nhân tạo (không gian, kiến trúc, hạ tầng...) của một đô thị, thì giá trị nhân tạo thường có vị thế chủ động được điều tiết bởi ý thức của con người. Việc quy hoạch hệ thống không gian công cộng trong cấu trúc đô thị là một yếu cầu, một nguyên tắc bắt buộc trong quy hoạch tổ chức không gian, nhằm đáp ứng các nhu cầu sống, sinh hoạt, giao lưu... tối thiểu của một đô thị (từ cổ đến kim).

Quy hoạch hệ thống không gian công cộng đô thị không chỉ đơn thuần việc xác định hệ thống tầng bậc, phân tầng theo cấu trúc, khu vực, khoảng cách, cự li giữa các khu chức năng, các công trình kiến trúc... Mạng lưới phân bố và hình thái của các không gian công cộng phải căn cứ theo nhiều yếu tố khác ngoài việc dựa vào hệ khung thiên nhiên, các "không gian lịch sử, văn hóa, cộng đồng" của đô thị... Chúng cần tuân theo cả sự điều tiết mang tính xã hội, thị trường một cách linh hoạt, thực tiễn. Đặc biệt, một yếu cầu khác nữa còn đòi hỏi là không gian công cộng cần mang tính ổn định, lâu dài và nó cần phải được nghiên cứu trước để đảm bảo mối liên hệ một cách rõ ràng, chính danh, hoàn toàn để hiểu bởi các yếu tố cấu thành nét đặc trưng các không gian này với bất cứ ai chứ không phải chỉ với nhà chuyên môn hoặc giới đầu tư.



Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Theo đó, để xác lập cơ sở quy hoạch hệ thống không gian công cộng đô thị, ngoài cách tính thống thường, trước hết trong nghiên cứu cấu trúc đô thị cần xác định và duy trì, bảo toàn được hệ khung thiên nhiên cơ bản, có giá trị (yếu tố không gian công cộng tự nhiên/thiên tạo)... Đó là đặc điểm cấu trúc địa hình đa dạng, phong phú, như: vùng địa hình cao (đồi núi), vùng địa hình thấp (đồng bằng); hệ thống sông, hồ, cảnh quan thiên nhiên; hệ sinh thái nông lâm nghiệp gắn với giá trị đặc sắc từng vùng văn hóa; đến các "không gian lịch sử, văn hóa, cộng đồng" - dấu ấn có giá trị của quá trình khai phá, xây dựng, phát triển của con người, may mắn còn sót lại. Hệ khung thiên nhiên trong đô thị và các "không gian lịch sử, văn hóa, cộng đồng" có giá trị rất lớn trong quá trình phát triển đô thị vì không những chúng có nhiều tiềm năng góp phần làm tăng quỹ không gian công cộng, chất lượng môi trường sống mà còn tạo nên bản sắc riêng cũng như sự hấp dẫn và tính cạnh tranh cao cho đô thị.

Căn cứ vào hệ khung thiên nhiên, các "không gian lịch sử, văn hóa, cộng đồng" này để hoạch định cấu trúc, các khu chức năng đô thị, trong đó có hệ thống không gian công cộng đô thị (với các yếu tố thiên tạo và nhân tạo hợp thành). Đừng coi thường một sân chơi, một vườn hoa, một mặt nước nhỏ, một đoạn vỉa hè thoáng với hàng cây xanh... được quy hoạch, xây dựng, bảo vệ, chăm sóc thường xuyên trong một nhóm nhà, đừng làm mất đi một lối đi chung tạo nên một ngõ phố thân thuộc. Thách thức đặt ra là liệu chúng ta còn có khả năng đóng góp một cách khiêm tốn cho sự phát triển của các đô thị tức là không chỉ mở rộng ranh giới đô thị, tăng số lượng các khu đô thị mới mà còn tiếp tục tạo ra cho người dân một không gian sống có thể thích ứng với những thay đổi về lối sống và những biến đổi về kinh tế hay không? Hoặc liệu chúng ta có thể duy trì được toàn vẹn hệ thống không gian công cộng đô thị khi thời bất động sản đã từng làm mưa làm gió và phớt lờ tất cả?



Quy hoạch chung TP. Đà Nẵng



Không gian ven biển dọc đường Trần Phú - TP. Nha Trang

Đối với các đô thị du lịch ven biển, phần lớn trong tổ chức không gian đều cố gắng hướng mặt tiến đô thị ra biển nhằm tận dụng, khai thác tối đa các lợi thế cảnh quan, môi trường mà biển mang lại, tạo dựng hình ảnh, diện mạo đô thị. Không gian dọc biển thường được ưu tiên bố trí các hoạt động văn hóa, lễ hội, dịch vụ thương mại, du lịch, vui chơi giải trí và các hoạt động công cộng khác.



Không gian ven biển dọc đường An Dương Vương - TP. Quy Nhơn



Không gian khu du lịch ven biển Mũi Né - Phan Thiết

Một số thể loại không gian công cộng đô thị du lịch ven biển

Không gian công cộng theo nghĩa rộng nhất được hiểu là tất cả các không gian mà cộng đồng có thể tiếp cận và sử dụng được. Không gian công cộng thường được chia làm 3 loại: (1) Không gian công cộng bên ngoài (external public space): Bao gồm quảng trường thành phố, đường phố, công viên, bãi đỗ xe, bãi biển, rừng, sông suối, hồ ao... Đây là dạng không gian công cộng chung nhất cho tất cả mọi người đều có thể tiếp cận được; (2) Không gian công cộng bên trong (internal public space): Bao gồm thư viện, bảo tàng, sảnh tòa thị chính thành phố, các công trình phục vụ giao thông công cộng như ga tàu, bến xe buýt, sân bay...; (3) Không gian bán công cộng (hay cũng gọi là không gian công cộng giả tạo – pseudo public space): Đây là những không gian phục vụ cộng đồng mặc dù thuộc sở hữu tư nhân. Ví dụ như nhà hàng, rạp chiếu phim, siêu thị, sân chơi thể thao, khuôn viên các trường đại học. Trong chuyên đề này tập trung nghiên cứu không gian công cộng bên ngoài, được gọi chung là không gian công cộng. (Một bộ phận không gian chức năng trong cấu trúc đô thị)

Về cơ bản cấu trúc Đô thị du lịch ven biển trước hết phải đảm bảo cấu trúc của một đô thị thông thường, trong đó bao gồm các khu chức năng, hệ thống các trung tâm, các không gian chủ đạo của đô thị và được kết nối với nhau bằng hệ khung giao thông... Đối với đô thị du lịch ven biển, các không gian công cộng chính bên ngoài của đô thị, bao gồm:

- a) Quảng trường – Không gian văn hóa, lễ hội, sự kiện;
- b) Công viên, vườn hoa, cây xanh, hệ thống không gian mở;
- c) Khu TDTT, vui chơi giải trí;
- d) Khu dịch vụ thương mại, du lịch;
- e) Khu khách sạn, nhà hàng...;
- f) Khu nghỉ dưỡng;
- g) Khu dịch vụ công cộng hỗn hợp...

Một số dạng quy hoạch tổ chức không gian công cộng đô thị du lịch ven biển

Trong các nghiên cứu truyền thống, thiết kế đô thị thường tập trung vào các không gian công cộng bên ngoài. Trong đó lưu tâm đến khái niệm: Không gian xã hội (social space) hay không gian dân sự (civic space) mà ở đó việc nhà nước, cộng đồng hay tư nhân sở hữu không gian cũng không quan trọng. Điều quan trọng là không gian đó hỗ trợ và tăng cường các mối tương tác văn hóa, xã hội và giúp phần tạo ra một “public life” sinh động, phong phú hơn. Hình thái không gian công cộng tùy thuộc vào địa hình, cảnh quan, cấu trúc, ý tưởng quy hoạch, yếu cấu sử dụng của từng chức năng không gian công cộng đô thị cụ thể. Theo đó, không gian công cộng có thể tổ chức theo dạng: (1) Hướng tâm; (2) Theo dải; (3) Theo dải, tuyến kết hợp điểm...

Về dạng quy hoạch tổ chức không gian hướng tâm. Phần lớn dạng không gian này được tổ chức cho các không gian quảng trường văn hóa, lễ hội, dịch vụ thương mại, đầu mối giao lưu...; các không gian trung tâm lớn hoặc khu vực của đô thị. Ví dụ như quảng trường văn hóa, TP. Nha Trang, quảng trường biển, TP. Đà Nẵng, quảng trường văn hóa (Thư viện, bảo tàng), TP. Hạ Long, quảng trường hướng biển, thị xã Cửa Lò (Nghệ An)...



TP. Đà Nẵng – Khu vực quy hoạch không gian công cộng phía Đông (Quận Sơn Trà)



TP. Hạ Long, Quảng Ninh

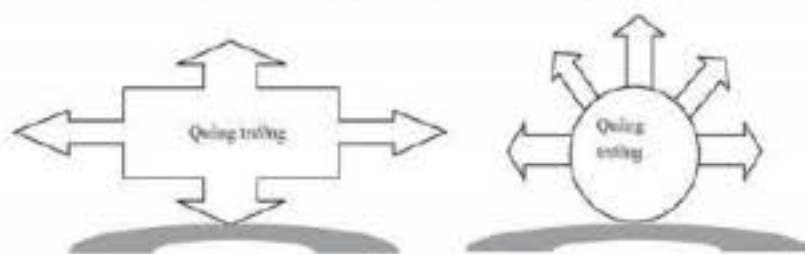


Quảng trường biển TP. Đà Nẵng



Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Quảng trường văn hóa TP. Nha Trang



Sơ đồ hóa hình thái không gian công cộng theo dạng Hướng tâm

Về dạng quy hoạch tổ chức không gian theo dải, tuyến. Dạng không gian này chủ yếu được tổ chức bám dọc theo các hành lang lưu thông song song với bờ biển, tạo nên các trục, tuyến dịch vụ du lịch, thương mại, văn hóa, vui chơi giải trí... sinh động, hấp dẫn... Ví như đường Hạ Long, TP. Vũng Tàu, đường Trần Phú, TP. Nha Trang, đường Hoàng Sa, Trường Sa, Võ Nguyên Giáp, TP. Đà Nẵng...



Đường Hạ Long, TP. Vũng Tàu, nơi tổ chức nhiều KCCC dọc tuyến



Dải KCCC ven biển Bãi Cháy TP. Hạ Long

Về dạng quy hoạch tổ chức không gian theo dải, tuyến kết hợp điểm. Dạng không gian dải hay tuyến kết hợp điểm cơ bản được tổ chức bám dọc theo các hành lang lưu thông song song với bờ biển, nhưng có không gian trọng tâm, trọng điểm, kết nối với nhau tạo nên các trục, tuyến điểm dịch vụ du lịch, thương mại, văn hóa, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí... sinh động, hấp dẫn như: TP. Vũng Tàu, Quy Nhơn, Nha Trang, Đà Nẵng, Hạ Long, TX. Cửa Lò...

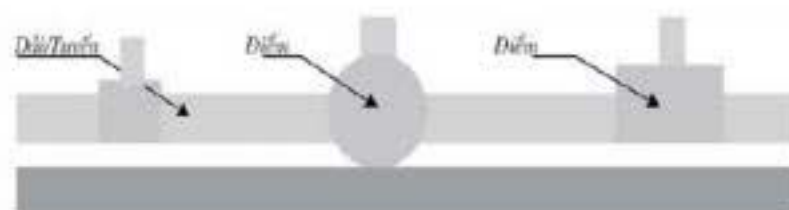
Các dạng tổ chức KCCC trên ngoài việc phải đảm bảo tính kết nối giữa chúng với các khu chức năng chính của đô thị cũng phải đảm bảo khả năng tiếp cận và thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở khai thác hiệu quả các lợi thế về đặc điểm điều kiện tự nhiên, vai trò vị thế của từng loại KCCC trong tổng thể cấu trúc đô thị. Đặc biệt quan trọng hơn là mỗi không gian cần có một đặc tính riêng, tạo ra sự khác biệt để tăng sự hấp dẫn, sinh động và tràn đầy sức sống cho các đô thị du lịch ven biển này.



Dải, tuyến KCCC ven biển TX. Cửa Lò - Nghệ An



Dải, tuyến KCCC ven biển TP. Quy Nhơn



Sơ đồ hóa hình thái không gian công cộng theo dạng dải, tuyến kết hợp điểm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Các đồ án quy hoạch đô thị Vũng Tàu, Quy Nhơn, Nha Trang, Hạ Long, Cửa Lò của VIUP
- Đề tài NCKH NC hướng dẫn lập QHC các đô thị ven biển theo hướng phát triển bền vững
- Đề tài "Giải pháp thiết kế quy hoạch không gian công cộng ven biển cho các đô thị du lịch nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và thích ứng với biến đổi khí hậu"

Bảo tồn & phát huy

CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA BIỂN TRONG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ VEN BIỂN



TS. KTS. NGUYỄN TRUNG DŨNG

Đặt vấn đề

Lịch sử dân tộc Việt Nam gắn với một quá trình mở rộng không gian cư trú từ cội nguồn vùng miền núi trung du rồi lan dần đến vùng đồng bằng và ven biển. Trong hành trình hướng biển ấy, văn hóa Việt đã dần thấm đẫm “chất biển” thông qua quá trình trao đổi văn hóa với các dân tộc láng giềng cũng như tự khám phá, sáng tạo, và biển đã thực sự trở thành không gian sinh tồn và cái nôi dung dưỡng cho dân tộc và nền văn hóa Việt.

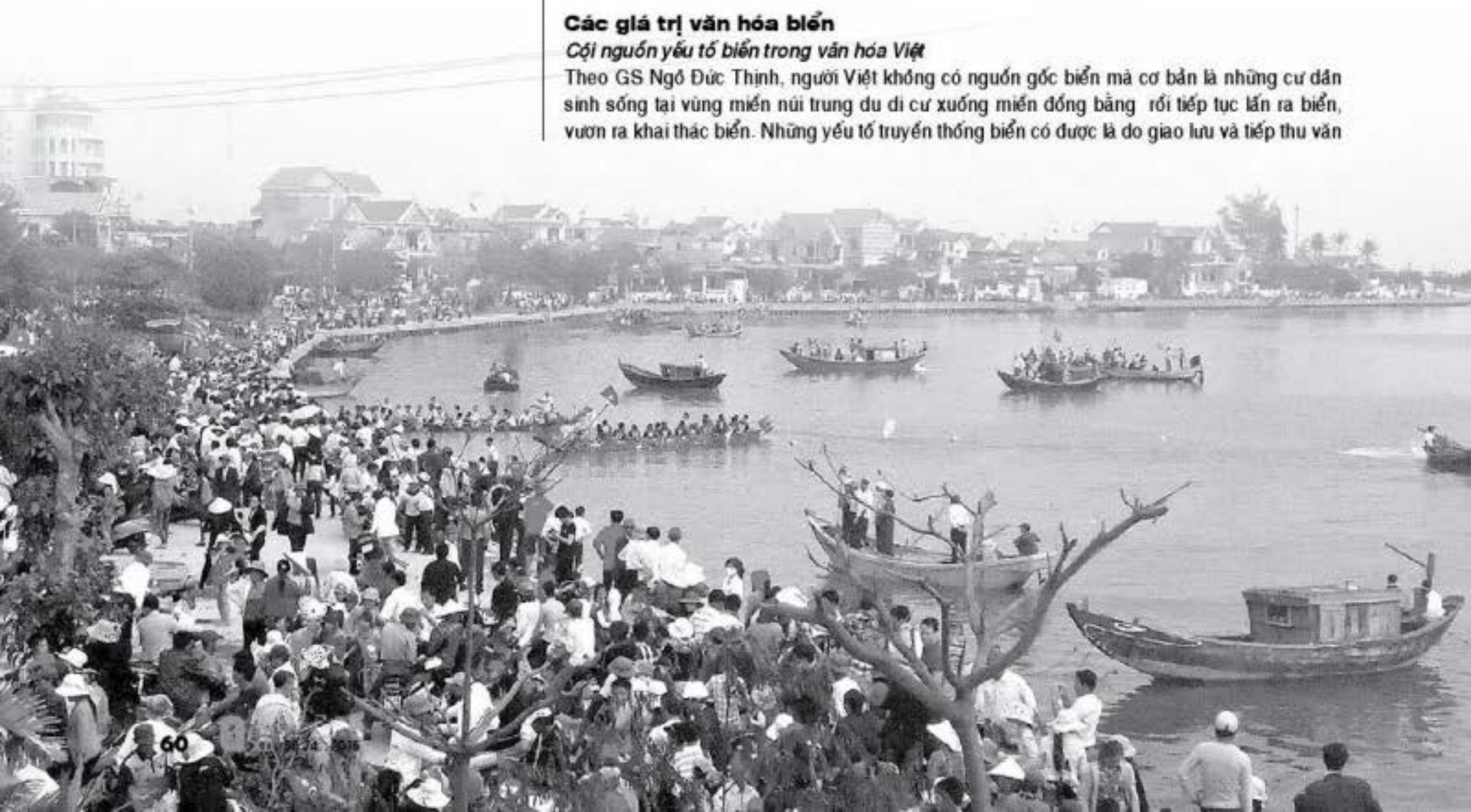
Không gian ven biển ngày nay là nơi cư trú của hơn 50% dân số Việt Nam với sự tập trung của 28/63 tỉnh thành và 345 đô thị lớn nhỏ trên tổng số 770 đô thị toàn quốc, là nơi diễn ra đời sống văn hóa tinh thần phong phú và mang đậm bản sắc của cư dân các địa phương, vùng miền với nhiều lễ hội, tập tục sinh kế, sinh hoạt tâm linh... cùng với một hệ thống các di sản, di tích văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật.

Những yếu tố nêu trên, đặt ra một yêu cầu nghiêm túc cho công tác quản lý tổng hợp không gian ven biển nói chung và quy hoạch đô thị ven biển nói riêng phải góp phần tạo ra các không gian, môi trường thuận lợi để cho các giá trị văn hóa tinh thần và văn hóa vật thể có cơ hội được tồn tại lâu bền và phát huy các giá trị trong điều kiện phát triển hiện nay, khi mà quá trình khai thác không gian ven biển phục vụ cho phát triển kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ đã tác động không nhỏ đến các không gian sinh kế và văn hóa truyền thống của cộng đồng cư dân địa phương.

Các giá trị văn hóa biển

Cội nguồn yếu tố biển trong văn hóa Việt

Theo GS Ngô Đức Thịnh, người Việt không có nguồn gốc biển mà cơ bản là những cư dân sinh sống tại vùng miền núi trung du di cư xuống miền đồng bằng rồi tiếp tục lấn ra biển, vươn ra khai thác biển. Những yếu tố truyền thống biển có được là do giao lưu và tiếp thu văn



Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

hóa từ các tộc người láng giềng là cư dân Nam Đảo và được hình thành nên trong quá trình khai thác và lấn biển sau này.

Yếu tố biển trong văn hóa Việt được tăng cường qua quá trình lấn biển và khai thác biển. Từ vùng miền núi trung du lan xuống khai thác đồng bằng sông Hồng rồi tiếp tục mở rộng ra các khu vực trũng ven biển do nhu cầu phát triển không gian sinh tồn, người Việt cổ đã phải đối diện với biển. Quai đê lấn biển đã trở thành truyền thống của người Việt cổ giúp không ngừng khai khẩn mở rộng diện tích canh tác và cư trú. Các làng mạc mới với cư dân đông đúc cũng không ngừng mọc nên tại các khu vực sinh lầy cửa sông ven biển (thuộc Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định ngày nay). Việc học tập được kỹ thuật canh tác ven biển, kỹ thuật đóng thuyền biển (điển hình là chiếc ghe bầu vùng Quảng Nam - Đà Nẵng) từ người Chăm, đánh dấu một dấu mốc quan trọng trong quá trình vươn ra biển để khai thác các nguồn lợi hải sản cũng như thương mại của người Việt.

Các giá trị phi vật thể

Không gian ven biển không những đóng vai trò là không gian cư trú và sinh kế của người Việt mà còn là nơi diễn ra đời sống văn hóa, tinh thần phong phú. Trong ý thức của người Việt, Biển không chỉ đem lại nguồn tài nguyên, sản vật thiên nhiên vô giá nuôi sống dân tộc mà biển còn đại diện cho một thế lực siêu nhiên huyền bí mà con người vừa muốn chinh phục lại vừa khiếp sợ. Do đó bên cạnh quá trình khám phá khai thác biển cũng hình thành nên một hệ thống tín ngưỡng biển rất phong phú. Phổ biến nhất là tục thờ cá Ông (cá Voi) và thờ Tứ vị Thánh nương (thần Độc Cước, Dương Khổng Lộ, Long Vương, Thủy thần) cùng với các lễ hội truyền thống.

■ **Tục thờ cá Ông (cá Voi):** Là hoạt động tín ngưỡng dân gian của cư dân vùng Duyên hải Trung Bộ và Nam Bộ nước ta (từ Thanh Hóa cho đến tận Bến Tre).

Cá Voi được xem như một biểu tượng của vị phúc thần biển (Thần Nam Hải), luôn gắn gũi và che chở cho ngư dân trước sự hung dữ của đại dương. Tục thờ cá voi được ghi chép lại trong các thư tịch cổ như Đại Nam nhất thống chí hay trong nghiên cứu về ngư dân Nguồn Sơn của Linh mục L. Cardiere. Khi gặp cá voi còn sống ngư dân phải nghiêng mình kính cẩn, lấy tạ dục ngài cho đánh bắt được nhiều cá tôm và cho sóng yên biển lặng. Khi cá voi chết và trôi dạt vào bờ, người dân tổ chức tang lễ chôn cất tử tế và lập miếu thờ. Sự tôn sùng và chôn cất xác cá Ông dường như là một sự trả ơn mang màu sắc huyền bí mà còn phù hợp với đạo lý "nhờ ơn" của người Việt. Tục thờ cá Ông là một trong những biểu hiện độc đáo của đời sống tâm linh người dân miền biển cần được lưu giữ bảo tồn.



Ngư Linh Miếu thờ cá Ông tại xã Cảnh Dương - Quảng Bình.
(Nguồn: Trang Web đài phát thanh truyền hình Quảng Bình)

■ **Lễ hội Cầu Ngư:** Là hoạt động sinh hoạt văn hóa tâm linh lớn và quan trọng nhất của ngư dân miền biển Trung và Nam Bộ, gắn với tập tục thờ cá Ông và các Linh thần của biển với mục đích cầu cho trời đất thuận hòa, sóng yên biển lặng, đánh bắt được nhiều hải sản.

Lễ hội Cầu ngư còn có nhiều biến thể như: Lễ Nghinh Ông, lễ rước cốt Ông, lễ Nghinh Ông Thủy tướng... nhưng hình thức tổ chức khá thống nhất. Trong lễ hội có sự tham gia của hàng trăm ghe thuyền được trang trí cờ hoa rực rỡ. Phần hội bao gồm các nghi thức rước Cá Ông (hoặc Thần) ra biển. Trong suốt lễ hội, người dân tổ chức ăn uống mời mọc nhau linh đình. Đây là một sinh hoạt tâm linh mang đậm nét văn hóa biển và địa phương. Các lễ hội cầu ngư được nâng tầm và tổ chức quy mô lớn hàng năm tại các đô thị du lịch biển lớn như Nha Trang, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Phan Thiết, Vũng Tàu... nhằm đề cao giá trị văn hóa địa phương và thu hút khách du lịch.



Lễ hội Cầu ngư tại TP.Đà Nẵng (Nguồn: www.24h.com.vn)



Lễ hội Cầu ngư tại TP.Quy nhơn

Hệ thống di tích văn hóa tín ngưỡng

Sự đa dạng, phong phú của đời sống văn hóa, tín ngưỡng miền biển còn được vật thể hóa qua hệ thống các di tích tín ngưỡng với nhiều loại hình như: Đình, dinh, miếu, đền, lăng... là nơi thờ cúng các Linh thần biển và là trung tâm diễn ra các lễ hội truyền thống và sinh hoạt cộng đồng.

Các di tích này thường nằm sát bờ biển trong mối liên hệ trực tiếp với mặt biển để thuận lợi cho việc tiến hành các nghi thức, hoạt động tín ngưỡng, ví dụ như nghi thức rước cá Ông hay các Linh Thần từ nơi thờ cúng ra biển trong lễ hội Cầu ngư hay việc cầu khẩn của ngư dân trước khi ra biển... Trải qua trình lấn biển hàng thế kỷ, một số di tích được tìm thấy nằm trong các làng xã phía sâu bên trong bờ biển nhưng vẫn luôn bảo lưu được các yếu tố biển thông qua các Linh thần

thờ cùng tại di tích hay các nghi thức lễ hội liên quan, ví dụ như tục thờ thuyền, lễ rước thuyền, trò chơi bắt cá cạn trong các lễ hội truyền thống còn tồn tại tại nhiều địa phương vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Tọa lạc tại những nơi có vị trí cảnh quan thiên nhiên đẹp và bao quát một vùng biển lớn, một số di tích tín ngưỡng đóng vai trò như những “Ngọn hải đăng tâm linh” trên bờ biển để ngư dân có thể hướng tới. Những di tích nổi tiếng phải kể đến như Dinh Cậu tại Phú Quốc và Hòn Bà tại thành phố Vũng Tàu.

Hệ thống các di tích tín ngưỡng miền biển đóng vai trò là một yếu tố cấu thành trong tổng thể không gian công cộng ven biển cần được bảo tồn và phát huy giá trị.



Hòn Bà-TP. Vũng Tàu
(Nguồn: Dulichvungtau2013.blogspot.com)



Dinh Cậu - Phú Quốc

Các yếu cầu đặt ra cho công tác quy hoạch không gian đô thị ven biển

1. Bảo tồn các không gian sinh hoạt văn hóa tâm linh, tín ngưỡng miền biển

Như đã phân tích ở trên, không gian ven biển là nơi diễn ra các đời sống văn hóa, tín ngưỡng mang đậm màu sắc địa phương và vùng miền, mà điển hình là các lễ hội gắn với tục thờ các Linh thần của biển. Các hoạt động này được diễn ra trong một không gian truyền thống được cấu thành dựa trên 03 thành tố:

■ Các di tích văn hóa tín ngưỡng: Đình thờ Thành hoàng hoặc Linh thần, Đền (miếu) thờ thần Độc Cước, Dương Khổng Lộ, Long Vương, Thủy thần; Miếu Bà, Lăng Cậu; Lăng (miếu) thờ cá Ông (thần Nam Hải) ...

■ Bãi biển: Nơi diễn ra các hành trình Lễ rước thần từ nơi thờ ra Biển

■ Mặt biển (bãi cá): Nơi tập neo đậu thuyền bè và diễn ra nghi lễ rước cá Ông ra biển.

Sự tác động của con người thông qua các hoạt động quy hoạch, xây dựng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất ven biển có thể phá vỡ sự thống nhất của không gian này. Tại một số địa phương, do quá trình khai thác không gian ven biển nên không còn duy trì được các công trình xây dựng chia cắt các di tích tín ngưỡng ra khỏi không gian bờ biển, nên đã xuất hiện các lễ hội Cầu ngư theo hành trình trên các đường phố, quảng trường thay cho trên bờ biển.

Do vậy một trong những yếu cầu quan trọng trong thiết kế quy hoạch cũng như quản lý khai thác sử dụng không gian ven biển để phát huy các giá trị văn hóa truyền thống địa phương là phải bảo tồn được các không gian tự nhiên cho sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng miền biển, trong đó hệ thống các di tích vật thể đóng vai trò là yếu tố trung tâm, cũng như đảm bảo mối liên hệ của các di tích này đối với bờ và mặt biển.

Việc Quy hoạch các KGCC ven biển cần không làm ảnh hưởng đến các không gian sinh hoạt văn hóa, tâm linh, sinh kế đã tồn tại bao đời của cư dân mà còn phải góp phần bảo tồn, duy trì các hoạt động này thông qua việc tạo ra các các hỗ trợ về không gian, điều kiện tiếp cận, hạ tầng, tiện ích phục vụ.

2. Khai thác các yếu tố Biển trong tổ chức không gian đô thị nhằm tạo dựng bản sắc cho đô thị

■ Tổ chức không gian đô thị hướng biển:

Có được không gian biển là tài sản quý giá và là một lợi thế rõ ràng của các đô thị ven biển. Tuy nhiên, không phải đô thị ven biển nào cũng biết tận dụng khai thác thế mạnh này để xây dựng bản sắc cho mình. Suốt một dải ven biển nước ta, đâu đâu cũng bắt gặp hình ảnh các đô thị bám dải theo bờ biển với những con đường ven biển quy mô lớn tạo ra sự chia cắt mạnh giữa đô thị với biển. Khu vực tiếp giáp bờ biển là nơi tập trung xây dựng mật độ cao các công trình khách sạn, trung tâm thương mại, BĐS cao tầng đã tạo ra một bức tường bê tông chắn tầm nhìn và thông gió tự nhiên đến phần còn lại của đô thị. Phía sau phần “mặt tiền”

hào nhoáng ven biển là phần thành phố “nội địa” với các đặc trưng giống với bất kỳ một đô thị vùng đồng bằng hay miền núi nào. Những vấn đề nêu trên cho thấy việc tận dụng khai thác các giá trị Biển trong công tác quy hoạch đô thị của các phần lớn các đô thị ven biển nước ta chưa được xem xét thấu đáo và nhìn nhận một cách tổng thể trên góc độ không gian tổng thể đô thị mà chỉ tập trung khai thác các lợi thế có sẵn của khoảng không gian hẹp tiếp giáp bờ biển.

Cấu trúc dạng tuyến của các đô thị ven biển nước ta là một cấu trúc phát triển tự nhiên trong bối cảnh thiếu thốn về hạ tầng giao thông. Trong điều kiện hiện nay, khi mà tiềm lực kinh tế của các đô thị ven biển đã được cải thiện rõ rệt thì việc quy hoạch, cải tạo lại không gian đô thị theo định hướng “hướng biển” cần được xem xét thay thế cho thực trạng “bám biển” hiện nay. Việc chuyển đổi này là cần thiết để khai thác các yếu tố biển cho phát triển một cách hài hòa tổng thể không gian cả đô thị hạn chế việc phát triển nóng và thiếu bền vững hiện nay.



Thành phố Nha Trang, điển hình cho cấu trúc đô thị “bám biển” với các trục đường chính song song với biển.

(Nguồn: Bản đồ TP Nha Trang)



Thành phố Nice (Cộng hòa Pháp), điển hình cho cấu trúc “hướng biển” của các đô thị ven biển Châu Âu với các trục, tuyến đường hướng biển.

(Nguồn: Bản đồ thành phố Nice)

■ Tăng cường kết nối không gian đô thị với không gian biển

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Tăng cường kết nối giữa không gian đô thị với không gian biển là giải pháp hàng đầu trong quy hoạch các đô thị ven biển nhằm khai thác tối đa yếu tố biển về cảnh quan, điểm nhìn và thông gió tự nhiên.

Bên cạnh việc quy hoạch các tuyến đường hướng biển, gắn kết về mặt không gian giữa đô thị và biển còn được thực hiện thông qua kết nối các hệ thống không gian mở, không gian xanh, mặt nước của đô thị với hệ thống không gian công cộng ven biển hoặc không gian biển, tạo ra mạng lưới không gian công cộng liên hoàn, thống nhất hỗ trợ và thúc đẩy tổ chức các hoạt động văn hóa, cộng đồng, đưa không gian biển vào sâu trong đô thị cũng như hướng các hoạt động của đô thị ra biển.

Việc quy hoạch các tuyến giao thông công cộng kết nối các khu vực sâu bên trong đô thị với bờ biển cũng là giải pháp về mặt kỹ thuật giúp tăng cường khả năng tiếp cận, kết nối với biển trong đô thị. Các tuyến đường đi bộ cũng là giải pháp tốt để tăng cường tiếp cận và tạo ra các không gian đa năng, thân thiện, nơi có thể diễn ra nhiều hoạt động lễ hội, thương mại và trưng bày, triển lãm nghệ thuật, giao dịch quảng bá văn hóa...

■ Tạo dựng bản sắc "văn hóa biển" cho đô thị thông qua quy hoạch hệ thống không gian công cộng ven biển.

Những yếu tố cơ bản góp phần tạo dựng nên "bản sắc biển" cho một đô thị ven biển trên góc độ quy hoạch đô thị bao gồm:

- + Cảnh quan thiên nhiên (biển, bờ biển)
- + Cấu trúc đô thị, không gian ven biển (mặt tiền hướng biển, KGCC ven biển)
- + Quần thể công trình kiến trúc, nghệ thuật điểm nhấn

Nếu như những yếu tố cảnh quan thiên nhiên là thiên tạo khó có thể tác động lớn, chủ yếu là bảo vệ giữ gìn, thì hai yếu tố còn lại mang tính nhân tạo, chịu sự tác động của con người, trong đó không gian công cộng ven biển đóng vai trò là điểm nhấn quan trọng nhất đem lại hiệu quả cao trong tạo dựng bản sắc, ấn tượng cho đô thị ven biển bởi các lý do:

+ Không gian công cộng ven biển đóng vai trò là không gian chuyển tiếp giữa không gian đô thị và không gian biển, nên thường có cấu trúc theo dạng các không gian mở để tạo ra các điểm nhìn hướng ra biển và hướng về thành phố, do vậy cũng là nơi dễ quan sát và thu cảm nhất.

+ Không gian công cộng ven biển và là nơi diễn ra toàn bộ các hoạt



Tháp Trầm hương - biểu tượng của núi rừng đất tại Quảng trường biển TP. Nha Trang. (Nguồn: Internet)



Dự án "Dòng sông xanh" kết nối không gian trung tâm thành phố Nice với bờ biển bằng hệ thống không gian xanh, mặt nước, công viên, đường dạo. (Nguồn: www.lemoniteur.fr)

động thụ hưởng biển (tắm biển, đi dạo, ngắm cảnh, thể dục, thể thao, lễ hội...), là nơi thu hút cư dân và khách du lịch lớn nhất, do vậy là nơi thuận lợi nhất cho việc quảng bá hình ảnh đô thị.

Do đó, việc chú trọng đầu tư vào chất lượng quy hoạch, thiết kế đô thị không gian công cộng ven biển kết hợp với bố trí các công trình có tính chất biểu tượng, điểm nhấn, trong đó có khai thác yếu tố biển là giải pháp hiệu quả để tạo dựng hình ảnh cũng như bản sắc biển cho đô thị. Điều này đã được minh chứng thực tế qua nhiều ví dụ thành công tại các đô thị ven biển của Australia và Châu Âu.



Nàng tiên cá - biểu tượng của thành phố cảng Copenhagen (Đan Mạch).

Yếu tố tự nhiên



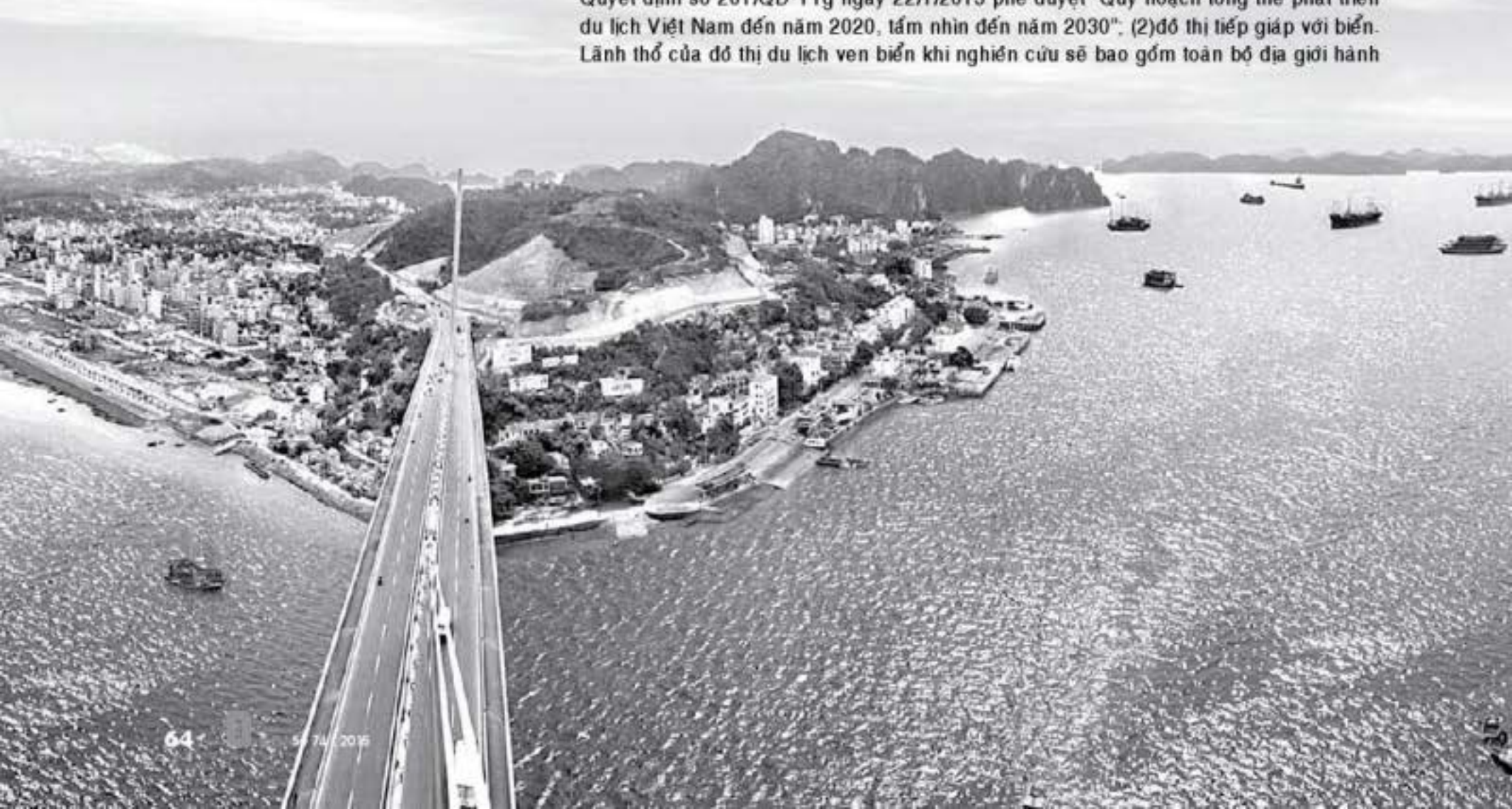
VỚI QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG VEN BIỂN CỦA CÁC ĐÔ THỊ DU LỊCH VIỆT NAM

TS. VŨ CHÍ ĐỒNG

Tiếp cận cấu trúc hệ thống tự nhiên trong quy hoạch đô thị và không gian công cộng (KGCC), đó là: (1) nghiên cứu hệ thống lãnh thổ với các mối quan hệ của đô thị với lãnh thổ lớn hơn và nghiên cứu sự phân hóa bên trong của đô thị; (2) nghiên cứu tổng thể các hợp phần tự nhiên (kể cả tự nhiên chịu tác động của con người), bao gồm hợp phần rắn (địa chất – địa hình), lỏng (thủy văn, hải văn, môi trường nước), khí (thời tiết – khí hậu, môi trường không khí), sinh vật (sinh vật tự nhiên, hệ sinh thái, cây trồng vật nuôi, không gian xanh nhân tạo), đất – môi trường đất (được hình thành bởi tác động tổng hợp của nền tảng rắn, lỏng, khí, sinh vật, tác động của con người); (3) tập trung vào các yếu tố chủ chốt, yếu tố này có thể khác nhau tùy từng địa bàn nhưng đa phần thì địa hình được coi là yếu tố quan trọng nhất (cụ thể là phần kiểu địa hình) cùng với các yếu tố chỉ thị quan trọng như hệ sinh thái, yếu tố nước, khí hậu – thời tiết; (4) lựa chọn tiêu chí cụ thể cũng cần chú ý đến đặc điểm tự nhiên của từng đô thị khác nhau.

Nghiên cứu điều kiện tự nhiên quy mô toàn quốc, phân vùng tự nhiên cho phép nhận dạng điều kiện tự nhiên vùng, tiểu vùng, cho cái nhìn bao quát vị trí, vị thế của đô thị, đặc điểm chung của tự nhiên đô thị trong hệ thống lãnh thổ.

Đô thị du lịch ven biển thỏa mãn các điều kiện: (1) đô thị du lịch được công nhận tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/1/2013 phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. (2) đô thị tiếp giáp với biển. Lãnh thổ của đô thị du lịch ven biển khi nghiên cứu sẽ bao gồm toàn bộ địa giới hành



Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

chính của đô thị đó, cả phần đất liền giáp biển, cả hải đảo, vùng biển. Phạm vi nghiên cứu, để nhìn một cách tổng quát, cần xét các đô thị chính gồm các thành phố, thị xã ven biển loại IV trở lên; mức độ nghiên cứu sâu hơn thì tập trung vào đô thị du lịch ven biển loại II trở lên.

Hướng tiếp cận phát triển du lịch bền vững sẽ là du lịch thân thiện môi trường, du lịch tôn trọng và làm nổi bật vẻ đẹp xã hội, du lịch đóng góp cho tăng trưởng kinh tế.

Đối với KGCC ven biển của đô thị du lịch, hướng tiếp cận sẽ là: (1)KGCC xây dựng hài hòa với tự nhiên, không làm tổn hại đến môi trường, được nghiên cứu và thiết kế đảm bảo các nguyên tắc bảo vệ môi trường tự nhiên; duy trì các hệ sinh thái đặc trưng của vùng ven biển và của riêng địa phương, đây cũng được coi như KGCC thiên nhiên; bảo vệ nghiêm ngặt sự đa dạng sinh học, phát huy giá trị nhờ du lịch nghiên cứu thiên nhiên; nghiên cứu thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó yếu tố nước biển dâng, các hiện tượng thời tiết cực đoan, sự thất thường của khí hậu, nguy cơ thiên tai phải được tính đến. (2)KGCC xây dựng trên cơ sở khai thác bản sắc địa phương, đảm bảo tôn trọng lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, chính trị. (3)KGCC là hạt nhân của không gian du lịch đô thị, là nơi tổ chức các hoạt động du lịch và các hoạt động kinh tế thuộc lĩnh vực dịch vụ, nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân và du khách, đem lại nguồn thu nhập cho ngành du lịch, nguồn thu nhập cho người lao động và doanh nghiệp.

Đánh giá và phân vùng môi trường cho xây dựng đô thị nói chung trước khi đánh giá cho quy hoạch KGCC.

Nguyên tắc đánh giá chọn đất cho xây dựng đô thị là:

■ Điều kiện đất đai cho phép xây dựng: Đây là yếu tố bắt buộc, điều kiện cần;

■ Có điều kiện thuận lợi: Đây là yếu tố bổ sung, điều kiện đủ;

■ Đảm bảo tránh các khu vực cấm xây dựng: Đây là yếu tố loại trừ, cấm xây dựng;

Phân vùng môi trường thành các khu vực: (1)khu vực bảo vệ, bảo tồn, (2)khu vực sử dụng đất có tổ chức được khuyến khích phát triển, (3)khu vực phát triển ở mức độ vừa phải hài hòa với môi trường, (4) khu vực dự trữ phát triển.

■ Khu vực bảo tồn, bảo vệ, khu vực loại trừ: bao gồm mặt nước, khu vực nông nghiệp quan trọng, khu vực mà môi trường không phù hợp cho phát triển, có nguy cơ cao về thiên tai cũng như dễ gây tổn thương cho môi trường (như khu vực thường xuyên bị lũ lụt...); khu vực bảo tồn, bảo vệ và khu vực cấm xây dựng do Nhà nước quy định như các hệ sinh thái tự nhiên cần bảo tồn, di sản thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử, khu vực bảo vệ nguồn nước, khoáng sản, quần sự...

■ Các khu vực phát triển: khu vực đã xây dựng, khu vực mới thuận lợi cho xây dựng, khu vực ít thuận lợi cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng về môi trường để tránh tổn thương và khuyến nghị chỉ xây dựng vừa phải sao cho hài hòa với môi trường.

Phân vùng môi trường cho toàn đô thị được nghiên cứu từ khi lập quy hoạch chung, từ đó có định hướng phát triển không gian toàn đô thị. Tiếp theo, khi lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết cần đánh giá cụ thể hơn: (1)chính xác hơn về không gian do tỷ lệ bản đồ lớn hơn, (2)Căn cứ vào mục tiêu phát triển cụ thể để có các chỉ số và chỉ thị cụ thể hơn, và/hoặc đưa thêm chỉ số bổ sung nhưng vẫn cùng chung phương pháp và công cụ phân tích.

Trên cơ sở phân vùng môi trường cho toàn đô thị, tiếp theo lựa chọn khu vực để xây dựng không gian công cộng của các đô thị du lịch ven biển phù hợp với môi trường tự nhiên:

■ Dựa vào đánh giá về môi trường tự nhiên được nghiên cứu từ khi lập các quy hoạch liên quan;

■ Đánh giá từng yếu tố và tổng hợp theo phương pháp phân tích, ứng dụng các công nghệ phân tích không gian như GIS, bản đồ;

■ Đánh giá cụ thể, sâu sắc thêm với mục tiêu xây dựng KGCC, từ đó khuyến nghị nên lựa chọn loại hình không gian công cộng nào, mật độ xây dựng, loại hình công trình xây dựng.

■ Đối với khu vực không thuận lợi cho xây dựng, nhưng có thể sử dụng cho không gian công cộng bên ngoài tại các khu vực bảo tồn - bảo vệ tự nhiên để có thể phát triển các loại hình du lịch phù hợp và vẫn bảo vệ được môi trường.

■ Xác định các kiểu cảnh quan tự nhiên, với tên gọi có trong tâm là kiểu địa hình, hệ sinh thái, để từ đó có các giải pháp phù hợp. Tên mỗi kiểu địa hình đã phản ánh đặc trưng của kiểu địa hình đó, phản ánh hình thái địa hình và tác động của các yếu tố hình thành địa hình.

Một đặc trưng chung của các kiểu địa hình ven biển là có quá trình ngoại lực tổng hợp tác động của cả biển và đất liền - hải đảo, là nơi giao thoa giữa biển và đất liền - hải đảo. Như vậy, tính biến của địa hình sẽ thay đổi theo chiều từ biển vào nội địa, sâu vào tới nơi mà tác động trực tiếp của biển hầu như không còn nữa. Kiểu địa hình ven biển chịu tác động trực tiếp của biển được thể hiện rõ qua hình thái địa hình, qua độ mặn, qua thảm thực vật, cũng phải tính đến những khu vực đối núi tiếp giáp với biển, rồi cả địa hình đáy biển ven bờ... Về điều khác - hình thái, thì đối núi ven biển có hình thái đỉnh, sườn, độ dốc, rãnh xâm thực... không khác mấy so với đối núi trong



nội địa; nhưng đối núi ven biển lại có điểm khác rất quan trọng, đó là cấu thành không thể tách rời tổng thể địa hình khu vực ven biển, tạo cảnh quan đẹp cho ven biển, đặc biệt là có đường bờ biển với nhiều hình thái độc đáo do đặc điểm thạch học, do mài mòn, do bồi tụ..., và hơn nữa nơi đây có vi khí hậu ven biển đặc sắc. Hệ sinh thái ven biển cần phải khoanh vùng trong các đồ án quy hoạch để có giải pháp bảo vệ, hay cần phục hồi, đồng thời cũng phải có giải pháp cho những hệ sinh thái nào có thể kết hợp với KGCC hệ sinh thái trên đất liền và trên đảo như rừng nhiệt đới, hệ sinh thái trên cồn cát, ở đất ngập nước ven biển như rừng ngập mặn, hệ sinh thái dưới biển...

Kiểu địa hình, thổ nhưỡng, nền đất

Các kiểu địa hình được hình thành trên nền địa chất và quá trình ngoại lực. Các xu thế ngoại lực cần chú ý: Bồi tụ hay xâm thực/ bóc mòn/lở đất; hòa tan hay rửa trôi; tích tụ sinh vật hay vật lý. Cũng cần đánh giá mức độ ô nhiễm, nguy cơ ô nhiễm để xác định khu vực cần chú ý đối với vấn đề ô nhiễm đất...

Các nhóm kiểu địa hình chính:

■ Nhóm kiểu địa hình đồng bằng – duyên hải: Gồm có các đồng bằng phù sa, bãi triều cửa sông, cồn cát, dụn cát, bãi cát ven biển, đồng bằng chân núi – duyên hải. Về thổ nhưỡng: sẽ có đất phù sa sông được bồi hàng năm hầu như không bị ảnh hưởng của nước biển; đất mặn sù – vẹt – được bị ngập thường xuyên, đất mặn ven biển không bị ngập thường xuyên; đất cồn cát, đất cát ven biển, đất ngập nước. Nền đất tốt đến trung bình và yếu khác nhau từ đồng bằng phù sa không bồi hàng năm, cồn cát, đến đất ngập nước. Về độ dốc, nhóm kiểu địa hình này thường bằng phẳng, độ dốc nhỏ.

Đối chiếu với các đồ thị du lịch ven biển cho thấy: đồng bằng chân núi – duyên hải, bãi triều, bãi cát ven biển ở TP Hạ Long; bãi triều, đồng bằng duyên hải, đồng bằng phù sa ở TP Hải Phòng; đồng bằng phù sa sông, bãi cát, cồn cát ở TP Đà Nẵng; đồng bằng phù sa sông, bãi triều, bãi cát ở TP Nha Trang; cồn cát, dụn cát, đồng bằng phù sa sông ở TP Phan Thiết; bãi triều, cồn cát ở TP Vũng Tàu; đồng bằng sông nhỏ, bãi cát, bãi triều, cồn cát – dụn cát, đồng bằng chân núi duyên hải ở Phú Quốc.

■ Nhóm kiểu địa hình đối núi: Gồm các đối núi ven biển; đảo có địa hình đối núi hình thành trên đá macma và trầm tích. Tương ứng sẽ có đất feralit trên đá macma và trầm tích; nền đất tốt, nhưng độ dốc thường không thuận lợi. Đây là trường hợp của khu vực đối núi ở TP Hạ Long; Sơn Trà và Hòa Vang ở TP Đà Nẵng; đối núi và đảo ở TP Nha Trang; khu vực Núi Lớn và Núi Nhỏ ở TP Vũng Tàu; đối núi trên đảo Phú Quốc.

■ Nhóm kiểu địa hình cacxtơ: Gồm các đối núi đá vôi ven biển; đảo đá vôi. Tương ứng sẽ có đất feralit trên đá vôi với lớp phủ rất ít và mỏng. Nền đất có khả năng bị hiện tượng cacxtơ, độ dốc thường không thuận lợi. Đây là trường hợp của quần đảo đá vôi Vịnh Hạ Long; quần đảo Cát Bà ở TP Hải Phòng; các hòn núi đá vôi Ngũ Hành Sơn ở TP Đà Nẵng.

■ Địa hình khu vực lấn biển: Cần phải khảo sát đặc điểm địa hình đáy biển, lòng sông khu vực cửa sông để có giải pháp phù hợp với địa hình và thích hợp với không gian cụ thể của từng đồ thị du lịch ven biển cụ thể. Đây là điểm quan trọng cần chú ý tại các địa bàn lấn biển và dự kiến lấn biển của các đồ thị ven biển.

■ Khu vực đáy biển ven bờ: Cần phải khảo sát độ dốc, độ sâu, mức độ phù sa do sóng đổ ra, các tài nguyên có thể khai thác cho không gian công cộng dưới nước.

■ Địa hình đảo hình thành bởi san hô: Chủ yếu ở Hoàng Sa (thuộc TP Đà Nẵng) và Trường Sa (Huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa); địa hình đa số là các rạn san hô, bãi cát, bãi ngầm; không thuận lợi cho xây dựng về lý thuyết, nhưng có khả năng bồi lấp nhân tạo, vì xung quanh đảo thì biển nông và các bãi ngầm có thể nhô lên mặt biển khi triều rút, trong lòng đảo có địa hình đảo sót và vùng biển được bao bọc bởi các rạn san hô vòng nên có thể bồi, san lấp và cải tạo để xây dựng.

■ Xác định các khu vực ô nhiễm, có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất ở tất cả các kiểu địa hình trong địa bàn; cần có dữ liệu khảo sát chất lượng đất. Bên cạnh các giải pháp sử dụng thích hợp từng kiểu địa hình cần có thêm giải pháp chống ô nhiễm; lựa chọn bố trí không gian công cộng sao cho tránh những nơi ô nhiễm, đề xuất giải pháp khắc phục nếu đã bị ô nhiễm đất tại khu vực đã xây dựng hoặc đang dự kiến xây dựng, hoặc giải pháp xử lý triệt để từ nguồn gây ô nhiễm.

Các kiểu thời tiết, khí hậu

Các điểm quan trọng khi đánh giá thời tiết, khí hậu, môi trường khí:

■ Phân kiểu khí hậu theo chỉ số tương quan nhiệt ẩm (nền nhiệt nóng đến lạnh, chỉ số khó hạn là khô – hơi khô – hơi ẩm – ẩm – ẩm ướt).

■ Chế độ mùa.

■ Các thời tiết nguy hiểm, thiên tai: bão, nắng nóng, khô hạn, lạnh.

■ Khu vực ô nhiễm, có nguy cơ ô nhiễm môi trường khí.

Trường hợp đồ thị ven biển có khí hậu nóng quanh năm, hầu như không có bão có thể ưu tiên không gian công cộng bên ngoài và giảm tỷ lệ bê tông hóa (như TP Phan Thiết, TP Vũng Tàu, TP Nha Trang, Đồ thị Phú Quốc). Khu vực ven biển của các đồ thị có mùa đông lạnh, hè nóng và có bão (TP Hạ Long, TP Hải Phòng) hay là đồ thị có nắng nóng và tần suất bị ảnh hưởng của bão khá cao (trường hợp TP Đà Nẵng), thì tại những nơi dễ tổn thương cần có cây xanh tự nhiên và có thể bố trí không gian công cộng bên ngoài (ví dụ: công viên cây xanh giết cấp để thích ứng với nước ngập theo mùa), tại những nơi thuận lợi cho xây dựng có thể bố trí các công trình công cộng bên trong; cần tận dụng các sườn khuất gió (ví dụ: Sơn Trà – TP Đà Nẵng), tận dụng các dải đất hơi cao ven biển,... để làm nơi tránh các nguy cơ thiên tai như bão, tránh nước biển dâng trong bão và nguy cơ sóng thần từ nơi khác đến.

Quan trắc chất lượng không khí, tiếng ồn khu vực không gian công cộng để có khuyến nghị giảm thiểu ô nhiễm không khí nếu có. Bên cạnh giải pháp khắc phục từ nguồn gây ô nhiễm chung của thành phố, thì giải pháp riêng của khu vực không gian công cộng ven biển rất cần thiết. Nghiên cứu thiết kế quy hoạch KGCC ven biển cần đi đôi với các kiến nghị bảo vệ môi trường, các giải pháp giảm thiểu, sử dụng công nghệ, kiến nghị di dời các nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng. Giảm thải khí nhà kính bằng cơ chế phát triển sạch nên được quan tâm tại các đồ thị du lịch ven biển, như: năng lượng sạch (phong điện, năng lượng mặt trời), bảo vệ, tái tạo các hệ sinh thái ven biển (ví dụ rừng được kết hợp nuôi trồng thủy sản), sản xuất sạch, phát triển du lịch... Đối với các đồ thị có không gian công cộng gần khu vực khai thác khoáng sản hoặc có chất thải (như gần nhà máy nhiệt điện, xi măng, chất thải rắn...) thì cần có đánh giá chất lượng môi trường khí để kiến nghị.

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Các dữ liệu quan trắc môi trường khi gồm:

- Các chỉ số cơ bản về không khí xung quanh: như lưu huỳnh đioxit (SO_2), cacbon (CO), nitơ oxit (NO_x), ôzôn (O_3), bụi lơ lửng, bụi PM_{10} (bụi $\leq 10\mu\text{m}$) và chì (Pb).
- Chất độc hại: Hàm lượng một số chất độc hại trong không khí tính tỷ lệ ngày có nồng độ các chất độc hại trong không khí vượt quá nồng độ cho phép.
- Tiếng ồn: Sử dụng các dữ liệu đo tiếng ồn và đối chiếu với giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn.

Thủy văn, hải văn

Các điểm quan trọng khi đánh giá thủy văn, hải văn, môi trường nước:

- Mép nước (đường bờ biển) thấp nhất, cao nhất (tính theo thủy triều và nước biển dâng trong bão, biến đổi khí hậu).
- Ngập do nước sông khi mùa mưa lũ.
- Xâm nhập mặn.
- Nước biển: chú ý nhiệt độ các tháng phù hợp với tắm biển, các tháng sóng lớn, độ phù sa, chỉ ra những nơi có thể khai thác mặt nước trở thành không gian công cộng (như nơi tắm biển, khu vực dành cho thể thao trên mặt biển như đua thuyền, lái mô-tô nước, lướt sóng, chèo thuyền kayak, lặn biển...).
- Khu vực ô nhiễm, có nguy cơ ô nhiễm môi trường nước.

Các đô thị ven biển có nguy cơ ngập lụt cao, ngập do mưa, do lũ từ thượng nguồn, ngập do thủy triều, sóng biển và nước biển dâng do bão. Do đó, ngoài dữ liệu khảo sát theo quy định cho các đô thị nói chung thì cần phải có dữ liệu khảo sát ngập lụt và dữ liệu hải văn đặc biệt hơn đối với đô thị du lịch ven biển.

Đối với KGCC ven biển, cần khảo sát kỹ mực nước lũ đỉnh triều khu vực đồng bằng phù sa, khảo sát mực nước biển trung bình, thủy triều với mực nước đỉnh triều cao nhất và thấp nhất trung bình, các cực trị và tần suất, nhiệt độ nước biển, xác định khoảng cách đến mép nước; xác định độ mặn – lợ của nước ở cửa sông, nhiễm mặn nước ngầm. Khi xác định khoảng cách tới mép nước để bố trí không gian công cộng ven biển cần tính đến (1) mép nước trung bình và mép nước tính đến thủy triều, (2) nước dâng trong bão, (3) kịch bản nước biển dâng, (4) yếu cấu khoảng cách tới nước sẽ khác nhau đối với các loại không gian công cộng khác nhau – ví dụ: bãi biển, công viên, đường dạo ven biển tính từ mép nước trung bình, khác với không gian công cộng bên trong có các công trình xây dựng lâu dài hơn thì phải tính đến mực nước đỉnh triều cao nhất kết hợp kịch bản nước biển dâng.

Chế độ thủy triều (nhật, bán nhật triều), biên độ triều, sóng biển cũng cần phải khảo sát để có giải pháp đối với việc bố trí cũng như quản lý không gian công cộng ven biển; chẳng hạn như các bãi tắm biển cần xác định những ngày triều cường, biên độ triều, giờ triều lên, ngày gió lớn, sóng lớn để cảnh báo và quản lý hoạt động du lịch trên bãi biển.

Nhiệt độ của nước biển rất quan trọng để lựa chọn bãi tắm biển và các hoạt động thể thao giải trí dưới biển. Cần quan trắc nhiệt độ để có biến trình nhiệt độ nước biển, chỉ ra những tháng thuận lợi để thu hút cộng đồng đến tắm biển. Nhiệt độ nước biển phụ thuộc vào khí hậu; đối với vùng khí hậu có mùa đông lạnh và do đó nhiệt độ nước biển lạnh thì cần xen kẽ loại hình không gian công cộng bên trong và bên ngoài để có thể thu hút cộng đồng cả mùa hè lẫn mùa đông;

đối với vùng khí hậu nóng quanh năm, nhiệt độ nước biển ấm áp có thể ưu tiên không gian công cộng bên ngoài, hoạt động du lịch bãi biển và dưới biển.

Các dữ liệu quan trắc chỉ số môi trường nước mặt, nước ngầm, nước biển ven bờ gồm có:

- Chất lượng nước mặt: nhằm đánh giá và kiểm soát chất lượng nước, phục vụ cho các mục đích sử dụng nước khác nhau ở KGCC (tưới, nước cho sinh hoạt, thể thao giải trí dưới nước, giao thông...).
- Chất lượng nước ngầm: nước nằm trong các lớp đất, đá ở dưới mặt đất.
- Chất lượng nước biển ven bờ (nước biển ở vùng vịnh, cảng và những nơi cách bờ trong vùng 03 hải lý (khoảng 5,5 km) : việc đánh giá nước biển ven bờ phục vụ mục đích sử dụng khác nhau như tắm biển, thể thao, giải trí dưới nước, nước hệ sinh thái ngập nước ven biển và các mục đích khác.
- Độ mặn của nước để phân biệt khu vực nước mặn, nước lợ, nước ngọt của biển, nước mặt, mức độ nhiễm nước ngầm.
- Hàm lượng một số chất độc hại trong nước mặt, nước biển tại một số cửa sông, ven biển.
- Các đô thị du lịch ven biển cạnh các khu vực sản xuất công nghiệp mà có nguy cơ thải các chất độc hại vào nước tự nhiên trong nội địa, chảy ra cửa sông ven biển, khu vực gần các cảng sông, biển có nguy cơ nhiễm dầu mỡ, chất thải của phương tiện vận tải. Các nghiên cứu này rất quan trọng để đề xuất các biện pháp khắc phục, giảm thiểu, ngăn ngừa nguồn gây ô nhiễm; đồng thời giúp cho việc lựa chọn bố trí các KGCC sao cho phù hợp với hệ thống thủy văn, hải văn, môi trường nước.

Hệ sinh thái chính

■ Hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển, hệ sinh thái rừng ngập mặn giữa các đảo ven biển: Tùl, áng là hệ sinh thái độc đáo ở Vịnh Hạ Long, hiện nay "việc khai thác những giá trị của áng, rừng ngập mặn chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức, đặc biệt về du lịch"^[9]. Do vậy, bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, áng nhưng cũng cần kết hợp khai thác cho du lịch, nhất là những áng, hồ nổi tiếng ở Hạ Long như Mế Cung, Ba Hầm, Bù Xám... có cảnh quan thiên nhiên đẹp, hệ sinh vật phong phú, nhưng rất ít du khách biết và chưa có điều kiện tổ chức cho du khách đến tham quan.

Rừng ngập mặn là tấm lá chắn thiên nhiên bảo vệ vùng ven biển. Cần phải nghiên cứu diễn thế của rừng ngập mặn, dự báo khả năng tiến ra biển của hệ sinh thái này, cần bảo vệ và trồng thêm rừng ngập mặn để tạo vùng đệm bảo vệ cho đất liền. Các rừng ngập mặn có giá trị tại các đô thị du lịch ven biển như: rừng ngập mặn khu vực Vịnh Cửa Lục, khu vực xã Đại Yên, khu vực hang Đầu Gỗ của TP Hạ Long; rừng ngập mặn của Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, xã Phú Long, TP Hải Phòng; rừng ngập mặn ở xã Vĩnh Thái, TP Nha Trang; rừng ngập mặn ở Long Sơn, TP Vũng Tàu.

- Hệ sinh thái rừng tràm ở Vườn Quốc gia trên đảo Phú Quốc.
- Hệ sinh thái cồn cát ven biển: Trước kia, hệ sinh thái cồn cát ven biển ít được khai thác cho nông nghiệp do đất nghèo dinh dưỡng; ngày nay cồn cát trở thành các khu du lịch nghỉ dưỡng bởi bãi cát đẹp, nước biển trong; nhưng vì quá nắng nóng nên các khu du lịch thường trồng thêm cây chịu mặn và chịu khô để làm điều hòa vi khí

hậu. Tuy nhiên vẫn cần bảo vệ dải cây xanh (như phi lao) để ngăn sự di chuyển của cồn cát, ngăn nạn cát bay vùi lấp đường xá, công trình; đồng thời, khi chọn vị trí và chọn loại hình công trình công cộng không chỉ tính đến thủy triều mà cần phải chọn sao cho phù hợp thời tiết – khí hậu và đặc biệt là tận dụng các cây xanh có sẵn. Nhiều nơi, hệ sinh thái nguyên thủy giảm đi rõ rệt và đã trở thành khu du lịch, không gian bán công cộng với khách sạn, nhà hàng, resort, cây trồng, xen kẽ có các không gian công cộng bên ngoài như bãi tắm, đường dạo ven biển. Đồng thời cũng cần bảo vệ các hệ sinh thái độc đáo như Hệ sinh thái Rù lùn trên đụn cát ven biển thuộc Vườn Quốc Gia Phú Quốc, đây là hệ sinh thái cực kì hiếm gặp ở Việt Nam.

■ Hệ sinh thái rừng nhiệt đới: Rừng nhiệt đới ẩm thường xanh ở những nơi có nền nhiệt ẩm cao, lượng mưa hơn khả năng bốc hơi trên 2 lần, tháng khô chỉ 1-2 tháng; loại rừng này có ở nam Đèo Hải Vân, khu Bà Nà và ở bán đảo Sơn Trà của TP Đà Nẵng, rừng ở trên đảo Cát Bà của Hải Phòng. Rừng nhiệt đới hơi ẩm nửa rụng lá hay rụng lá có ở những nơi hơi ẩm, lượng mưa hơn khả năng bốc hơi khoảng 1,5 lần, tháng khô dài đến 4-6 tháng; rừng nhiệt đới hơi ẩm này có ở đảo Hòn Tre, Hòn Tằm thuộc TP Nha Trang, ở Phú Quốc. Đô thị du lịch ven biển không có nhiều rừng nhiệt đới so với các khu du lịch nội địa; do đó rừng nhiệt đới ở các đô thị du lịch kể trên vừa là di sản thiên nhiên cần được bảo vệ, vừa có thể trở thành điểm tham quan độc đáo cho du khách, kết hợp du lịch biển lẫn du lịch núi, phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, nghiên cứu đa dạng sinh học

■ Hệ sinh thái dưới biển: Sinh vật dưới biển chủ yếu gồm sinh vật phiêu du, sinh vật đáy, cá, tôm, mực, rong biển, san hô. Các đảo xa bờ trực thuộc các đô thị du lịch ven biển gồm có quần đảo Hoàng Sa thuộc TP Đà Nẵng, đây là các hòn đảo có nguồn gốc chủ yếu từ san hô, vùng biển khu vực Hoàng Sa có nhiều cấu gai và sao biển quý hiếm, trai tai tượng (*Tridacna gigas*), ốc Anh Vũ (*Nautilidae*)...thuộc loài quý hiếm rất cần được bảo vệ. Cần phải bảo vệ các hệ sinh thái dưới biển, đồng thời cũng coi đây là tài nguyên du lịch để tổ chức các hoạt động du lịch dưới biển. Các sản phẩm du lịch dưới biển chủ yếu như: lặn biển ngắm san hô, cá biển (ở Vịnh Nha Trang, ở Phú Quốc), san hô và hải sản đang được phục hồi để trở thành điểm tham quan sinh thái hấp dẫn (ở Hòn Lờm Bò – Vịnh Hạ Long), du lịch gần với làng chài trên biển, hải sản thu hoạch từ nuôi trồng và đánh bắt phục vụ du khách. Việc quy hoạch “KGCC dưới biển” cần có sự phối hợp với ngành tài nguyên – môi trường để phát triển du lịch dưới biển nhưng vẫn bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên dưới biển.

Sử dụng các kịch bản biến đổi khí hậu, dự báo thiên tai

Khí hậu Việt Nam có đặc tính thất thường, cộng với tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, rồi có cả những tác động của con người gây tổn hại đến môi trường. Do đó, những năm gần đây, thiên tai nghiêm trọng, dị thường, vượt qua những hiểu biết hiện tại của con người đã xảy

ra ngày một thường xuyên hơn, diễn biến phức tạp hơn, gây hậu quả khó lường. Việc nghiên cứu tìm hiểu và tiếp tục nhận biết về các hiện tượng thiên tai là rất cần thiết để chủ động hơn trong phòng tránh thiên tai, giảm nhẹ thiệt hại ở nước ta.

Thiên tai và các dự báo trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu có đặc điểm là khó chính xác. Việc quy hoạch đô thị nói chung và KGCC nói riêng phải căn cứ vào các kịch bản biến đổi khí hậu, diễn biến thiên tai tác động đến môi trường địa phương để vận dụng linh hoạt các tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

■ Các chỉ số về thay đổi nhiệt độ trung bình năm và lượng mưa, cùng với trị số trung bình nhiều năm qua quan trắc sẽ là cơ sở để tính tương quan nhiệt ẩm hiện trạng và dự báo.

■ Nước biển dâng.

■ Thiên tai: Thiên tai xảy ra hàng năm, có tính chất thường xuyên, đó là các tác động bất lợi của tự nhiên đối với con người; đồng thời cũng do con người chưa nhận thức hết tác động của thiên nhiên để phòng chống, rồi các hoạt động của con người nhiều khi gây tổn hại đến thiên nhiên, mất cân bằng sinh thái, cho nên thiên tai càng khó lường hơn. Dự báo thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu càng khó xác định hơn do nhiệt độ, lượng mưa thay đổi, mực nước biển dâng. Các thiên tai cần chú ý sâu hơn đối với đô thị du lịch ven biển như: bão (lưu ý đặc biệt từ Hạ Long đến Đà Nẵng), lũ lụt (trường hợp của Đà Nẵng); nắng nóng, gió Lào (trường hợp của Đà Nẵng); chú ý các KGCC ven sông, ven biển hàng năm có thiên tai để có giải pháp phòng chống như sạt lở đất sườn núi ven biển, sạt lở bờ biển, bờ sông, triều cường, nước biển dâng trong bão...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, “Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam”, NXB Tài nguyên, Môi trường và Bản đồ, 2012.
2. Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14/6/2005.
3. Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/1/2013 phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.
4. VIUP, Nghiên cứu hướng dẫn quy hoạch xây dựng các đô thị ven biển theo hướng phát triển bền vững. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 2010.
5. Vũ Tư Lập. Địa lý tự nhiên Việt Nam. Nhà Xuất bản Đại học sư phạm. Hà Nội. Tái bản lần thứ sáu, 2011.
6. Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4449:1987 về Quy hoạch xây dựng đô thị, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, nước ngầm, nước biển ven bờ, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
7. Các kết quả nghiên cứu Đề tài “Giải pháp thiết kế quy hoạch không gian công cộng ven biển cho các đô thị du lịch nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và thích ứng với biến đổi khí hậu” do VIUP thực hiện; tác giả bài viết cũng tham gia thực hiện Đề tài này.
8. Website báo Quảng Ninh, baoquangninh.com.vn.

LỒNG GHÉP CÁC GIẢI PHÁP

NHẪM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRONG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG VEN BIỂN
CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM



DIỄN ĐÀN

ThS. KS. VŨ TUẤN VINH

Tác động của biến đổi khí hậu đến không gian công cộng ven biển các đô thị Việt Nam

Biến đổi khí hậu là những thay đổi có xu thế dài hạn so với trạng thái khí hậu trung bình. Biến đổi khí hậu nói chung nhằm chỉ sự thay đổi tự nhiên của các hình thể thời tiết, ví dụ như các hình thể mưa..., đôi khi sự thay đổi mạnh mẽ của các giá trị trung bình có thể duy trì trong một vài năm, ngoài ra đây cũng có thể là một phần của chu trình biến đổi tương tự như những chu trình tạo ra các hiện tượng El Nino...

Theo các số liệu đo đạc, xu thế tăng mực nước biển trên toàn Biển Đông là 4,7mm/năm, trong đó phía Đông của Biển Đông có xu thế tăng nhanh hơn phía Tây. Chỉ tính khu vực biển ven bờ Việt Nam, mực nước tăng khoảng 2,9mm/năm, trong đó khu vực biển ven bờ Trung Trung Bộ và Tây Nam Bộ có xu hướng

tăng mạnh hơn. Theo dự báo, trung bình trên toàn Việt Nam, nước biển dâng trong khoảng từ 24 đến 27cm (vào giữa thế kỷ 21) và từ 57 đến 73cm (vào cuối thế kỷ 21). Trong khi đó trên khu vực ven biển có độ cao từ 10m trở xuống bao phủ khoảng 300 đô thị Việt Nam, do vậy các tác động của nước biển dâng sẽ có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến các hoạt động của đô thị trong đó có các không gian công cộng của đô thị.

Số lượng cơn bão và áp thấp nhiệt đới hoạt động trên khu vực Biển Đông có xu hướng tăng nhẹ, trong khi đó số cơn bão ảnh hưởng hoặc đổ bộ vào đất liền Việt Nam không có xu hướng biến đổi rõ ràng. Khu vực đổ bộ của các cơn bão và áp thấp nhiệt đới vào Việt Nam có xu hướng lùi dần về phía Nam; số lượng các cơn bão rất mạnh có xu hướng gia tăng; mùa bão có dấu hiệu kết thúc muộn hơn trong thời gian gần đây. Mức độ ảnh hưởng của

bão đến nước ta có xu hướng mạnh lên. Với đặc trưng của một quốc gia có hơn 3000km đường bờ biển với các khu vực ven biển có độ cao thấp, khu vực có cao độ so với mực nước biển dưới 10m bao trùm khoảng 300 đô thị với hơn 50% dân số sinh sống, bão, áp thấp nhiệt đới và lốc xoáy có thể gây ra một số hậu quả lớn trong cuộc sống và tổn thất tài sản, đặc biệt là đối với các khu vực ven biển.

Theo số liệu thống kê những năm gần đây, lượng mưa năm tại Việt Nam có xu hướng giảm ở phía Bắc và tăng ở phía Nam, tuy nhiên lượng mưa ngày cực đại cùng số ngày mưa lớn tăng lên ở hầu hết các vùng khí hậu (đặc biệt là ở khu vực miền Trung). Đồng thời, trên toàn bộ dải ven biển Việt Nam xuất hiện các trường hợp lượng mưa ngày dị thường với lượng mưa lớn hơn nhiều lần so với trung bình. Việc xuất hiện các trận mưa dị thường cùng với xu hướng lượng mưa ngày cực đại



có xu hướng tăng sẽ tạo ra áp lực lớn cho các đô thị, trong đó có các đô thị ven biển và các khu vực không gian công cộng sẽ không nằm ngoài những tác động này. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực có khả năng áp dụng các giải pháp để giảm thiểu tác động của việc thay đổi chế độ mưa đối với đô thị.

Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng trên phạm vi cả nước ($0,5^{\circ}\text{C}/\text{năm}$), theo dự báo, nhiệt độ trung bình năm ở Việt Nam có mức tăng từ $1,2$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$ (vào giữa thế kỷ 21) và từ $1,9$ đến $3,1^{\circ}\text{C}$ (vào giữa thế kỷ 21), trong đó mức tăng nhiệt độ ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam. Đồng thời, nhiệt độ cực trị cũng có xu hướng tăng nhưng mức tăng nhiệt độ cực trị ở phía Nam cao hơn ở phía Bắc. Cũng như vấn đề thay đổi chế độ mưa, sự gia tăng nhiệt độ trung bình năm cũng như nhiệt độ cực trị tối cao sẽ làm trầm trọng hơn vấn đề đảo nhiệt đô thị và không gian công cộng sẽ góp phần giảm thiểu các tác động của vấn đề này nếu có được những giải pháp hợp lý.

Có thể thấy các đô thị ven biển Việt Nam nằm trong khu vực chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Các tác động đến các khu vực đô thị ven biển Việt Nam có thể nói là bao gồm toàn bộ các nguy cơ do biến đổi khí hậu toàn cầu gây ra như: tăng nhiệt độ, thay đổi chế độ mưa, thay đổi quy luật, cường độ các thiên tai và nước biển dâng. Không gian công cộng của các đô thị ven biển là một trong những đối tượng trực tiếp chịu các tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tuy nhiên đây cũng là khu vực có tiềm năng trong việc áp dụng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu cũng như việc lồng ghép các giải pháp này vào trong công tác quy hoạch.

Lồng ghép giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch không gian công cộng ven biển các đô thị Việt Nam

Ứng phó với biến đổi khí hậu bao gồm hai nhóm giải pháp chính: một là giảm tốc độ biến đổi khí hậu xảy ra (giảm nhẹ) và hai là giảm tác động của biến đổi khí hậu đối với xã hội (thích ứng). Giảm nhẹ biến đổi khí hậu là sự can thiệp của con người nhằm giảm bớt lượng phát thải khí nhà kính - nguyên nhân gây nên sự nóng lên toàn cầu bằng cách giảm các nguồn phát thải khí nhà kính hoặc tăng cường các bể chứa nhà kính. Trong khi đó, thích ứng với biến đổi khí hậu là sự điều chỉnh

trong các hệ thống tự nhiên hoặc con người nhằm thích nghi với những biến đổi thực tế hoặc dự kiến của khí hậu hoặc các ảnh hưởng của chúng, để giảm bớt tác hại hoặc khai thác những cơ hội có ích do chúng mang lại. Thích ứng nhằm chỉ hoạt động nhằm giảm thiểu các hậu quả của biến đổi khí hậu, mà chủ yếu giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương đối với các ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng thích ứng cũng có thể đề cập đến việc khai thác bất kỳ cơ hội lợi ích mà biến đổi khí hậu có thể mang lại.

Ứng phó với biến đổi khí hậu phải được chuẩn bị từ trước thông qua các quy hoạch, kế hoạch triển khai với nhiều phương án khác nhau để có thể xử lý kịp thời với các diễn biến bất thường không theo quy luật của biến đổi khí hậu nhằm đảm bảo giảm thiểu tối đa các thiệt hại có thể xảy ra trong và sau khi chịu tác động, đồng thời cũng phải có phương án để phục hồi nhanh nhất cho khu vực chịu tác động. Cách tiếp cận quy hoạch đô thị nói chung và quy hoạch không gian công cộng đô thị nói riêng có lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu là một cách tiếp cận mang tính chiến lược, linh hoạt, huy động được sự tham gia của các bên liên quan và đặc biệt phù hợp với quy hoạch không gian công cộng ven biển các đô thị Việt Nam trước nguy cơ tác động ngày càng mạnh mẽ của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu khi được lồng ghép vào trong quy hoạch giúp cung cấp những cơ hội tốt hơn cho đô thị nói chung và không gian công cộng ven biển nói riêng trước những tác động không lường trước của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đồng thời làm tăng cường trách nhiệm của công tác quy hoạch với công tác bảo vệ môi trường. Việc lồng ghép các giải pháp ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu trong quy hoạch đảm bảo sự kết nối giữa các giải pháp này, khả năng tuyên truyền đến cộng đồng và các bên liên quan, cũng như giúp xây dựng kế hoạch cho cả ba giai đoạn: Trước khi bị tác động, trong khi bị tác động và sau khi bị tác động. Lồng ghép thích ứng biến đổi khí hậu trong quy hoạch không gian công cộng ven biển thường gắn liền với các giải pháp chung của toàn đô thị.

Các yếu tố chính của công tác lồng ghép ứng phó biến đổi khí hậu vào quy hoạch không gian công cộng ven biển gồm:

1. Quy hoạch không gian công cộng ven biển theo hướng tích hợp các tính toán về nước biển dâng và các tác động bất lợi khác của biến đổi khí hậu. Việc dự báo, lường trước được các khả năng tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng ngắn hạn và dài hạn để từ đó xác định các khu vực và mức độ nguy hiểm, khả năng dễ bị tổn thương và rủi ro để xây dựng trước các kế hoạch ứng phó trong các quy hoạch, các dự án xây dựng không gian công cộng ven biển sẽ đảm bảo cho các hoạt động hiện tại của khu vực đồng thời cũng hoạt động tốt trong tương lai.

2. Quy hoạch không gian công cộng ven biển theo hướng tiếp cận và chấp nhận các rủi ro do biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Loại bỏ những khu vực có nguy cơ cao từ những mối nguy hiểm do biến đổi khí hậu khi quy hoạch không gian công cộng ven biển, cải tạo các khu vực có nguy cơ từ những mối nguy hiểm do biến đổi khí hậu bằng các giải pháp công trình kết hợp với giải pháp phi công trình. Sử dụng vật liệu, công trình chống chịu tốt với những thay đổi bất thường và các mối nguy hiểm do biến đổi khí hậu tại các khu vực có nguy cơ để giảm thiểu thiệt hại có thể xảy ra là việc làm cần thiết nhưng sự thành công sẽ phụ thuộc phần lớn vào việc chăm sóc định kỳ, giám sát chặt chẽ các thay đổi về điều kiện tự nhiên khu vực không gian công cộng ven biển và việc chuẩn bị sẵn sàng các phương án ứng phó và khắc phục thiệt hại sau khi khu vực chịu tác động từ các nguy cơ.

Tiêu chí đánh giá việc lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch không gian công cộng ven biển các đô thị Việt Nam

Để đánh giá việc hiệu quả của việc lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu vào trong quy hoạch không gian công cộng đô thị cần căn cứ vào hệ thống các tiêu chí về năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu. Các nhóm tiêu chí được xây dựng nhằm đảm bảo đánh giá toàn diện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu được lồng ghép trong quy hoạch không gian công cộng ven biển từ khâu lựa chọn địa điểm, tính chất không gian công cộng đến các giải pháp huy động sự tham gia của các bên liên quan trong công tác chuẩn bị đối phó, xử lý trong tình huống khẩn cấp và khắc phục hậu quả sau khi chịu tác động.

1. Tiêu chí về xác định địa điểm phù hợp.

Không gian công cộng ít bị tổn thương hơn so với các khu chức năng khác trong đô thị, tuy nhiên không phải là không gian công cộng sẽ không bị tổn thương trước các tác động của biến đổi khí hậu. Vì vậy quy hoạch không gian công cộng cần phải đánh giá mức độ dễ bị tổn thương của từng loại hình không gian công cộng để có sự bố trí, lựa chọn địa điểm phù hợp căn cứ vào mức độ tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến các địa điểm khác nhau để đảm bảo giảm thiểu tối đa khả năng bị tổn thương của không gian công cộng. Đây là nội dung quan trọng trong công tác lập quy hoạch, đặc biệt là khi xác định hệ thống các không gian công cộng của đô thị.

2. Tiêu chí về lựa chọn hoạt động thích hợp. Không phải hoạt động nào trong không gian công cộng cũng phù hợp trong trường hợp có tác động của biến đổi khí hậu. Đánh giá những tác động, những rủi ro của biến đổi khí hậu đến các loại hình hoạt động trong không gian công cộng đô thị để lựa chọn các hoạt động phù hợp, chịu ít rủi ro so với khả năng, mức độ tác động của biến đổi khí hậu đến khu vực sẽ góp phần giảm thiểu các thiệt hại. Quy hoạch không gian công cộng đô thị có đầy đủ công cụ để giúp cho công tác khuyến cáo các hoạt động không nên áp dụng, các hoạt động khuyến khích áp dụng, cũng như các hoạt động áp dụng có điều kiện khác.

3. Tiêu chí về khả năng chấp nhận tổn thất. Không gian công cộng đô thị thường có khả năng chấp nhận tổn thất mà không gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động bình thường của cộng đồng dân cư, là khu vực mà cái giá phải trả việc giải quyết các thiệt hại gây ra do tác động của biến đổi khí hậu có nhiều khả năng thấp hơn so với việc chuẩn bị các hoạt động nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các hoạt động nhằm ngăn chặn một phần hoặc toàn bộ các ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Việc xem xét khả năng chấp nhận tổn thất của không gian công cộng trong quy hoạch là rất cần thiết, giúp cân nhắc đề xuất các khu vực không gian công cộng có thể chấp nhận các tổn thất do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và các khu vực không gian công cộng sẽ phải có giải pháp ứng phó khác.

4. Tiêu chí về khả năng chia sẻ tổn thất. Không gian công cộng đô thị có thể đóng vai trò như một vùng đệm nhằm chia sẻ, giảm bớt tác động của biến đổi khí hậu đến các khu chức năng khác của đô thị. Ngoài ra cũng

phải tính đến yếu cầu và nhiệm vụ chia sẻ những tổn thất các khu chức năng khác đối với không gian công cộng đô thị trong trường hợp không gian công cộng đô thị gánh chịu các tổn thất do biến đổi khí hậu gây ra. Việc chia sẻ những tổn thất được thực hiện thông qua khả năng hỗ trợ các chức năng của các khu vực chức năng khác đối với không gian công cộng chịu tổn thất và sự hỗ trợ nhằm phục hồi, tái thiết không gian công cộng bị tổn thất bằng các quỹ công cộng hoặc sự đóng góp của cộng đồng.

5. Tiêu chí về khả năng kiểm soát nguy cơ. Không gian công cộng đô thị là nơi có thể áp dụng các giải pháp nhằm kiểm soát một phần hoặc toàn bộ các ảnh hưởng từ các thiên tai và tác động gia tăng do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Không gian công cộng đô thị có thể được quy hoạch như những bể lưu giữ khí nhà kính nhằm giảm thiểu lượng khí nhà kính thoát ra môi trường góp phần làm chậm quá trình biến đổi khí hậu toàn cầu. Như vậy việc các nội dung về kiểm soát nguy cơ được xem xét khi đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian công cộng đô thị là cần thiết.

6. Tiêu chí về khả năng ngăn ngừa tác động. Lồng ghép trong quy hoạch không gian công cộng đô thị hệ thống các giải pháp tổng thể cũng như các giải pháp chi tiết mang tính kỹ thuật góp phần ngăn chặn các tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho dù các giải pháp này không thể giải quyết được toàn bộ các tác động của biến đổi khí hậu với những diễn biến không theo quy luật. Tuy nhiên mặc dù không gian công cộng đô thị có khả năng chấp nhận tổn thất lớn hơn các khu chức năng khác của đô thị thì ngay trong bản thân không gian công cộng đô thị cũng vẫn có những khu vực, những công trình cần có sự bảo vệ nhất định phục vụ cho các hoạt động tối thiểu, hoặc giúp ích cho công tác cứu hộ, cứu nạn và các công tác phục hồi sau khi bị tác động...

7. Tiêu chí về sự tham gia của cộng đồng. Không gian công cộng là dành cho cộng đồng vì vậy sự tham gia của cộng đồng trong việc ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu là cần thiết và không thể thiếu. Lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu và trong quy hoạch không gian công cộng như vậy sẽ phải đảm bảo sự tham gia cao nhất của cộng đồng. Các giải pháp quy hoạch có sự lồng ghép

phải đảm bảo đưa được thông tin đến toàn bộ người dân, tạo điều kiện tốt nhất và khuyến khích sự sẵn sàng tham gia của cộng đồng.

Kết luận

Có thể thấy rằng không gian công cộng của các đô thị ven biển là một trong những đối tượng trực tiếp chịu các tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tuy nhiên đây cũng là khu vực có tiềm năng trong việc áp dụng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm thích ứng, giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu không chỉ riêng nó mà còn cho toàn đô thị.

Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu gắn liền với các lý thuyết về hạ tầng xanh, phát triển bền vững và sự tham gia của cộng đồng và việc lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch không gian công cộng các đô thị ven biển giúp cho việc xây dựng kế hoạch ngăn chặn, phòng ngừa, các hoạt động cứu hộ cứu nạn khi có tác động và khắc phục, phục hồi sau tác động đồng thời đảm bảo sự kết nối giữa các chúng, cũng như khả năng tuyên truyền đến cộng đồng và các bên liên quan.

Hiệu quả của việc lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch không gian công cộng đô thị được đánh giá thông qua hệ thống các nhóm tiêu chí bao trùm từ công tác lựa chọn địa điểm, lựa chọn các hoạt động phù hợp đến lựa chọn các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, từ khâu ngăn ngừa, kiểm soát ảnh hưởng đến khâu khắc phục, chia sẻ tổn thất, từ việc xây dựng kế hoạch cho các cơ quan quản lý nhà nước đến việc huy động sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. IPCC, 2014. *Climate Change 2014: Impacts, Adaptation, and Vulnerability*.
2. MONRE, 2012. *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*, Nhà Xuất bản Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
3. Viện Khoa học khí tượng thủy văn và môi trường, 2011. *Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và các giải pháp thích ứng*. Nhà Xuất bản Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
4. VIUP, 2014. *Lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu trong lập quy hoạch đô thị ở Việt Nam*.

Kinh nghiệm quốc tế

VỀ THIẾT KẾ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG VEN BIỂN ĐẢM BẢO TIẾP CẬN VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

ThS. KTS. HOÀNG TẤN TRÚC

Đặt vấn đề

Những năm trước đây, trên thế giới, quản lý đô thị ven biển và quy hoạch đô thị dường như hoạt động trong các hoàn cảnh khác nhau mà không có một nền tảng chung cho một quan điểm tích hợp của các thành phố ven biển. Đặc biệt, quy hoạch đô thị thường bỏ qua các vấn đề môi trường đặc trưng cho hệ sinh thái ven biển, tạo ra các xung đột trong sử dụng đất và những tình huống xấu cho môi trường. Đó là điều cần thiết cho một đô thị bờ biển có thể cung cấp một môi trường chất lượng tốt cho người sử dụng tránh các vấn đề như:

Khu vực dải ven biển vốn rất dễ bị tổn thương do yếu tố tác động của thiên tai, hoạt động xây dựng của con người và đặc biệt là biến đổi khí hậu. Trong khi các thành phố ở các vùng ven biển đòi hỏi một sự quan tâm đặc biệt vì chúng tạo thành các cực tăng trưởng quan trọng và cửa ngõ địa, cũng như các trung tâm tăng trưởng kinh tế liên quan đến hoạt động của con người như giao thông vận tải, du lịch và đánh bắt cá và môi trường nhạy cảm và các hệ sinh thái.

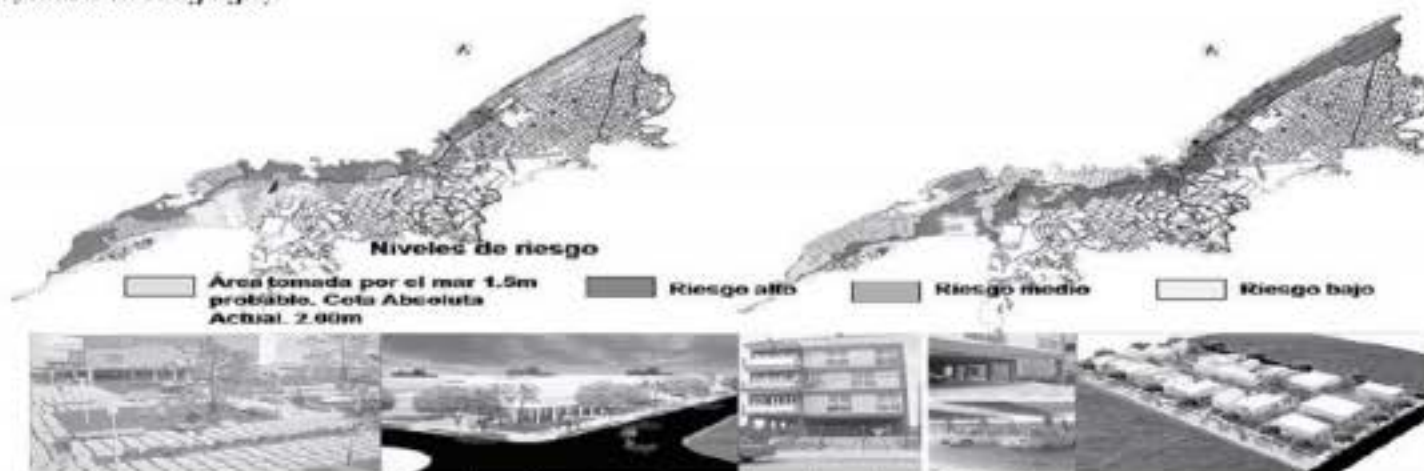
Chính vì vậy, tại các nước trên thế giới, nhiều dự án phát triển các khu vực ven biển được đề xuất nhằm giữ gìn tài nguyên môi trường, đồng thời khai thác tiềm năng du lịch phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế. Có nhiều bài học thành công để Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm và áp dụng trong thiết kế quy hoạch trong bối cảnh hiện nay.

Kinh nghiệm quốc tế từ các dự án thiết kế đô thị không gian công cộng

Kinh nghiệm tại Cuba:

a. Quy hoạch chung lãnh thổ và đô thị thành phố Havana

Cải tạo đô thị bằng cách tiếp cận rủi ro. Loại bỏ hoặc cải tạo những khu vực có nguy cơ cao từ những mối nguy hiểm tự nhiên và công nghệ.



Trường hợp Playa Ngọn: Viện quy hoạch vật thể Cuba

b. Thiết kế quy hoạch không gian công cộng ven biển Varadero

Tại khu vực này, dân cư tập trung đông. Các khu dân cư, không gian công cộng và các dịch vụ chiếm ưu thế. Tại đây, thành phố đã xây dựng dự án đường đi bộ chạy suốt dọc bờ biển với thiết kế thân thiện. Bên cạnh đó, một số các dự án công trình công cộng và văn hóa cũng được xây dựng để đáp ứng nhu cầu của người dân và khách du lịch. Các công

Ảnh trên:
Đảo Zanzibar,
Tazannia
(Nguồn: Tác giả)



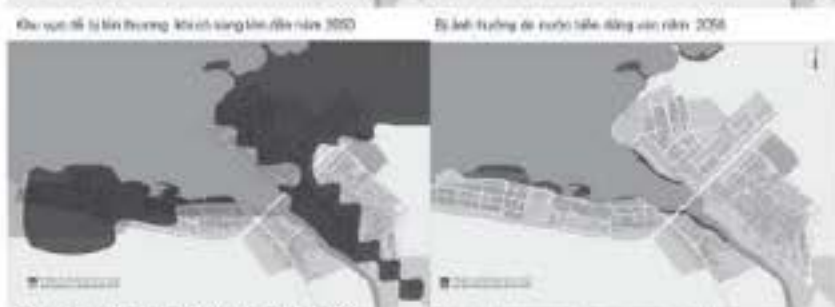
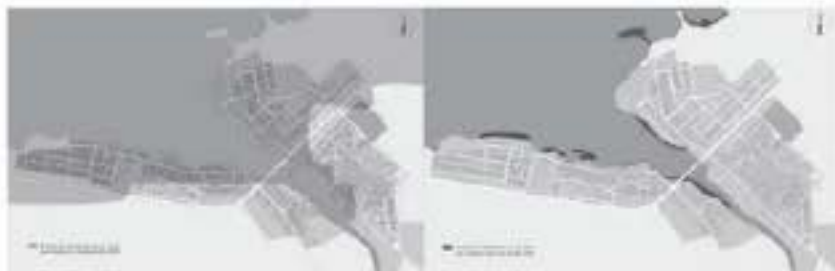
Thiết kế đô thị không gian đi bộ tại Thành phố Varadero
(Nguồn: Viện Quy hoạch vật thể Cuba)

trình văn hóa cũng nhằm mục đích ghi lại những dấu ấn lịch sử của thành phố lâu đời Varadero.

c. Thiết kế quy hoạch phân khu Boca de Camanioca

Dự báo khả năng tác động của biến đổi khí hậu ngắn hạn và dài hạn để từ đó xác định các khu vực và mức độ nguy hiểm, dễ bị tổn thương và rủi ro từ đó đưa các đề xuất phát triển đô thị, hướng đô thị hóa, các giải pháp kỹ thuật: trồng rừng, xanh hóa đô thị, không gian công cộng.

Bài học kinh nghiệm từ Cuba: Nguyên tắc cơ bản để chuyển đổi một khu vực ven biển thành một không gian công cộng và văn hóa



Phương pháp đánh giá khả năng dễ bị tổn thương theo các giai đoạn
(Nguồn: Viện quy hoạch vật thể Cuba)

năng động.

- 1) Xây dựng mục tiêu công cộng như mục tiêu căn bản.
- 2) Xây dựng tầm nhìn chung cho khu vực ven biển.
- 3) Hình thành nhiều điểm đến.
- 4) Kết nối các điểm đến.
- 5) Tối ưu hóa các con đường ở lối ra vào không gian công cộng.
- 6) Đảm bảo dự án tại khu vực ven biển được điều chỉnh phù hợp với tầm nhìn của cộng đồng.
- 7) Không hạn chế các hoạt động công cộng của lối đi bộ ven biển, ưu tiên phát triển khu dân cư.
- 8) Xây dựng các công viên để kết nối các điểm đến.
- 9) Các công trình thấp tầng sẽ thúc đẩy hoạt động tại không gian công cộng.
- 10) Hỗ trợ nhiều cách đi lại và hạn chế sự tiếp cận của các phương tiện.
- 11) Kết hợp các hoạt động theo mùa tại từng điểm đến.
- 12) Xây dựng các công trình mang tính biểu tượng để tạo ra điểm đến đa mục đích.
- 13) Quản lý, thương thảo, quản lý.

thiết kế thân thiện với người đi bộ bằng những vật liệu có thể thấm



Một số không gian công cộng ven biển tại Tây Ban Nha
(Nguồn: Viện Quy hoạch vật thể Cuba)

thấu và mềm dẻo. Đa dạng trong sử dụng đảm bảo sự náo nhiệt của không gian ở mọi thời điểm. Sử dụng các khu vực cây xanh tạo bóng mát và cảnh quan. Điêu khắc và tượng đài được sử dụng như là một phần của cảnh quan.

Bài học kinh nghiệm từ Tây Ban Nha là giải pháp thiết kế cảnh quan không gian ven biển nhằm thích ứng biến đổi khí hậu nhưng vẫn đảm bảo tiện ích sử dụng và thẩm mỹ kiến trúc không gian công cộng.

Kinh nghiệm tại Australia

a. Các nguyên tắc thiết kế khu vực ven biển

Đảm bảo duy trì chức năng luôn biến đổi của các hệ thống ven biển và hệ sinh thái.

Bảo vệ khu sinh sống và hạ tầng tránh được những hiểm họa do biến đổi khí hậu. Cung cấp các tiện ích công cộng dọc theo bãi biển,



Thiết kế Không gian cây xanh công cộng ven biển dựa theo hệ sinh thái đặc thù (Nguồn: Hansen Partnership)

nhấn mạnh đến việc sử dụng và tiện nghi cho người đi bộ. Thúc đẩy cơ hội đầu tư và phát triển giúp khơi dậy và hỗ trợ cho các địa danh. Thiết kế các công trình, hạ tầng và không gian phù hợp với địa điểm và nhạy cảm với đặc tính của cảnh vật.

b. Xem xét về môi trường

Trước hết, các khu vực ven biển được hình thành từ những xem xét

liên quan đến môi trường.

- Sóng và dòng chảy thoát nước ra biển.
- Chất lượng nước và môi trường
- Tác động của sóng ven bờ đối với bờ biển
- Đời sống sinh vật biển và sinh thái.
- Điều kiện thời tiết cực đoan gần bờ.
- Tính ổn định của đất và cồn cát thay đổi.

c. Bờ biển luôn biến đổi



Cửa sông đổ ra biển
luôn thay đổi
(Nguồn: Internet)

Chúng ta thường đánh giá thấp sức mạnh của biển. Hiểu biết quy luật thủy triều chủ đạo và các kiểu cửa sông và nhận biết được đặc tính dễ bị thay đổi của các bờ biển/cửa sông. Từ đó tìm ra Thiết kế hài hòa với các hệ thống tự nhiên.

d. Khả năng thích ứng sẵn có

Việc xem xét yếu tố biến đổi khí hậu và Mức nước biển dâng tới thiểu được giả định. Bão tăng lên và điều kiện thời tiết cực đoan. Đánh giá quá cao đập ngăn nước biển hoặc các biện pháp xử lý khoảng lùi.

e. Trường hợp dự án Thiết kế đô thị khu vực ven bờ biển Devonport, Tasmania, Australia

Nếu như các nhà khoa học dự báo đúng, mực nước biển tới năm 2100

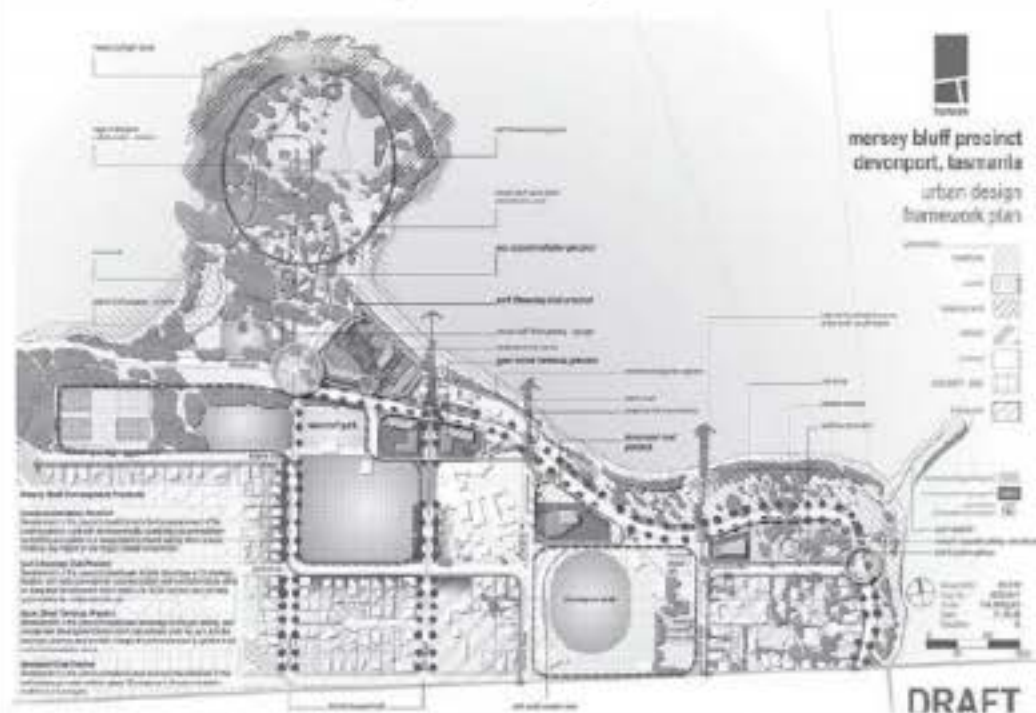


Lũ lụt trên sông Brisbane, Queensland, Úc năm 2011
(Nguồn: Internet)

sẽ tăng hơn một mét. Con số này gây ra sự quan tâm đối với 85 % dân số của Australia sinh sống trong vòng năm mươi cây số khu vực ven biển Australia



Cầu lạc bộ câu hồ Devonport, Tasmania (Nguồn: Internet)



Quy hoạch tổng thể khu vực Devonport, Tasmania, Australia
(Nguồn: Hansen Partnership)



Tiện ích cộng đồng kết hợp với cầu hồ và phòng chống thiên tai
(Nguồn: Internet)

ro tới các công trình ven biển và cơ sở hạ tầng" (phát hành vào tháng 6 năm 2011), mực nước biển dâng 1,1 mét có nguy cơ gây thiệt hại 226 tỉ đô la tài sản ven biển do lũ lụt và xói mòn. Queensland được xếp hạng là có nguy cơ cao nhất, tiếp theo là Nam Australia và New South Wales. Vậy các kiến trúc sư cùng với cộng đồng ven biển đối phó thế nào với những thách thức hiện tại và tương lai?

Khu vực Devonport chịu nhiều ảnh hưởng của bão biển và gây không ít thách thức và khó khăn khi thực thi ý tưởng thiết kế. Bãi biển trước đây được tận dụng làm bãi đỗ xe. Nhóm thiết kế đã tìm cách lấy lại không gian ven biển bằng việc đề xuất dỡ bỏ bãi đỗ xe và thay thế

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

bằng không gian đi bộ kết hợp trung tâm giải trí thương mại. Việc ứng phó với Nước biển dâng đòi hỏi đội ngũ thiết kế phải đề xuất các giải pháp thiết kế tiện ích công cộng kết hợp với cứu hộ và phòng chống thiên tai.

Bài học kinh nghiệm từ Australia: Quy trình Thiết kế Đô thị Ven biển
Cách tiếp cận chung đối với thiết kế đô thị tại những khu vực ven biển đòi hỏi xem xét tổng thể các yếu tố môi trường, con người và đầu tư ở cấp độ chiến lược (vĩ mô), điều này sẽ dẫn đến lập quy hoạch cho khu vực kỹ lưỡng hơn, như sau:

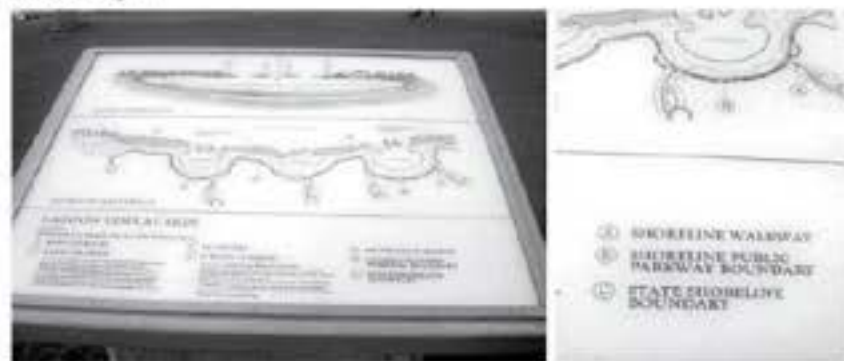
1. Đánh giá tác động môi trường chiến lược
2. Lập quy hoạch khung chức năng cho các bãi biển
3. Xác định các địa điểm hoặc khu vực hoạt động
4. Xác định hành lang bãi biển 'công cộng'
5. Lập quy hoạch cho từng khu vực
6. Sổ tay hướng dẫn thiết kế các địa điểm đầu tư.

Kinh nghiệm tại Hawaii

Hawaii có bờ biển du lịch được thiết kế rất tốt, sử dụng nhiều tiện ích và dịch vụ công cộng để phục vụ tối đa nhu cầu của khách du lịch, nhưng vẫn đảm bảo môi trường được bảo vệ và phát huy tối đa vẻ đẹp cảnh quan. Đặc biệt, Hawaii quy định rất rõ về quyền sử dụng khu vực công cộng và khu vực tư nhân trên bãi biển, nhằm đảm bảo quyền lợi của cả chủ đầu tư lẫn du khách và cư dân bản địa. Bãi biển ở Hawaii là của mọi người. Tất cả khu vực bãi biển dù ở trước mặt các khu resort cao cấp, cũng đều là tài sản công cộng, và ai cũng có thể tới tham quan. Chính quyền Hawaii quy định mọi resort và khách sạn đều phải cho phép người dân du khách không phải là khách hàng có quyền vào khu đất của resort và khách sạn để tiếp cận với không gian ven biển chạy dọc theo các công viên ven biển.

Bài học kinh nghiệm từ Hawaii chính là các quy định quản lý về sử dụng không gian công cộng và tư nhân để đảm bảo quyền lợi tối đa của người dân và khách du lịch trong việc tiếp cận không gian ven biển. Không gian ven biển phải là không gian công cộng và cho tất cả mọi người.

Kết luận



Quy định về hành lang không gian công cộng tại một khu vực bờ biển tại Hawaii. (Nguồn: Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia)

Các dự án về thiết kế quy hoạch không gian công cộng ven biển trên thế giới thường không phải là các dự án riêng lẻ mà gắn liền luôn gắn liền với các giải pháp chung của toàn đô thị. Tuy vậy, chúng là các giải pháp chi tiết nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể từ các tác động của biến đổi khí hậu tùy theo địa điểm và khu vực có tính chất bờ biển và khí hậu khác nhau. Dựa trên các kinh nghiệm từ các dự án,

có thể tổng kết thành một số phương pháp thiết kế không gian công cộng ven biển đảm bảo tiếp cận và ứng phó biến đổi khí hậu như sau:

Quy hoạch và cải tạo không gian công cộng ven biển theo hướng tích hợp các tính toán về nước biển dâng và các tác động bất lợi khác của biến đổi khí hậu. Việc dự báo, lường trước được các khả năng tác động của biến đổi khí hậu ngắn hạn và dài hạn để từ đó xác định các khu vực và mức độ nguy hiểm, khả năng dễ bị tổn thương và rủi ro để xây dựng trước các kế hoạch ứng phó trong các quy hoạch, các dự án xây dựng không gian công cộng ven biển sẽ đảm bảo cho các hoạt động hiện tại của khu vực đồng thời cũng hoạt động tốt trong tương lai.

Quy hoạch và cải tạo không gian công cộng ven biển theo hướng tiếp cận và chấp nhận các rủi ro do biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Loại bỏ những khu vực có nguy cơ cao từ những mối nguy hiểm do biến đổi khí hậu khi quy hoạch không gian công cộng, cải tạo các khu vực có nguy cơ từ những mối nguy hiểm do biến đổi khí hậu bằng các giải pháp công trình kết hợp với giải pháp phi công trình. Sử dụng vật liệu, công trình chống chịu tốt với những thay đổi bất thường và các mối nguy hiểm do biến đổi khí hậu tại các khu vực có nguy cơ để giảm thiểu thiệt hại có thể xảy ra là việc làm cần thiết nhưng sự thành công sẽ phụ thuộc phần lớn vào việc chăm sóc định kỳ, giám sát chặt chẽ các thay đổi về điều kiện tự nhiên khu vực không gian công cộng ven biển và việc chuẩn bị sẵn sàng các phương án ứng phó và khắc phục thiệt hại sau khi khu vực chịu tác động từ các nguy cơ.

Quản lý và giám sát các hoạt động ven biển như các hoạt động kinh tế và xây dựng nhằm giảm thiểu rủi ro từ Biến đổi khí hậu và tránh tổn thương đến môi trường biển bằng công cụ quản lý tích hợp đa ngành. Với mục tiêu không gian công cộng ven biển dễ dàng tiếp cận và ứng phó với biến đổi khí hậu thì Quy hoạch và thiết kế đô thị đang là công cụ mạnh nhất để quản lý cảnh quan không gian công cộng ven biển. Tuy nhiên công cụ này mới dừng ở mục tiêu cảnh quan và môi trường. Nếu được hỗ trợ bằng các chính sách khác về đất đai, về đầu tư, về chế tài... Công cụ này sẽ có thể trở thành một công cụ quản lý tổng hợp không gian công cộng ven biển tích hợp và hài hòa nhiều yếu tố Cảnh quan-Xã hội - Môi trường- Kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật "Hoạt động ở khu vực bờ biển" của Cuba
2. Craig Czarny, Lawrie Wilton, Hansen Partnership - Thiết kế đô thị tại khu vực ven biển (2014).
3. Ibk Menéndez-Cuesta González, Lic Armando Mudiz González, Adriana García González, IPF - Dự án Hợp tác quốc tế VIUP và IPF: Giải pháp thiết kế và quy hoạch không gian công cộng ven biển cho các đô thị du lịch nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và thích ứng với biến đổi khí hậu (2014).
5. Kỳ yếu hội thảo "Không gian công cộng ven biển" của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia năm 2011
4. Các trang web chuyên ngành trên Internet

Thiết kế đô thị



VỚI KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG



ThS. KTS. NGUYỄN HỒNG DIỆP

Đô thị nói chung và không gian công cộng nói riêng là những không gian mà những dòng chảy kinh tế, xã hội và văn hóa lịch sử được phát triển và định hình. Môi trường không gian đô thị và những hình thái kiến trúc của nó đại diện cho cả tiến trình tái tạo - thay đổi và tiến trình từ sơ khai đến già cỗi của đô thị đó. Chính vì vậy, mỗi một không gian công cộng của đô thị mang trong mình một sự tổng hòa của những giá trị và những hạn chế của đô thị đó. Muốn tạo dựng không gian công cộng hấp dẫn, thân thiện, có giá trị cần phải hội tụ nhiều yếu tố Văn hóa - Xã hội - Kinh tế.

Val trò của không gian công cộng

Không gian công cộng (Public Realm) là một thành phần vô cùng quan trọng của đô thị. Một thành phố phát triển thành công và bền vững phải là một thành phố có hệ thống không gian công cộng với chất lượng cao, cảnh quan đẹp và bền vững về mặt môi trường.

Không gian công cộng của một đô thị góp phần rất lớn vào việc tạo ra hình ảnh cho thành phố, đồng thời mang lại những trải nghiệm sống cho con người. Sự thân thiện với người đi bộ và việc chú trọng đến đối tượng sử dụng cuối cùng (end – users) được coi là những yếu tố chủ chốt cho một thành phố hấp dẫn và thu hút khách du lịch. Ở quy mô khu ở, không gian công cộng cần được nhìn nhận như một yếu tố quyết định trong việc mang lại chất lượng cuộc sống cho một khu đô thị, biến khu đô thị trở thành một môi trường sống tốt nơi con người cảm thấy thật sự gắn bó. Đồng thời, không gian công cộng cũng mang lại giá trị gia tăng cho các khu vực xung quanh. Do đó, việc tạo ra một hệ thống không gian công cộng tốt có ý nghĩa vô cùng quan trọng với một thành phố nói chung, cũng như từng khu đô thị nói riêng.

Thiết kế đô thị

Phân loại của không gian công cộng

Chúng ta có thể thấy, không gian công cộng trong đô thị rất đa dạng, phong phú, chúng có thể là các quảng trường lớn, sân vận động, công viên do quốc gia hay thành phố quản lý, một ngôi chùa, một nhà thờ của cộng đồng, nhưng nó cũng có thể chỉ là những vườn dạo nho nhỏ ở khu dân cư, một khoảng sân nhỏ giữa hai block chung cư, thậm chí chỉ là những ghế đá đặt trên vỉa hè.

Trong nhiều trường hợp thì quán cà phê cóc, quán cà phê cóc, chợ cóc cũng được coi là nơi giao tiếp công cộng, miễn nơi đó là tụ điểm cho mọi người thích đến để gặp gỡ nhau trò chuyện, chia sẻ mọi nỗi vui buồn thường ngày một cách tự do (không có bất cứ sự kiểm soát nào) và hơn thế không phải bỏ chi phí (mất tiền mua vé vào cổng,...), từ đó chúng ta có thể phân loại không gian công cộng theo 2 loại: theo chức năng; theo tầm ảnh hưởng và quy mô.

■ Chức năng giao thông: bao gồm các diện tích giao thông tĩnh như quảng trường, bãi đỗ xe...

■ Chức năng nghỉ ngơi giải trí và cải thiện điều kiện môi trường: bao gồm các công viên, vườn hoa, cây xanh, mặt nước với tỷ lệ thích hợp nhằm phục vụ cho các hoạt động vui chơi giải trí, nghỉ ngơi thư giãn và cải tạo điều kiện vi khí hậu.

■ Chức năng thẩm mỹ: không gian công cộng hình thành giữa các công trình, thiên nhiên tạo nên bố cục không gian kiến trúc quy hoạch và nghệ thuật của khu ở. Trong không gian này con người có thể cảm nhận được không gian – hình thái kiến trúc, cây xanh, mặt nước, các công trình kiến trúc nhỏ, công trình điêu khắc nghệ thuật, cảnh quan đô thị (những yếu tố chính tạo nên giá trị nghệ thuật của đô thị).

Phân loại không gian công cộng theo tầm ảnh hưởng và quy mô: Trong một khu đô thị mới hoặc một khu ở, không gian mở công cộng tồn tại theo các cấp độ rất đa dạng.

■ Không gian kế cận ngôi nhà (không gian bán riêng tư): khoảng không gian ở tầng 1 công trình ở, như lối ra vào, sân trước, sân sau căn hộ, được tổ chức với các dạng nhà ở thấp tầng như nhà liền kề, biệt thự..., nhà chung cư 4-5 tầng. Không gian này là sự mở rộng của các căn hộ ra với cộng đồng. Thường được ngăn cách với không gian bán công cộng bằng hàng rào hoặc dải cây xanh...

■ Không gian mở công cộng giữa các công trình (không gian bán công cộng): Là khoảng không gian nhỏ nằm giữa các nhóm nhà, đó có thể là một sân chơi nhỏ được một nhóm người sử dụng; nó không phải là tài sản công vì những ai không sở hữu nó có thể không được sử dụng, đồng thời, nó cũng không phải là tài sản tư nhân vì nhiều người cùng được sử dụng. Nó được hình thành dưới dạng không gian chuyển tiếp giữa hai hay nhiều nhóm nhà, thường phục vụ nhu cầu giao tiếp, nghỉ ngơi hàng ngày của những người sống trong phạm vi xóm ở như sân chơi cho trẻ em, nơi tụ họp, trò chuyện, giao tiếp của người lớn, các hoạt động thể dục thể thao quy mô nhỏ, ít người trong quan hệ hàng xóm láng giềng.

■ Không gian mở công cộng đơn vị ở (không gian công cộng cấp phường, khu): Bao gồm các quảng trường, vườn hoa, sân chơi, thảm cỏ trung tâm hay công viên đơn vị ở, có kích cỡ trung bình dùng vào những hoạt động giải trí tự do và được bao quanh có thể là những công trình công cộng, đường giao thông khu vực. Chúng cung cấp chỗ cho các hoạt động dân sự, thương mại, tập thể ngoài trời, là nơi đặt các quầy hàng tạp hóa, nơi trưng bày

nhân ngày lễ, nơi diễn ra các hoạt động lễ hội cũng là nơi cho trẻ vui chơi, cho các cuộc gặp gỡ, tụ tập của mọi lứa tuổi ở quy mô cộng đồng lớn hơn.

■ Không gian mở công cộng của cộng đồng lớn (không gian công cộng): Một khu mở được thiết kế và dành riêng cho những hoạt động giải trí quy mô lớn và có tổ chức được hình thành dưới dạng công viên khu ở, được một cơ quan công cộng nắm giữ và quản lý, phục vụ cho đồng dân cư dân trong khu ở, liên khu hay toàn thành phố.

Phân cấp quản lý không gian sinh hoạt cộng đồng

Khái niệm không gian công cộng luôn biến đổi theo thời gian và không gian bởi những không gian đó gắn với nhiều cách khác nhau chứ không theo một khuôn mẫu cố định, từ đó tạo nên sự tiếp nối của không gian đô thị. Mặt khác, vai trò, ý nghĩa của không gian công cộng cũng thay đổi giữa các vùng miền hay châu lục khác nhau như châu Âu, châu Á, Bắc Mỹ hay Trung Đông. Chẳng hạn, các đô thị ở châu Âu luôn dành cho không gian công cộng một ý nghĩa đặc biệt, thậm chí là ngoại lệ.

Do vậy, nhiều thành phố của châu Âu trở nên nổi tiếng nhờ vẻ đẹp và bố cục không gian hài hòa mà hai đặc điểm đó được hình thành không chỉ nhờ vào chất lượng kiến trúc mà cả chất lượng của các không gian công cộng.

Diện mạo của những không gian đó rất đa dạng và phong phú tùy thuộc vào bản chất và chức năng của chúng như quảng trường, công viên, vườn hoa công cộng, đại lộ hay đường phố. Do vậy, chúng không gắn với một hình thái đô thị chính xác nào, thậm chí còn thay đổi tùy theo vị trí của chúng trong không gian đô thị, từ đó dẫn đến sự phân cấp khá rõ nét giữa những không gian này.

Có những không gian công cộng trung tâm có tính biểu tượng cao thể hiện sức mạnh của chính quyền cũng như sự thống nhất trong đa dạng của xã hội, nhưng bên cạnh đó cũng có những không gian công cộng liên kế chủ yếu chỉ phục vụ nhu cầu của những người dân sống xung quanh. Từ đó không gian công cộng đô thị có thể phân cấp thành những cấp sau:

■ Cấp thành phố: Đây là các quảng trường đô thị, không gian mở đô thị, không gian mở trước các công trình công cộng cấp đô thị như: trung tâm hành chính, trung tâm thương mại lớn, nhà hát, tượng đài... Ở các quốc gia Châu Âu các không gian này được nghiên cứu tổ chức rất tốt với nhiều hoạt động sinh động hấp dẫn như: giao lưu, sân chơi thanh thiếu niên, di đạo người lớn tuổi, vẽ tranh, bán tranh ảnh nghệ thuật, làm tượng, biểu diễn âm nhạc...

■ Cấp khu vực: Đây là các không gian mở trước các công trình cấp khu vực, các công viên cấp khu vực. Tại các không gian này thường là nơi tắm nắng, vui chơi dã ngoại của các gia đình, nơi thư giãn, tập thể dục của người dân. Các không gian này thường là bãi cỏ lớn kết hợp với cây xanh và chỗ trẻ em vui đùa.

■ Cấp khu ở, đơn vị ở: Trong các khu ở, đơn vị ở luôn có các không gian mở, các mảng cây xanh phục vụ cho dân cư trong chính khu ở, đơn vị đó. Đây là nơi hoạt động sinh hoạt cộng đồng diễn ra thường xuyên nhất. Quan hệ xã hội của các dân cư trong khu ở cũng diễn ra nhiều nhất tại các không gian này... Đây cũng có thể là không gian trước, sau trong lõi các khu chung cư.

Bảng Phân loại các khoảng không gian mở	
Các kiểu thiết kế không gian mở cơ bản	Đặc điểm và Chức năng
Cây xanh	Một hệ thống các khoảng không bao gồm các con đường cho người đi bộ và người đi xe đạp, nhưng cũng được coi là các „hành lang cuộc sống hoang dã”- cho phép cuộc sống hoang dã xuất hiện trong các khu đô thị. Thông thường, những khu vực này dọc theo các con suối hay các đường ray đã bị bỏ hoang, ví dụ với màu xanh từ các khu vực nông thôn đi qua các đường viền của thành phố/thị trấn vào đến các khu trung tâm đô thị
Nước	Bao gồm hồ, ao, sông, kênh và suối mang đậm chất sông hoang dã, tạo ra giá trị giải trí lớn và có thể được sử dụng làm các hành lang đi lại
Bãi sinh lý	Khoảng không gian công cộng cho các loại hình giải trí nằm trên các đường viền với các khu vực xung quanh. Thường là một phần của những vùng đồng bằng bao gồm có tự nhiên và hoa dại
Đất rừng/khu vực được bảo tồn	Khúc gỗ hoặc các thân cây dưới dạng tự nhiên đưa vào các phố đi bộ trong nội ô, đôi khi được coi là khu bảo tồn với những hạn chế nghiêm ngặt để vào các khu vực thiếu nhiên hoang dã
Sân chơi	Các khoảng không gian mở trước đây thường được cho là nhằm mục đích giải trí, ví dụ như bóng đá hay bóng bầu dục- bao gồm cả các sân golf. Việc quản lý/sử hữu có thể được chia sẻ giữa các trường học, các câu lạc bộ và cộng đồng rộng lớn hơn nhằm đảm bảo các tiện ích được sử dụng tốt
Sân nhà thờ	Có địa điểm gần một nhà thờ và thường mang lại màu xanh giữa trái tim của cộng đồng
Vườn	Một trung tâm bán công cộng bao gồm các vườn mà chính quyền địa phương quản lý
Công viên	
Vườn cây	Một khoảng không gian mở có có không chính thức kết hợp với điểm nhấn là cuộc sống thôn bản, đôi khi có các sân chơi bóng đá hoặc cricket
Quảng trường	Một khoảng không gian công cộng chính thức, không rộng hơn một tòa nhà và được đặt ở những điểm nhấn về tầm quan trọng đối với cuộc sống của cư dân trước các tòa nhà lớn, thường có vỉa hè rộng và các lợi ích giải trí thụ động
Trung tâm thương mại	Một khoảng không gian công cộng kết hợp với các khu vực phụ trợ của các trung tâm thương mại (văn phòng, buôn bán lẻ).
Vườn công cộng	Một khoảng không gian bán riêng tư, không gian mở cho tất cả mọi người, thường nằm bên trong các chu vi tòa nhà, tạo ra khoảng không gian xanh cho dân cư, do Ban quản lý tòa nhà quản lý
Vườn riêng	Một khoảng không gian riêng nằm trong khu vực của một tòa nhà gần đó
Sân chơi	Một khu vực nhỏ hơn sân chơi cho trẻ em, được rào chắn và nằm trong phạm vi có thể đi bộ được đến những tòa nhà gần đó, các cư dân có thể dễ dàng tiếp cận, nhìn thấy
Sân nhà	Một khoảng không gian mở riêng thông thường cho các dịch vụ xe cộ đậu xe
Giếng trời	Một nơi riêng tư hoặc bán công cộng có kính bao quanh như một đường phố lớn, có khu ngồi và nơi tắm nắng cho các cư dân sống trong tòa nhà và khách vắng lại

Nguyên tắc thiết kế KGCC

Tùy vào từng loại tính chất của KGCC khác nhau, các nguyên tắc thiết kế áp dụng cũng khác nhau. Tuy nhiên, cần chú ý tới các nguyên tắc thiết kế chung sao cho các KGCC có được sự thân thiện với người sử dụng: thiết kế phù hợp với tỉ lệ con người, các yếu tố mang lại tiện nghi cho người sử dụng, khuyến khích đi bộ. Tổng quan khi thiết kế KGCC cần tuân theo các nguyên tắc sau đây:

- Nguyên tắc 1: Đảm bảo khả năng tiếp cận các không gian công cộng một cách đầy đủ, toàn diện và phục vụ cho các hoạt động diễn ra.
- Nguyên tắc 2: Hiểu được đặc trưng địa phương là chìa khóa cho việc tạo dựng một không gian thành công.
- Nguyên tắc 3: Định rõ tuyến phố bởi bối cảnh môi trường và xã hội, chứ không phải bằng chức năng lưu thông.
- Nguyên tắc 4: Nâng cao ý thức về tính an toàn, an ninh trong khu vực tuyến phố nghiên cứu
- Nguyên tắc 5: Đảm bảo các khu vực công cộng có môi trường và kinh tế bền vững.

Sự kết nối của KGCC

Không gian công cộng trong đô thị tốt là không gian được liên kết thuận tiện bằng cả liên kết giao thông và liên kết không gian.

- Liên kết không gian công cộng: không gian dễ dàng được nhận biết từ bên ngoài cũng như có sự hướng dẫn hợp lý, có sự liên kết hợp lý giữa không gian này với không gian khác.
 - Liên kết giao thông: tạo khả năng tiếp cận không gian bằng các phương tiện giao thông cá nhân và công cộng tốt. Những không gian quan trọng cần có tuyến xe buýt xe điện, thậm chí là tuyến tàu điện ngầm dẫn tới.
- Kết nối đường phố.

Mục tiêu của việc kết nối đường phố đó là tạo được sự kết nối về mặt giao thông giữa khu vực không gian mở với các khu vực khác của đô thị. Ở đây bao gồm giao thông đối ngoại và giao thông nội bộ, đường đi dạo trong khu vực không gian mở.

Sự kết nối về giao thông bao gồm các yếu tố sau:



Kết nối trung tâm thành phố với các không gian công khác trong thành phố

Thiết kế đô thị

- Mạng lưới giao thông chính.
- Sự hợp lý của việc bố trí bãi đậu xe và lối vào các bãi đậu xe.
- Bố trí hợp lý các dịch vụ chung.

Một trong những yếu cầu quan trọng khác của việc kết nối đường phố đó là quy hoạch hệ thống giao thông công cộng. Khi bố trí hệ thống giao thông công cộng cần đảm bảo các yếu cầu sau:

- Vị trí của điểm dừng đỗ giao thông công cộng nên được bố trí tại vị trí hợp lý.
- Bố trí tuyến giao thông công cộng phải kết hợp với các trục đường đi bộ.

Tiếp cận đi bộ, an toàn và thuận tiện

Đi bộ là một là một trong những hình thức di chuyển chính tại các không gian mở. Vì thế nhu cầu đối với người đi bộ cần phải được xem xét cẩn thận và phải xem là ưu tiên trong những sự bố trí cho sự phát triển nhằm tạo ra một môi trường thân thiện, an toàn cho khách bộ hành. Khi thiết kế môi trường cho khách bộ hành cần lưu ý các nguyên tắc sau (5C):

- Kết nối (Connection): Các tuyến đường dành cho người đi bộ phải được kết nối thành hệ thống, tránh bị cắt ngang bởi các phương tiện giao thông cơ giới hay các chướng ngại vật cản đường, cản tầm nhìn.
- Thuận tiện (Convenience): Các tuyến đường dành cho người đi bộ phải thuận tiện trong di chuyển. Trong trường hợp phải giao nhau với giao thông cơ giới thì phải lưu ý tổ chức cho người đi bộ đi qua dễ dàng, tránh trường hợp khách bộ hành đợi lâu hơn 10 giây để băng qua đường.
- Thân thiện (Convivial): Những con đường cho khách bộ hành này phải cho người đi bộ cảm giác an toàn và ấm cúng, phải được chiếu sáng đầy đủ.
- Thoải mái (Comfortable): Chất lượng và bề rộng của con đường phải đem lại cho khách bộ hành sự thoải mái.
- Thu hút sự chú ý (Conspicuousness): Một tuyến đường đi bộ cần dễ nhận biết, các tín hiệu hướng dẫn phải rõ ràng, dễ thấy.

Ngoài ra, khi tổ chức các đường đi bộ cần lưu ý các yếu tố sau:

- Người ta thích đi bộ dọc theo những khu vực mà họ cảm giác được nhìn thấy bởi những người khác như: tài xế, cư dân và những khách bộ hành.
- Nếu phải xây dựng những con đường dành riêng cho người đi bộ thì chúng cần

được phải nổi lên và phải được nhìn thấy từ các ngôi nhà và các tòa nhà cao tầng.

■ Bề mặt con đường sử dụng chung cần được thiết kế cẩn thận để tránh được những sự va chạm trong khi di chuyển, và như vậy nó sẽ cho phép nhiều hoạt động khác diễn ra.

■ Đường đi bộ phải dẫn người ta đến được những nơi muốn đến, chứ không phải theo cách thiết kế hình học được định sẵn.

■ Khách bộ hành, những người đi xe đạp và các loại xe cộ khác cũng có thể đi chung trên một con đường nếu như nó được thiết kế cho việc di chuyển ở tốc độ chậm.

An toàn và cảm giác an ninh

Tạo dựng sự an toàn

Cần có ba nguyên tắc chính để tạo dựng trong sự an toàn, đó là: đảm bảo sự giám sát tự nhiên và sự hiện diện của con người. Việc này đạt được bằng cách:

- Xây dựng các cổng nhìn hướng ra các khu công cộng
- Có được tầm nhìn ra ngoài phố và giảm thiểu những mặt tiền để trống
- Thiết kế mạng lưới đường phố liên thông, giảm bớt các đường ngõ phố cụt
- Thiết kế bãi để xe có vị trí trước mặt đường, tòa nhà hay ở những sân nhỏ trang bị an ninh đầy đủ;
- Thiết kế cây xanh không để cây mọc quá cao hoặc quá dày, vừa phải để có thể nhìn qua ở những vị trí nhất định.

Giảm thiểu xung đột, bằng cách tạo ra những tuyến đường an toàn khi đi bộ hay đi xe



Không gian giao tiếp cộng đồng

Thiết kế KGCC và với sự tham gia chung của cộng đồng xung quanh

Khi mọi người nhìn vào một không gian công cộng như là không gian của chính họ, họ bắt đầu có trách nhiệm về không gian đó. Những địa điểm được thiết kế tạo nên

cảm giác chủ sở hữu, cùng nhau bảo vệ và gìn giữ

Ngăn chặn tội phạm trong khu vực công cộng
Nếu cần có hàng rào bảo vệ, thì việc thiết kế cũng nên làm như điều khác – hàng rào ước lệ

Các tòa nhà và khoảng không riêng có được được giữ an ninh hơn mà không cần phải sử dụng đến những hàng rào dây thép gai, cọc buộc, cánh cửa chắn và các biện pháp giữ gìn an ninh khác. Việc tạo ra những không gian này nếu không được thiết kế mở sẽ tạo nên sự thất bại, thường hủy hoại chất lượng đô thị. Những đoạn phố xây dựng đồng bộ đi dọc theo đoạn đường dài được bảo vệ bằng những hàng rào thúc đẩy sự an ninh, nhưng nếu như được chi tiết được khéo léo, những dụng cụ này có thể biến thành những công trình nghệ thuật, như hàng rào ước lệ.

Nhìn thẳng ra đường chính

Đường ra vào từ tất cả các tòa nhà nên được giám sát thích hợp và rõ ràng. Trong trường hợp những cổng ra vào chính tới các địa điểm làm việc, tòa nhà thương mại và khu công cộng, thì cần có được sự kết hợp đầy đủ giữa con người và các công nghệ lắp đặt, cùng với hệ thống ánh sáng, giao thông công cộng, nơi đỗ xe và tuyến đường thuận tiện nhìn ra được từ tòa nhà chính.

Tiện ích đô thị

Để tạo không gian công cộng thân thiện hữu ích cho cộng đồng dân cư ngoài những vấn đề đã đề cập trên cần bổ sung các yếu tố tiện ích đô thị trong các không gian như: ghế ngồi, trạm điện thoại, nhà vệ sinh công cộng, các chòi nghỉ, mái che, đèn chiếu sáng thẩm mỹ, tượng điêu khắc nghệ thuật, khu vực ăn uống một cách hợp lý. Những vật dụng này sẽ được thiết kế phù hợp cho từng chức năng không gian công cộng.



THIẾT KẾ
ĐÔ THỊ

TUYẾN ĐI BỘ TRÊN CAO KHU DU LỊCH Bãi Cháy - Hạ Long

GIẢI PHÁP THIẾT KẾ ĐÔ THỊ CHO KGCC

“ Ý tưởng tạo dựng một khu vực có bản sắc thu hút khách du lịch đến và lưu trú tại Hạ Long nói chung và Bãi Cháy nói riêng, góp phần xây dựng Thành phố du lịch với trái tim là khu vực Bãi Cháy không ngủ ”

ThS. KTS. NGUYỄN ĐẠI THẮNG *

Thành phố Hạ Long nằm trong dải hành lang ven biển của Vịnh Bắc Bộ, là một cực quan trọng trong tam giác tăng trưởng Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, với nhiều lợi thế để có thể phát triển trong tương lai trong đó phát triển du lịch kinh tế biển là một ngành mũi nhọn. Bãi Cháy hiện nay là khu vực tập trung các công trình dịch vụ du lịch, các khách sạn có hình thức kiến trúc đẹp. Tuy nhiên, xét về khía cạnh tổng thể các công trình khách sạn cao cấp tại đây chưa tạo nên một quần thể kiến trúc cảnh quan đồng nhất và đa dạng tại khu vực “đắc địa” – trái tim du lịch của thành phố Hạ Long.

Các công trình khách sạn và dịch vụ rất phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu về dịch vụ du lịch ngày một tăng, hiện Bãi Cháy đã có thêm nhiều khách sạn mới từ 1 - 5 sao (như khách sạn mới: Mường Thanh, Grand, Plaza, Novotel, Dream...) có hình thức kiến trúc đẹp, uốn lượn, uyển chuyển, trong quá trình xây dựng khách sạn đã chú ý đến tính kết nối với hệ thống khách sạn cũ (khách sạn Công Đoàn, Địa Chất, Grown, Bạch Đằng, Văn Hải, và hàng loạt nhà nghỉ mini...). Tuy nhiên, một nhược điểm dễ dàng nhận thấy tại khu vực “trọng tâm” du lịch này chính là tính thiếu gắn kết giữa khu vực dịch vụ và khu vực bãi tắm, điều này vô hình chung tạo tính ức chế cục bộ đối với tâm lý khách du lịch. Ngoài ra, các dãy cửa hàng phục vụ tư nhân ven biển có hình thức kiến trúc không đẹp làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ chung của toàn bộ trung tâm du lịch ven biển Bãi Cháy.



Các khu vực khách sạn và nhà nghỉ tương đối đồng bộ và hiện đại tuy nhiên thiếu tính kết nối với khu vực bãi biển, trong hình là khách sạn Công Đoàn với không gian tách biệt với khu vực bờ biển.

Tại đây thiếu các tiện ích đô thị, các trung tâm công cộng, quảng trường, khu vui chơi, trung tâm thương mại cũng như các không gian mở ra phía biển, điều này là nguyên nhân chính dẫn đến tính thiếu “sôi động” và “sức sống” về đêm của hạt nhân du lịch Bãi Cháy nói riêng và thành phố du lịch Hạ Long nói chung.

Được trời phú tài nguyên biển đa dạng và cảnh đẹp nên thơ, trữ tình của Vịnh Hạ Long. Tuy nhiên, Bãi Cháy vẫn chưa khai thác được tiềm năng này của mình, khảo sát một vòng hiện trạng có thể thấy một sự thiếu hụt lớn các công trình hay điểm nhấn có tầm nhìn đẹp và bao quát toàn bộ vùng Vịnh.

Ảnh trên:
Mặt bằng
tổng thể ý tưởng
Thiết kế đô thị
tuyến đi bộ trên cao
Bãi Cháy - Hạ Long

Thiết kế đô thị

Phối cảnh Tuyến đi bộ Bãi Cháy - đường Hạ Long - 2km

Dự đoán trước được các nhược điểm đó, trong Quy hoạch chung Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn ngoài năm 2050 đã được UBND Tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 2725/QĐ-UBND Quyết định của UBND Tỉnh Quảng Ninh ngày 09/10/2013 đã bổ sung thêm thiết kế các tuyến đi bộ bao gồm 7 tuyến, trong đó tuyến đi bộ Bãi Cháy (đường Hạ Long – 2km) gần với trung tâm du lịch, nhằm:

Tăng tính liên kết giữa khách sạn, các tiện ích đô thị, khu vực công cộng (công viên, quảng trường, điểm nhấn – landmark...) với khu vực bãi biển nhằm đảm bảo quan hệ không gian hai chiều: tầm nhìn của "hạt nhân" du lịch Bãi Cháy cần xác định thông qua tầm nhìn hai chiều, chiều thứ nhất từ đất liền nhìn ra biển và chiều thứ hai từ biển nhìn vào đất liền. Vì vậy giải quyết bất kỳ công trình kiến trúc nào thuộc khu vực này cũng phải cân nhắc và tính toán đến yếu tố "tầm nhìn hai chiều" - từ khu du lịch Bãi Cháy ra biển và từ biển vào khu vực Bãi Cháy.

Phân tách được tuyến giao thông cơ giới và tuyến đi bộ, điều này vừa góp phần tăng mỹ quan đô thị, vừa giúp bổ sung mạng lưới hệ thống trung tâm thương mại, dịch vụ, khu vui chơi, giải trí, như là một yếu tố không thể thiếu để thu hút và níu chân khách du lịch tại một trong những "hạt nhân" đô thị này của Thành phố Hạ Long, xóa nhòa đi những ấn tượng trước đây về một điểm đến kém hấp dẫn và thú vị đối với du khách cả trong và ngoài nước, hướng tới một khu du lịch "không ngủ" đầy kỳ thú và náo nhiệt.

Ngoài ra, một vai trò to lớn và không thể phủ nhận của tuyến đi bộ: thật tuyệt vời khi vừa thả mình dưới bầu trời rộng lớn, với những cơn gió biển và chiêm ngưỡng lễ hội Carnival thường niên của Thành phố Hạ Long.

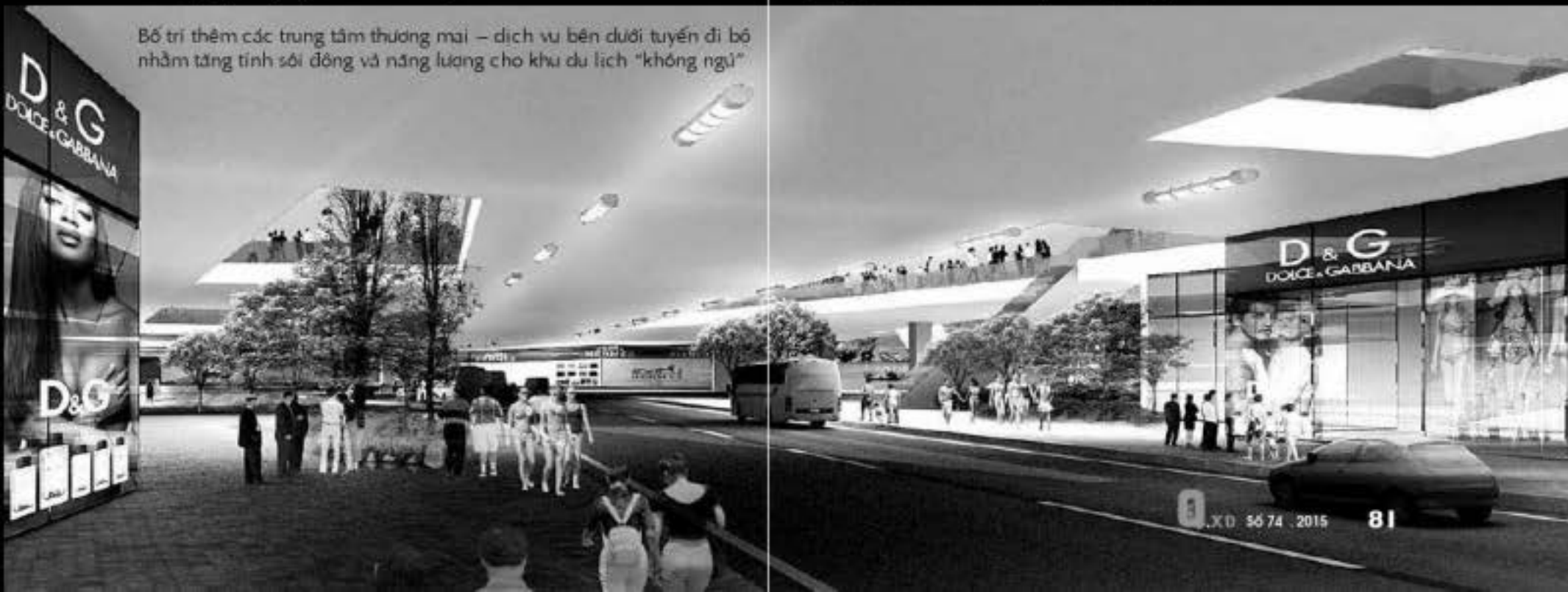
Trên tuyến đi bộ sẽ bố trí thêm các không gian công cộng: Công viên, khu vui chơi, giải trí, dịch vụ để thu hút khách bộ hành cũng như những điểm nhấn – landmark nhằm tăng tính sôi động và năng lượng cho khu du lịch về đêm.

Ý tưởng thiết kế đô thị tuyến đi bộ trên cao ở Khu vực Bãi Cháy đạt được những kết quả sau:

- + Tăng cường, tạo dựng một khu vực có bản sắc thu hút khách du lịch đến và lưu trú tại Hạ Long nói chung và Bãi Cháy nói riêng, góp phần xây dựng "Thành phố du lịch với trái tim là khu vực Bãi Cháy không ngủ".
- + Tạo dựng tính liên kết giữa các khu dịch vụ du lịch và bãi tắm (giữa các khách sạn hiện có và không gian trống).
- + Phân tách được giao thông cơ giới tại đây với các hoạt động du lịch (đi bộ, mua sắm).
- + Tăng cường các điểm dịch vụ mua sắm hấp dẫn, đa dạng cho du khách tới đây.

* Viện Nghiên cứu Thiết kế đô thị -
Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn Quốc gia - BXD

Bố trí thêm các trung tâm thương mại – dịch vụ bên dưới tuyến đi bộ nhằm tăng tính sôi động và năng lượng cho khu du lịch "không ngủ"





Những toilet công cộng ĐỘC ĐÁO TRÊN THẾ GIỚI



HUY THỰC

Không chỉ là nơi giải quyết "nỗi buồn", nhiều nhà vệ sinh trên thế giới còn được thiết kế sáng tạo, décor hiện đại, thẩm mỹ, tiện ích và có hiệu quả cao. Quan trọng hơn nữa, đó là ý thức và hành xử văn minh của người sử dụng giúp cho không gian công cộng này luôn sạch đẹp. Trong suy nghĩ của nhiều người, nhà vệ sinh công cộng thường có thiết kế và độ bền không tốt. Tuy nhiên, bạn sẽ nghĩ khác khi xem những hình ảnh sau.

1. Toilet hình vỏ trứng – London – Anh

Với dáng vẻ bên ngoài như vỏ của những quả trứng, chúng trông cũng giống như các phòng thí nghiệm ngoài hành tinh. Nhà vệ sinh này nằm trong một quán bia Pháp có tên Sketch trên đường Conduit tại London.

2. Khu vệ sinh gần 40.000m² tại Trùng Khánh – Trung Quốc



Cổng viên mang tên Yangren Jie hay Foreigner Street có diện tích 3,5km². Nơi đây thu hút du khách bởi hình ảnh nổi tiếng ở New York, Venice,... hoặc ngay cả tượng Chúa cứu thế ở Brazil, và cả Vạn Lý Trường Thành ở Trung Quốc. Nhà vệ sinh lớn này nằm trong khuôn viên có hơn 1.000 bệ xi, được thiết kế theo nhiều hình thù khác nhau. Thi thoảng, tại khu vực này, người ta còn cài đặt cả chương trình truyền hình và phát các chương trình âm nhạc.



Quy hoạch & kiến trúc thế giới

3. Toilet Graben ở Vienna - Áo

Tuy thiết kế đơn giản, nhưng nhà vệ sinh này được ví như một tác phẩm nghệ thuật. Bởi nó được thiết kế với những bức tường bằng đá cẩm thạch, cửa kính ốp gỗ và các vật dụng bằng đồng thau. Du khách chỉ mất một xu để sử dụng nhà vệ sinh này.

4. Toilet trên đỉnh núi McKinley tại Alaska - Mỹ



Đi bộ một chặng dài trên núi McKinley thực không phải chuyện đùa. Để tránh tình trạng du khách "đi bậy" trong suốt thời gian leo núi khoảng 3 tuần, người ta đã đặt những chiếc hộp chuyển dụng sạch sẽ quanh khu vực này. Đây là nhà vệ sinh di động có độ bền và nhẹ có thể được sử dụng lên đến 10-14 lần, bao gồm cả việc bỏ giấy. Điều thú vị là du khách còn có thể dễ dàng chụp ảnh "tự sướng" toàn cảnh khi ngồi trong nhà vệ sinh mát mẻ này.

5. Hundertwasser Toilets ở Kawakawa - New Zealand

Năm 1998, Hội đồng thị trấn Kawakawa quyết định cải tạo nhà vệ sinh 40 tuổi tại khu vực trung tâm. Khi đó, nghệ sĩ Frederick Hundertwasser đã đề xuất thiết kế của mình lên hội đồng thị trấn và được chấp nhận. Ông tận dụng gốm sứ, chai lọ, gạch và nhiều vật liệu khác để tạo thành các tác phẩm nghệ thuật bên trong toilet. Cuối cùng, nhà vệ sinh của thị trấn trở thành một kiệt tác khảm gạch, mái lợp cỏ và bốn cầu, chậu rửa mặt mạ đồng.



6. Khu vệ sinh Chung Yo tại Đài Trung, Đài Loan

Trong trung tâm thương mại Chung Yo có 15 nhà vệ sinh theo các chủ đề như Phù thủy xứ Oz, Khu vườn bí mật, Đi tìm Nemo... Ngoài ra, ở đây còn có một nhà vệ sinh đặt đầy bia trong tủ và khi uống vài chai ở đây, bạn sẽ không mất nhiều thời gian đi tìm nơi "giải quyết".



7. Toilet Itabu tại Ichibara - Nhật Bản

Itabu được thiết kế bởi kiến trúc sư Sou Fujimoto. Đây là một trong những nhà vệ sinh công cộng có diện tích khuôn viên lớn nhất trên thế giới. Tuy chỉ có một bể xí, nhưng nó được đặt trong một khu vườn rộng 200m². Tại đây, du khách có thể ngắm nhìn cảnh quan tươi đẹp của những cây mận, đào, sakura khi đang "thư giãn" trong một nhà vệ sinh bằng kính cao 2m.





Khu vệ sinh Kumutoto tại Wellington - New Zealand



8. Khu vệ sinh Kumutoto tại Wellington - New Zealand

Toilet này trông giống như một sinh vật lạ đang ngoi vùi lên khỏi mặt đất. Nó được thiết kế bởi các kiến trúc sư của Studio Pacific. Hai khối cấu trúc như hai chiếc vòi này lại chỉ chứa một nhà vệ sinh duy nhất. Nếu bạn nghĩ rằng điều này lãng phí không gian, thì khi đi vào bên trong bạn sẽ hiểu lý do tại sao nó lại được làm như vậy. Thiết kế này giúp giải phóng các mùi uế tạp khỏi nhà vệ sinh và không khí bên ngoài có thể dễ dàng lưu thông vào trong.

9. Nhà vệ sinh dựng bằng vách tại Austin - Texas - Mỹ

Nhà vệ sinh này được tạo nên từ 49 tấm thép dày có độ cao khác nhau, và chúng được dựng thẳng đứng. Nhờ đó, ánh sáng tự nhiên có thể dễ dàng xuyên qua. Tuy nhiên, với cách xây dựng này thì việc thông gió chưa thực sự tốt. Nhà vệ sinh độc đáo này được thiết kế bởi kiến trúc sư Miró Rivera, tọa lạc tại bờ biển phía Bắc của Lady Bird Lake.

10. Nhà vệ sinh tại công viên Hiroshima Hiroshima - Nhật Bản

Kiến trúc sư Nhật Bản của Future Studio đã thiết kế 17 nhà vệ sinh ở công viên Hiroshima trông giống như những con hạc. Mỗi nhà vệ sinh đều có các cửa sổ tròn, nhỏ và màu sắc riêng.



Nhà vệ sinh dựng bằng vách tại Austin - Texas - Mỹ



NGHIÊN CỨU XỬ LÝ

NHỮNG THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC LẬP VÀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ TẠI TP. HCM VỚI VIỆC HIỂU VÀ THỰC HIỆN ĐÚNG NỘI QUY QHPK THEO LUẬT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ



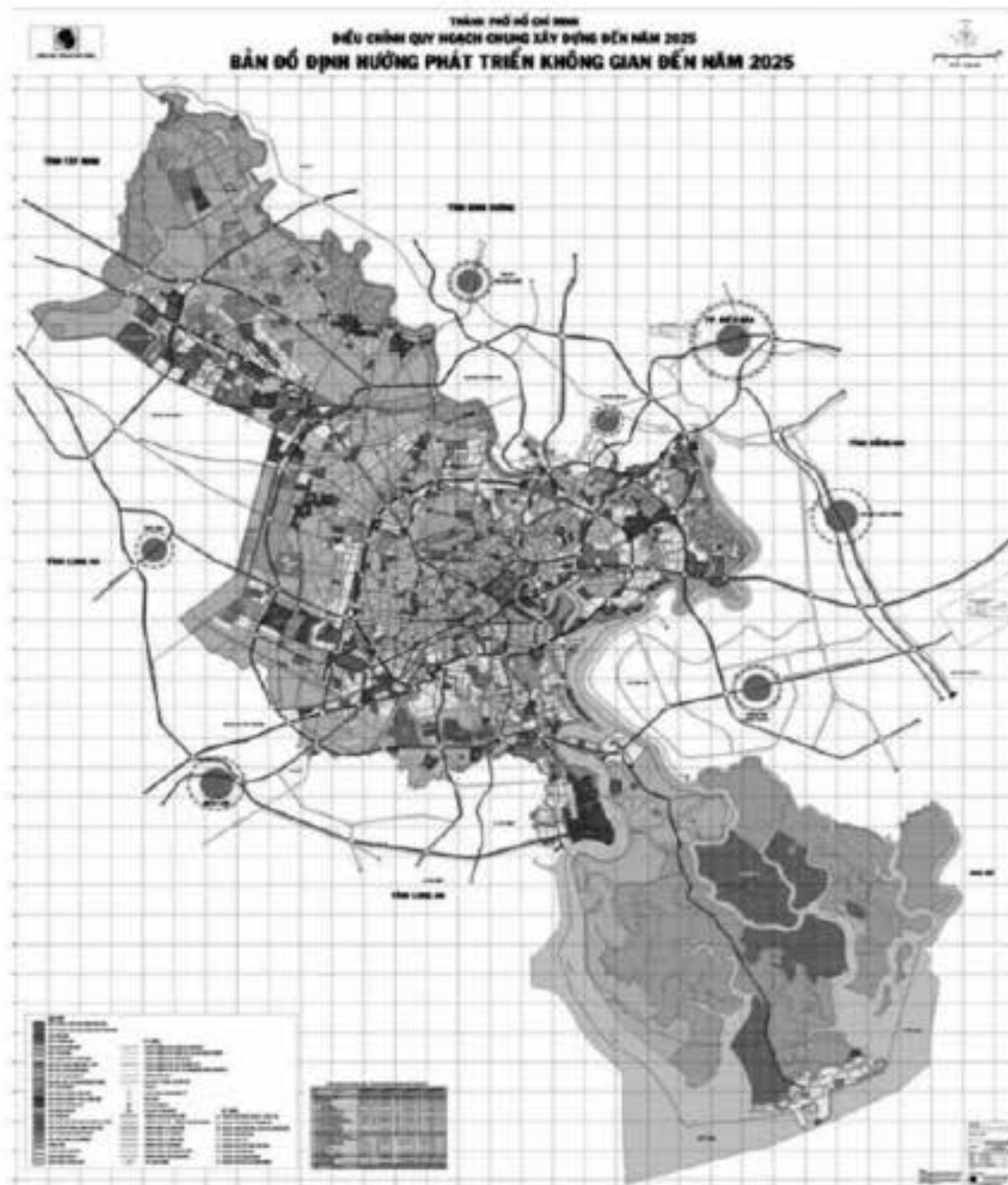
PGS. TS. NGUYỄN TRỌNG HÒA

Viện Nghiên cứu phát triển TP. HCM

40 năm sau ngày Giải phóng Miền Nam - Thống nhất Đất nước, TP. HCM đã đạt thành tích to lớn trong phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là trong cải tạo và phát triển đô thị, bảo vệ môi trường. Để có được những kết quả như hôm nay, có thể nhận thấy vai trò lớn lao của công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng trong những năm qua. Tuy vậy, qua thực tế có thể thấy những bất cập còn tồn đọng cần được tiếp tục nghiên cứu xử lý để hướng tới sự phát triển bền vững trong tương lai. Bài viết này nhằm phân tích và nghiên cứu xử lý những thách thức trong công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị tại TP.HCM với việc hiểu và thực hiện đúng nội dung quy hoạch phân khu theo Luật Quy hoạch đô thị.

Có thể nhận xét một cách khách quan rằng, tại TP.HCM các cấp Lãnh đạo thành phố, các sở ban ngành, các quận, huyện trong nhiều nhiệm kỳ vừa qua, đặc biệt là những năm gần đây đã luôn quan tâm và dành mọi nguồn lực cho công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị. Với việc Thủ tướng phê duyệt đồ án "Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng TP. HCM đến năm 2025" năm 2010, TP.HCM đã lập và phê duyệt được một hệ thống các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị đồ số vào loại nhất cả nước. Đó là đồ án "Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2025", các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị tại 22/24 các quận, huyện, các đồ án quy hoạch chung xây dựng các Khu đô thị mới, các Khu đô thị có chức năng đặc biệt... Bên cạnh đó là mấy trăm các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 hầu như phủ kín các khu vực đã, đang và dự kiến phát triển đô thị.

Khối lượng thi lớn như vậy, xong chất lượng của các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị, nhất là các đồ án quy hoạch chung xây dựng quận, huyện còn có khá nhiều vấn đề cần phải xem xét. Các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận, huyện tại TP.HCM được triển khai theo ND-08/2005/ND-CP. Theo đó "Quy hoạch chung xây dựng đô thị được lập cho các đô thị loại đặc biệt, loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, các quận của thành phố trực thuộc Trung ương, các đô thị mới liên tỉnh, đô thị mới có quy mô dân số tương đương với đô thị loại 5 trở lên, các khu công nghệ cao và khu kinh tế có chức năng đặc biệt". Chính vì vậy, nên xét về mặt nội dung nghiên cứu và thể hiện, ngoài ranh giới và quy mô diện tích, các đồ án này không khác gì nhiều so với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố.



Bản đồ định hướng phát triển không gian
(Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng TP.HCM đến năm 2025)

Có khác chăng là khi nghiên cứu các đồ án này, ngay từ khâu lập nhiệm vụ và nhất là khi lập đồ án quy hoạch, “bài toán phát triển kinh tế - xã hội” của các quận, huyện đã được lồng ghép vào, mà trong khá nhiều trường hợp mang tính chủ quan, cường bức. Điều này thể hiện quyết tâm phát triển của các quận, huyện. Tuy nhiên, lại thiếu cơ sở khoa học, thậm chí dẫn tới sự sai lệch so với quy hoạch xây dựng chung thành phố đã được phê duyệt như quy mô dân số tại các quận, huyện... Thậm chí, một số khu chức năng cấp thành phố đã nghiên cứu bố trí trong quy hoạch chung mà quận, huyện nào cũng muốn “đẩy đi”.

Một trong những chỉ tiêu quan trọng nhất trong các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận, huyện lần này là về dân số và phân bố dân cư đô thị. Vì chính chỉ tiêu dân số đô thị này sẽ quyết định đến chỉ tiêu, diện tích đất và các vấn đề về phúc lợi xã hội... Hầu như các quận thì đều muốn tăng

dân số, thực tế con số dân số hiện hữu của các quận, huyện chưa phải cao, thế nhưng quận, huyện nào cũng muốn nâng dân số lên cao và cho rằng việc nâng chỉ tiêu dân số chính là thước đo mức độ phát triển của quận, huyện đô trong thời gian tới. Chính bài toán cân đối dân số này đã làm cho đồ án quy hoạch quận, huyện khi được phê duyệt trở nên khó hoặc không khả thi.

Tại một số các quận, huyện có điều kiện tự nhiên không thuận lợi như nền đất tự nhiên thấp, khả năng chịu tải yếu, lại bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu..., việc tăng dân số này đã đặt ra vấn đề lớn cho các dự án phát triển nhà ở đô thị vì khó thu hút đầu tư, thậm chí nếu cứ gượng ép đầu tư như trong thời gian vừa qua thì các dự án cũng sẽ đem lại hiệu suất đầu tư không cao, đó là chưa nói đến tính an toàn trong tương lai. Chính vì vậy mà ngay từ bây giờ chúng ta đã có thể nhận thấy rằng, các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tại một

số quận, huyện này tuy đã được phê duyệt nhưng tính hiệu quả của nó trong việc quản lý đô thị chỉ có thể đạt được phần nhất định nào đó chứ hiệu quả không cao và nhất là thiếu tính phát triển bền vững.

Từ những phân tích ở trên cho chúng ta thấy hệ thống đồ án quy hoạch xây dựng đô thị tại TP.HCM, trong đó đặc biệt là các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các quận, huyện có điểm chung là tính khoa học và tính khả thi chưa cao vì vậy ảnh hưởng tới việc nghiên cứu các đồ án quy hoạch đô thị tiếp theo nếu cứ dựa vào quản lý phát triển đô thị mà thiếu sự nghiên cứu bổ sung và điều chỉnh nhất định.

Cần phân tích cho rõ thêm rằng: Luật Xây dựng và ND-08/2005/ND-CP quy định về công tác lập quy hoạch chung xây dựng thành phố và quy hoạch chung xây dựng quận, huyện trong trường hợp TP.HCM với cùng các nội dung nghiên cứu đã tạo ra sự lúng túng cho TP.HCM trong quá trình triển khai lập các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các quận, huyện. Đứng ra tại thời điểm đó, TP.HCM cần báo cáo và trao đổi để cùng với Bộ Xây dựng nghiên cứu một nội dung riêng cho công tác lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các quận, huyện tại các thành phố lớn. Thậm chí nội dung này cũng cần nghiên cứu riêng cho các quận nội thành, các huyện ngoại thành, các khu vực mới phát triển đô thị.

Đứng trước thực tế như vậy, là một người có những hiểu biết nhất định về quy hoạch xây dựng đô thị và công tác quản lý quy hoạch xây dựng đô thị tại TP.HCM, tôi thực sự đón chờ sự ra đời của Luật Quy hoạch đô thị. Theo đánh giá riêng của tôi, đây là một bộ luật mà sự ra đời mang tính “cách mạng trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng đô thị tại Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Việc đưa nội dung quy hoạch phân khu vào trong Luật Quy hoạch đô thị cho thấy chúng ta đã tiếp cận cách lập và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị của khu vực và trên thế giới. Phần lớn các nước trên thế giới ngày nay không còn thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị theo ranh giới hành chính cứng nhắc mà lập quy hoạch xây dựng đô thị theo các tiêu chí để quản lý phát triển đô thị.

Do vậy, sau khi lập quy hoạch chiến lược phát triển đô thị, họ bắt đầu nghiên cứu các

đồ án quy hoạch phân khu đô thị, rồi nghiên cứu tiếp các dự án cụ thể phát triển đô thị tại các khu vực thực sự có nhu cầu theo khả năng và nguồn lực có thể huy động được. Chính vì vậy họ đã tiết kiệm được đất đai và nhất là tập trung được mọi nguồn lực cho công tác phát triển đô thị. Như vậy, tính khả thi quy hoạch rất rõ ràng. Đối với những khu vực chưa cần phát triển đô thị ngay thì họ cũng chưa cần làm quy hoạch ở mức độ chi tiết như chúng ta, nhưng bộ xương đô thị luôn luôn được thiết lập ngay trong quy hoạch chiến lược phát triển đô thị.

Câu hỏi đặt ra là khi Luật Quy hoạch đô thị bước vào cuộc sống thì chúng ta thực hiện quy hoạch phân khu như thế nào? Càng quan trọng đối với TP.HCM khi trong một thời gian dài, thành phố đã xây dựng được một hệ thống các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị từ quy hoạch chung xây dựng thành phố đến các đồ án quy hoạch chung xây dựng các quận, huyện và các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 đã và đang được phê duyệt.

Luật Quy hoạch đô thị lần này đã đưa ra nội dung quy hoạch phân khu. Theo đó sau khi làm đồ án quy hoạch chung thành phố, chúng ta tiến hành làm quy hoạch phân khu. Về nội dung, quy hoạch chung thành phố phải hướng tới quy hoạch mang tính chiến lược chứ không đi quá cụ thể, và nhất là không được làm như TP.HCM vừa qua đã lạm dụng các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các quận, huyện đang trong quá trình điều chỉnh để làm phép tính "ghép nối" lại thành đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố, mà phải nghiên cứu quy hoạch mang tính chiến lược phủ kín toàn đô thị. Trong đó chúng ta xác định những chỉ tiêu chính phát triển đô thị trên cơ sở bộ khung giao thông cấp đô thị đã được xác định.

Trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng đô thị đã được phê duyệt, chúng ta làm tiếp quy hoạch phân khu. Tại TP.HCM hiện nay với hệ thống đồ án quy hoạch chung xây dựng quận, huyện, đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 đã được triển khai theo ND-08/2005/ND-CP đã và đang được phê duyệt như vậy, thì việc đưa nội dung quy hoạch phân khu vào đang được tranh luận rất nhiều.

Có ý kiến cho rằng chỉ cần đổi tên các đồ án quy hoạch chung xây dựng quận, huyện, hàng mấy trăm các đồ án quy hoạch chi tiết



tỷ lệ 1/2000 thành các đồ án quy hoạch phân khu, nghĩa là thành phố có 24 quận, huyện thì sẽ chuyển thành "24 đồ án quy hoạch phân khu"... và cũng theo cách này để xử lý các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000. Làm như vậy chỉ là thay tên chứ không thay đổi được nội dung quản lý của các đồ án này vốn đã chứa đựng nhiều bất cập như phân tích ở phần trên. Đây là một vấn đề lớn, thậm chí là một thách thức lớn đối với TP.HCM trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng đô thị trong thời gian tới.

Theo tôi, TP.HCM nhất thiết phải cho triển khai ngay công tác nghiên cứu lập quy hoạch phân khu theo tinh thần của Luật Quy hoạch đô thị. Tuy nhiên, việc nghiên cứu lập bổ sung các đồ án quy hoạch phân khu vào hệ thống các đồ án quy hoạch xây dựng của TP.HCM là một việc làm cần thiết nhưng đòi hỏi phải được nghiên cứu rất kỹ dựa trên cơ sở khoa học về quản lý phát triển đô thị và hệ thống các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị đã được lập và phê duyệt.

Trong khuôn khổ của Luật Quy hoạch đô thị lần này, chúng ta phải hiểu và thực hiện cho đúng vai trò cũng như nội dung của quy hoạch phân khu. Quy hoạch trước đây chúng ta làm hoàn toàn theo ranh hành chính, việc thực hiện quy hoạch này còn mang tính cục bộ địa phương. Tất nhiên về mặt lý thuyết, đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố được phê duyệt làm định hướng cho các quận, huyện về kết nối hạ tầng, phân khu chức năng các đô thị... Do quyết tâm phát triển đô thị tại nhiều địa phương được đặt ra quá máy móc nên nhiều lúc chúng ta đã bất chấp cả các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội không cho phép và thậm chí cả các thách thức mang tính thời đại. Đây là điểm hạn chế của hệ thống quy hoạch theo ranh hành chính hiện nay.

Cũng không dùng nếu khẳng định lập quy hoạch xây dựng đô thị theo cách trước đây

là không tốt. Tuy nhiên, nó đòi hỏi chúng ta phải thực hiện một cách rất khoa học, hay còn có thể nói rằng chúng ta cần đổi mới trong phương pháp nghiên cứu quy hoạch, phải công tâm, chúng ta phải vì những lợi ích phát triển chung của đô thị, vì lợi ích của phát triển bền vững... Chúng ta phải biết chấp nhận hi sinh ở những lĩnh vực của đô thị nhất định để tập trung nguồn lực cho phát triển bền vững tốt hơn. Nhưng vì ranh giới hành chính của chúng ta hiện nay phủ kín 24 quận huyện, nên hầu như nơi nào chúng ta cũng có nhu cầu phát triển đô thị, thậm chí những khu vực chúng ta hạn chế các điều kiện phát triển đô thị thì thường gây bức xúc cho chính quyền địa phương.

Về cơ sở khoa học phải thống nhất rằng: Đây là công việc rất phức tạp nên cần nghiên cứu kỹ để xây dựng được các tiêu chí về ranh các đồ án phân khu, các tiêu chí chung và riêng cho việc nghiên cứu xây dựng nhiệm vụ cũng như thiết kế của từng loại đồ án.

Việc này cần thời gian chứ không được nóng vội. Trong quy hoạch phân khu lần này chúng ta phải đưa vào các yếu tố mang tính chiến lược, đáp ứng được những thách thức về phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới như: Phân bố dân cư - việc làm, bảo vệ môi trường, thích ứng với những tác động của biến đổi khí hậu... Làm tốt công tác này không những giải quyết tốt bài toán cân đối về mặt phân bố dân cư ở các quận, huyện, đầu tư phát triển mà còn giải quyết được bài toán mô hình quản lý phát triển đô thị như: những mô hình quản lý các công trình xây dựng ở những khu vực có cao độ khác nhau có khả năng bị ngập nước trong tương lai khi mà các kịch bản về biến đổi khí hậu đã được công bố. Điều đáng tiếc nhất là hiện nay TP.HCM đã phê hầu như toàn bộ các đồ án quy hoạch phân khu, đặc biệt là các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 theo cách thức trên nên các thách thức về phát triển bền vững còn đang ở phía trước.

HIỆN TRẠNG QUY HOẠCH VÀ CƠ SỞ ĐỀ XUẤT

MỘT SỐ NỘI DUNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI QUY HOẠCH ĐÔ THỊ ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI TẠI HÒA LẠC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

The article introduces the basic contents of detailed planning schemes 1: 2000, Vietnam National University, Hanoi in Hoa Lac, analyze the shortcomings of this plan in accordance with criteria and indicators sustainable urban planning for college and the unique natural conditions of the project. On that basis proposed some content main task of urban planning in Hoa Lac VNU towards sustainable development.



NHÓM TÁC GIẢ *

Mở đầu

Đại học Quốc gia Hà Nội là nơi tập hợp nhiều trường đại học, viện nghiên cứu đầu ngành Quốc gia trên các lĩnh vực về khoa học cơ bản, xã hội nhân văn; nơi có những đặc trưng riêng biệt về nghiên cứu và đào tạo khác với nhiều đại học lớn khác trong nước và quốc tế. Khu đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc dự kiến xây dựng theo mô hình ĐÔ THỊ ĐẠI HỌC, là thành phố trí thức trong tương lai, ở đó môi trường văn hóa đặc trưng và sống động trong một "đô thị đại học" được tạo dựng, liên quan đến nhiều lĩnh vực từ quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan, thiết kế đô thị... đến nghiên cứu khoa học, giáo dục đại học, quản lý giáo dục, tổ chức hoạt động cho sinh viên - thanh niên. Trong đô thị đại học, không chỉ sử dụng không gian vật chất trên mặt đất để khuyến khích con người giao tiếp và tham gia các hoạt động cộng đồng, mà cả không gian ngầm để tối ưu hoá dây truyền hoạt động đáp ứng tốt nhất yêu cầu đào tạo và nghiên cứu đặc thù. Đại học không chỉ là nơi chuyển giao tri thức, đại học phải là nơi tạo ra tri thức. Xây dựng mô hình đô thị đại học phát triển bền vững là nhu cầu thực tế hiện nay của các nước có nền giáo dục đại học phát triển. Đô thị đại học phát triển bền vững phải bắt đầu bằng quy hoạch bền vững. Phân tích hiện trạng quy hoạch chi tiết 1:2000 đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) tại Hòa Lạc

trên cơ sở những nguyên tắc và tiêu chí xây dựng mô hình quy hoạch đô thị đại học phát triển bền vững, bài báo chỉ ra một số tồn tại trong quá trình triển khai xây dựng và đề xuất những nội dung nhiệm vụ triển khai quy hoạch tổng thể xây dựng ĐHQGHN.

Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc

Khu đô thị ĐHQGHN thuộc xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội rộng 1000ha có đặc trưng sau:

■ Điều kiện tự nhiên:

Đây là vùng bán sơn địa, địa hình có dạng gò đồi thấp, xen lẫn các dải ruộng trũng và khe suối. Hướng dốc dẫn từ Tây sang Đông, từ Tây Nam xuống Đông Bắc, cao độ thấp nhất là +12, cao độ cao nhất là +43 (trừ núi Múc có cao độ +99,81m), cao độ bình quân là +25m. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa đông lạnh và ít mưa, cuối mùa ẩm ướt với hiện tượng mưa phùn và mùa hè nóng ẩm.

Khu vực có chế độ thủy văn thuộc lưu vực sông Tích, một nhánh của sông Hồng, bắt nguồn từ núi Tản Viên thuộc dãy núi Ba Vì. Độ dốc của sông rất thấp, nhưng độ dốc của các nhánh suối lại khá cao, nên nước lũ sông Tích tập trung khá nhanh, nhưng lại lệch pha trên các sông nhánh. Khu vực có bốn con suối chính và nhiều suối nhỏ và hồ

Quy hoạch & tác giả

lớn nhỏ. Nước ngầm nằm ở độ sâu 30-50m nhưng trữ lượng quá nhỏ để đáp ứng nhu cầu.

Cấu trúc địa chất: thành phần hỗn hợp gồm: cuội, sỏi, sạn, cát, bột, sét có nguồn gốc sông, hồ đầm lầy hoặc phong hóa từ cát, bột, sét kết hệ, chiều dày trung bình 10 - 20m, phía dưới là đá cát, bột, sét kết nứt nẻ.

■ **Hiện trạng sử dụng đất:** Khu vực thuộc nông trường quân đội 1A cũ nên chưa có các hạ tầng xã hội thiết yếu. Đất đai chủ yếu trồng lúa, chè và cây ăn quả.

■ **Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:** các tuyến quốc lộ nổi trung tâm Hà Nội với ĐHQGHN có đại lộ Thăng Long và Quốc lộ 21A, hệ thống thoát nước theo địa hình tự nhiên.

Mô hình hoạt động, nguyên tắc và tiêu chí thiết kế

Mô hình tổ chức hoạt động:

ĐHQGHN là trung tâm đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực trong nhóm các đại học tiên tiến của thế giới, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mô hình tổ chức ĐHQGHN đến năm 2020, gồm: Văn phòng ĐHQGHN và các ban chức năng; Các trường đại học thành viên: 7 (trong đó trường Đại học Việt – Nhật mới có quyết định thành lập tháng 7/2014); Các khoa trực thuộc: 5; Các viện và trung tâm nghiên cứu trực thuộc: 9; Các đơn vị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học: 14 và Một số doanh nghiệp khoa học – công nghệ.

Nguyên tắc quy hoạch mô hình đô thị đại học phát triển bền vững:

Lấy sinh viên làm trung tâm: Tạo thuận lợi và tiện nghi cho sinh viên là cơ sở phân bố các khu vực chức năng, tạo sự kết nối, liên kết giữa các khu vực trong đô thị đại học.

Triết lý phát triển đô thị đại học: Mỗi đô thị đại học cần phải có triết lý phát triển rõ ràng ngay từ ban đầu và được thực hiện xuyên suốt quá trình phát triển đô thị.

Bền vững về môi trường: Đô thị đại học phải hài hòa với môi trường cảnh quan sinh thái, hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, hạn chế tối đa các nguồn xả thải, sử dụng công trình tiết kiệm năng lượng.

Bền vững về kinh tế - xã hội: Đảm bảo cho chi phí vận hành ít nhất với sự tham gia của xã hội, giảm thiểu chi phí đầu tư, và thu hút nguồn lực đầu tư, tạo môi trường giáo dục nhân cách, kỹ năng sống cho sinh viên.

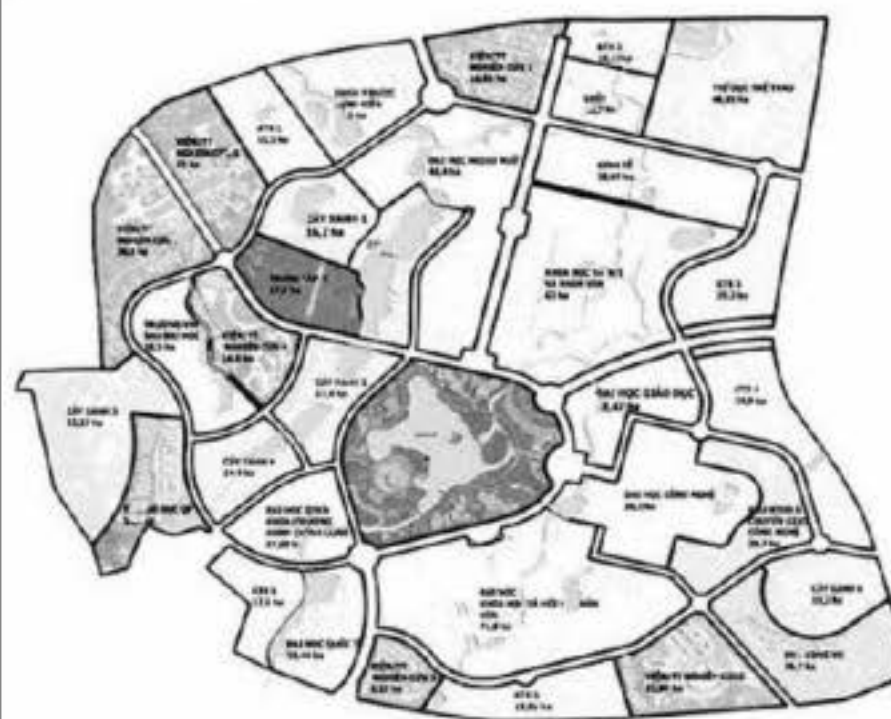
Quản lý vận hành thuận lợi, an toàn: Tổ chức không gian đô thị đại học cần gắn phương án quản lý vận hành trên cơ sở liên kết giữa các cơ sở trong khu đô thị đại học.

Tiêu chí:

■ **Tiêu chí môi trường:** Hạn chế tối đa các tác động tiêu cực về môi trường như: giảm khối lượng đào đắp, san gạt, giảm tối đa các nguồn xả thải ra môi trường, tăng cường các giải pháp tiết kiệm năng lượng, kiến trúc xanh.

■ **Tiêu chí kỹ thuật:** Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong nước và quốc tế tương ứng.

■ **Tiêu chí kinh tế:** Đảm bảo tính khả thi của dự án.



Tổ chức không gian kiến trúc ĐHQGHN tại Hòa Lạc

Tiêu chí quản lý: Cảnh quan đô thị phải rõ ràng, dễ quản lý, không phát sinh các giải pháp làm phá vỡ không gian đô thị theo định hướng chung.

Hiện trạng quy hoạch và xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc

Các tiêu chuẩn sử dụng:

Đại học Quốc gia Hà Nội trên quy mô 1000ha, giai đoạn đến năm 2020 đạt 60.000 sinh viên và sau năm 2020 đạt khoảng 100.000 sinh viên. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng theo các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế có liên quan và thực tế quy hoạch của một số đô thị đại học lớn trên thế giới.

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Tổ chức không gian tổng thể: Không gian ĐHQGHN tại Hòa Lạc phát triển theo mô hình hướng tâm với các lớp không gian theo các vành đai bao quanh khu trung tâm. Khu trung tâm bao gồm các công trình công cộng chung của toàn khu đại học được bố trí bao quanh khu vực hồ Đa Lát, quảng trường tại những vị trí các nút giao cắt với các tuyến giao thông hướng tâm và các trục cảnh quan. Vành đai thứ nhất gồm các khoa trường ĐHKHTN, ĐHKHXHNV, ĐH Công nghệ, ĐH Ngoại ngữ, ĐH Kinh tế, ĐH Giáo dục, và một số Khoa, trường khác xung quanh khu vực trung tâm. Vành đai tiếp theo là hệ thống các Viện, trung tâm nghiên cứu, đan xen là các khu KTX và một số khu chức năng chính khác.

Mạng lưới không gian xanh được tổ chức liên hoàn, kết nối với hệ thống không gian chung của đô thị Hòa Lạc, đặc biệt là vùng núi Ba Vì và khu du lịch sinh thái Hồ Đồng Mô.

Phát triển khu đại học với mật độ xây dựng thấp, tại các khu chức năng được xây dựng nên, hợp khối để tạo không gian và đáp ứng yêu cầu di bộ của sinh viên.

Tăng cao công trình chủ yếu từ 3 - 5 tầng, tại các khu vực cửa ngõ, khu trung tâm và điểm chốt các trục không gian phát triển các công trình cao tầng làm điểm nhấn không gian và định hướng kiến trúc cho toàn khu đại học.

Hệ thống các phố đại học quản lý theo những nguyên tắc chung, thống nhất về mật độ, tầng cao, hình thái kiến trúc, vật liệu, màu sắc, kỹ hiệu kiến trúc.

Các tuyến trục chính:

Các trục hướng tâm kết nối từ giao thông đối ngoại đến khu trung tâm được tổ chức theo chủ đề gắn với các trường đại học, như: trục khoa học tự nhiên, trục xã hội nhân văn, trục hợp tác quốc tế với các không gian đi bộ, giao tiếp, quảng trường, công trình dùng chung và các tiện ích đô thị.

Các trục vành đai sử dụng cho các hoạt động giao thông công cộng, giao thông đi bộ, đặc biệt là vành đai 2 được bố trí hệ thống bến bãi đỗ xe, dịch vụ thương mại, nhà chờ, điểm đỗ xe buýt và cổng vào của các khu chức năng.

Khu vực cửa ngõ được quan tâm xử lý đặc biệt tạo ấn tượng cho toàn khu đại học. Sử dụng không gian xanh, công trình cao tầng và kiến trúc đặc biệt để tạo nên hình kiến trúc theo các khu vực.

Khu trung tâm khoảng 62,8ha, là tổ hợp kiến trúc hành chính, văn hoá, dịch vụ công cộng sử dụng cho các trường đại học, viện nghiên cứu và cư dân đô thị Hoà Lạc. Các công trình hoà nhập với khung cảnh tự nhiên và tạo hình ảnh nổi bật tại khu đô thị đại học. Công trình cao nhất khoảng 20 tầng.

Khu các khoa, trường đại học thành viên khoảng 345,5ha, MĐXD 25%, cao trung bình là 4 - 5 tầng, cao tối đa 15 tầng. Dành khoảng 30 - 40% quỹ đất dự trữ lâu dài, trước mắt sử dụng làm sân bãi và công viên cây xanh.

Khu ký túc xá khoảng 101,32ha, gồm 6 khu, đáp ứng 100% sinh viên, MĐXD 40%, tầng cao 4-15 tầng. Khu nhà ở công vụ khoảng 26,7ha, MĐXD 30%, cao 5 tầng, là không gian ở tiện nghi, chất lượng cao cho các chuyên gia, giáo viên thỉnh giảng đến công tác tại khu đại học.

Khu Viện và trung tâm nghiên cứu khoảng 147,3ha, gồm 5 khu tập trung, MĐXD 25% và cao 5 tầng. Các phòng thí nghiệm đặc thù sẽ có kiểm soát xây dựng riêng biệt.

Khu TTĐTT khoảng 40,6ha, gồm các công trình thi đấu trong nhà, sân bãi chất lượng cao, MĐXD 20%, cao 1-3 tầng.

Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

Giao thông: Khung giao thông chính theo

dạng trục chính hướng tâm kết hợp mạng vòng, vành đai, mật độ mạng lưới đường 6,4km/km². Sử dụng xe buýt hoặc xe điện làm phương tiện giao thông công cộng trong khu. Tại 2 cổng chính giao với đường cao tốc Hoà Lạc - Hòa Bình và quốc lộ 21A dự kiến bố trí ga tàu và bến xe buýt trung chuyển. Việc đi lại của sinh viên tới các trường sẽ sử dụng xe công cộng, xe đạp và đi bộ.

Thoát nước mặt: theo các trục tiểu chính gồm 4 nhánh xuôi chảy được nạo vét, kè bờ đảm bảo lưu thông dòng chảy tốt.

Cấp nước: lấy từ tế chờ D600mm trên tuyến đường Láng Hòa Lạc và tuyến ống D800mm trên đường 21 từ NMN sông Đà.

Cấp điện: Nguồn điện và tuyến điện 110KV đến 2020 dự kiến máy biến áp chính đặt là 2x40MVA; đến 2050 nâng công suất đặt thành 110/22kV (1x63+1x40)MVA. Chiều sáng đô thị toàn bộ tuyến chiếu sáng dùng cáp cách điện XLPE bọc thép 0,6kV đi trong hào cáp hoặc tuynel theo bản đồ công trình ngầm.

Thông tin liên lạc: Mạng điện thoại, mạng LAN, mạng truyền hình, mạng truyền thanh nội bộ, mạng ngoại vi đáp ứng đầy đủ cho các yêu cầu học tập, nghiên cứu, hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế.

Thu gom và xử lý nước thải đặt tại khu tập trung phía Bắc gần với khu xử lý và trung chuyển CTR tập trung để quản lý về môi trường. Các phòng thí nghiệm trong thành phần xả thải có chứa các chất độc hại phải có trách nhiệm thu gom, xử lý, trung hòa các thành phần độc hại trước khi xả ra hệ thống chung.

Thiết kế đô thị

Công trình điểm nhấn: tháp Ghi Danh trong khu trung tâm; Nhà hát, Quảng trường giao lưu, Bảo tàng tự nhiên trong Khối xã hội nhân văn; Toà nhà triển lãm trong Khối công nghệ và hợp tác quốc tế; Toà nhà thư viện trung tâm, các phòng thí nghiệm lớn trong Khối khoa học tự nhiên.

Những vấn đề tồn tại triển khai xây dựng đô thị đại học tại Hòa Lạc theo hướng đô thị đại học phát triển bền vững

Về đánh giá tổng hợp hiện trạng:

Đề án chưa thực sự làm rõ những lợi thế về địa hình, cây xanh và mặt nước, chưa phát huy hết những lợi thế về năng, gió trong thiết kế đô thị, thiết kế cảnh quan các toà nhà

cho những mục đích năng lượng sạch, chiếu sáng, thông gió; chưa đánh giá các tai biến (ngập lụt, xói mòn, bồi lắng lòng hồ,...) và biến đổi khí hậu để có những quy hoạch lồng ghép; chưa quan tâm đúng mức đến không gian ngầm, đặc biệt là các công trình ngầm phục vụ cho các phòng thí nghiệm đòi hỏi có độ ổn định cao độ ẩm, nhiệt độ, rung động.

Về mục tiêu và quan điểm thiết kế:

Để ĐHQGHN tại Hòa Lạc xứng tầm là trung tâm đào tạo, nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, tiêu biểu cho cả nước, mang tầm cỡ khu vực và quốc tế, phản ánh bản sắc văn hoá Việt Nam; các nghiên cứu quy hoạch, thiết kế đô thị, thiết kế cảnh quan cần đáp ứng hơn nữa các yêu cầu: Không gian ĐHQGHN là không gian Khoa học - Công nghệ cao, không gian xanh, thân thiện môi trường và có chất lượng thẩm mỹ cao.

Về quy hoạch khu đô thị đại học

Cần nghiên cứu sâu hơn về mối liên hệ hữu cơ, cộng sinh giữa khu ĐHQGHN và các khu vực lân cận như Khu công nghệ cao Hoà Lạc và các khu đô thị liên kế, để khu đô thị ĐHQGHN trở nên sống động, hấp dẫn các nhà đầu tư.

Cần nghiên cứu khảo sát và nghiên cứu khai thác không gian ngầm, bố trí mạng lưới các phòng thí nghiệm đòi hỏi có độ ổn định cao độ ẩm, nhiệt độ, rung động, kết nối đồng bộ không gian ngầm và không gian nổi.

Cần nghiên cứu sâu hơn những lợi thế về địa hình, cây xanh và mặt nước, đặc biệt là những lợi thế về năng, gió để đề xuất các nguyên tắc sử dụng vật liệu, bố trí không gian bên trong và bên ngoài toà nhà có chức năng khác nhau (nhà hiệu bộ, giảng dạy và học tập, dịch vụ, hoạt động cộng đồng, văn hoá, thể chất, ký túc xá...) cho những mục đích năng lượng sạch, chiếu sáng, thông gió.

Nghiên cứu chủng loại cây xanh phù hợp trồng trong đô thị đại học, thổ nhưỡng.

Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

Cần thiết kế collector kỹ thuật để hạ ngầm toàn bộ các hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc. Cấp điện, nên bổ sung nguồn năng lượng pin mặt trời.

Cần xem lại thiết kế các hồ đào, nên mở rộng hồ tự nhiên thay cho đào hồ trên các khu vực có địa hình cao.

Đánh giá tác động và xử lý môi trường

Nghiên cứu đánh giá các tai biến thiên nhiên

khu vực Hoà Lạc (ngập lụt, xói mòn, bồi lắng lòng hồ,...) tác động tiêu cực đến các khu vực trong đô thị đại học, từ đó đề xuất các giải pháp khai thác quỹ đất và phòng chống thiên tai hiệu quả.

Cần đánh giá nguy cơ ngập lụt, ngập úng cục bộ và thiết kế bổ sung các hệ thống cống, ngầm tràn tại các vị trí có các dòng chảy.

Thoát nước mưa cần xem xét phương án thoát chậm, tăng bề mặt thấm nước tự nhiên; tính khả thi của phương án xây dựng tuyến mương hở bao quanh hàng rào ranh giới ĐHQGHN, vì địa hình không bằng phẳng, phải đào đắp rất nhiều để tạo độ dốc thích hợp cho nước tự chảy vào nền vừa tốn kém lại vừa phá vỡ cảnh quan. Mặt khác, phần lớn diện tích đất của dự án có cao độ tự nhiên thấp hơn khu vực bên ngoài, do đó mương hở có thể lại đón nước từ ngoài dự án.

Cần có định hướng khai thác sử dụng không gian ngầm và tái sử dụng nước thải để tưới và bảo vệ độ ẩm của đất.

Đề xuất một số nội dung nhiệm vụ triển khai quy hoạch dự án tổng thể xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc tỷ lệ 1: 2000 theo hướng phát triển bền vững:

Phân tích và đánh giá bổ sung hiện trạng khu vực:

Khảo sát chuyên sâu địa chất, thủy văn và các yếu tố môi trường tự nhiên khác trong khu vực 1000ha xây dựng đô thị đại học.

Khoanh vùng khu vực ổn định địa chất để khai thác xây dựng không gian ngầm.

Khảo sát hiện trạng thổ dưỡng và thống kê các loại cây phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Hoà lạc và phù hợp với môi trường giáo dục.

Khảo sát các vật liệu địa phương truyền thống có thể khai thác xây dựng các toà nhà trong đô thị đại học.

Nghiên cứu các đặc điểm văn hoá bản địa, khả năng ứng dụng văn hoá bản địa trong nghiên cứu không gian kiến trúc cảnh quan khu đô thị đại học.

Danh mục các mô hình thí nghiệm dự kiến xây dựng trong đô thị đại học.

Quy hoạch phát triển đô thị:

a) Nguyên tắc nghiên cứu.

Đảm bảo tính khoa học và tính khả thi: Các khảo sát địa chất, thủy văn và các yếu tố tự

nhiên khác phải chính xác và đồng bộ, để xuất các giải pháp kỹ thuật hiệu quả, tiết kiệm, an toàn, phù hợp với các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn xây dựng không gian đại học quốc gia Hà Nội là không gian Khoa học - Công nghệ cao, không gian xanh, thân thiện môi trường và có chất lượng thẩm mỹ cao.

b) Quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan.

Nghiên cứu các liên kết giữa khu ĐHQGHN và các khu vực lân cận như Khu công nghệ cao Hoà Lạc và các khu đô thị liên kế bằng các giải pháp về kiến trúc, cảnh quan để khu đô thị ĐHQGHN trở nên sống động, hấp dẫn các nhà đầu tư.

Khai thác không gian ngầm, bố trí mạng lưới các phòng thí nghiệm đòi hỏi có độ ổn định cao độ ẩm, nhiệt độ, rung động. Kết nối hệ thống phòng thí nghiệm với các trung tâm nghiên cứu và các trung tâm đào tạo khoa học. Kết nối hệ thống phòng thí nghiệm với hạ tầng chính của đô thị đại học.

Nghiên cứu đề xuất sử dụng vật liệu xây dựng truyền thống, ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao đảm bảo mục đích tiết kiệm năng lượng, giá thành hạ và tạo bản sắc riêng cho đô thị đại học.

Nghiên cứu đề xuất các nguyên tắc thiết kế không gian bên trong và bên ngoài toà nhà (nhà hiệu bộ, giảng dạy và học tập, dịch vụ, hoạt động cộng đồng, văn hoá, thể chất, kỹ túc xá...), đảm bảo mục đích khai thác năng lượng sạch, chiếu sáng, thông gió.

Thiết kế cảnh quan và lựa chọn trong cây xanh tổng thể, các không gian mở, các tuyến đường chính, các quảng trường sinh viên, lối vào khu đô thị đại học, các không gian công cộng sử dụng chung của các trường, hàng rào các trường và hàng rào khuôn viên ĐHQGHN.

Đề xuất nghiên cứu ứng dụng văn hoá bản địa trong thiết kế các toà nhà tại khu đô thị đại học.

c) Hạ tầng kỹ thuật và môi trường

Đề xuất các giải pháp quản lý rủi ro khi gặp sự cố thiên tai, biến đổi khí hậu.

Đề xuất quản lý nguồn nước mặt đảm bảo không gây ô nhiễm, và tạo dựng môi trường sinh thái cảnh quan khu đô thị đại học.

Kết luận:

Đề án quy hoạch chi tiết 1: 2000 ĐHQGHN tại Hòa Lạc đã thể hiện tầm nhìn chiến lược cho xây dựng và phát triển ĐHQGHN, các

dự án thành phần cũng thể hiện được sự liên kết giữa các tổ hợp công trình của từng đơn vị thông qua hệ thống cơ sở hạ tầng dùng chung, các khu không gian dùng chung, các công trình đa dạng dùng chung (kỹ túc xá, sân vận động, nhà thi đấu, thư viện, nhà điều hành...) và bao trùm lên tính thống nhất trong đa dạng, thân thiện với môi trường, hài hòa với tự nhiên.

Xét theo các nguyên tắc, tiêu chí quy hoạch đô thị đại học phát triển bền vững và phân tích hiện trạng quy hoạch chi tiết 1: 2000 đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc có thể chỉ ra một số vấn đề còn tồn tại chủ yếu, bao gồm: Chưa thực sự làm rõ để phát huy những lợi thế, hạn chế những bất lợi về điều kiện tự nhiên (địa hình, cây xanh, mặt nước, nắng, gió, môi trường địa chất, tai biến, biến đổi khí hậu) trong quy hoạch lồng ghép cho những mục đích năng lượng sạch, chiếu sáng, thông gió, cây xanh bản địa, không gian ngầm và sử dụng pin mặt trời. Đó là những cơ sở để xuất những nhiệm vụ triển khai quy hoạch đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc theo hướng phát triển bền vững.

Lời cảm ơn: Bài báo sử dụng kết quả và hỗ trợ của Đề tài KHCN cấp Đại học Quốc gia Hà Nội (Mã số: QG.TĐ.11.07): "Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học cho xây dựng Đô thị đại học phát triển bền vững, đề xuất áp dụng cho dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc", đề tài KHCN cấp nhà nước (mã số BDKH.32) "Nghiên cứu và xây dựng mô hình đô thị ven biển có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu"

* PGS. TSKH. Trần Mạnh Liễu, Th.S Hoàng Đình Thiện, Th.S Trương Văn Thịnh, KS. Nguyễn Văn Thương thuộc Trung tâm Nghiên cứu Đô thị, Đại học Quốc gia Hà Nội

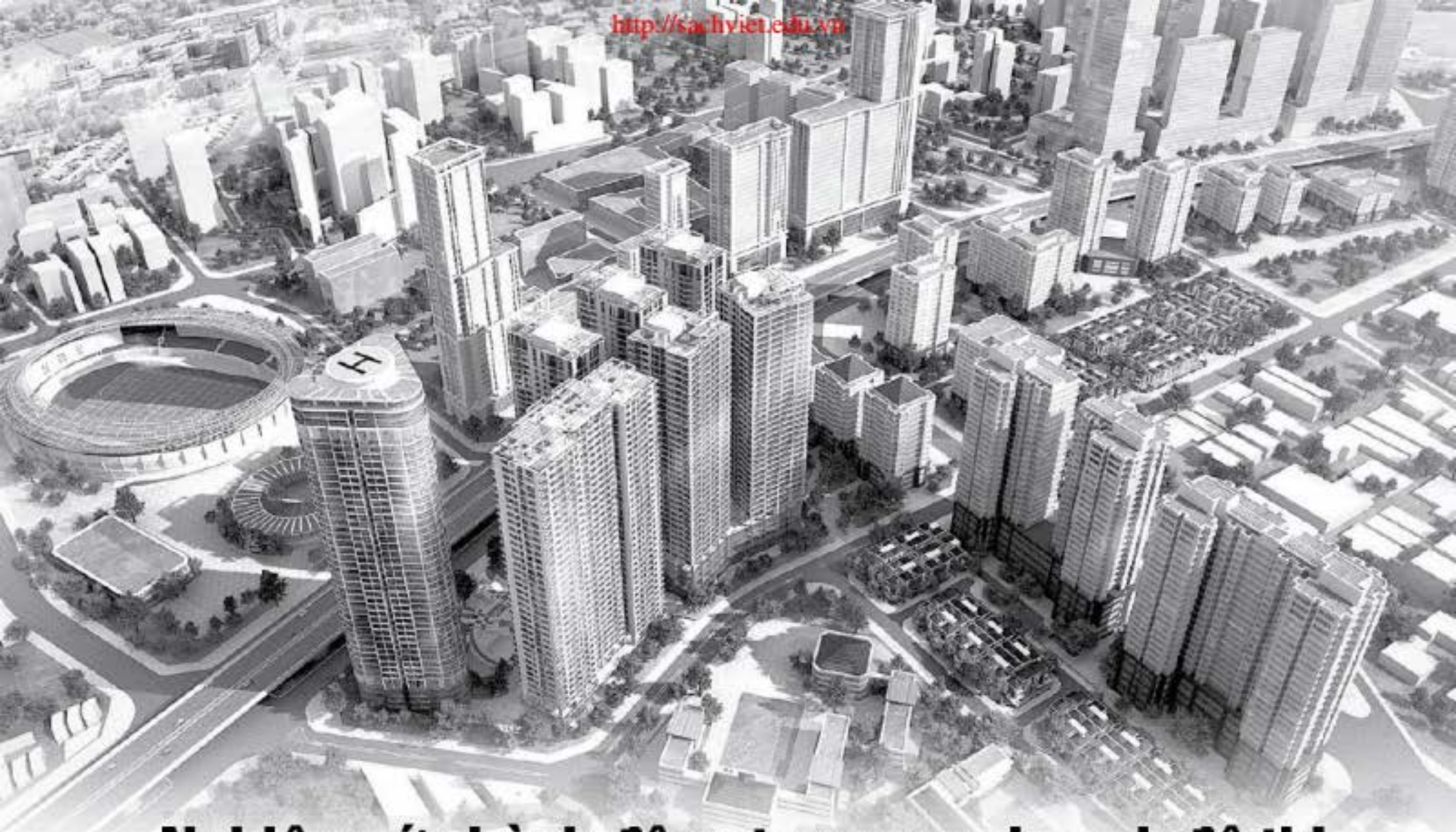
Th.S.KTS. Lê Hoàng Phương, KTS. Phạm Thị Nhâm thuộc Viện quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia, Bộ Xây dựng.

Th.S. Nguyễn Quang Huy, thuộc Ban xây dựng, Đại học Quốc gia Hà Nội

TS. Nguyễn Ngọc Trúc, thuộc trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2050, ĐHQGHN, 2014.
2. Ngô Lê Minh, Đô thị đại học - Góc nhìn từ các nhà thiết kế đô thị Trung Quốc. Tạp chí Quy hoạch Xây dựng, số 52, 2011.
3. Nguyễn Minh Hòa, Phát triển đô thị đại học: Kinh nghiệm quốc tế, Kiến trúc Việt Nam, 2011 (3).
4. Thuyết minh "Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050", Bộ Xây dựng, 2010.
5. Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1:2000 ĐHQGHN tại Hòa Lạc, 2011.



Nghiên cứu hành động trong quy hoạch đô thị

HƯỚNG TỚI SỰ THAM GIA MẠNH MẼ HƠN NỬA CỦA CỘNG ĐỒNG

TS. KTS. NGÔ LÊ MINH

Trường Đại học Tôn Đức Thắng - TP. HCM *



Nghiên cứu hành động không tuân theo trình tự của một nghiên cứu hàn lâm thông thường, đó là một quá trình không kết thúc, nếu không được thực hiện nó sẽ tự đổi mới sang một hướng khác, với một mục tiêu và kết quả khác. Một đề tài NCHĐ thường có sự tham gia của nhiều đối tác như chính quyền, nhà quản lý, các tổ chức xã hội, các nhà chuyên môn, nhà xã hội học và cả cộng đồng người dân. Với sự tham gia của người dân và các đoàn thể xã hội khác trong quá trình nghiên cứu, NCHĐ mới có khả năng đáp ứng được yêu cầu dẫn chủ và công bằng trong các hoạt động chung của cộng đồng. Bài viết này trình bày về những đặc điểm cơ bản của phương pháp NCHĐ, các bước tiến hành NCHĐ và một ví dụ thực tế trong việc vận dụng phương pháp NCHĐ vào thực tiễn của Việt Nam.

Giới thiệu

Nghiên cứu hành động (recherche-action) là phương pháp thường gặp trong các lĩnh vực khoa học nhân văn và khoa học xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu về tâm lý học. Nghiên cứu hành động (NCHĐ) có khuynh hướng gắn kết những vấn đề: lý thuyết và thực tiễn, tâm lý và xã hội, tình cảm và tri thức, sự hiểu biết trong tưởng tượng và những điều đang diễn ra trong thực tế [2]. NCHĐ đã được phát triển và áp dụng từ đầu thập kỷ 70 của thế kỷ 20 ở các nước phương Tây. Phương pháp này không chỉ tập trung nghiên cứu và tìm hiểu căn cứ một vấn đề của xã hội mà còn phải đưa ra giải pháp cụ thể.

Như chúng ta đã biết, nghiên cứu khoa học (NCKH) nói chung là hoạt động trí tuệ của con người nhằm tìm hiểu các hiện tượng, quy luật của tự nhiên, của xã hội và tư duy sáng tạo cũng như tìm ra các giải pháp cho thực tiễn cuộc sống. Trong một đề tài nghiên cứu, bước đầu tiên là xác định và giải trình về vấn đề cần nghiên cứu, tiếp theo là tìm hiểu những cơ sở khoa học và lý luận của đề tài, trong đó bao gồm những khái niệm cơ bản, luận đề, luận điểm, các tiêu chuẩn và các yếu tố ảnh hưởng tới vấn đề nghiên cứu; tiếp theo là sự phân tích, kiểm tra và khẳng định các giả thuyết đã đặt ra trong quá trình nghiên cứu nhằm đưa ra những giải pháp

mang tính khoa học. Cuối cùng là kết luận và đề xuất hướng nghiên cứu mới trong tương lai.

Phương pháp "Nghiên cứu hành động" là một phương pháp khác hẳn với "Phương pháp hàn lâm" kể trên. Nó được đề xuất từ năm 1943 bởi nhà tâm lý học Kurt Lewin của Mỹ, phương pháp này được phát triển mạnh ở trường MIT rồi sau đó được áp dụng ở Mỹ, ở Na Uy, Thụy Sĩ, Nhật và Canada trong những năm gần đây.

Nhóm nghiên cứu hành động bao gồm các nhà nghiên cứu hàn lâm chuyên nghiệp, các thành viên của cộng đồng (những người không có nghề) và những nhà đầu tư giàu kinh nghiệm. Sự tham gia đó bình đẳng, dân chủ trong suốt quá trình thực hiện. Nghiên cứu hành động có ưu điểm là kết quả không chỉ dừng lại ở mặt lý thuyết, độ rủi ro của phương pháp này rất ít. Đây là một quá trình không kết thúc, nếu không được thực hiện nó sẽ tự đổi mới sang một hướng khác. Không theo trình tự của một nghiên cứu hàn lâm thông thường... Song phương pháp này lại luôn nhắm đến một cái đích khả thi.

Như vậy, sự khác biệt quan trọng giữa một đề tài NCKH thông thường và một đề tài NCHĐ là sự xuất hiện những giải pháp cụ thể để giải quyết những vấn đề thực tiễn, mà những vấn đề này chỉ có được khi có sự tham gia trao đổi, góp ý kiến từ thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, một đề tài NCKH thông thường có thể được tiến hành bởi một hoặc một nhóm nhà khoa học, chuyên gia nghiên cứu, trong khi đó một đề tài NCHĐ đòi hỏi sự tham gia của nhiều đối tác như chính quyền, nhà quản lý, các tổ chức xã hội, các nhà chuyên môn, nhà xã hội học và cả cộng đồng dân cư.

Đặc điểm cơ bản của phương pháp NCHĐ là:

- Công việc nghiên cứu tận dụng sự hiểu biết của tất cả mọi người, mọi thành viên;
- Những hiểu biết thực tế đóng vai trò quan trọng đối với kết quả cuối cùng của dự án;
- Người dân là đối tượng nghiên cứu nhưng cũng được tham gia và thu nhập được những hiểu biết mới về môi trường mình đang sinh sống;
- Người dân có quyền lợi khác nhau sẽ tham gia ở mức độ khác nhau, nhưng đều chung mục đích của dự án và của cộng đồng;
- Sự phản hồi để cập nhật thông tin mới trong khi tiến hành nghiên cứu có thể thay đổi giá trị ban đầu hoặc phát hiện những giá trị mới cho dự án; Vì thế, vòng quay Lập kế hoạch - Hành động - Phản hồi diễn ra liên tục và mang ý nghĩa tìm tòi phát hiện những giá trị phù hợp nhất, tốt nhất cho dự án (Hình 1).

Tiến trình thực hiện phương pháp NCHĐ để cao sự tham gia từ nhiều phía, nhiều đối tác và được thực hiện qua nhiều giai đoạn, nhằm phân biệt rõ ràng sự tham gia tích cực mang tính chất cộng đồng và sự tham gia chỉ mang tính cá nhân ít hiệu quả.

Các bước tiến hành NCHĐ bao gồm:

1. Xác định vấn đề cần nghiên cứu hay cần giải quyết, phương pháp luận nghiên cứu;
2. Lựa chọn địa điểm và phạm vi nghiên cứu; các thuận lợi, khó khăn có thể gặp phải trong quá trình nghiên cứu.



Hình 1. Vòng quay Lập kế hoạch - Hành động - Phản hồi của Verspieren, M.R. (2000)

Các vấn đề cần xem xét trong giai đoạn này:

- Xã hội (cơ cấu dân cư, đời sống văn hoá, sinh hoạt cộng đồng, thói quen - tập quán, các hoạt động vui chơi giải trí...);
- Kinh tế: loại hình kinh tế buôn bán trong khu vực, các điểm/ khu thương mại, khả năng phát triển về dịch vụ hay du lịch...
- Môi trường sống: Vị trí và diện tích cây xanh, không gian công cộng, các yếu tố ô nhiễm môi trường, cảnh quan...

3. Xác định mục tiêu nghiên cứu và giả thuyết ban đầu:

Các mục tiêu và định hướng phát triển phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của khu vực nghiên cứu và được thông qua HĐND và chính quyền cơ sở, cũng như cộng đồng dân cư. Khi cần phải tổ chức lấy ý kiến của đông đảo quần chúng nhân dân về công việc của dự án. Các mục tiêu và giả thuyết ban đầu có thể được chỉnh sửa theo nguyện vọng chính đáng của người dân.

4. Soạn thảo những cách thức và tiến trình tham gia. Xác định cơ sở khoa học và lập dự trù kinh phí.

Giai đoạn này thường được chia thành hai bước: Thứ nhất, xác định kế hoạch hành động cụ thể của dự án trong đó giới hạn phạm vi, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia công việc dự án. Thứ hai, xác định các cơ sở khoa học của việc nghiên cứu cũng như dự trù kinh phí (đây là phần công việc của các nhà nghiên cứu và chủ trì dự án). Nguồn kinh phí được tính toán cho hoạt động của dự án nghiên cứu và dành một phần cho việc thử nghiệm thực tế những kết quả nghiên cứu vào một địa bàn cụ thể.

5. Công bố công khai những đề xuất hoặc kiến nghị. Đánh giá kết quả từ nhiều phía và nhiều đối tác.

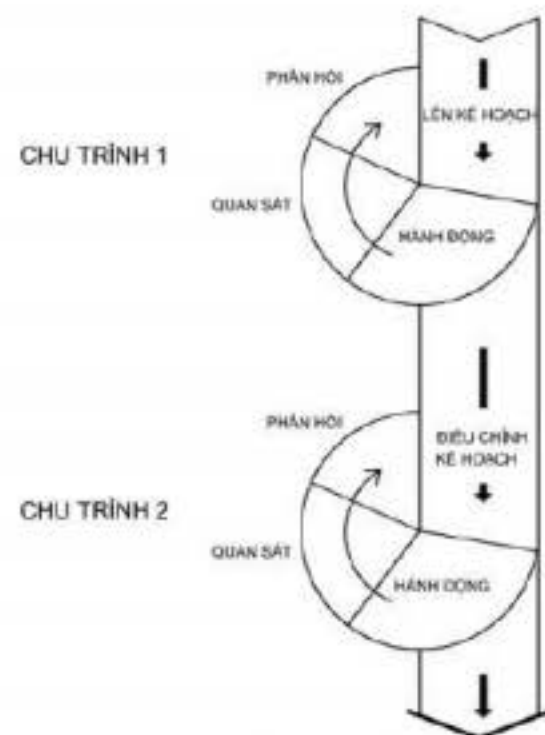
Phổ biến và giới thiệu công khai kế hoạch hành động, mục tiêu và kết quả từng giai đoạn của dự án. Cung cấp đầy đủ số liệu và các kênh liên lạc thuận lợi nhằm thu thập trở lại các ý kiến đóng góp từ mọi đối tượng, lấy đó làm cơ sở quan trọng cho những chỉnh sửa của giai đoạn sau.

Như đã trình bày ở trên, sự thay đổi và điều chỉnh mục tiêu hay giải pháp trong quá trình nghiên cứu là một đặc điểm của NCHĐ. Qua những quan sát ban đầu, người nghiên cứu nhận thấy những vấn đề mới cho dự án, hoặc cho đối tượng nghiên cứu thì cần thiết phải bàn bạc và cập nhật những thông tin mới.

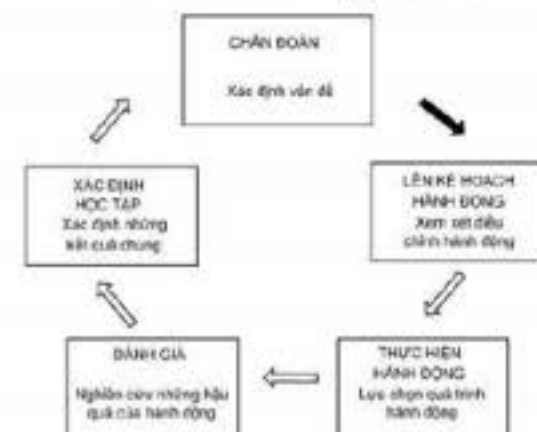
Do vậy quá trình nghiên cứu sẽ được phân chia thành từng giai đoạn và giai đoạn sau luôn là sự kế thừa và phát triển của giai đoạn trước. Đặc biệt vai trò và quyền lợi của người dân (đối tượng nghiên cứu) luôn được đề cập đến trong quá trình tiến hành nghiên cứu.

Vận dụng NCHĐ vào thực tiễn tại Việt Nam

Việc vận dụng phương pháp NCHĐ vào thực tiễn của Việt Nam đã được tiến hành trong Dự án nghiên cứu hợp tác đào tạo ở một trường đại học của Việt Nam.



Hình 2. Sơ đồ nghiên cứu hành động của Kemmis & McTaggart (1988)



Hình 3. Sơ đồ nghiên cứu hành động của Susman, G.I. (1983)

Dưới sự hỗ trợ của Chính phủ Canada, dự án nghiên cứu về Mật độ trong các khu ở trung tâm của Hà Nội lấy NCHĐ làm phương pháp chủ đạo trong thời gian 5 năm (2000-2005), khu phố Bùi Thị Xuân (Hà Nội) đã được lựa chọn làm địa điểm nghiên cứu. Với những giá trị đậm nét bản sắc, khu phố cũ này đã khẳng định vị trí, vai trò trung tâm lịch sử, văn hóa của mình trong đời sống đô thị Hà Nội.

Đáng tiếc, khu vực này cũng giống như bao khu ở khác vẫn đang phát triển một cách tự phát, thiếu kiểm soát và hướng dẫn. Di sản kiến trúc của các khu phố lịch sử đang dần dần biến mất trước sức ép của nền kinh tế thị trường. Thời điểm đó, đã có nhiều hội thảo trong và ngoài nước, nhiều đề án của các kiến trúc sư bàn về vấn đề cải tạo và bảo tồn khu vực này nhưng những đề xuất vẫn chỉ tồn tại dưới dạng ý tưởng.

Tại sao những ý tưởng đó lại không thể áp dụng vào thực tiễn? Nguyên nhân chính là ở Việt Nam, cơ chế quản lý đô thị với mô hình quản lý truyền thống “Từ trên xuống” – Top to Down – đã quá quen thuộc, mô hình này không có sự quan tâm đúng mức những đặc điểm và sự tác động ghềnh gớm của nền kinh tế thị trường và kinh tế tư nhân. Vai trò của người dân, mà cụ thể là những chủ nhân thực sự của những ngôi nhà – bất động sản có giá trị lớn, đã không được các nhà quản lý đô thị chú ý trong quá trình thiết kế đô thị.

Dự án hợp tác với Canada đã đề xuất phương pháp làm việc mới - phương pháp nghiên cứu – hành động. Với phương pháp này, người dân trong từng ngôi nhà, từng cụm nhà sẽ trao đổi bàn bạc, dung hòa quyền lợi với nhau trong việc cải tạo, xây dựng và quản lý khu ở của mình. Các nhà chuyên môn, quản lý sẽ giữ vai trò của người hướng dẫn, tư vấn giúp người dân thực hiện các dự án mong muốn.

Trong quá trình hơn 5 năm làm việc, các nhóm nghiên cứu luôn hướng đến một trong những mục tiêu chính là nâng cao điều kiện sống của người dân trong khu vực BTX. Tuy nhiên, khi đi vào cụ thể, đã có một số thay đổi và điều chỉnh trong từng giai đoạn của dự án trên cơ sở những đóng góp từ phía người dân. Những sự điều chỉnh đó là:

■ Cách tiếp cận khu vực và địa điểm nghiên cứu: ban đầu, việc nghiên cứu thực hiện giữa

các chuyên gia Canada - Việt Nam trên các tài liệu có sẵn, sau đó trực tiếp nghiên cứu trên các tuyến phố của khu BTX và trong từng căn nhà đã được lựa chọn. Trong giai đoạn cuối của dự án, việc báo cáo và trình bày các kết quả nghiên cứu cũng được thực hiện tại trụ sở của UBND phường BTX. Mục tiêu chính là khuyến khích sự tham gia nhiệt tình của cộng đồng trong khu vực, đồng thời kết quả nghiên cứu cũng thiết thực và có sức thuyết phục hơn.

■ Cách tiếp cận người dân: Giai đoạn đầu, tiếp xúc thông qua cán bộ của UBND phường, cán bộ địa chính; Giai đoạn tiếp theo, tiếp xúc trực tiếp với từng hộ gia đình - nơi có vấn đề cần nghiên cứu; Giai đoạn cuối, quay trở lại tiếp xúc với UBND phường, Mặt trận Tổ quốc phường để triển khai các giải pháp tổng thể trên quy mô toàn phường BTX;

■ Giải pháp kiến trúc - quy hoạch: Giai đoạn đầu xác định sẽ đề xuất các phương án quy hoạch - kiến trúc cho các lô phố, nhằm đem lại cảnh quan hài hoà thống nhất trong từng khu vực. Giai đoạn tiếp theo, xác định những giải pháp cụ thể về mặt kiến trúc cho từng loại nhà nhất định, coi đó như những giải pháp mẫu với nhiều ưu điểm về mặt hình thức, cấu trúc, cảnh quan, thông hơi thông gió... Trong giai đoạn cuối cùng, với sự tham gia góp ý của địa phương, dự án đi sâu nghiên cứu và đề xuất những giải pháp riêng lẻ về từng vấn đề: tổ chức sân trong, tổ chức và bố trí bếp, tận dụng không gian trống làm không gian xanh, các giải pháp che mưa che nắng, giải pháp thông gió tự nhiên, giải pháp tận dụng vỉa hè lòng đường cho các hoạt động cộng đồng... Tất cả những giải pháp trên được sắp xếp, phân loại và trình bày dưới dạng những tài liệu hướng dẫn, cung cấp tới UBND phường và người dân.

■ Về mặt phương pháp luận, thời gian đầu của các dự án, các thành viên tham gia được cung cấp thông tin về phương pháp làm việc từ các giáo sư và chuyên gia Việt Nam - Canada. Các bước tiếp theo, mọi nghiên cứu tìm tòi và giải pháp đều được thực hiện trên thực địa ngay tại phường BTX.

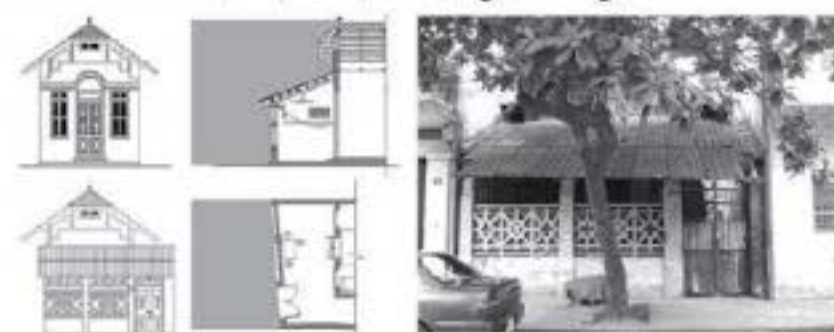
■ Như vậy, quá trình nghiên cứu và đề xuất các giải pháp mang tính linh hoạt rất cao, đặc biệt khi có sự tham gia của cộng đồng, vai trò và quyền lợi của người dân (đối tượng nghiên cứu) luôn được đề cập trong quá trình tiến hành nghiên cứu. Mọi sự điều chỉnh, thay đổi cách tiếp cận, hướng nghiên cứu và kết quả nghiên cứu phải đặt mục tiêu vì

Quy hoạch & tác giả

quyền lợi của người dân lên hàng đầu. Nếu trong các dự án thiết kế cải tạo, tái định cư của thành phố mà mỗi một đơn vị tư vấn thiết kế được phụ trách một khu vực và thực hiện theo phương pháp này, chắc chắn kết quả nghiên cứu lý thuyết sẽ được áp dụng một cách hiệu quả vào thực tiễn.



Hình 4. Sơ đồ nghiên cứu hành động áp dụng vào một dự án thực tế tại Việt Nam, 2005 (Nguồn: tác giả)



Hình 5. Sản phẩm của nhóm nghiên cứu khi có sự tham gia của người dân (Nguồn: tác giả)



Hình 6. Sự tham gia của cộng đồng vào quá trình thiết kế đô thị

Kết luận

Sáng tạo là bản chất về nghề nghiệp của các kiến trúc sư và nhà thiết kế đô thị, song nhiều khi sự sáng tạo ấy vẫn mang tính "viễn tưởng", và thậm chí là thiếu thực tế. Ngược lại, người dân không có nghề lại có khả năng đưa ra những ý đồ thiết kế hiện thực và khả thi. Trong nghiên cứu này, tác giả trình bày lại phương pháp NCHĐ như một giải pháp đơn giản, hiệu quả nhưng chưa được coi trọng và đánh giá đúng mức.

Trong điều kiện nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ và có nhiều vấn đề như ở Việt Nam, NCHĐ thực sự là một phương pháp hữu ích để gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn, nhằm đưa ra những giải pháp cụ thể về quy hoạch-kiến trúc có tính khả thi đối với cộng đồng.

Đặc biệt, với sự tham gia của người dân và các đoàn thể xã hội khác trong quá trình nghiên cứu, NCHĐ mới có khả năng đáp ứng được yêu cầu dân chủ và công bằng trong các hoạt động chung của cộng đồng, bởi những vấn đề phức tạp trong quy hoạch - kiến trúc như xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan kiến trúc, bảo tồn di sản kiến trúc chỉ có thể thực hiện được khi có sự tham gia và đồng thuận từ cộng đồng dân cư. Nghiên cứu mong nhận được sự chia sẻ của các bạn đồng nghiệp.

* Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

- Số 19 đường Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Quận 7, TP. HCM

- Email: ngoleminh@tdt.edu.vn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Barbier, R.(1977). *La recherche-action dans l'institution éducative*. Paris, Gauthier-Villars
- [2] Bolle de Bal, M.(1981). "Nouvelles alliances et reliance: deux enjeux stratégiques de la recherche-action". *Revue de l'institut de sociologie*, no 3, pp.573-585
- [3] GOYETTE G., LESSARD-HEBERT M.(1987). *La recherche-action, ses fonctions, ses fondements et son instrumentation*. Québec: Presses de l'Université du Québec
- [4] Marqué, D. et L. Lavoie (1996). *La recherche-action. Théorie et pratique. Manuel d'autotransformation*. Sainte-Foy : Presses de l'Université du Québec
- [5] Kemmis, S. & R. McTaggart (1988). *The Action Research Planner*. Victoria, BC : Deakin University Press. DOI : 10.1007/978-981-4560-67-2
- [6] Susman, G.I. (1983). *Action Research : A Sociotechnical Systems Perspective*. G. Morgan (ed). London: Sage Publications
- [7] Verspioren, M.R. (2000). *Recherche-action de type stratégique et sciences) de l'éducation*. Paris: L'Harmattan.



Tư duy đột phá

CÁNH CỬA MỚI CHO PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH TẠI VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THU HẠNH

Chủ tịch Liên hiệp Khoa học Phát triển Du lịch Bền vững (STDe)

Thế nào là “Tư duy đột phá”?

“Tư duy đột phá” là lối tư duy vượt khung, thậm chí phá bỏ hoàn toàn lối tư duy cũ (đã trở thành lối mòn) trong các giai đoạn kinh tế - xã hội trước đây.

Thế giới hiện nay là một thế giới phát triển hỗn độn, đầy những biến động phức hợp của thiên nhiên và xã hội, con người nếu không chịu trang bị cho mình một tư duy hoàn toàn mới, sẽ khó mà thích ứng để tồn tại.

Vì sao Việt Nam rất cần “Tư duy đột phá” trong phát triển sản phẩm du lịch?

Nhìn vào bức tranh thực trạng phát triển sản phẩm du lịch ở Việt Nam, nhiều chuyên gia du lịch có chung một đánh giá rằng: Tài nguyên du lịch của Việt Nam có nhiều thế mạnh nổi trội, nhưng sản phẩm du lịch của chúng ta lại khá nghèo nàn, thiếu tính đặc trưng, độc đáo và không đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu đa dạng của khách du lịch.

So sánh với một số quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á như: Singapore, Malaysia hay Thái Lan,... mặc dù tài nguyên sẵn có không nhiều, nhưng vì sao họ đã tạo ra nhiều đột phá trong phát triển sản phẩm du lịch?

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng đáng buồn này: Từ khâu quản lý, hoạch định chiến lược và liên kết phát triển sản phẩm du lịch cho đến khâu triển khai vào thực tế,... cái khó từ tài chính, cái khó từ con người,... và trên hết là cái khó trong rào cản về TƯ DUY NHẬN THỨC.

Tư duy cũ, kinh nghiệm cũ, dù đã lạc hậu nhưng là cách nghĩ an toàn của số đông xã hội. Điều này khiến cho Việt Nam vẫn mãi là quốc gia nghèo và chạy theo các quốc gia khác mà không có được con đường sáng tạo của riêng mình.

Thế mạnh sẽ trở thành điểm yếu khi chúng ta không có tầm nhìn rộng và tri thức sâu sắc trong việc nhìn nhận và đánh giá giá trị của nguồn tài nguyên. Tư duy ăn sẵn với “*nền kinh tế cơ bắp*” dựa nhiều vào nhân công giá rẻ và “*nền kinh tế đào mỏ*” dựa nhiều vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, với tầm nhìn ngắn hạn đã khiến cho các nguồn tài nguyên của Việt Nam nhanh chóng cạn kiệt.

Chúng ta đã phải chứng kiến vẻ đẹp của di sản thiên nhiên Hạ Long đang biến mất từng ngày dưới bàn tay khai thác thô bạo của con người. Còn di sản văn hóa thì sao? Di tích, đền



Đ a n g à n h

dài, lễ hội, làng cổ,... cũng sẽ mãi là vẻ đẹp tiềm ẩn nếu như chúng ta không biết cách để bảo tồn, tôn vinh và thổi hồn để giá trị di sản có thể “sống lại” và thích nghi với nhu cầu của thời đại...

Với hơn 3000km bờ biển, chúng ta đang sở hữu một kho báu tài nguyên dồi dào với nhiều bãi cát dài, đẹp và rất nhiều cảnh quan, di sản văn hóa có đẳng cấp quốc tế như: Hạ Long, Huế, Hội An,... Những tài nguyên đó có khoảng mười giá trị thì chúng ta mới chỉ khai thác được khoảng hai, đến ba giá trị bề nổi thôi. Còn nhiều giá trị tiềm ẩn khác, đòi hỏi phải có góc nhìn toàn diện, sâu sắc và tinh tế hơn, mang nhiều tư duy khoa học hơn, chưa được chúng ta quan tâm đầu tư thích đáng...

Hạn chế này phần nhiều do chất xám chưa được ứng dụng và sử dụng một cách hiệu quả vào quá trình khai thác tài nguyên, hay nói một cách khác là tại Việt Nam chưa có một nền kinh tế sáng tạo, nền kinh tế mang hàm lượng chất xám cao với các “Tư duy đột phá” trong phát triển du lịch.

Giá trị của “Tư duy đột phá” trong phát triển du lịch

■ Giá trị tư duy: “Tư duy đột phá” giúp cho việc thay đổi hoàn toàn lối tư duy cũ (đã lạc hậu) trong vấn đề khai thác tài nguyên. Tạo ra góc nhìn rộng, sâu sắc, mang tính hệ thống và liên ngành về các giá trị của tài nguyên (đặc biệt là các giá trị còn tiềm ẩn).

■ Giá trị kinh tế: “Tư duy đột phá” làm tăng chuỗi giá trị cho tài nguyên, sáng tạo thêm nhiều sản phẩm du lịch đa dạng độc đáo với chi phí vật liệu rất thấp. Làm tăng doanh thu du lịch và lợi nhuận lên gấp nhiều lần.

■ Giá trị xã hội: “Tư duy đột phá” thu hút được nguồn lực của toàn xã hội vì chi phí đầu tư thấp do sử dụng vật liệu địa phương sẵn có và công nghệ không đòi hỏi cao.

■ Giá trị môi trường: “Tư duy đột phá” góp phần giảm thiểu rất nhiều tác hại đến môi trường do khai thác được các nguồn năng lượng sạch và các nguồn tài nguyên tái tạo.

■ Giá trị bền vững: Nhờ các giá trị kinh tế, xã hội và môi trường nói trên mà “Tư duy đột phá” là nền tảng để tạo ra các giá trị lâu dài và bền vững cho ngành du lịch.

Khởi đầu của các sản phẩm du lịch mang “Tư duy đột phá”

Xu hướng nghiên cứu và phát triển sản phẩm du lịch mang “Tư duy đột phá” đã được hình thành cách đây 5 năm khi Liên hiệp Khoa học Phát triển Du lịch Bền vững (STDe) công bố bộ sản phẩm du lịch đầu tiên có tên: “Biển mưa, bão, lụt miền Trung thành sản phẩm Du lịch”. Đây là dự án thay đổi hoàn toàn tư duy ứng xử với biến đổi khí hậu. Thay cho “trốn chạy” và “chống lại” các yếu tố thời tiết bất lợi, dự án đề xuất các sản phẩm du lịch mới, mang tính đột phá, để du lịch có thể “sống chung” và tìm kiếm cơ hội từ chính những yếu tố bất lợi đó. Khi mới ra đời, dự án đã gây nhiều tranh cãi, nhưng hiện nay đã được các doanh nghiệp tại Huế và Hội An triển khai ứng dụng và tiếp tục hoàn thiện.

Một bộ sản phẩm du lịch đột phá nữa được STDe công bố trong năm 2011 là dự án “Mô hình khách sạn bóng đêm”. Đây là mô hình khách sạn tiết kiệm năng lượng điện ở mức tối đa nhưng lại khai thác được nhiều giá trị và vẻ đẹp của bóng tối để giúp khách du lịch có những

trải nghiệm hoàn toàn mới và tạo được doanh thu cho du lịch. Dự án này được trao tặng giải thưởng cống hiến của cuộc thi “Ý tưởng Kinh tế Xanh 2011” và đã ký được hợp đồng chuyển giao công nghệ cho 3 doanh nghiệp tại Hội chợ Techmart Quốc tế 2012.

Gần đây STDe đang đầu tư triển khai dự án “Sản phẩm du lịch từ Rơm Đường Lầm”, giúp người dân làng cổ Đường Lầm khai thác tận dụng rơm để làm ra nhiều sản phẩm du lịch khác nhau như: Nhà nghỉ bằng Rơm, đồ lưu niệm rơm, thời trang rơm,... Giảm thiểu được việc đốt rơm gây ô nhiễm môi trường và khai thác hiệu quả hơn các giá trị của cánh đồng. Hiện nay, dự án này đang được phối hợp với người dân Đường Lầm để triển khai vào thực tế, dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong tháng 9/2015.

Một dự án gây nhiều bất ngờ trong việc khai thác những giá trị vô hình là “Sản phẩm Du lịch từ gió Bạc Liêu”. Với dự án này, STDe đã giúp cho nhà máy điện gió Bạc Liêu có một hướng phát triển mới để gia tăng chuỗi sản phẩm du lịch từ Gió, tạo thêm nguồn thu nhập lớn từ việc khai thác “cánh đồng điện gió Bạc Liêu”... Dự án đang được UBND Tỉnh Bạc Liêu hết sức ủng hộ và đứng ra kết nối các doanh nghiệp trong Tỉnh với STDe để triển khai vào thực tế trong năm 2015.

Với một 15 dự án du lịch đột phá đã công bố trong thời gian qua, “Tư duy đột phá” của các nhà khoa học STDe đã và đang dần mở ra một cánh cửa mới, hoàn toàn khác biệt cho con đường sáng tạo và phát triển sản phẩm du lịch tại Việt Nam.

Kết luận:

Trong dịp kỷ niệm 55 ngày thành lập ngành du lịch Việt Nam này, STDe rất muốn chia sẻ con đường sáng tạo của mình với các nhà quản lý, các nhà khoa học và doanh nghiệp du lịch tâm huyết. Hy vọng sẽ tìm được tiếng nói chung trong việc liên kết, thúc đẩy và lan tỏa các dự án du lịch mang “Tư duy đột phá” càng ngày càng sâu rộng trong xã hội, góp phần đưa ngành du lịch nước nhà lên một tầm cao mới, xứng đáng với những gì mà thiên nhiên và di sản cha ông đã trao tặng...



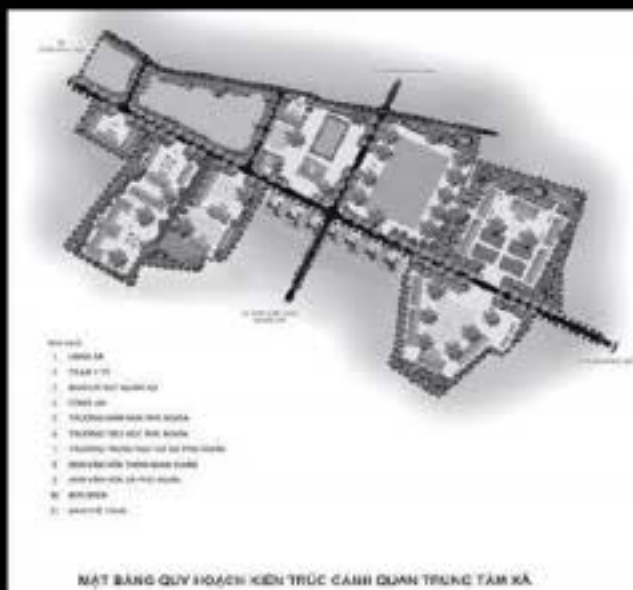
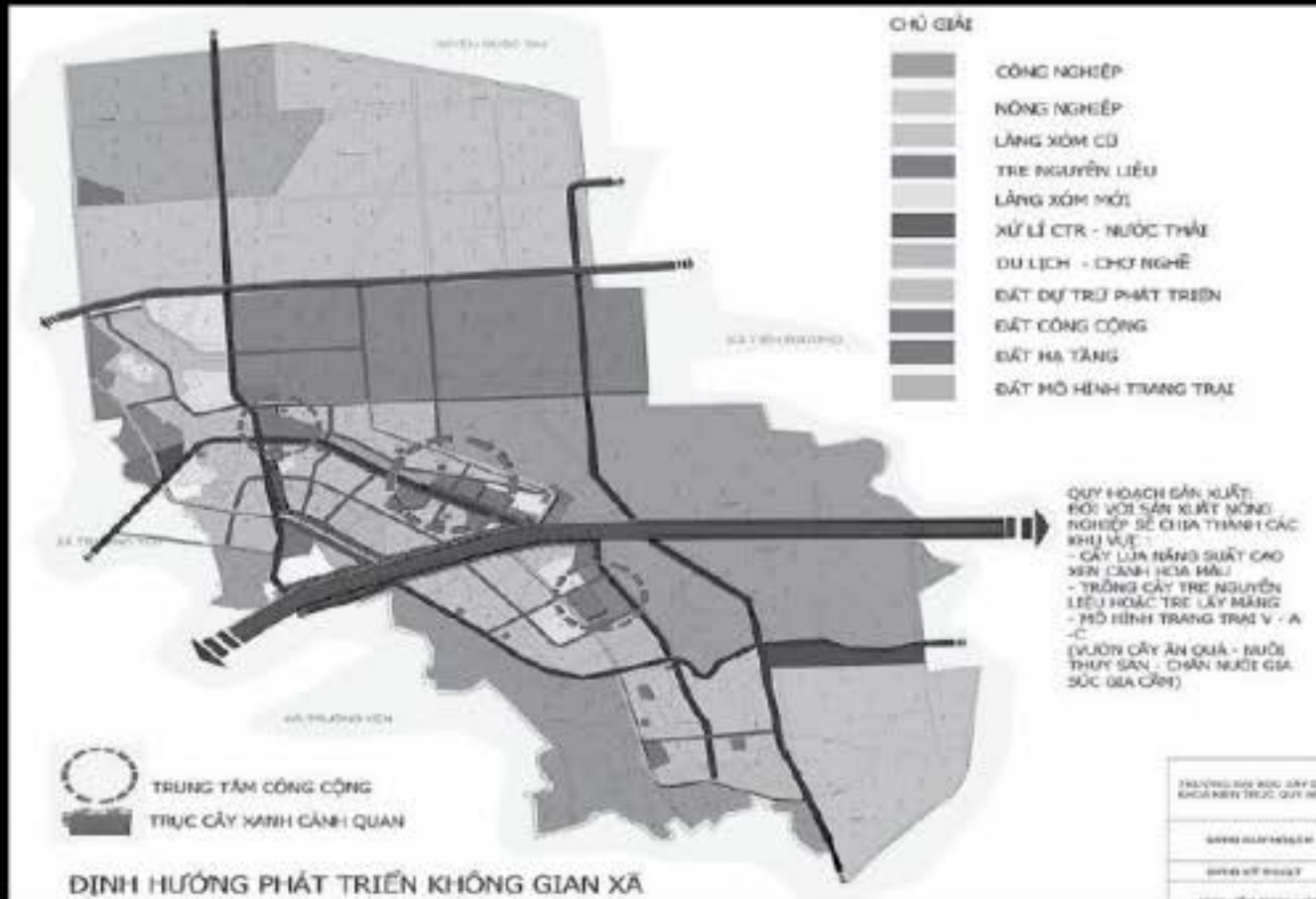
Lễ ký hợp đồng chuyển giao công nghệ dự án “Mô hình khách sạn bóng đêm” tháng 10/2012

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP KIẾN TR

**QUY HOẠCH NÔNG THÔN MỚI XÃ PHÚ NGHĨA,
HUYỆN CHƯƠNG MỸ, TP HÀ NỘI TỶ LỆ 1/5000.
KHU DÂN CƯ PHÍA NAM SÔNG CẦN THƠ**



Sinh Viên: **LÊ THỊ HỒNG NGỌC - VŨ QUYẾT TIẾN**
Giáo viên hướng dẫn: **PGS. TS. PHẠM HÙNG CƯỜNG**
ThS. KS. NGUYỄN PHƯƠNG THẢO



Phú Nghĩa là một xã có diện tích lớn (821.63ha) và dân số đông của huyện Chương Mỹ. Tại đây còn có khu công nghiệp Phú Nghĩa lớn nhất trong vùng, hoạt động làng nghề thủ công mây tre đan – sản xuất nông nghiệp cùng đồng thời diễn ra đòi hỏi cần có quy hoạch phát triển đảm bảo định hướng lâu dài và toàn diện cho xã.

Phương án quy hoạch:

Đất công trình công cộng: Xây dựng mới và cải tạo một số hệ thống công trình công cộng ở hai cấp phục vụ là cấp xã và cấp thôn. Mở rộng quy mô diện tích đối với một số chức năng hành chính công cộng, xây dựng bổ sung các chức năng còn thiếu tạo bộ mặt thống nhất mới đồng bộ.

Đất ở dân cư nông thôn: Phát triển dựa trên làng xóm hiện trạng, mở rộng và nâng cấp chất lượng đường làng ngõ xóm cũ. Mở rộng thêm khu vực đất ở mới đáp ứng nhu cầu mở rộng đất ở, chuyển đổi chức năng là các khu đất ruộng xen kẹt ở các khu dân cư cũ, các khu đất có hiệu quả sản xuất thấp.

Đất sản xuất kinh doanh, công nghiệp, nông nghiệp phát triển trên cơ sở hình thành các vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch cấp cao hơn, từng bước xây dựng hạ tầng cơ sở đáp ứng cho nhu cầu phát triển CN - TTCN - TMDV.

Quy hoạch xã theo các tiêu chí nông thôn mới, nhấn mạnh vào một số tiêu chí trọng tâm phù hợp với tình hình phát triển của xã. Mở rộng các chức năng công cộng, tiện ích xã hội, nhằm nâng cao đời sống cho người dân cả, giúp gắn kết - bảo tồn các giá trị văn hóa làng xã lâu đời.

Định hướng cảnh quan nông thôn có bản sắc, gắn kết với phát triển kinh tế làng nghề với phát triển du lịch tham quan, trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa... kèm theo là các dịch vụ thương mại cho khách tham quan. Có định hướng cải tạo, quản lý xây dựng chung đối với công trình kiến trúc theo hướng đồng bộ góp phần tạo dựng cảnh quan chung cho môi trường nông thôn mới.

ÚC SƯ QUY HOẠCH NĂM 2015

THIẾT KẾ CHI TIẾT TRUNG TÂM TRIỂN LÃM LÀNG NGHỀ MÂY TRE ĐAN PHÚ VINH

Sinh Viên: **LÊ THỊ HỒNG NGỌC (9,9 ĐIỂM)**



Cổng trình xây dựng nằm ở đầu làng Phú Vinh có diện tích 2,5ha.

Ý tưởng quy hoạch: Tổ hợp công trình trung tâm làng nghề lấy ý tưởng từ hình ảnh bụi tre ven ao, chiếu chiếu tre nhỏ ra chụp cá, cất vó, khi gió thổi hình ảnh khi lá tre rơi xuống mặt nước tạo nên sự liên tưởng một tổ hợp công trình tre trên mặt nước, mái công trình trung tâm lấy hình tượng từ lá tre cũng khiến ta liên tưởng đến cảnh điệu đang bay lên giống như sự bay lên của tinh hoa làng nghề, mong muốn sự phát triển phồn thịnh hơn nữa. Công trình bảo tàng nông cụ

mô phỏng hình chiếc nơm úp cá, hình chiếc dó đang đan còn đang dở... tạo hình, thẩm mỹ và ấn tượng thị giác.

Toàn bộ công trình được xây dựng bằng tre, các yếu tố cảnh quan tuân theo các nguyên tắc truyền thống, các loại cây trồng như cây gạo, cây đa, muống, cau, tre, trúc, dành dành, bìm bìm... cây xanh dẫn hướng và điểm nhấn, mang tính đặc trưng, đường dạo lát đá ong... tạo cảnh quan làng quê bắc bộ, cũng như tạo nên thương hiệu làng tre Việt.

DỰ ÁN TỔ HỢP HỒ CẦU LÀNG TRE PHÚ VINH VÀ KHU CHỢ NGUYÊN LIỆU MÂY TRE ĐAN.

Sinh Viên: **VŨ QUYẾT TIẾN (9,7 ĐIỂM)**



PHỐI CẢNH TỔNG THỂ DỰ ÁN

Dự án là một tổ hợp bao gồm khu dịch vụ du lịch và chợ nguyên liệu phục vụ cho làng nghề với quy mô 7,5ha, trong đó, hồ cầu là 5,4ha, chợ nguyên liệu là 2,1ha.

Mục tiêu dự án:

Tái hiện lại khung cảnh làng nghề truyền thống của Đồng Bằng Bắc Bộ. Phục hồi, nâng tầm làng nghề truyền thống đang bị mai một

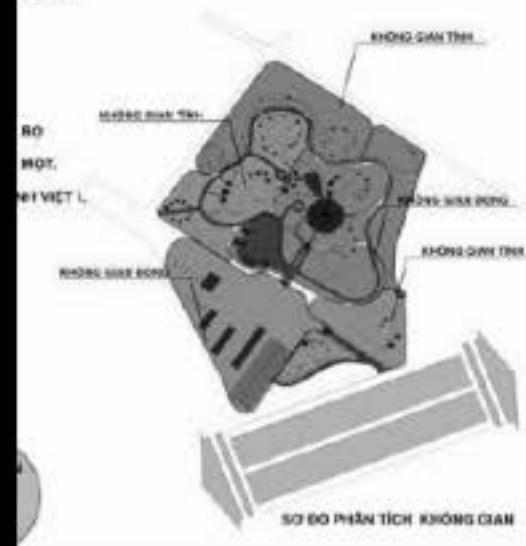
Giao lưu hội tụ với những làng nghề truyền thống, quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới. Xúc tiến đầu tư tạo ra thu nhập cho người dân



Ý TƯỞNG THIẾT KẾ

PHỤC VỤ CHO LÀNG
DUYÊN LỆU LÀ 2,1 HA CHIẾM 28%
ƯU NIỆM LÀNG NGHỀ
NAM
TỪ CÁC KHU RỪNG TRỒNG TRE
Ở CÔNG MÂY TRE (ĐAN BƯƠC) GOM

ĐỊNG:



SƠ ĐỒ PHÂN TÍCH KHÔNG GIAN

[illegible]

ỨC SỰ QUY HOẠCH NĂM 2015

THIẾT KẾ KHU TRƯNG BÀY SẢN PHẨM LÀNG NGHỀ

Sinh Viên: **ĐẶNG XUÂN MẠNH (9,3 ĐIỂM)**



Khu đất rộng 3.42ha, nằm ở khu vực không ảnh hưởng tới tầm nhìn và cảnh quan tuyến du lịch sông Tam Cốc.

Ý tưởng thiết kế: Bắt nguồn từ câu chuyện về đôi bàn tay. Đôi bàn tay của người thôn Văn Lâm gắn với đặc trưng của một làng nghề truyền thống, gắn với hoạt động du lịch của địa phương. Qua câu chuyện, du khách sẽ hiểu phần nào về vùng đất về con người nơi đây, hiểu được sự vất vả, kiến tri trong từng khâu để làm ra một bức tranh thêu, từ đó tới không gian trải nghiệm, trưng bày sản phẩm họ sẽ chiêm ngưỡng sản phẩm thêu ren một cách thấu đáo nhất.

Tổng mặt bằng được lấy ý tưởng từ linh vật Ninh Bình và hình ảnh bóng lúa nhìn từ trên chòi Vọng Cảnh du khách sẽ hình dung không gian bên dưới như một bức tranh thêu vẽ về một miền quê lúa nước, đẹp nên thơ. Quy hoạch tổng mặt bằng phù hợp với hình thái chung trong khu vực, không phá vỡ 3 lớp không gian: mặt nước, ruộng lúa và đồi núi



THIẾT KẾ CẢI TẠO KHU BẾN THUYỀN TAM CỐC

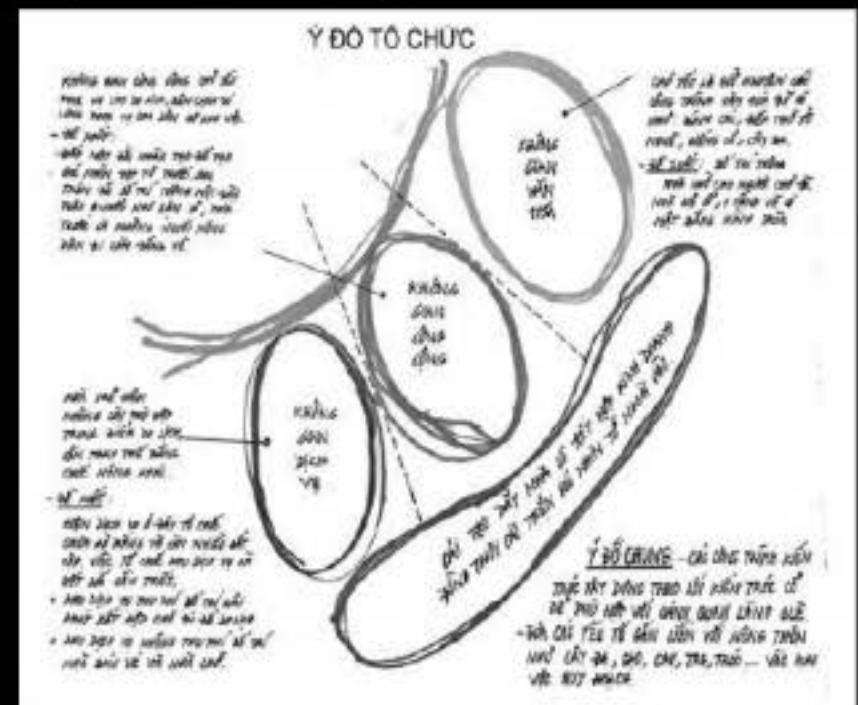
Sinh Viên: **PHẠM ĐỨC TRÍ (9,3 ĐIỂM)**



Bến thuyền Tam Cốc nằm ở trung tâm của thôn là nơi tiếp đón khu du khách đến với khu du lịch Tam Cốc Bích Động, cũng là nơi thờ tổ nghề và diễn ra lễ hội văn hóa hàng năm.

- Diện tích khu đất: 5794m²

- Diện tích cải tạo khu vực xung quanh: 6710m²



VĨNH TƯỜNG

Vững bước trên đường phát triển

Được tái thành lập năm 1996, Vĩnh Tường là huyện có số lượng đơn vị hành chính lớn của tỉnh Vĩnh Phúc, gồm 03 thị trấn và 26 xã. Trong tiến trình “đổi mới và hội nhập” của đất nước, cùng với đà phát triển mạnh mẽ của tỉnh Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Tường đã nhanh chóng chủ động phát huy sức mạnh, vững vàng đi lên, cùng nhau xây dựng và phát triển vùng phía Nam năng động của tỉnh Vĩnh Phúc.

Trải qua thời gian dài liên tục phấn đấu và thực hiện công cuộc đổi mới, đến nay, huyện Vĩnh Tường đã có diện mạo mới về kinh tế - xã hội. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng. Trong 6 tháng đầu năm 2015, huyện Vĩnh Tường đã tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, ổn định chính trị trên địa bàn. Kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển ổn định và có bước tăng trưởng khá. Tổng giá trị sản xuất ước đạt 4.657.990 tỷ đồng, tăng 11,16% so với cùng kỳ. Trong đó NN-LN-TS: 1.105.609 tỷ đồng; CN-XD: 1.815.301 tỷ đồng; Dịch vụ: 1.737.080 tỷ đồng.

Đến nay, toàn huyện Vĩnh Tường đã hình thành một số cụm công nghiệp, khu đô thị gắn liền với tổng thể quy hoạch chung của huyện như: Cụm KT-XH Tân Tiến, Đại Đồng, cụm công nghiệp Đồng Sóc, Chấn Hưng, cụm công nghiệp làng nghề rắn Vĩnh Sơn, làng nghề rèn Lý Nhân, mộc An Tường, khu du lịch sinh thái Đám Rừng. Năm 2015, các xã Vũ Di, Tân Cương, Bình Dương đã hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Các xã Cao Đại, Bồ Sao, Vĩnh Ninh, Vĩnh Sơn, Tuấn Chính, Lý Nhân đăng ký hoàn thành xây dựng nông thôn mới năm 2015.

Theo Quy hoạch xây dựng vùng phía Nam đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thị xã Vĩnh Tường sẽ là đô thị trung tâm gắn kết với chùm đô thị vệ tinh gồm thị trấn Tam Hồng, thị trấn Liên Châu và thị trấn Nguyệt Đức trong tương lai. Xây dựng hệ thống các điểm dân cư nông thôn mới kết nối với hệ thống đô thị và các vùng sản xuất nông nghiệp.